

NGUYỄN ĐÌNH TÚ

BÊN DÒNG SÀU ĐIỆN

TIỂU THUYẾT



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

BÊN DÒNG SẦU DIỆN

Tác giả: **Nguyễn Đình Tú**

NXB Trẻ

Chuyên text; soát lỗi: **cailubietdi**

Ebook: **Cuibap**

Vào Chuyện

Khi tôi chào đời thì cái mà tôi cảm nhận được đầu tiên là mùi cháo lòng.

Buồng mẹ tôi nằm chờ để nối liền với một chái bếp lợp giấy dầu. Trong bếp nồi cháo lòng sôi lục bục, bắn những tia bột dính như keo lên nắp vung mở hé. Mùi cháo lòng ngậy quá chừng! Lúc đầu tôi hớn hờ hít lấy hít để. Thế rồi một cảm giác ngứa ngứa chạy dọc người tôi (tất nhiên vẫn trong tư thế nằm co) khiến tôi buồn nôn. Nhưng mà tôi không nôn được. Miệng tôi lúc ấy lòng thòng rất nhiều thứ dây dợ, dạ dày của tôi chỉ quen tiếp nhận, chưa bao giờ biết phản ứng ngược lại, vì thế tôi muốn khóc nhưng cũng không khóc được. Rồi tôi lại ngửi thấy mùi thơm thơm của thứ lục diệp đang ải dần trước sức nóng của chiếc nồi gang. Ấy là lúc bà tôi cho hành, rau răm, mùi tàu vào nồi cháo. Mùi thơm này nhanh chóng trở nên khó chịu vì mỗi lúc một ngai ngái, nồng nồng khiến tôi ngạt thở. Thế rồi một mùi tanh khùng khiếp lại ập vào mũi tôi. Ấy là lúc bà tôi đang lấy tay vét vét những vụn tiết, vụn mỡ, vụn rau bám trên thành chậu, những thứ còn sót lại sau khi dỗi lòng. Cũng còn phải đến hơn một vốc tay. Nghiêng chậu, lại còn tới hơn một bát nước tiết nữa. Bà tôi úp cái chậu vào nồi tiết đang bốc khói, đập “cành cạch” lên thành nồi cho mọi thứ rơi vào khoảng mờ mịt của hơi nước. Lẳng cái chậu vào góc bếp, bà với lấy cái đĩa cả to ngoáy nồi cháo theo chiều vun từ ngoài vào trong. Có vẻ như đã băng lòng với nồi cháo cho buổi hàng của mình, bà nhặt hai mẫu rơm bện, gồng mình bê nồi cháo đặt sang một bên bếp. Bị giảm nhiệt, lập tức nồi cháo sôi nhỏ lại. Bà đi vào buồng mẹ đang nằm.

- Vẫn đau hả?

- Dạ...

- Bà Kim không ngồi trực được, về rồi. Mà cũng mấy ngày rồi còn gì. Chửa trâu rồi con ơi. Bước sang tháng ba tới cả chục ngày mà vẫn thế này thì tao cũng đến chịu. Thằng bố nó ở đâu, réo cho nó về.

Thì ra tôi đã ngửi thấy mùi cháo lòng từ mấy ngày hôm nay rồi. Cửa mình của mẹ tôi đã hé lộ vài chục tiếng đồng hồ mà tôi vẫn còn vương vấn cái chỗ nằm êm ái, ấm áp này, không chịu rời ra. Bà tôi bảo: *Tao thỉnh cha Phăng rồi, sáng nay cha sẽ đến cầu kinh cho mau ra.*

Ngay sáng hôm ấy tôi được nghe giọng đọc ê a của một người đàn ông ngoại quốc. Ông ta ngồi ở gian ngoài nên tôi không rõ mặt. Giọng ông ta ấm, hơi trầm, rất da diết, như là để cho riêng tôi nghe, như là đang thủ thủ tâm tình với tôi mặc dù tôi chẳng biết làm như thế là để làm gì? Buổi đầu tôi bị hấp dẫn ghê gớm bởi giọng đọc của người đàn ông được gọi là *Cha Phăng* này. Ông bảo với tôi: *Này, chú bé ơi, mẹ chú là người ngoại đạo nên ta đọc bài Kinh Tín Kính trước, lòng tin được thấp lên trong lòng mẹ chú rồi, lúc ấy Chúa mới nghe thấy lời cầu nguyện của mẹ chú được. Thế rồi ông ta đọc. Lắm nhảm nhưng hào hứng. Tôi nằm nghe từ đầu đến cuối.*

Tôi tin kính Đức Chúa Trời, là Cha phép tắc vô cùng dựng nên trời đất. Tôi tin kính Đức Chúa Giê Su Ki Tô là Con Một Đức Chúa Cha cùng là Chúa chúng tôi, bởi phép Đức Chúa Thánh Thần mà người xuống thai, sinh bởi bà Maria đồng trinh, chịu nạn thời Phongxiô-Philatô, chịu đóng đinh trên cây thánh giá, chết và táng xác xuống ngục tổ tông, ngày thứ ba bởi trong kẻ chết mà sống lại, lên trời ngự bên hữu Đức Chúa Cha phép tắc vô cùng, ngày sau bởi trời lại xuống phán xét kẻ sống và kẻ chết.

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần Tôi tin có Hội Thánh hằng có ở khắp thế này, các thánh thông công.

Tôi, Phạm thị Mến, người đàn bà tội lỗi xin phép tha tội.

Tôi tin xác loài người ngày sau sống lại Tôi tin hằng sống vậy.

Amen.

Đọc xong bài *Kinh Tín Kính*, người đàn ông có tên là *Cha Phăng* hình như dừng lại, ngó vào căn buồng mẹ tôi đang nằm chờ sinh. Tôi thích thú lắm, mắt lim dim chờ nghe cha Phăng đọc tiếp. Sau một lúc im lặng cha Phăng bảo: *Bây giờ tôi đọc Kinh Thú Nhận cho mẹ chú đây. Chúa sẽ tha tội và con trai thân mến ơi, con hãy chui ra nhé.*

Ồ hay! Tại sao tôi lại là con trai của ông được? *Thì ta là Cha Phăng, Cha của mọi giáo dân kia mà. Sao ông vừa bảo mẹ tôi là người ngoại đạo?*

Mẹ tôi không phải là giáo dân, mẹ tôi không phải là con của ông, tôi cũng không phải là con của ông. *Chú bé ngang bướng ời, ừ thì ta không gọi chú là con trai của ta nữa. Bây giờ ta đọc kinh đây, chú hãy mau mau chui ra cho mẹ chú khỏi đau đớn nhé.*

Và giọng đọc của cha Phăng lại bắt đầu cất lên.

Tôi thú nhận cùng Thiên Chúa toàn năng, và cùng anh chị em, tôi đã phạm tội nhiều trong tư tưởng, lời nói, việc làm và những lời thiếu sót. (Hình như cha Phăng dừng lại để đấm ngực. Tôi nghe thấy tiếng bình bịch phát ra từ nắm tay của ông) Lỗi tại tôi, lỗi tại tôi, lỗi tại tôi mọi đàng. Vì vậy tôi xin Rất Thánh Đức Bà Maria trọn đời đồng trinh, các Thiên Thần, các Thánh và anh chị em khẩn cầu cho tôi trước tòa Thiên Chúa, Chúa chúng ta.

Amen.

Tôi nghe thấy tiếng bước chân của bà. Bà tiến đến chiếc giường nơi mẹ tôi nằm. Bà đưa tay lên sờ trán mẹ rồi lui xuống cuối giường, vén chiếc vỏ chăn đập ngang bụng mẹ lên. Bà nhìn tôi bằng con mắt mệt mỏi và chán nản. “Dịch ra nhiều, cứ thế này rong huyết mà chết mất thôi”. Hình như mẹ tôi lấy sức để rặn. Cửa mình của mẹ hé lộ to hơn nhưng tôi chưa muốn rời bỏ chỗ nằm tuyệt vời này dù đầu tôi đang bị dốc ngược ra. Tôi cố níu kéo cuộc đời thai nhi trong khi mẹ và bà cứ muốn đẩy tôi ra. Bên ngoài kia là cái gì? Là nỗi cháo lòng mà tôi phát kinh tởm mấy ngày nay ư? Là cha Phăng với giọng đọc như hát ru ư? Là bà Kim đỡ đẻ với giọng nói the thé luôn miệng giục mẹ tôi “Răng đi, rặn đi” mấy ngày vừa qua ư? Là bà tôi với hai bàn tay từng vét những vụn tiết, vụn mỡ lại đưa lên vuốt ve người tôi ư? Không, tôi nằm trong này được rồi. Đừng đẩy tôi ra nữa. Tôi đang ở trong tư thế khó chịu lắm. Sao mẹ không thương tôi, mẹ cứ cố sức đẩy tôi ra làm gì thế này? Và giọng đọc của cha Phăng lại cất lên kia kìa. Cha bảo gì với tôi cơ? “Thú nhận tội lỗi rồi thì phải ăn năn. Bây giờ ta đọc bài *Kinh ăn năn tội* cho mẹ chú bé đây, đừng nằm mãi trong ấy nữa nhé, chú bé hãy chui ra đi, Chúa sẽ ban cho chú cuộc sống, một cuộc sống đủ đầy và hạnh phúc, nghe không?”. Cha Phăng lại đọc. Hình như mẹ cũng lắng nghe

những lời cha đọc. Khi lắng nghe mẹ không rặn nữa, mẹ để tôi yên, tư thế tôi ngồi đỡ khó chịu hơn.

Lạy Chúa, Chúa là Đấng trọn tốt, trọn lành vô cùng, Chúa đã dựng nên con và cho Con Chúa ra đời, chịu nạn, chịu chết vì con, mà con đã cả lòng phản nghịch lỗi nghĩa cùng Chúa, thì con lo buồn đau đớn cùng chê ghét mọi tội con trên hết mọi sự. Con hết lòng chừa cải, và nhờ ơn Chúa thì con sẽ tránh xa dịp tội cùng làm việc đền tội cho xứng.

Amen.

Đến lúc này thì tôi buồn ngủ. Tôi đã chán giọng đọc ê a, rầu rĩ của cha Phăng rồi. Khi cha Phăng đọc sang đến bài *Kinh phù hộ* thì tôi ngủ bếng đi mất. Tôi ngủ rất lâu. Chỉ đến khi tôi nghe thấy hàng trăm tiếng đại bác nổ, nổ liên hồi, nổ dồn dập, nổ rền vang, nổ đánh xé, nổ dữ dội, nổ kinh khiếp thì tôi giật mình tỉnh dậy. Chân tôi đạp mạnh. Và tôi thấy ngọt ngọt. Tôi tìm thấy hơi thở thoáng đang ở phía cửa mình của mẹ. Tôi toài về phía ấy. Hình như mẹ tôi rùng mình. Rồi toàn cơ thể mẹ căng cứng lên, ép thành một luồng hơi mạnh, từ từ đẩy tôi ra. Tôi lại thấy ngọt ngọt quá. Tôi đạp mạnh một cái nữa và đầu tôi chui tọt ra khỏi cửa mình mẹ. Tiếng đại bác vẫn nổ liên hồi. Tiếng sắt thép va vào nhau, tiếng xèo xèo của nhiệt độ nung chảy kim loại, tiếng vỡ toác, tiếng đổ sụp và cả tiếng hô xung phong nữa, tất cả theo dòng dư chấn từ ngàn dặm xa xôi ùa về khiến tôi hoảng hốt đẩy mình bật lao ra khỏi mẹ. Một đôi bàn tay rất mềm đỡ lấy đầu tôi, rồi vai, rồi lưng, rồi chân... Tôi khóc thét lên. Bao nhiêu những dây dợ lòng thòng quanh người tôi được đôi bàn tay mềm mại kia lau chùi sạch bách. Riêng có một thứ dây gắn với rốn tôi thì khi lấy đi có làm tôi hơi đau một tí. Thế là tôi chấm dứt cuộc sống thai nhi của mình. Thế là tôi bắt đầu một cuộc sống mới, cuộc sống như cha Phăng nói, là do Chúa ban cho. Đôi bàn tay mềm mại kia quấn quanh người tôi một thứ vải nhẹ và xốp. Sau đó tôi được trao cho mẹ. Không bao giờ tôi còn gặp lại đôi bàn tay mềm mại thần tiên đó nữa. Ngay hôm sau bà Kim sung vào đoàn dân công tiếp viện cho chiến trường Điện Biên. Hàng vạn tiếng nổ trong đêm tháng ba u huyền ấy đã đẩy bật tôi ra chào đời. Những tiếng nổ còn tiếp tục kéo dài trong mấy chục ngày sau nữa. Có một tiếng nổ đã cắt đứt cuộc đời bà Kim.

Vậy mà khuôn mặt đầu tiên tôi nhìn thấy lại không phải là khuôn mặt của bà Kim. Trong khi người đàn bà ấy đưa tay ra đỡ lấy tôi thì tôi còn đang mãi khóc, mắt nhắm tịt lại nên không nhìn thấy nét mặt bà thế nào? Tôi chỉ ngừng khóc và mở mắt ra nhìn khi nghe thấy một tiếng nựng rất nhỏ nhưng ngọt ngào, cơ hồ như phát ra từ một làn gió thoảng trong không gian chật hẹp của căn buồng nồng nặc mùi cháo huyết. Và khuôn mặt của mẹ đập vào mắt tôi. Một đôi mắt to với những đường viền sắc nét rợp dưới bờ mi sưng nước. Cánh mũi cao chạy dài xuống bờ môi hơi mỏng và héo. Tôi nhìn thật lâu vào một chấm đen khó hiểu bên cánh mũi trái của mẹ. To bằng con ruồi, không, to bằng con người mắt đang mở ra, tròn xoe, của tôi. Chiếc mụn ruồi ấy tạo nên một nét rất riêng nhưng cũng có nghĩa là đã can thiệp một cách thô bạo vào hệ thống thẩm mỹ của khuôn mặt mẹ. Nhưng tôi yêu chấm đen ấy ngay từ cái nhìn đầu tiên. Tôi oe oe, ngộ nguậy và khi được mẹ bế lên tôi đã cố đưa tay sờ vào nốt ruồi trên mặt mẹ. Mẹ úp mặt tôi vào mặt mẹ, tôi đã đưa đôi môi non nớt của mình hôn vào chấm đen bên cánh mũi trái. Mẹ của tôi đã được định vị một cách rõ nét. Chấm đen trên mặt mẹ là khoảng sáng duy nhất không bao giờ tắt trong cõi lòng đôi khi có những lúc u tối của tôi.

Bà lập tức chạy vào nhà thờ để báo tin cho cha Phăng biết. Nhưng khi bà vào đến nơi thì cha Phăng vừa lên xe vào Tòa Sứ cũ để nghe thông báo về tình hình Việt Minh tấn công Điện Biên Phủ.

Mãi đến gần trưa hôm sau cha Phăng mới đến nhà tôi để xem mặt “đứa con của Chúa”. Trước khi cha Phăng bước vào buồng mẹ con tôi nằm, bà chặn cha ở cửa nói nhỏ điều gì đó. Cha Phăng vừa nhún vai, vừa “ô ố, la lá” rồi cúi người bước nhanh vào. Việc làm đầu tiên của cha Phăng là ông bế tôi lên đi ra phía bếp nơi có ánh sáng ngày tràn trề để nhìn tôi cho rõ. Tôi nhận thấy ánh mắt của ông nhìn lên mái tóc tôi, rồi nhìn sâu vào đôi mắt tròn xoe của tôi, sau đó tiếp tục nhìn qua cánh mũi, nhìn xuống làn da... Ông có một cử chỉ như là lắc đầu, rồi cất lên câu nói quen thuộc: “A men, lạy Chúa tôi!”. Tóc tôi màu đen, mắt tôi màu đen, mũi tôi hếch và hơi tẹt, da tôi vàng, không có một chút liên hệ gì với cái giống người Tây Ban Nha của cha cả. “Bé con! Con đúng là con của Chúa dù Chúa chưa bao giờ

giáng sinh dưới lột da vàng, mắt đen, mũi hếch. Thế là *Thị trấn Nét Mặt Buồn* lại thêm một tiểu thần dân, xứ đạo lại thêm một tín hữu, và ta lại có bốn phận chần dặt thêm một con chiên lạc. Dẫu sao thì ta cũng rất yêu con, con trai, à không, cậu bé tóc đen của ta ạ”.

Bây giờ tôi mới có dịp nhìn rõ nét mặt cha Phăng, người đàn ông đã đọc kinh cầu nguyện cho tôi ra đời. Đầu ông hơi hói, tóc hất ngược ra phía sau có màu hung hung vàng. Mũi ông khoằm khoằm chạy giữa hai vệt mắt màu nâu xám. Ông có hàm răng rất đẹp, trắng và đều tăm tắp. Hình như ông có râu quai nón nhưng đã được cạo nhẵn nhụi. Cằm ông lõm, khi cọ vào má tôi tạo cảm giác hơi gồ ghề. Từ người ông tỏa ra một thứ mùi rất khó xác định. Sau này tôi mới biết đó là mùi hoa hồng. Tôi rất thích người mùi này nhưng nó lại làm tôi ngạt. Tôi ngo nguậy, nhăn nhó, mặt méo xệch như muốn khóc. Thứ mùi xa xỉ từ cha Phăng phải đến ba mươi năm sau tôi mới được ngửi lại. Người trên một thân xác đàn bà đã từng trải qua rất nhiều người đàn ông. Cha Phăng thấy tôi phản ứng một cách khốn khổ bằng vẻ mặt sơ sinh nhàu nát liền bế tôi trả về chỗ mẹ. Cha hôn lên trán mẹ rồi bước ra khỏi căn buồng tối tăm, ẩm thấp. Bà tôi đi theo đằng sau cha ra tới tận chỗ để xe như để được nghe cha nói điều gì đó. Nhưng cha Phăng không nói gì cả. Đến khi ngồi lên xe rồi, cha mới chột quay lại hỏi:

- Cô Mến định đặt tên đứa trẻ là gì?

Bà vội nói như giải bày:

- Con muốn để cha rửa tội và đặt tên cho đứa bé nhưng con Mến nó bảo nó sẽ tự đặt tên. Thưa cha, con Mến gọi con nó là Minh Việt.

- Minh Việt à? - Cha Phăng nhún vai - Có vẻ như gợi nhắc đến những tên Việt Minh đang đánh nhau trên Điện Biên Phủ. Chúa đã chứng kiến sự trong sạch của tôi. Chẳng bé thuần túy là một đứa trẻ An Nam. Nhưng Chúa sẽ ban phước lành cho nó. Thôi, chào bà.

Cha Phăng đi rồi, bà quay vào tiếp tục dọn dẹp đồng bát đĩa còn đang nằm lổng chổng trên bàn. Buổi bán hàng của bà đã xong. Nồi cháo lòng trở via cháy ố vàng. Còn một khúc ruột dài bằng gang tay, hình móc câu, được bà đặt vào bát mang xuống bếp dành làm thức ăn cho bữa trưa. Mẹ tôi nhìn thấy khúc lòng ấy bỗng ứa nước miếng. Bà liền đặt nó lên thớt thái từng

miếng nhỏ, gạt vào bát rồi mang đến bên giường cho mẹ. Mẹ tôi gượng ngồi dậy, lưng tựa vào tường, bốc ăn hết chỗ lòng một cách ngon lành.

Bố tôi là ai? Câu hỏi ấy đang lớn vờn trong đầu cha Phăng, bà, và cả tôi nữa. Cha Phăng đã đúng khi liên tưởng giữa cái tên Minh Việt với bố tôi. Lúc ấy bố tôi đang đánh trận ở Điện Biên Phủ. Trong lúc bố tôi đang gào lên những tiếng hô xung phong, ông không hề biết rằng, một sự tiếp nối từ ông đã được bắt đầu ở nơi đây, quê nhà của ông - thị trấn Nét Mặt Buồn.

Bốn mươi năm sau, trong đoàn giáo chức quốc tế đến dự lễ ở nhà thờ An Lạc có một Đức giám mục tên là Phờrăngxoạ đờ Bêhiêng. Trong bài nói chuyện không cần phiên dịch, cha Bêhiêng có kể rằng, năm lên 8 tuổi ông được theo Cha bề trên lên tàu thủy vượt đại dương đi truyền đạo. Sau sáu mươi một ngày lênh đênh trên biển, ông nhìn thấy một dải đất màu xanh nằm ở cuối đường chân trời. Ông hỏi Cha bề trên: *Dải đất kia là xứ nào?* Cha bề trên bảo: *Đó là xứ An Nam, nơi chúng ta sẽ đến khai hóa và truyền đạo.* Hai ngày sau cha Bêhiêng đặt chân lên dải đất mà ông đã nhìn thấy từ ngoài khơi. Ông đã ở lại đó hai mươi nhăm năm, nơi ông ở và hành đạo chính là thị trấn An Lạc này, thị trấn mà ông vẫn gọi bằng cái tên Nét Mặt Buồn. Còn giáo dân ở đây thì gọi ông một cách giản dị là: Cha Phăng!

Nhưng hãy khoan gặp cha Phăng sau bốn mươi năm cách biệt vì với tôi lúc này, sau khi chui ra khỏi cửa mình của mẹ, việc đầu tiên là phải tìm hiểu xem ai là bố tôi?

PHẦN 1

Những tháng ngày xa

Chương 1

Mục tiêu tấn công là ngôi nhà hai tầng khá rộng, phía sau có vườn cây và cổng ra vào. Mặt trước ngôi nhà là phố Tứ Phủ, bên kia đường là dãy nhà dân ở. Phố này không rộng lắm, khoảng sáu, bảy mét chiều ngang.

Nguyễn Bình nhận ngay ra đó là hiệu *Lúa Vàng* của cha con nhà Phán Quý. Trông thế thôi chứ vào bên trong rất rộng. Trên gác hai kia có một phòng riêng của Tuấn Thành, cậu út nhà Phán Quý. Nguyễn Bình đã từng đặt chân vào căn phòng ấy và ăn hết liền một lúc hai cặp bánh phu thê...

- Nguyễn Bình! Chuẩn bị xong chưa?

- Báo cáo anh Hồng, xong rồi ạ.

Anh Hồng thò mặt vào hỏi rồi vụt biến sang phòng khác. Tổ ba người của Nguyễn Bình được bố trí ở gác hai của một ngôi nhà nằm ở phía sau hiệu *Lúa Vàng*, cách một mảnh vườn có tường bao bọc. Anh Hồng là tổ trưởng, được giữ khẩu *Mút cơ tông* với hơn chục *sắc sê*, mỗi *sắc sê* có năm viên đạn. Hai tổ viên còn lại mỗi người được giữ một con dao găm. Nguyễn Bình rất thích thú với con dao được cắm trong vỏ gỗ anh Hồng đưa cho, mấy lần định rút ra xem nhưng lại sợ anh Hồng nhìn thấy, cười, nên thôi. Nguyễn Bình đã được học qua các thế vung, đâm, chém, đỡ do các anh chỉ huy thị vệ dạy nhưng chưa bao giờ cầm dao thật cả. Bây giờ thì được chính thức phát dao rồi, nghĩa là vào trận rồi, và Nguyễn Bình đang thực hiện nhiệm vụ cao cả của một đội viên thị vệ.

Tiếp nhận căn gác này xong, anh Hồng bố trí cho Nguyễn Bình ở một buồng nhỏ, có lẽ là buồng tắm, có cửa sổ trông sang nhà *Lúa Vàng*. Nguyễn Bình rất phấn khởi, căng mắt ra quan sát mục tiêu ngay, nhưng nếu chiến sự xảy ra thì Nguyễn Bình làm được gì từ cửa sổ này nhỉ? Chẳng lẽ khi nghe xung phong thì trèo qua cửa sổ, tụt xuống dải tường bao kia rồi nhảy xuống vườn cây, xông vào nhà? Mà thôi, anh Hồng sẽ giao nhiệm vụ cụ thể. Đội viên thị vệ không được thắc mắc, không được hỏi lại, không tỏ ý sợ sệt,

ngại khó. Người của cách mạng đôi khi phải có huyền tưởng phi thường về mình.

- Này, lại gọi loa rồi. Sau lần gọi này anh sẽ ngang nhiên đi thẳng vào chỗ chúng nó, bắt chúng nó phải đầu hàng.

Anh Hồng lại thò mặt vào buồng tắm nói với Nguyên Bình. Nguyên Bình tròn xoe mắt nhìn hai khẩu súng ngắn giắt hai bên hông của anh Hồng. Một khẩu Nguyên Bình nhận ra là Colt Harfort, khẩu còn lại không biết là Mauser, Browning, Unique hay An Hỏa? Tất cả các loại súng ấy Nguyên Bình mới được làm quen có một tuần nay, gọi loại này còn nhầm sang loại kia. Nhìn hai khẩu súng trước bụng anh Hồng, Nguyên Bình thấy anh oách quá, giá Nguyên Bình cũng được một khẩu như thế thật chẳng còn gì sướng hơn.

- Chỉ huy họp rồi. Anh sẽ cùng một đồng chí bên lực lượng *Cảnh sát xung phong* xông vào đầu tiên. Phải ăn mặc chỉnh tề, vũ khí đầy đủ cho chúng nó trông thấy mà mất tinh thần.

- Anh sẽ xông vào theo lối cửa trước hay cửa sau?

- Cửa trước chúng nó đóng chặt rồi, cổng sau còn đang mở. Chú đứng trên này sẽ nhìn thấy anh. Thôi anh đi đây.

Anh Hồng bước được vài bước lại quay lại bảo:

- Nguyên Bình, chuyển khẩu *Mút cơ tông* bên phòng anh về chỗ chú. Cửa sổ phòng chú đặt súng được đấy. Còn nhớ động tác bóp cò không?

- Dạ, em nhớ.

Nguyên Bình trả lời trong nỗi sung sướng đến nghẹt thở. Anh Hồng bước qua phòng bên, lát sau xách khẩu súng sang cho Nguyên Bình. Nguyên Bình đón lấy một cách kính cẩn rồi đặt lên bệ cửa sổ. Chà! Chĩa súng ở chỗ này thật thuận. Nhà *Lúa Vàng* sẽ ăn đủ sấm sét từ ô cửa nhỏ này.

- Thôi, anh đi nhá.

Anh Hồng chào Nguyên Bình lần nữa rồi mới bước đi. Hình như anh đi có phần hơi gượng nhẹ? Bộ quần áo màu vàng anh mặc trên người còn rất mới. Cả đôi giày da dưới chân nữa. Chắc vừa mới mượn của ai đó? Đôi giày rõ là kích so với chân anh. Nhưng anh cố tạo ra dáng đi tự nhiên.

Người anh hùng vào hang bắt cọp phải thế chứ. Có oai linh mới khiến lũ Quốc Dân đảng đang trốn chui trốn lủi trong hiệu *Lúa Vàng* kia cụp mắt xuống, không dám ngẩng đầu lên. Nguyên Bình nín thở nhìn theo anh Hồng khi thấy bóng anh xuất hiện dưới đường. Có một người nữa từ trong một ngôi nhà nhỏ bước ra, bắt tay anh Hồng rồi đi sóng đôi cùng với anh. Người này cũng ăn mặc giống anh Hồng, hai khẩu súng để trễ trước bụng. Họ đi vòng ra phía nhà kho rồi bước thẳng vào cổng sau nhà *Lúa Vàng*. Họ đang bước một cách hùng dũng nhưng trông cứ như đi dạo vậy. Tới sát cổng rồi. Vẫn im ắng. Chắc chúng nó sợ. Trời càng về chiều càng trở nên oi bức. Mấy tán cây trong vườn nhà Phán Quý lặng như tờ. Không có một gợn gió nào cả. Có khi vào đến nơi thẳng nào thẳng ấy vãi đá ra rồi cũng nên. Bước qua cổng. Im lặng. Ôi, ước gì được đi cùng với anh Hồng lúc này nhỉ? Chỉ lát nữa thôi bọn Quốc Dân đảng sẽ quỳ lạy như tế sao, hai tay dâng nộp vũ khí, mồm lắp bắp những câu đầu hàng, lúc ấy thú phải biết! Bỗng “đoàng... đoàng... ù... chéo”. Súng từ trong nhà *Lúa Vàng* khạc lửa ra chiu chiu. Anh Hồng đang đi bỗng nhảy dựng lên, giật giật mấy cái, hai tay chơi với vừa như cố rút súng ra lại vừa như muốn bám víu vào một cái gì đấy. Chân anh vừa như muốn bước lại vừa như cố trụ lại để đứng cho vững. Chiếc mũ vải trên đầu anh bị hất bay đi. Nguyên Bình tưởng gió giật nhưng khi nhìn kỹ lại thì ôm mặt không dám nhìn nữa. Đầu anh Hồng lúc này như một quả dưa nứt, máu trộn với một thứ dịch trắng như cháo loãng ứa ra. Anh Hồng đổ từ từ theo chiều xoay của kim đồng hồ, khi nằm soài ra đất rồi tay anh vẫn còn giật giật ở phía trước bụng. Chắc anh muốn móc khẩu súng ra. Có lẽ anh chưa từng được bắn khẩu Colt Harfort lần nào? Cả đôi giày da kia nữa, lần đầu tiên Nguyên Bình nhìn thấy anh đi. Bây giờ thì máu loang khắp người anh, phần trên cổ anh là một bãi bùng nhùng. Hộp sọ đã mở ra, không khí ùa vào, lùa hết mọi thứ phòi ra, bết nhuyển với tóc, phủ xuống đất, trông xa như một con sứa biển mắc cạn.

Một cảm giác sợ hãi lần dọc người Nguyên Bình, tập trung về mang tai. Đánh nhau là thế này ư? Trong những lần tập luyện ở chân núi Cô Hồn, Nguyên Bình chỉ thấy sự lấm láp của đất cát, sự nhể nhại của mồ hôi chứ chưa thấy máu bao giờ, chưa thấy cái đầu bị bửa đôi nó ra làm sao. Bên

trong cái cơ thể đẹp đẽ như thế của con người lại có những dạng vật chất gây khiếp đảm cho thị giác như thế kia ư? Những ngày làm việc ở Phòng thông tin tuyên truyền Nguyễn Bình được anh Hồng dạy cho viết, vẽ, cũng có nói đến chuyện cái chết nhưng cái chết ẩn sau câu chữ nó khác xa với cái chết trực quan như thế này. Trong Phòng thông tin Nguyễn Bình là người trẻ nhất. Lúc đầu Nguyễn Bình ở đội trống ếch. Đó là những tháng ngày đẹp đẽ và huy hoàng nhất của tuổi niên thiếu. Với chiếc quần soóc xanh trắng, với khăn quàng đỏ, Nguyễn Bình nện trống thùng thùng đi đầu trong các buổi mít tinh cổ động cho *Bầu cử* cho *Tuần lễ vàng*, cho phong trào *Khỏe vì nước*, cho *Bình dân học vụ*... Một buổi, anh Hồng đến gặp Nguyễn Bình và hỏi:

- Em đã học đến lớp mấy?

Nguyễn Bình thưa:

- Em có bằng Sơ học yếu lược.

Anh Hồng bảo:

- Tốt rồi. Em theo anh đi làm tuyên truyền nhé?

Làm tuyên truyền là gì? Nguyễn Bình chả biết nhưng cứ đi theo anh Hồng dần dần rồi cũng hiểu ra việc mình làm. Anh Hồng bảo viết thì viết, bảo vẽ thì vẽ, bảo đi dán “tờ dài ở trên, tờ vuông ở dưới” thì đi dán, bảo làm thơ thì cũng tập làm thơ. Có lần mấy chị bên Phụ nữ muốn nhờ Phòng thông tin làm hộ cho ít thơ để đi tuyên truyền, anh Hồng bảo:

- Nguyễn Bình về nghĩ ra thơ, mai nộp cho anh nhé.

Nguyễn Bình về nghĩ mãi không biết viết như thế nào. Bỗng nghe nhà hàng xóm vắng đưa sang mấy lời ru của người mẹ trẻ, liền nảy ra thơ. Thơ như thế này:

Chồng em khổ rách em thương

Vì theo cách mạng giết phường xâm lăng

Chồng người quan “ách chi đặng”

Theo Tây vênh váo dờ thẳng dờ ông

Mai ngày cách mạng thành công

Lon “ách” rơi xuống, khổ bỗng lên trên

Nguyễn Bình đưa thơ cho anh Hồng, anh khen hay, lại còn bảo:

- Có một bài thôi à? Làm luôn mấy bài một thể chứ.

Được anh Hồng khen Nguyên Bình thích quá, hôm sau lại mang đến một bài thơ nữa, bài *Thách cưới anh lính bảo an binh*. Anh Hồng thú lắm, đọc oang oang cho cả phòng nghe:

Anh về thưa với mẹ cha

Nghe em thách cưới để mà liệu đây

Thách anh quay súng giết Tây

Thách anh một phát xuyên ngay ba thặng

Thách anh diệt hết xâm lăng

Thách anh khí thế đặng đặng lập công

Thì em nhất định theo không!

Những năm sau này thỉnh thoảng Nguyên Bình còn được đọc lại những bài thơ của mình trên nhiều nội san chép tay, trên cả báo in, các tờ áp phích, tranh cổ động, truyền đơn... Nguyên Bình bỗng trở thành cậu em út tài hoa nhất Phòng thông tin tuyên truyền. Nhưng rồi tình hình càng ngày càng xấu đi. Anh Hồng thông báo cho cả phòng biết như sau: Dựa thế Quân đoàn 50 của Tướng Giới Thạch, cha con nhà *Lúa Vàng* cấu kết với một số thành phần Quốc Dân đảng trong chính quyền như Ủy viên phụ trách tư pháp Trần, Ủy viên phụ trách kinh tài Nguyễn ngang nhiên thành lập một trung đội tự vệ chủ yếu là binh lính cũ và con cái các nhà tư sản. Bọn này đang không ngừng xây dựng cơ sở và củng cố lực lượng. Bên thị vệ các anh ấy đang chuẩn bị thành lập tiểu đoàn 90 Giải phóng quân. Sẽ lấy người bổ sung từ các nơi. Phải chuẩn bị đánh nhau thôi. Ai muốn gia nhập thị vệ thì đăng ký cùng với tôi.

Nguyên Bình giơ tay xin theo ngay lập tức. Làm cái anh tuyên truyền chỉ là chạy vòng ngoài của chính sự. Phải gia nhập lực lượng vũ trang mới đáng mặt nam nhi thời loạn. Anh Hồng hỏi Nguyên Bình:

- Nguyên Bình bao nhiêu tuổi?

Nguyên Bình trả lời:

- Em vừa mới bước sang tuổi mười bảy được gần một tháng.

- Thế thì chưa đủ tuổi vào thị vệ. Nhưng được rồi, anh sẽ khai thêm cho chú một, hai tuổi. Vào thị vệ rồi lại càng phải gương mẫu hơn, nghe

chưa?

- Dạ.

Thế là hai anh em rời khỏi Phòng thông tin tuyên truyền để trở thành những thị vệ quân. Tập luyện được có hơn một tuần, hôm nay thị vệ kết hợp với người của Ty liên phóng tấn công nhà *Lúa Vàng*, trụ sở của bọn Quốc Dân đảng phản động.

Có lẽ không ai biết Nguyên Bình đã từng vào ra nhà *Lúa Vàng* rất nhiều lần, hơn thế còn là bạn thân của cậu út Tuấn Thành. Học xong yếu lược tiểu học Nguyên Bình nghỉ, còn Tuấn Thành vào thành phố học tiếp trường Bô-nan. Có một lần trước khi *Cách mạng* nổ ra, Tuấn Thành đi xe tay đến nhà Nguyên Bình. Tuấn Thành rủ:

- Đi sang phố chơi đi?

Nguyên Bình định trèo lên xe nhưng Tuấn Thành bảo:

- Mà ăn mặc thế này không được, chưa ra người lớn, nhà *cô đầu* nó không cho vào.

Nguyên Bình lại chạy vào trong nhà mặc chiếc áo trứng sáo mới may hồi Tết. Trông có vẻ chững chạc hơn, khi quay ra Tuấn Thành gật đầu, kéo lên xe. Tới đầu phố Tuấn Thành gọi thêm một chiếc xe tay nữa, hai đứa ung dung ngồi xe chạy thẳng một mạch sang ngõ Cấm. Tuấn Thành chụp chiếc mũ cát lên đầu, đi thẳng lên gác hai. Người đàn ông gác cổng chỉ nhìn lướt qua hai đứa, không nói năng gì. Lên tới gác hai, một người đàn bà chạy ra, vồn vã hỏi:

- Hai thầy hát luôn hay hút xong mới hát?

Tuấn Thành bảo:

- Không hút, hát luôn.

Người đàn bà liền dẫn hai người vào một buồng nhỏ nằm ở phía trong của căn gác. Trong buồng, có một người con gái độ *hai năm* tuổi đang ngồi trên chiếu, cây đàn đáy và chiếc trống chầu xếp cạnh nhau, để sát chân tường. Người kỹ nữ hỏi:

- Các thầy cầm dùi được chứ?

Tuấn Thành bảo:

- Gọi thêm một cô nữa gảy đàn cho vui, tôi sẽ cầm dùi.

Cô gái gật đầu, đưa tay ra gõ gõ vào bức vách ngăn. Lát sau thêm một cô gái nữa đi vào. Hai cô vừa đàn vừa hát, Tuấn Thành thỉnh thoảng gõ trống theo nhưng toàn sai nhịp, chẳng ăn nhập gì với lời ca cả. Có vẻ như đã biết được *trình độ ăn chơi* của hai chàng công tử, các kỹ nữ cũng hát một cách rời rạc, mắt cứ lóng la lóng lánh, nhìn như thôi miên vào khách ra chiều chờ đợi chuyển sang trò khác. Một cô cứ thỉnh thoảng lại vạch áo ở ngực ra, gãi gãi, còn một cô cứ vén quần lên, phô ra bắp chân tròn lẳn, trắng muốt. Nguyên Bình đứng dậy tìm chỗ đi giải. Cô vén quần vui vẻ đứng dậy dẫn đi. Cô ta đứng chờ Nguyên Bình đi tiểu xong, khoác vai, hôn đánh chụt vào thái dương rồi hỏi giọng nũng nịu:

- Các thầy chẳng muốn hát, các thầy muốn vui vẻ phải không?

Nguyên Bình chẳng biết trả lời thế nào, người run bắn lên. Tới chỗ cầu thang, cô ta ôm chặt lấy Nguyên Bình, hôn hển:

- Thầy đi về phía này, vào phòng ngủ của em nhé?

Mùi đàn bà xộc vào mũi, thân nhiệt của cô gái truyền sang người làm Nguyên Bình hốt hoảng. Nguyên Bình vội gạt phăng cô ta ra, chạy thực mạng xuống tầng dưới. Ở tầng dưới, người ra kẻ vào đông đúc, chẳng ai để ý đến vẻ mặt đang tái đi của Nguyên Bình. Bỗng Nguyên Bình nhìn thấy Tuấn Thành cũng đang ngơ ngác nhìn quanh tìm mình. Ánh mắt hai đứa gặp nhau, mừng quá, cả hai vội kéo nhau ra cửa gọi xe tay về thẳng An Lạc. Tới hiệu *Lúa Vàng*, Tuấn Thành bảo:

- Vào đây chơi đã, về làm gì, còn sớm.

Hai đứa đi thẳng vào trong nhà, lên gác hai, vào phòng của Tuấn Thành.

- Tao sợ quá - Nguyên Bình bảo - Bọn ấy làm điểm là chính, hát là phụ, che mắt thiên hạ thôi.

Tuấn Thành kể:

- Lúc mà đi rồi, cô ấy bảo: “Thầy xem hộ chỗ này trong áo em có cái gì vướng quá”. Tao tưởng thật, vừa đưa tay ra thì cả hàng cúc bấm bị giật tung, hai bầu vú sà xuống, nảy từng từng. Trong lúc tao đang bối rối thì cô ấy cầm tay tao lên đặt vào một bên vú. Eo ơi, mềm và ấm quá nhưng tao ngượng chín cả người, vội bỏ đấy chạy ra ngoài. Gặp bà chủ ở dưới gác đi

lên, hỏi: “Thầy cần gì?”. Tao bảo: “Thôi, phải về, hôm nay ông bà không cho đi muôn”.

Nguyễn Bình bảo:

- Tao tưởng mày biết hát chứ hóa ra mày cũng ngu ngơ như tao à?

Tuấn Thành bảo:

- Đây là lần thứ hai, lần trước con ông Kí Tư bên phố dẫn tao đi. Bây giờ đám ca kỹ hồng hết rồi. Chúng nó đói quá nên muốn bán hai bầu vú để nuôi thân. Mấy chục hàng ở ngõ Cấm giờ chỉ còn vài hàng thôi.

- Thế con ông Kí Tư có chơi được cái ấy không?

- Được. Nó không dát như tao với mày.

Nguyễn Bình muốn hỏi thêm nữa nhưng lại ngại. Thực ra lúc áp sát cô kỹ nữ Nguyễn Bình cũng đã nghĩ đến việc thử khám phá mình xem như thế nào bởi cậu biết cậu động dục từ năm ngoái lại nay rồi. Nhưng một nỗi sợ hãi mơ hồ bỗng xuất hiện, lan tỏa khắp người cậu, ngăn cậu lại. Chẳng lẽ Tuấn Thành cũng thế sao?

- Tao cũng muốn thử một cái nhưng không hiểu sao khi nhìn thấy bộ ngực với hai đầu vú thâm sì cùng khuôn mặt nhăn ố, nhàu nhĩ của cô ấy tao lại kinh. Đến gần mới thấy cô ta già lắm mày ạ - Tuấn Thành nhỏ giọng thì thầm vào tai Nguyễn Bình

- Ủ, nhìn chung là bẩn, lại lắm bệnh lậu, cũng kinh thật - Nguyễn Bình phụ họa theo - Bây giờ tao đói quá, mày có cái gì thế kia?

Tuấn Thành đứng dậy, tới bên chiếc bàn cầm lên mấy cái hộp nhỏ:

- Bánh *Phu Thê* đấy. Mấy khách hàng mua gạo của nhà tao biếu đấy mà. Mày ăn đi.

Quả thật chưa bao giờ Nguyễn Bình nhìn thấy loại bánh này. Bên ngoài là một lớp bột mỏng có màu trắng phơn phớt xanh, bọc bên trong là nhân đỗ, dừa, hạt sen, vừng, dinh dính nhưng ăn rất ngon. Mỗi hộp có hai chiếc làm thành một cặp. Tuấn Thành bảo: “Bánh này người ta vẫn dùng trong các đám hỏi, đám cưới”. Nguyễn Bình ăn hết một cặp rồi vẫn còn thòm thèm. Tuấn Thành đưa tiếp hộp khác vào tay Nguyễn Bình, bảo: “Ăn nữa đi, còn nhiều, cả một làn dưới nhà, tao chỉ ăn một cái là kinh, để đây rồi cũng lại vứt đi thôi”

Đó là hai cặp bánh *Phu Thê* đầu tiên mà Nguyễn Bình được ăn trong đời. Hiệu *Lúa Vàng* của nhà Phán Quý vốn nổi tiếng với rất nhiều mặt hàng. Nào gạo, đường, rượu, đỗ xanh, nấm hương, mộc nhĩ, nhìn chung các mặt hàng lương thực đều được bán ra từ đây, mà mặt hàng nào cũng là hạng nhất cả. Người ta đồn đại về sự giàu có của nhà *Lúa Vàng* khắp mọi ngõ xóm, không biết đâu là hư, là thực. Nghe bảo biểu tượng mấy nhánh lúa vàng chóa dài tới nửa mét ở cửa nhà Phán Quý đều là vàng mười cả, còn số tiền mà Phán Quý cất trong kho chở cả một chiếc tàu thủy không hết. Người ta còn bảo toàn bộ khuy cúc trên bộ quần áo đi học của cậu út Tuấn Thành đều được làm bằng vàng thật. Cả chiếc khuy cặp đựng sách vở to bằng nửa bàn tay mà Tuấn Thành vẫn xách hàng ngày cũng là vàng nốt. Có khi vàng còn được dát cả dưới đế giày của con nhà Phán Quý nữa cũng nên. Thế nhưng tính tình của cậu út lại rất dễ chịu, không có vẻ hách dịch, hợm của như mấy ông anh trai. Hồi cùng học đồng ấu với nhau, Nguyễn Bình thấy Tuấn Thành rất hiền. Cũng có người đưa đi, rước về, cũng vùi vĩnh đủ điều nhưng đến lớp Tuấn Thành thường nô đùa, vui chơi tự nhiên với đám học trò nghèo. Cả thị trấn An Lạc có một trường tiểu học của người Pháp mở nhưng giáo viên là người Việt. Trong thời gian học ở trường này Tuấn Thành luôn là học trò giỏi. Tuấn Thành hay chơi với Nguyễn Bình, có cái gì cũng mang cho, nhưng sau này nhà Nguyễn Bình nghèo nên không theo lên được nữa. Từ ngày Tuấn Thành sang phố học, hai đứa ít gặp nhau. Sau đặng đi hát ả đào được ít lâu thì *Cách mạng* nổ ra. Nguyễn Bình quên băng mất gia đình nhà *Lúa Vàng*. Đến khi trở thành đội viên thông tin tuyên truyền Nguyễn Bình mới lại nghĩ đến Tuấn Thành vì hay nghe anh Hồng nói tới việc “trụ sở của bọn Việt Nam Quốc Dân đảng đóng ở hiệu *Lúa Vàng*”.

Con trưởng nhà *Lúa Vàng* có một lần tìm đến Phòng thông tin tuyên truyền. Hôm ấy Nguyễn Bình đang ngồi hý hoáy dán biểu ngữ, thấy anh trai Tuấn Thành bước vào, theo thói quen vẫn lễ phép thưa:

- Em chào anh Cửu. Anh tìm ai thế?

Cửu là con trai trưởng của Phán Quý. Có lẽ anh ta không nhận ra Nguyễn Bình. Có bao giờ anh ta để ý đến lũ bạn của Tuấn Thành đâu. Thấy

Nguyễn Bình vồn vã, ra chiều quen biết, anh ta đành phải nở một nụ cười trước khi hỏi:

- Ông Hồng phụ trách tuyên truyền của Việt Minh đâu?

Nguyễn Bình bỏ dở việc cắt dán, đứng dậy bảo:

- Anh ngồi đây để em vào báo cáo với anh Hồng. Anh ấy sẽ ra ngay.

Khi anh Hồng ra gặp Cửu, Nguyễn Bình đứng ở gian trong lắng nghe hai người nói chuyện. Nguyễn Bình nghe thấy Cửu bảo:

- Ông phụ trách tuyên truyền của Việt Minh, tôi phụ trách tuyên truyền của Việt Nam Quốc Dân đảng. Mời ông sáng mai đến hiệu Tân An chúng ta tranh luận một số vấn đề, phân rõ phải trái.

Anh Hồng bảo:

- Được, nhưng không mang theo vũ khí, không đi quá ba người.

Cửu không nói gì, quay ra, lên xe đi về luôn. Hôm sau Nguyễn Bình được anh Hồng cho đi cùng đến hiệu Tân An để gặp Cửu. Cửu đi có một mình, mặc com lê trắng, cà vạt đen, đang ngồi chờ ở bên chiếc bàn nhỏ, đối diện có một chiếc ghế trống. Anh Hồng ngồi vào chiếc ghế trống đó, còn Nguyễn Bình đứng đằng sau. Cửu không thèm để ý đến ai là người đi theo anh Hồng, hỏi luôn:

- Tại sao tờ *Sao Trắng* của chúng tôi luôn bị bóc đi, các ông muốn độc quyền tuyên truyền phải không?

Anh Hồng trả lời nhỏ nhẹ:

- Tưởng chuyện gì chứ chuyện này chả đã giải quyết xong rồi đấy thôi. Bây giờ đảng phái nhiều, năm bè, bảy mối làm sao chúng tôi giữ được. Tôi đã đề nghị anh cử người đến cùng thường trực ở Phòng thông tin với chúng tôi kia mà, anh không chịu hợp tác sao lại còn trách tôi?

Nhìn nét mặt Cửu lúc này thấy lộ rõ vẻ khó chịu nhưng trước sự nhã nhặn của anh Hồng, Cửu chưa có cơ gì để hạch sách. Không để cho Cửu kịp nghĩ ngợi thêm, anh Hồng lại nói tiếp:

- Thôi, chuyện đó bỏ qua, không nên nhắc lại nữa. Anh cho tôi biết vấn đề mà chúng ta cần bàn luận là gì? Anh mời tôi đến đây để trao đổi về công việc tuyên truyền của hai đảng, chúng ta cùng bình tĩnh lắng nghe ý kiến của nhau, anh đồng ý thế chứ?

Cửu bảo:

- Tôi yêu cầu thế này, một là không nói chuyện Liên Xô và thế giới, hai là không đả động đến lịch sử của bất cứ nước nào. Còn bây giờ anh trả lời cho tôi ba điểm, một là Việt Minh không thân Pháp sao lại để cho Pháp đi lông nhông ở Hà Nội, hai là Việt Minh nói lo cho dân, sao đồng bào còn nhiều người đói ăn thiếu mặc mà chẳng chịu mở kho ra phát chẩn cho dân như chúng tôi vẫn làm, ba là Việt Minh nói đoàn kết dân tộc sao Ủy ban không có người của Việt Nam Quốc Dân đảng?

Nguyên Bình nghe Cửu nói, không ngờ anh chàng bụng phệ, dáng đi ục ịch, mặt mũi toàn thịt là thịt kia cũng am hiểu chuyện dân nước đến thế. Hóa ra Quốc Dân đảng cũng rất quan tâm đến chuyện cách mạng. Mà chuyện cách mạng là chuyện gì? Chính Nguyên Bình cũng còn đang rất lơ mơ.

Anh Hồng bảo:

- Tôi xin trả lời anh thế này. Thứ nhất, những người lính Pháp qua lại trên đường phố Hà Nội là những tên lính chạy trốn quân Nhật sang trú ngụ bên Tàu, nay xin chính phủ cho phép tạm nghỉ trên đất ta để chờ ngày về nước. Thứ hai, làm gì cũng phải có thời gian, việc lo cho dân đủ ăn, đủ mặc là việc lâu dài của cả nước, không thể làm xong trong ngày một ngày hai được. Thứ ba, trong thành phần của Ủy ban có ông Trần và ông Nguyễn phụ trách tư pháp và kinh tài là người của ai anh thừa biết sao lại bảo là không có người của Việt Nam Quốc Dân đảng?

Hai người còn tiếp tục bàn luận sang một số vấn đề nữa, cuối cùng Cửu bảo:

- Thôi được rồi, kỳ sau sẽ tranh luận thêm, những gì chúng ta đã thống nhất, hai đảng cứ thế mà làm.

Lúc anh Hồng đứng lên, quay ra cửa, Nguyên Bình cố ý đi lùi lại sau để hỏi Cửu về Tuấn Thành. Nhưng Cửu không tiến mà quay lưng đi thẳng vào phía trong cửa hiệu Tân An. Bây giờ thì cha con Phán Quý cùng một lũ những bọn Đội, Thừa, Ký, Quản đang cố thủ trong căn nhà có biểu trưng cây lúa vàng kia. Anh Hồng đã nằm im dưới gốc cây dâu da trong vườn nhà Phán Quý, tay không còn giật giật nữa. Hình như có tiếng hô rất to ở đâu

đó và tất cả các khẩu súng được bố trí quanh hiệu *Lúa Vàng* cùng lúc vãi đạn như trấu. Súng từ trong nhà Phán Quý cũng bắn ra dữ dội. Một viên đạn nổ xẹt qua cửa sổ chỗ Nguyên Bình để khẩu *Mút cơ tông*, Nguyên Bình hét lên: “Anh Hồng ơi!” rồi chợt nhớ ra là anh Hồng không còn ở bên cạnh để chỉ dẫn mọi điều cho mình nữa. Có một người thò đầu vào, bảo:

- Hãy trả thù cho anh Hồng, bắn đi!

Thế là Nguyên Bình ôm lấy cây súng và bắn thẳng vào cửa sổ gác hai nhà Phán Quý, nơi phòng ở của Tuấn Thành. Trời đã chuyển sang tối. Cái người lúc nãy lại thò đầu vào, bảo:

- Cậu bắn khá lắm, cứ tiếp tục đi nhưng dè xèn đạn thôi.

Nguyên Bình bình tĩnh trở lại, chỉ con ba sắc sê đạn nữa thôi, sức chống cự của cha con nhà Phán Quý cũng đã yếu dần, không còn bắn mạnh như trước nữa. Nguyên Bình chậm rãi rê đầu súng đến những chỗ có ánh sáng lọt ra, bóp cò từng phát một.

Giữa những tiếng nổ thỉnh thoảng có một khoảng lặng khiến Nguyên Bình thấy trong người căng thẳng đến ngọt ngọt. Nguyên Bình lắng nghe thấy dưới vườn nhà Phán Quý có tiếng động mạnh như tiếng cào cuốc đất liền chĩa súng vào chỗ đó nhả đạn. Tiếng động lại càng phát ra mạnh hơn, hồi hả, gấp gáp, cái người lúc nãy cũng nghe thấy, vác súng trường chạy sang, bảo với Nguyên Bình:

- Phải bắn mạnh vào chỗ có tiếng động, có khi chúng nó định đào hầm tẩu thoát.

Thế là cả hai cùng chĩa súng vào chỗ phát ra tiếng động, bóp cò liên tục. Vài phút sau không còn nghe thấy gì nữa, chắc có thằng chết ở đấy rồi, Nguyên Bình thầm nghĩ thế.

Mãi tới nửa đêm gần về sáng Nguyên Bình mới nghe thấy những tiếng hô xung phong ào lên từng đợt, từng đợt ở dưới đường. Cảnh sát xung phong và thị vệ đã tràn được vào hiệu *Lúa Vàng* rồi. Cái người cầm khẩu súng trường chạy đi đâu nãy giờ, bỗng lại ló đầu vào và bảo:

- Này, toàn bộ lực lượng ở đây được lệnh vượt tường xông vào, cậu không nghe thấy gì à?

Nguyên Bình liền ôm súng chạy theo anh ta. Hóa ra số người nằm trong nhà này cũng phải tới một tiểu đội chứ không ít. Tất cả trèo qua cửa sổ tầng một của ngôi nhà, vượt tường, băng qua vườn cây tiến thẳng vào cửa sau nhà Phán Quý. Đang chạy Nguyên Bình bỗng vấp phải xác một con ngựa chết. Nguyên Bình đã nhận ra đó chính là con ngựa trắng mà Phán Quý vẫn dùng để kéo xe chở thóc gạo từ các vùng quê về. Con ngựa này đã gây ra tiếng động vào lúc chập tối và Nguyên Bình đã phải tiêu tốn cả sức sẽ đạn vào nó. Nguyên Bình có ý tìm xác anh Hồng nhưng loạt người vào trước đã mang anh ra ngoài rồi.

Nguyên Bình cùng một vài người nữa phá cửa để vào nhà trong lúc nhiều người khác tìm cách trèo qua cửa sổ tầng một để đột nhập vào bên trong. Khi cánh cửa được bầy tung ra, Nguyên Bình là người lao vào đầu tiên. Nguyên Bình nhìn thấy một người ngồi trên ghế bành, quay lưng lại, liền dí mũi súng vào đầu, hô to:

- Giơ tay lên!

Chả hiểu sao tên này vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Nguyên Bình chọc súng xuống cổ hắn, hất mặt lên. Mắt hắn nhìn chăm chăm vào Nguyên Bình. Một đôi mắt mờ đục, thất thần.

- Anh Cứu!

Nguyên Bình bật thốt lên. Người đàn ông ngồi chết trên ghế bành chính là Cứu, con trai trưởng của nhà Phán Quý. Lúc này mọi người tiếp tục ùa vào và lao lên gác, phá cửa tầng hai của ngôi nhà. Nguyên Bình tranh thủ sờ nắn khắp xung quanh người Cứu nhưng không thấy có vết máu nào cả. Anh ta đã chết vì sợ, vì cắn lưỡi hay vì uống thuốc độc? Nguyên Bình không còn thời gian để mà suy xét nữa, tự nhiên nghĩ đến Tuấn Thành, trong lòng thoáng một chút lo âu. Nguyên Bình liền bỏ Cứu đang từ từ đổ vật xuống thành ghế để lao lên gác hai. Cả một đồng người nằm ngổn ngang. Nguyên Bình nhìn thấy Tuấn Thành ngồi nép ở góc trong cùng. Tất cả những người còn sống sót đều bị trói giật cánh khuỷu. Họ bị giải đi trước con mắt của Nguyên Bình. Khi đi ngang qua Nguyên Bình, Tuấn Thành có vẻ như muốn nói điều gì đó song lại thôi. Nguyên Bình nhìn thấy những giọt nước mắt còn vương trên má của cậu ta...

Thế là trận đánh đã kết thúc. Tự nhiên Nguyên Bình muốn bỏ súng, bỏ tất cả để chạy về nhà với mẹ. Quả thật nếu lại phải đánh nhau như thế này nữa, lại phải nã đạn bừa bãi đầu những kẻ như cha con Tuấn Thành ra nữa thì Nguyên Bình ớn lạnh. Kẻ thù hóa ra lại là những người vốn thân quen với mình như thế này sao? Cứ tưởng sẽ phải đánh nhau với bọn lính trọc hay lũ mắt xanh mũi lõ chứ phải bắn vào lũ Việt gian này Nguyên Bình chẳng thấy sướng tay cho lắm. Nhưng mà chính chúng nó đã giết anh Hồng. Chúng nó độc ác thế, sao lại run tay trước chúng nó, sao bỗng dừng lại giảm sút ý chí chiến đấu đi như thế? Nguyên Bình đâm hoang mang, không dám nghĩ tiếp nữa. Anh Hồng thì đã chết rồi, còn trước mặt, Tuấn Thành đang lồm lũi bước đi, trông thật tội. Cả hai người ấy Nguyên Bình đều yêu mến và chẳng muốn ai phải chết. Nhưng ý muốn của Nguyên Bình thật đơn lẻ và lạc lõng vào lúc này. Sự thể đã xảy ra rồi, chẳng thể cứu vãn được điều gì nữa. Tuấn Thành sẽ được đưa lên Khu trong nay mai và tòa án quân sự sẽ xử bắn nó mất thôi. Xung quanh, mọi người đã rút hết. Nguyên Bình cũng bước xuống dưới nhà, lảng lảng đuổi theo cho kịp mọi người. Khẩu súng bây giờ được kéo lê trên mặt đất, hắt lên những âm thanh lạnh tanh giữa lòng phố.

Hôm sau, tất cả những người tham gia trận đánh được ăn một bữa cơm mừng chiến thắng chủ yếu với những món chế biến từ con ngựa chết trong vườn nhà Phán Quý.

Nguyên Bình nhai phải một đầu đạn bằng ngón tay. Cả một bên hàm tê dại. May chỉ mẻ có một chiếc răng hàm.

Cơm xong, Nguyên Bình có tên trong danh sách những người áp giải bọn phản cách mạng về Lãng Tiên giao nộp cho cấp trên.

Có bốn mươi ba tên phản cách mạng cả thầy. Một tiểu đội đi theo áp giải. Tiểu đội trưởng là anh Mộc. Anh chính là cái người đã xách súng trường sang chỗ Nguyên Bình, cùng nã đạn bắn chết con ngựa trắng nhà Phán Quý.

Chương 2

Trung đoàn hỗn hợp thuộc Quân đoàn 50 của Tướng Giới Thạch chỉ vì đi diễn tập xa có mấy ngày, khi trở về thì toàn bộ lực lượng Quốc Dân đảng ở thị trấn An Lạc bị tiêu diệt.

Lũ giặc trọc bèn cố vớt vát bằng cách rải lực lượng ra bao quanh thị trấn, lấy cố bảo vệ sự an toàn cho An Lạc tìm mọi cách giải cứu những phần tử Quốc Dân đảng đang mắc nạn.

Chính vì vậy tiểu đội của Nguyên Bình được lệnh phải gấp rút đưa bốn mươi ba tên phản cách mạng vượt sông sang Lãng Tiên ngay trong đêm, trước khi trời sáng.

Tất cả đang ngủ lập tức bị đánh thức dậy. Anh Mộc đôn đáo khắp nơi, chỉ kiếm được một chiếc thuyền gỗ nhỏ, mỗi chuyến may ra chở được mười người. Anh Mộc quyết định nhanh: Qua sông thành năm chuyến, mỗi chuyến chở mười tên phản cách mạng và hai thị vệ viên đi theo áp giải, cố gắng tập kết toàn bộ ở phía bên kia sông trước khi quân Tàu cho lính tới kiểm soát bến đò.

Mấy chục tên phản cách mạng ngồi lẫn trong đám cỏ um tùm sát mép sông. Tất cả đều bị trói chặt. Tuấn Thành ngồi cách xa bố khoảng dăm mét, trời tối nên không nhìn rõ khuôn mặt của Phán Quý lúc này thế nào. Gió sông ào ạt thổi tới khiến Tuấn Thành tỉnh táo hơn dù hai cánh tay vẫn đau nhức. Tuấn Thành đã bớt sợ nhưng cái đói và sự khó chịu luôn dày vò cậu. Họ sẽ đưa đoàn người đi đâu đây? Chẳng lẽ cả nhà sẽ chết sau đận này ư? Họ đã lục xét, thu giữ toàn bộ giấy tờ, tài liệu ở hiệu *Lúa Vàng*. Nhưng còn một thứ họ không sờ đến. Đó là chiếc va ly học sinh của Tuấn Thành. Nếu họ mở chiếc va-ly này ra thì chắc chắn họ sẽ ngạc nhiên bởi trong đó có khá nhiều tài liệu Mác-xít. Tuấn Thành đã đọc chúng một cách giấu diếm và thường đem những gì đọc được ra tranh luận với bố. Phán Quý bây giờ đang ngồi kia. Ông đang nghĩ gì? Mười lăm năm về trước chính ông cũng đã suýt chết sau cuộc khởi nghĩa bất thành. Cả đời ông đi làm cách mạng,

con cái ông cũng được hưởng cho đi làm cách mạng. Nhưng sao lắm cách mạng thế? Cách mạng nào là đúng? Cách mạng nào là sai? Cách mạng nào là cách mạng chân chính? Cách mạng nào là không cách mạng? Ông Phán Quý ơi, ông đang bị dẫn lên đoạn đầu đài đấy. Người ta sẽ bắn chết ông như bắn chết một con chó vì ông là một trong những tên đầu sỏ của cái tổ chức đã lỗi thời, bị coi là *phản cách mạng*. Hiệu *Lúa Vàng* nhà ông từ nay vĩnh viễn không bao giờ còn xuất hiện như một thương hiệu uy tín nhất vùng An Lạc này nữa. Tuấn Thành bỗng ứa nước mắt. Trong những câu chuyện kể hàng đêm, có bao giờ Tuấn Thành hình dung ra một ngày nào đó bố mình lại phải khoác lên đầu một cái ách khủng khiếp đến thế. Ông là người của cách mạng từ rất sớm kia mà?

Phải, Phán Quý là người của cách mạng từ rất sớm. Vào quãng những năm *hai bảy, hai tám*, các ông Khanh, ông Được, ông Dự về An Lạc xây dựng một tổ chức cách mạng bí mật. Tổ chức này đấu tranh cho dân tộc độc lập, dân quyền tự do và dân sinh hạnh phúc. Các ông này được phân công như sau: ông Khanh vận động các nho sĩ, lý dịch, hào phú ở nông thôn. Ông Được vận động trong giáo giới. Ông Dự vận động trong công chức, binh lính. Người được ông Dự vận động đầu tiên trong công chức là Phán Quý.

Vài năm sau An Lạc ra đời một loạt chi bộ Quốc Dân đảng như chi bộ giáo giới, chi bộ công chức, chi bộ lính khố đỏ, chi bộ Văn đấu, chi bộ Kha Lâm, chi bộ Đồng Tài, rồi Lạng Côn, Đức Phong, Kim Đới, Thái Ngời, Đông Thông... Các chi bộ lãnh đạo phong trào lên rất mạnh. Nhiều chi bộ còn lập căn cứ địa, mở xưởng sản xuất vũ khí. Ở xưởng của ông Phồn thuộc chi bộ Đồng Tài còn sản xuất được cả bom. Vỏ bom đúc bằng gang và đất nung, trong ruột có chất nổ lẫn với mảnh chai, mảnh bóng đèn, dây thép cắt vụn. Bom sản xuất ra được cất trong hang núi Cột Cờ. Tết Nguyên Tiêu năm *ba mươi*, đảng bộ Quốc Dân đảng An Lạc quyết định khởi nghĩa đánh cướp tỉnh lỵ.

Rằm tháng Giêng năm ấy các lực lượng tham gia khởi nghĩa đều đã tập kết đúng vị trí, khí thế đặng đặng, chỉ cần nhìn thấy pháo hiệu và lửa đốt ở đầu núi Cột Cờ là nhất loạt xông vào chiếm Tòa sứ và Dinh tuần phủ.

Ông đội Cay được phân công vận động lính khố đỏ tạo phản. Lực lượng Kha Lâm do ông tổng Hộ chỉ huy, tập kết tại khu chùa Đồng. Lực lượng Văn Đấu do ông Lý Chủ chỉ huy tập kết tại quán Tổng Thiềng. Lực lượng Đồng Tải do ông Phồn chỉ huy, mang theo bom, tạc đạn tập kết ở chân núi Cột Cờ, khi thấy pháo hiệu từ trại lính khố đỏ bắn lên thì đốt lửa trên đỉnh núi làm hiệu lệnh cho các nghĩa sĩ xuất trận.

Trăng sáng vắng vặc. Ông Phồn cùng với một số thân binh đem vàng hương lên đình Đầu Sơn làm lễ thành hoàng. Đã qua hai một giờ mà vẫn không thấy pháo hiệu từ trại lính khố đỏ bắn lên. Các nhóm nghĩa sĩ đều căng mắt nhìn lên đỉnh ngọn Cột Cờ nhưng không thấy ánh lửa. Đến gần nửa đêm thì các nhóm lục tục cử người đến núi Cột Cờ để hỏi ông Phồn xem vì sao tình hình lại không diễn biến theo hiệp đồng. Ông Phồn cũng chẳng biết sự biến ở Tòa sứ, Dinh Tuần phủ và trại lính khố đỏ ra sao mà im ắng đến sốt cả ruột? Đúng lúc ấy có một chiếc xe ngựa hối hả lăn bánh theo con đường dẫn lên đỉnh núi. Khi nhìn thấy người đàn ông ngồi trên xe bước xuống, ông Phồn cùng mấy chục thân binh, nghĩa sĩ liền đổ xô lại.

- Phán Quý! Tình hình thế nào? Sao lại yên ắng thế? - Ông Phồn lên tiếng hỏi.

Người đàn ông từ trên xe ngựa bước xuống chính là Phán Quý, bí thư chi bộ Quốc Dân đảng trong hàng ngũ công chức. Phán Quý nói nhanh:

- Một đảng viên trong chi bộ tôi làm phản, đã hé lộ cơ sự với chánh sứ Béc-sông. Chánh sứ ra lệnh cho giám binh bố trí lực lượng phòng bị khắp nơi, lại báo cho quan ba trưởng trại lính khố đỏ cấm trại từ chập tối, thu hết vũ khí cho vào kho. Kế hoạch bại lộ rồi. Tôi phải tìm mọi cách mới lọt vào phòng giam tên phản bội trong Tòa sứ để giết người diệt khẩu. Tôi chưa biết hẳn đã khai những gì, nhưng khả năng là chi bộ công chức lần này sẽ tổn thất nặng. Các ông hãy rút ngay may ra còn bảo toàn được lực lượng.

Phán Quý nói xong có ý quay ra xe ngựa để xuống núi, nhưng ông Phồn níu lại, hỏi:

- Liệu có xông lên đánh liều được không?

Phán Quý bảo:

- Không thể! Có đánh tới rằm tháng Giêng năm sau cũng không chiếm nổi Tòa sứ và Dinh Tuần phủ. Giám binh đã bố trí quân Pháp ở tất cả những nơi đó rồi. Bọn mật thám cũng đang ra tay. Thôi, ông hãy báo cho anh em lui quân ngay. Chậm giờ nào là nguy thêm giờ đấy.

“Không được! Ông Phán Quý đứng lại đã”.

Từ phía sau ông Phồn bỗng có một người bước ra gọi giật ông Phán Quý lại. Đó là một người đàn bà đã cứng tuổi, quần đóng bít, một tay cầm liềm, một tay xách bị tro bếp, đầu có quấn một chiếc khăn màu nâu đỏ. Phán Quý nhận ngay ra bà Quản Điền. Người đàn bà này đã từng bán năm mười mẫu ruộng góp tiền cho tổ chức gửi người sang bên Tàu mua thuốc nổ. Cũng chính bà là người gánh hàng trăm quả tạc đạn từ xưởng sản xuất về giấu ở hang đá trong núi. Bà Quản Điền bước đến bên Phán Quý nhưng quay lưng lại như để nói cho tất cả mọi người cùng nghe:

- Thưa các quan! Nếu đêm nay các quan không lấy tỉnh thì em xin tự tử trước mặt các quan, em chết ngay bây giờ đây cho các quan xem.

Hành động của bà Quản Điền có vẻ như làm máu trong một số đảng viên sôi lên. Không thể để cho những bầu nhiệt huyết này bốc lên trong tình thế như hiện nay. Phán Quý liền gạt bà Quản Điền sang một bên, bảo:

- Lấy tư cách là ủy viên đảng bộ tỉnh, tôi yêu cầu các ông, bà đảng viên rút lui ngay. Làm cách mạng không thể liều. Còn người sẽ còn cách mạng. Sẽ có ngày chúng ta lấy tỉnh sau.

Không ngờ, nghe Phán Quý nói xong, bà Quản Điền bảo:

- Vậy thì em xin chết trước mặt các quan!

Dứt lời, bà Quản Điền đưa liềm lên giật phăng yết hầu. Việc làm của bà Quản Điền làm mọi người kinh hãi. Ông Phồn vội lao đến đỡ bà Quản nhưng máu ở cổ bà đã xối ra, sủi bọt theo nhịp thở ngắt quãng, đứt đoạn. Nhóm người bên sườn núi bỗng náo loạn cả lên. Phán Quý còn đang chết trân trước việc không ngờ này thì ông Phồn lại tỏ ra bình tĩnh hơn. Ông Phồn bảo:

- Không cứu được nữa rồi. Tất cả rút ngay xuống chân núi, tôi sẽ ở lại táng tạm bà Quản xuống dưới vách đá kia. Mọi người đi mau!

Phán Quý không dám chần chừ thêm, vội lên xe ngựa cho phu đánh thẳng xuống chân núi. Mấy ngày sau đó Pháp đưa lính về triệt hạ Văn Đẩu, Kha Lâm, Đồng Tải. Ông Phồn bị bắt đưa đi Côn Đảo. Lý Chủ trốn nhưng không thoát, bị bắt đưa đi cảng Hải Phòng, sau bệnh chết ở nhà thương Tam Quán.

Một số ông Đội, ông Thừa, ông Kí bị đuổi về quê hoặc đổi đi nơi khác. Tên phản bội chưa kịp khai ra Phán Quý nhưng ông cũng bị thải loại khỏi tòa công sứ. Những tưởng đã chết bởi đạn ấy nhưng Phán Quý thoát được, chuyển sang kinh doanh thóc lúa, lập hiệu *Lúa Vàng* nức tiếng mấy tỉnh Bắc Kỳ, sau còn buôn bán thêm cả tơ lụa nữa.

Thế rồi cơ hội lại đến khi Quân đoàn 50 của Trung Hoa dân quốc kéo vào. Các đồng chí cũ lại tìm đến với Phán Quý bàn việc phục quốc. Trong số những người tìm đến với Phán Quý có một người từ Côn Đảo thoát chết trở về. Phán Quý mang rượu ra đãi bạn nhưng cuộc rượu phải bỏ nửa chừng vì ông Phồn bảo với Phán Quý rằng:

- Tôi bây giờ là người của Đảng Cộng sản. Chúng ta làm cách mạng theo kiểu cũ là không được. Tôi muốn mời ông tham gia Việt Minh, vào đoàn thể, ông có giúp được không?

Phán Quý đáp ngay:

- Cách mạng mà giao vào tay lũ dân đen thì có khác gì nấu canh cái dân tộc này. Ông lại muốn trở về với những cuộc khởi nghĩa nông dân ngu xuẩn trong lịch sử à? Thôi, ông đi đường ông, tôi đi đường tôi, xem ai phục quốc nhanh hơn.

Ông Phồn cố níu kéo:

- Thực tế là họ đã làm cách mạng thành công, chẳng lẽ ông còn nghi ngờ điều ấy?

Phán Quý bảo:

- Chẳng qua họ gặp may thôi. Tôi không bao giờ ủng hộ việc trị nước lại đặt vào tay những kẻ vô học. Đời thừa nhà ai con sen thẳng ở nhà tôi mà lại dám lên mặt dạy tôi thế nào là cách mạng, là giai cấp? Chúng nó chỉ biết cách mạng gói gọn có hai chữ: Ăn no! Ông đi theo chúng nó để rồi mất tất mà được gì? Được làm một người nghèo à? Còn chúng nó, chúng nó chỉ

mất cái bụng đói còn được tất cả. Sao lại có cái thứ cách mạng bố láo như thế? Bây giờ là cơ hội giật lại ngọn cờ về tay mình, sao ông lại bảo tôi bỏ đường lớn để đi vào ngõ cụt? Bữa rượu hôm nay nhạt quá. Rượu quý không gặp bạn hiền đâm ra hỏng mất rồi.

Ông Phồn không nói thêm được câu nào nữa. Thế là cuộc rượu bỏ.

Bây giờ thì Phán Quý bị vút lăn lóc giữa rừng cói như thế này đây. Ông có chết cũng không mấy nặng lòng nhưng cả nhà ông cùng chết trong đận này, kể ra oan nghiệt quá chăng? Ông ngồi nhìn lên đỉnh Cột Cờ như mười lăm năm trước nín thở chờ đợi ánh lửa bùng phát lên từ đây. Không có ánh lửa nào thắp sáng niềm tin cho ông ở bờ bên kia cả. Nước sông Sầu Diện vẫn óc ách chảy xuôi, vô tình, vô nghĩa quá thế. Thằng Tuấn Thành nó đang ngồi nhìn ông từ góc khuất kia. Ông biết chứ. Nhưng ông không dám nhìn lại nó. Sắp tới, nó phải chết oan vì ông. Nó đã biết cách mạng là gì đâu. Trong những lần giảng cho nó nghe bài học đầu tiên về cách mạng, nó thường hỏi ông:

- Người giàu và người nghèo làm cách mạng ai quyết chết hơn ai?

Ông bảo:

- Người nghèo.

Nó bảo:

- Thế thì cách mạng của người giàu sẽ rất nửa vời, khó thành công!

Ông thường tránh tranh luận với nó vì coi nó còn nhỏ. Vậy mà nó vẫn bị người ta trừng phạt như ông. Người ta có coi nó là còn nhỏ đâu. Nó là một tên phản cách mạng từ trong trứng nước kia mà. Anh nó đã chết rồi. Chết một cách đốn hèn. Mới nghe có vài tiếng súng nổ đã đứt mạch máu ra mà chết. Chết khổ chết sở. Sợ sệt như thế làm sao nổi được chí ông?

Ngồi ở góc khuất, lún mình trong bụi cói Tuấn Thành vẫn đang cố suy đoán xem bố nghĩ gì vào lúc này. Thuyền đã sang được một chuyến rồi. Chuyến thứ hai đang lạch cạch rời bãi. Vẫn chưa đến lượt cha con Tuấn Thành. Có một người trong đội áp giải dẫn Tuấn Thành đi nhưng không phải để lên thuyền mà ấy cậu ngồi lút vào một bụi cói cách đám người bị trói khá xa. “Mày nhận ra tao chưa?”. Một giọng nói thoảng nhẹ, bật đi trước gió sông. Ngay sau đó cái người áp giải ngồi xồm xuống cạnh Tuấn

Thành và lật chiếc mũ vải trên đầu ra. “Sao mà lại dẫn tao ra đây?”. Tuấn Thành hỏi lại khi đã nhận ra người đang ngồi cạnh mình. Nguyên Bình móc trong túi quần soóc ra một gói nhỏ. “Đây là xôi gấc, tao lấy trong bữa trưa hôm qua, mà phải cố gắng nuốt cho hết để lấy sức”. Nguyên Bình vừa nói, vừa ấn từng miếng xôi đã khô cứng vào miệng Tuấn Thành. Tuấn Thành ăn một cách khổ sở nhưng dù sao thì cũng phải nuốt. Nguyên Bình rút con dao găm bên mình, cứa nhẹ nhẹ lên sợi dây trói trên tay Tuấn Thành. Chuyển thứ ba bắt đầu vượt sông. Đến lượt Nguyên Bình lên thuyền. Nguyên Bình dắt Tuấn Thành lên ngồi ở phía đầu mũi. Nước sông rút cạn nên thuyền nhanh chóng ra đến giữa dòng. Nguyên Bình cầm súng đứng ở đầu thuyền, lưng quay lại đám người bị trói đang ngồi chen chúc giữa lòng thuyền. Người chèo ngồi ở phía cuối, hai tay liên tục khoát mái. Đội viên áp giải thứ hai đứng sau người cầm mái chèo, mũi súng hếch lên trời. Nước sông vỗ lóc bóc bên mạn thuyền. Gió tạt những hạt nước nhỏ vào mặt Tuấn Thành. Hai bên bờ im ắng đến khó chịu. Cố căng mắt ra mới nhìn thấy vài đốm lửa nhỏ như đom đóm chỗ bụi cỏ ở bên bên kia. Tuấn Thành liên tục thở gấp. Nguyên Bình đứng ở mũi thuyền, thỉnh thoảng lại lấy gót chân gầy gầy vào vai Tuấn Thành. Một người thì sốt ruột đến cuống cả lên, còn một người thì hồi hộp, căng thẳng đến toát cả mồ hôi. Cảm giác phấp phồng lo sợ cứ len lén, len lén luồn vào lồng ngực Tuấn Thành. Cuối cùng thì Tuấn Thành cũng lấy được can đảm. Cậu khẽ cựa mình, gồng tay lên. Sợi dây trói đứt tung. Một cảm giác tê dại xâm chiếm suốt cổ tay của Tuấn Thành. Nín thở ngồi yên một lát cho máu lưu thông xuống các ngón, rồi như một chiếc lò xo bị nén lâu ngày vụt bật lên, Tuấn Thành lao cả người vào Nguyên Bình. Con thuyền chòng chành, xoay ngang ra giữa dòng. Người chèo thuyền và đội viên áp giải ở cuối mũi bị bất ngờ, lúng ta lúng túng, tức thời chẳng biết xử trí thế nào. Những người còn lại trên thuyền ồn lên như bầy mối vỡ tổ, một số nháo nhào đứng phắt dậy.

- Tất cả ngồi xuống, ngồi xuống. Nếu không tôi bắn! - Tiếng người áp giải gào lên giữa lòng sông hoang vắng.

Nguyên Bình bỗng nói vọng từ dưới sông lên:

- Cứ cho thuyền cập bờ đi, đừng bắn xuống sông, để tôi lặn theo tên bỏ trốn.

Bóng hai người ở dưới sông dềnh lên, ngụp xuống một lúc rồi xa hẳn, mặt nước lại trở về lặng ngắt. Con thuyền lấy lại được thăng bằng, tiếp tục lao mũi về phía Lãng Tiên. Người áp giải còn lại định rê mũi súng xuống mặt sông, tìm cách nhả đạn vào tên tù sống nhưng sợ đám tù gây xáo động nên không dám gạt mũi súng ra khỏi lòng thuyền. Sáng hôm sau, bốn mươi hai tên phản cách mạng được giao cho người của Bộ tư lệnh khu. Một tên đã trốn thoát, Nguyễn Bình không đuổi bắt lại được. Trước khi trở về An Lạc, Nguyễn Bình xuống lán giam tạm, nhìn mặt bọn phản cách mạng lần cuối. Phán Quý ngồi dựa đầu vào cột lán, mắt lim dim, nét mặt phờ phạc. Khi Nguyễn Bình đi đến gần, vẫn ngồi yên trong tư thế đó, ông ta bỗng hỏi như cho chính ông ta nghe vậy:

- Nó trốn thoát rồi chứ?

Nguyễn Bình sửng người:

- Ông nói ai?

Phán Quý bỗng mở trừng mắt ra:

- Cậu nói đi, thằng con tôi thoát rồi phải không? Nó không đáng chết mà, có phải nó thoát rồi không?

Ánh mắt của Phán Quý khi ấy phát ra những tia khẩn nài đau đớn. Nguyễn Bình không dám nhìn lâu vào đôi mắt ấy. Cậu khẽ gật gật.

- Tôi biết những việc cậu làm. Tôi ghi ơn cậu.

Phán Quý nói rất nhanh câu đó rồi thật bất ngờ, với một hành động quyết đoán, ông ta văng người quật đầu vào cây cột được đắp bằng gạch. Một số người ngồi gần đó kêu rú lên. Nguyễn Bình hoảng hồn, chân tay bủn rủn hết cả ra. Có mấy thị vệ nữa chạy đến. Họ nâng đầu của Phán Quý lên. Cú đập quyết tử đã làm một mảnh đầu của Phán Quý bẹp rúm lại. Máu từ đó rỉ ra thành hai dòng, chảy xuống cổ và cằm. Mắt ông ta trợn ngược lên, đảo lòng rồi thất thần, bạc phếch đi. Một thứ dịch trắng trắng, nhờn nhợt từ đó tràn ra. Mảnh đầu bẹp dúm, lõm xuống, biến dạng bây giờ bắt đầu phồng lên, há miệng...

* * * * *

Tám năm sau Nguyễn Bình mới lại có dịp trở lại bến đò Lãng Tiên.

Đó là một đêm tối trời, Nguyễn Bình nấu mình bên vạt cói già, chờ đến giờ nổ súng, mở màn cho cuộc tập kích vào thị trấn An Lạc.

Trung đội của Nguyễn Bình có nhiệm vụ tiêu diệt đội Com-măng-đô ở đền Bà Sùng thuộc thôn Khúc Trì, cách nhà thờ An Lạc một dải đầm rộng.

1 giờ 55 phút trận đánh bắt đầu. Tiếng bộc phá nổ ở phía kho xăng cùng với vệt sáng hắt lên nền trời là tín hiệu cho các mũi tấn công đồng loạt khai hỏa.

Trung đội trưởng Nguyễn Bình khi tiến quân vào đền Bà Sùng đã không ngờ tới khả năng đội *Ngự lâm quân Công giáo* có thể vượt dải đầm rộng chỉ trong vài phút bằng ca nô do người Pháp trang bị. Khu đầm này thông ra với sông Sâu Diện. Khi nhà thờ lập đội dân binh, cha Phăng thường thích mặc áo sáu túi, giắt súng ngắn trước bụng, đi lại truyền đạo cho giáo hữu ở khu xóm Đáy bằng ca nô theo đường sông. Lực lượng trinh sát của bộ đội An Lạc đã không tính đến chiếc ca nô vẫn nằm như một con sư tử ngủ trên mặt đầm sau nhà thờ. Khi những tia lửa nhoảng lên ở phía đền Bà Sùng, cha Phăng lập tức cho đội *Ngự lâm quân Công giáo* lên tàu vượt mặt đầm sang bờ bên kia cứu nguy cho lực lượng biệt kích đang bị vây hãm. Trung đội của Nguyễn Bình bị đánh tạt sườn, đành chững lại, không phát triển, thọc sâu được nữa, phải mất gần một tiếng sau mới tạm đẩy lui được lực lượng dân binh của cha Phăng. Mục tiêu đền Bà Sùng đành phải bỏ ngỏ, đến khi tổ chức tấn công tiếp thì trời đã gần sáng. Các cánh quân khác đều đã tiêu diệt xong mục tiêu, đang lặng lẽ rút ra ngoài theo hiệp đồng, chỉ mũi của Nguyễn Bình “sa lầy” ở thôn Khúc Trì với một bên là đạn của bọn Com-măng-đô, một bên là đạn của đội dân binh nhà thờ. Quân Pháp bừng tỉnh sau một đêm kinh hoàng, đang bắt đầu đưa lực lượng từ Hải Phòng sang giữ lấy An Lạc. Nguyễn Bình lệnh cho toàn trung đội rút lui, anh cùng một tổ ở lại vừa chặn địch vừa rút sau. Rút ra tới giữa thị trấn thì Nguyễn Bình trúng đạn. Một viên đạn đã phá vỡ bắp chân phải, xé toạc phần cơ răn chắc gần điểm gập của đầu gối. Trời đã sáng hẳn. Thiết giáp của Pháp đang nghễ nghện bò đi bò lại trên con đường dẫn ra bến đò Lãng Tiên. Phía kho xăng và kho vũ khí vẫn tiếp tục dội lên những quầng

lửa đỏ cùng những tiếng nổ lúc rời rạc, lúc liên hồi. Hàng chục sắc lính, cả Pháp lẫn Việt đổ xô đến những địa điểm vừa bị tấn công, cố vớt vát những gì còn sót lại. Tòa Sứ cũ, tổng kho đạn, trại pháo thủ, bộ chỉ huy Bảo chính đoàn, Ty công an, bột điện, bột Cô Hồn, tất cả hầu như đã bị san phẳng hoặc xé rách nham nhở. Tiếng súng của lực lượng bảo vệ đường rút cho bộ đội An Lạc nhỏ dần rồi tắt hẳn ở phía bờ sông Sầu Diện. Cuộc tập kích đã thành công, đúng như trong kế hoạch. Chỉ có mũi tấn công của Nguyên Bình là không hoàn thành nhiệm vụ. Mọi người đã không nghĩ ra một mục tiêu vô cùng quan trọng nữa là nhà thờ An Lạc, nơi có tới 120 dân binh được tổ chức lại dưới cái tên *Đội Ngự lâm quân Công giáo*. Tổ ba người cuối cùng ở lại chặn địch cũng đã chết mất hai. Nguyên Bình cố lết đến cổng Rồng, nơi dẫn lên ngọn núi Cô Hồn thì kiệt sức. Không còn cách nào khác Nguyên Bình đành lặn vào một bụi cây đang xòe ra, rậm rạp, nơi chân núi rồi ngất xỉu sau khi rơi tọt vào một cái hốc nông choèn, được che lấp bởi rất nhiều cây dại. Cả ngày hôm đó, hàng trăm gót giày chạy qua, chạy lại chỗ Nguyên Bình nằm mà anh không hề biết gì hết. Con sốt đã ấn đầu Nguyên Bình xuống, đẩy anh chìm vào vô thức.

Tại sao người dân An Lạc lại gọi dãy núi nằm án ngữ giữa thị trấn bằng cái tên *Cô Hồn*?

An Lạc xưa kia là trấn Biên Hải, thuộc xứ Câu Lậu. Những đoàn người đầu tiên đặt chân tới xứ này là các chiến binh của một bà nữ tướng dưới quyền Hai Bà Trưng. Thời ấy nơi đây chỉ có một dải núi dài như hình con nghé nằm, xung quanh chân núi là vịnh nông đang được phù sa bồi đắp. Cùng với sự hiện diện của các chiến binh những xóm làng cũng bắt đầu mọc lên rải rác dưới chân núi. Từ những xóm làng đầu tiên này dần hình thành nên các tổng Kha Lâm, Văn Đẩu, Trữ Khê, Phù Lưu, An Lạc, Phù Liễn... Đến triều đại nhà Trần, địa hạt Biên Hải thuộc huyện Nam Sách, phủ Kinh Môn, châu Hạ Hồng, trấn Hải Dương. Khi ấy ngọn núi có hình con nghé có tên là Phù Liễn. Vào dịp thái tử Hoảng đi thị sát vùng biển, có dừng tại trấn Biên Hải, ra lệnh dựng cột thật cao, treo cờ Đại Việt trên đỉnh Phù Liễn, từ ấy núi có tên là Cột Cờ. Dân Văn Đẩu xây dựng dưới chân núi một ngôi đình, gọi là đình Đẩu Sơn. Vào những năm cuối của thế

kỷ 13, với khí thế sục sôi giết giặc Nguyên Mông, dân chúng Văn Đẩu tập trung tại đình Đẩu Sơn cử ra một bô lão là cụ Hai Chấn thay mặt dân chúng về kinh dự Hội nghị Diên Hồng bàn quốc sự. Từ ấy ngọn núi này lại mang tên Đẩu Sơn.

Khi chính phủ bảo hộ Pháp kiểm soát được xứ này, đã đặt ở đây một tỉnh lỵ có tên là An Lạc với cái nghĩa tốt đẹp: an cư, lạc nghiệp. Người Pháp cũng đã trèo lên núi, san bằng ngọn Đẩu Sơn, dựng tháp canh, cắm cờ tam tài, xây đài quan trắc khí tượng và hầm địa chấn. Người Pháp đi đến đâu những con đường rải nhựa hoặc láng xi măng lẫn theo đến đấy. Một con đường nhỏ, rất đẹp, uốn lượn theo sườn núi, leo lên đến tận đỉnh núi nơi đặt đài quan trắc được xây dựng. Con đường được bắt đầu từ một phố chính của thị trấn An Lạc. Đường lên có cổng đắp hình lưỡng long châu nguyệt, hai bên đề đôi câu đối: *Đông Pháp Thiên Văn đại tổng cục - Bắc Kỳ Phù Liễn thị danh sơn*. Vậy là từ đây ngọn núi này có tên mới: Thiên Văn.

Còn tên Cô Hồn ra đời từ khi nào?

Trong cuộc khởi nghĩa bất thành của những đảng viên Quốc Dân đảng, có một sự kiện không ai quên được, đó là việc bà Quản Điền dùng liềm rạch cổ tự vẫn nêu cái chí một lòng phục quốc. Bà Quản Điền chết rồi nhưng mấy trăm quả tạc đạn do bà góp công, góp của làm ra vẫn còn nằm yên trong hang đá ở phần bụng của dải núi hình con ghé. Sau mấy tháng tích cực tìm kiếm, cuối cùng người Pháp cũng đã tìm ra chỗ giấu bom của bà Quản. Lạ một điều, bao nhiêu lính Pháp vào hang thì bấy nhiêu bộ xương đè lên nhau mà lấp đường vào chứ không sao lấy ra nổi một quả tạc đạn. Hồn ma bà Quản hiện về với quần đóng bịt, đầu quấn khăn nâu đỏ, dùng liềm rạch cổ hết tên Pháp này đến tên Pháp khác là nổi kinh hoàng cho chính quyền bảo hộ, thù dật ngàn vạn những điều huyền bí, phủ lớp sương mờ khó hiểu lên dải núi linh thiêng nằm giữa lòng thị trấn. Cuối cùng người Pháp buộc phải dùng đại bác bắn vào hang núi, xoá sạch những dấu vết u uẩn gợi nhắc những ám ảnh nổi loạn của đám dân bản xứ. Tạc đạn có thể đã bị phá hủy, nổ âm ỉ trong lòng núi suốt mấy ngày liền, nhưng hồn ma bà Quản thì không súng đạn nào hủy diệt được, bà vẫn hiện về vật

cổ những viên quan hai, quan ba Pháp trong Trại pháo thủ vào đêm Nguyên Tiêu hàng năm. Sau Phán Quý đã trình lên Chánh sứ một dự án tâm linh khả dĩ có thể làm yên lòng người Pháp, ấy là cho dựng một ngôi miếu thờ bà Quán Điện ngay giữa lưng chừng núi, nơi bốn mươi quả đại bác đã nã vào cửa hang chứa bom. Ngôi miếu dựng xong thì Phán Quý về vườn, người dân quanh vùng cũng bắt đầu gọi núi Thiên Văn bằng một cái tên mới, không có trong văn bản: Núi Cô Hồn!

Người ta thích gọi tên núi là Cô Hồn có lẽ cũng còn vì nó tương thích với dòng sông Sầu Diện. Khi toàn bộ khu vực vịnh nông quanh chân núi Cột Cờ đã được phù sa bồi đắp biến thành thổ địa của các nhóm cư dân từ các nơi kéo về, cũng là lúc biển rút ra xa, các dòng sông tự chôn sống mình, chỉ còn một dòng duy nhất làm công việc nhuần tưới, như mạch máu của một cơ thể đất mà thôi. Dòng sông ấy đón đoàn thuyền của thái tử Hoảng vào, đưa thái tử đến với ngọn Phù Liễn cây cối giăng mắc như rừng già, rất nhiều hoa thơm quả lạ, lại nhiều cầm thú quý hiếm, đứng trên đỉnh núi, ngắm nhìn bao quát ra xung quanh, thấy cảnh vật sơn thủy hữu tình, có cảm giác đang được đặt chân lên chốn địa linh văn vật, thái tử hứng khoái, quyết định hạ trại nghỉ ngơi.

Thái tử lần theo con đường mòn giữa những bụi lau lách sim mua đi về phía đồi thông nơi có dòng suối róc rách chảy. Vườn hót, chim kêu, mùi trái chín thoang thoảng đưa hương, bao loài cây lạ xòe hoa nở cánh trước mắt thái tử khiến ngài cao hứng cứ đi mãi không muốn dừng, miệng lại còn lầm nhảm đọc thơ nữa. Bỗng ngài nhìn thấy đôi búp chân trần trắng ngà, thuôn thuôn, chắc khỏe thập thò dưới lớp vải nâu bã bên đám cỏ tranh nọ. Định thần, nhìn kỹ, ngài nhận ra một cô gái đang lúi húi cắt cỏ, yếm thắt qua gáy, vai để trần, đôi tay như múa lượn, dáng dấp khỏe khoắn, quê kệch nhưng mát mẻ, lấm láp nhưng tự nhiên, hạ tiện nhưng gợi hứng, mộc mạc nhưng bắt chấy dục tình. Đến khi nhìn rõ mặt người cắt cỏ, thái tử thật sự xúc động trước vẻ đẹp của sơn nữ, bỗng đứng động tình, một lòng muốn truy hoan dù cô gái hết sức chống cự. Sau thái tử rút kiếm lệnh, xưng dòng giống hoàng tộc, sơn nữ nọ mới kinh hoàng vội quỳ sụp xuống chịu lỗi, nhận một lòng hầu hạ.

Thái tử đã có một buổi chiều nồng nã ân tình với sơn nữ trong chiếc lều cỏ bỏ không nằm kề bên bờ suối. Sau đó quân hầu tìm đến bẩm với thái tử rằng Tây đang có một cơn dông to, mây mưa sắp kéo đến, mưa ngàn thác đổ, chẳng thể biết trước được lành dữ thế nào, xin thái tử hạ sơn cho yên lòng kẻ hầu cận. Thái tử vội theo quân hầu rời núi, trước khi đi ngài có hỏi qua họ tên, bản quán của sơn nữ nọ rồi bảo:

- Ta sẽ cho người rước nàng về kinh để sớm tối gần gũi, hầu hạ ta.

Những ngày sau đó cô gái cắt cỏ bên núi cứ ngóng chờ hoài mà không thấy có kiệu loan nào tới rước cả. Mâm sống trong bụng cô ngày một to lên. Đám hào mục trong làng truy gặt, cuối cùng cô gái phải nhận là đã hầu hạ Đức thái tử đương triều nên mới có cái sự xấu mặt ấy. Đám hào lý không tin, đường đường là thái tử con vua mà lại thèm ngù với cái con bé cắt cỏ, hạ tiện xứ quê mùa này à? Thế là lệ làng thế nào thì cứ thế mà làm cho đúng, cho nghiêm. Họ trói cô sơn nữ chữa hoang vào một tảng đá to rồi đem quăng xuống sông. Cô gái than khóc thảm thiết. Trước khi bị chìm chết cô thề rằng: “Nếu gái này bị oan thì không đá nào chìm nổi”. Quả thật cứ hạ thủy lần nào là dây thừng đứt tung lần ấy, cô gái lại nổi phềnh trên mặt nước. Hàng tháng sau cô mới chịu theo dòng trôi ra ngoài biển Đông. Sau này đoàn thuyền nào đi qua khúc sông ấy cũng nhìn thấy khuôn mặt cô gái với đôi mắt mở to, u buồn, chập chờn dưới mặt nước lặn tẩn sóng vỗ. Khuôn mặt ấy lúc thì vỡ ra theo cánh sóng, lúc tụ lại dưới mặt nước phẳng lặng, gây hoảng sợ cho tất cả các ngư phủ qua lại khúc sông này. Sau tin đồn về tới kinh thành, thái tử vội ban chiếu giải oan cho cô gái và lệnh cho chính quyền sở tại lập miếu thờ. Từ ấy khuôn mặt cô gái không còn hiện lên mặt nước nữa. Nhưng dòng sông lại mang tên Sầu Diện. Thị trấn An Lạc nằm lọt thỏm giữa một bên là núi Cô Hồn, một bên là dòng Sầu Diện man mác chảy trong u sâu, tẻ lạng. Chính điều này đã làm Cha bề trên của Đức Phờrăngxoá Đơ Bêhiêng khi đặt nhà thờ xứ ở đây bảo: Thị trấn này như một khuôn mặt có dòng nước mắt chảy tràn, lại gắn một vết chàm nhỏ là ngọn núi Cô Hồn kia, bây giờ thêm một gác chuông nữa để chiều chiều rung lên những tiếng thờ dài. Ôi, quả đúng là thị trấn Nét Mặt Buồn!

Cha Phăng rất thích cái tên ấy. Mọi thư từ, giấy tờ của ông trên đầu đều in dòng chữ: *Thị trấn Nét Mặt Buồn, An Lạc, ngày, tháng, năm...*

Thị trấn Nét Mặt Buồn bây giờ đang bị cào cấu, rạch xé nham nhở bởi trận tập kích đêm qua của Việt Minh. Tháp canh trên đỉnh núi Cô Hồn cạnh đài quan trắc cũng đã bị pháo cối quật đổ. Người Pháp đang rầm rập đưa nguyên vật liệu lên để sửa chữa lại. Dân thị trấn sau một đêm kinh hoàng lại trở dậy làm việc bình thường. Quán cháo lòng của bà Cả Ngật không những không phải đóng cửa mà còn đặt thêm nửa cỗ lòng nữa mới đủ bán cho đội dân binh nhà thờ. Cha Phăng là khách hàng quen thuộc của bà Cả Ngật. Cha muốn ăn tiết canh, cháo lòng tại quán chứ không muốn đưa về phòng. Bao giờ cha cũng ngồi một mình ở gian trong. Bà Cả Ngật chạy ra, chạy vào phục vụ cha rất tận tình, thỉnh thoảng còn hỏi cha vài câu về tình hình chiến sự thế nào, lễ hội trong tháng tới ra sao? Cả thị trấn An Lạc có hai khu vực tập trung giáo dân là khu Nhà Thờ và khu Xóm Đáy. Khi Đức bề trên của cha Phăng truyền đạo đến đây thì đám dân theo Ngài đầu tiên là những vạn chài nằm rải rác ở cuối dòng Sâu Diện, nơi dòng sông chuẩn bị đổ ra biển. Đám dân này khi nhập đạo rồi, liền bỏ thuyền lên bờ ở quanh khu đất bồi chỗ dòng Sâu Diện vạn mình đổi hướng. Đây là chỗ đất *đầu thừa đuôi theo* của An Lạc, là đáy sông nên gọi là Xóm Đáy. Xóm Đáy là xóm đạo toàn tòng nhưng dân ở đây rất nghèo. Họ lên bờ nhưng không biết làm ruộng, chỉ biết đan lưới rồi bắt tôm, bắt cá hai bên bờ sông mà sống qua ngày. Sau này cùng với việc xây dựng tỉnh lỵ, Đức bề trên đã cho xây ngôi nhà thờ to cao ngay bên một bờ đầm rộng, gần trung tâm thị trấn. Tòa công sứ xây xong thì nhà thờ cũng được khánh thành. Tòa ngang dãy dọc, nhà nguyện, nhà bếp, nhà kho, văn phòng, nhà khách, hội trường, sau này cha Phăng cho xây thêm một gian để máy phát điện nữa, khu nhà thờ trở thành một quần thể góp phần tạo nên cái dáng vóc như ngày nay của An Lạc. Nhà thờ xây xong, tìn đồ các nơi cũng kéo đến dựng nhà, mở chợ, thành lập các hội đoàn... ngày một đông đúc. Có điều dân đạo khu Nhà Thờ giàu hơn dân đạo khu Xóm Đáy. Dân đạo khu Nhà Thờ nếu không là công chức, binh lính thì cũng là dân buôn bán hoặc làm nghề thợ thủ công. Bà Cả Ngật về khu này ở từ khi ông Đội Ngật còn sống. Sau khi ông Đội chết

vì say rượu thì bà Cả ở vậy, nuôi đứa con nuôi, chẳng đi thêm bước nữa. Bà Cả là người sùng đạo, rất chiều cô con nuôi nhưng cũng rất khắt khe. Con Mến năm nay đã mười chín rồi. Hồi bà nhật về nuôi nó đâu có mười một, mười hai. Mến giúp bà làm mọi việc, từ dãi lòng, làm nhân, hãm tiết, pha cháo đến đổ rượu, rửa bát, nhật rau. Mến thường phải lên núi Cô Hồn lấy lá xương sông về dãi lòng. Không có thứ lá đó coi như miếng dãi bỏ, không còn mùi vị riêng của nó nữa. Lá xương sông có rất nhiều ở chân núi Cô Hồn, chỉ cần qua cổng Ròng vài bước chân là thấy xương sông mọc, xanh thẫm từng vạt.

Buổi chiều hôm ấy, Mến cũng quờ tay vào bẻ lá xương sông như mọi khi nhưng cô đã rú lên khi trông thấy một người đàn ông nằm chết trong bụi cây.

Cùng với tiếng rú của cô cái xác ấy bỗng dựng mở mắt ra.

Cái xác ấy chưa chết và cái xác ấy chính là Nguyễn Bình cô Mến rụng rời chân tay nhưng rồi nhanh chóng lấy lại bình tĩnh. Đôi mắt của người chưa kịp chết kia hiền và đẹp quá. Anh ấy đang nhìn cô cầu khẩn...

Chương 3

Mến là một trường hợp đặc biệt của khu Nhà Thờ. Cô là người duy nhất sống trong lòng thánh địa mà không phải là giáo dân.

Ngay từ khi bà Cả Ngật nhật được Mến ốm o, rách rưới bên cột cây số *Mười Tám* mạn đi về Thái Bình, bà đã có ý cải đạo cho Mến nhưng cô dứt khoát không chịu. Trong ký ức nặng nề của một cô bé mười hai tuổi, hình chữ thập là một biểu tượng khủng khiếp. Nó không gợi nhắc điều gì khác ngoài cái chết. Ấn tượng không thể nào xoá đi được trong trí óc Mến là những chuyến xe trâu nối nhau chở những xác người hấp hối đi vào nghĩa địa có cắm những cây thánh giá. Hình chữ thập cũng là nơi có những vị mặc áo chùng thâm, mặt lạnh tanh vô cảm, múc từng muôi cháo đổ vào bát cho đoàn người đói khát, nhàu nhĩ xếp hàng dài dưới sân nhà thờ. Nhiều người đã gục xuống chết ngay dưới nồi cháo loãng, trong mắt họ, hình ảnh cuối cùng của dương gian còn đọng lại là cây thánh giá trên đỉnh tháp chuông xoay nghiêng, xoay nghiêng đến chóng mặt. Bố mẹ Mến đã chết trong tư thế ấy. Chính Mến cũng tưởng mình đã chết dưới chân giáo đường với hình chữ thập dựng lên, ngả xuống, đổ ngang đổ dọc trong đầu.

Vì thế, Mến đã gào thét chống cự quyết liệt, không chịu theo bà Cả Ngật vào nhà thờ làm lễ thanh tẩy. Cô cũng không thích những hình khối uy nghi, những hình ảnh rùng rợn, thương xót, đốn đau của tòa giáo đường. Không khí trong nhà thờ cùng với những buổi đọc kinh và giảng đạo đối với Mến thật kinh khủng. Nó buồn nản, ảm đạm, khó hiểu và ức chế đến mức ngột ngạt. Hình như bà Cả Ngật có phần nản điều này với cha Phăng, và cha Phăng bảo rằng: “Con kiên lạc xa đàn nhất là con kiên biết tìm về sám hối một cách thành kính nhất”. Từ ấy bà Cả Ngật mới chịu bỏ mặc Mến, không ép chuyện cải đạo nữa.

Mến thoát khỏi sự kiềm tỏa của bà Cả, cứ thế lớn lên một cách hồn nhiên, vô lo cho đến một chiều kia, cô vào sân sau nhà thờ gánh nước, bỗng nhìn thấy một quả cam trĩu xuống bên hông nhà nguyện. Sát nhà nguyện là

một vườn cây rộng, chạy thẳng ra cánh đồng. Mến chưa bao giờ đặt chân vào khu vườn ấy. Hôm nay nhìn thấy quả cam buồng ơ hờ, ngon lành quá, Mến liền bỏ đôi thùng nước chạy lại bẻ. Bỗng Mến nhìn thấy bóng cha Phăng cùng với một thầy dòng đi bên hai người đàn ông mặc đồ lính trận từ hướng văn phòng đi xuống. Họ mất hút sau dải núi tự tạo có đặt bức tượng Đức Mẹ bằng con ở giữa khu vườn. Mến vừa bóc cam vừa để ý xem họ chui đi đâu mà bỗng dừng lại biến mất nhanh đến thế? Khi Mến ăn hết quả cam thì thầy dòng ló đầu ra, đi sau thầy là hai người lính lúc này đang khênh theo một chiếc cáng. Vật nằm trên cáng lúc đầu rất khó xác định, đến khi nhìn rõ mồn một thì Mến vội đưa tay lên bóp miệng cho khỏi thốt ra tiếng kêu kinh ngạc. Vật được khiêng là một người đàn ông đầu tóc cạo nham nhở, mình mặc bộ quần áo cánh nâu, hai tay bẻ quặt ra đằng sau, cổ tay bị trói lại bằng một sợi dây nhựa màu xanh. Một bắp chân của người đàn ông này bị bẻ gãy hoặc bị cưa bằng lưỡi sắt, máu và tuỷ vẫn đang đùn ra, nhều xuống đất thành một vệt dài. Đầu ông ta bị đập bẹp, không nhìn thấy tai đâu. Ông ta nằm trong một tư thế co quắp, hơi nghiêng, mắt nhắm nghiền, mặt đầy vết thâm tím. Có lẽ ông ta đã chết? Hai người lính trận khiêng cáng đi theo thầy dòng. Họ lách qua những tán cây rậm rạp của khu vườn, bước về phía cánh đồng. Tới cuối vườn thì Mến không nhìn thấy họ nữa. mấy cây chuối cùng với vạt đu đủ mọc dày đã cản mất ánh nhìn của Mến. Họ đưa người đàn ông ấy đi đâu nhỉ? Mến đã trải qua những giây phút *hồn xiêu phách lạc*, sau một hồi đứng chết lặng đi, cô lặng lẽ trở lại chỗ giếng nước, múc đầy hai thùng rồi đưa lên vai gánh về. Sáng hôm sau Mến vẫn thấy cha Phăng ra quán ăn tiết canh và uống rượu với lòng lợn như thường lệ. Cha vẫn làm dấu thánh, vẫn mỉm cười thân thiện với Mến và nhìn Mến bằng ánh mắt màu nâu xám ấm áp đến khó hiểu. “Con nghĩ gì vậy?”. Tiếng cha Phăng hỏi làm Mến giật nảy mình. Mến vội che đậy sự lúng túng bằng cách giả bộ chạy xuống bếp lấy rau thơm lên cho khách. Mến như mù mị người đi khi nghĩ đến hình ảnh người đàn ông nằm trên chiếc cáng ở phía sau khu vườn nhà thờ chiều tối hôm qua. Chẳng lẽ dưới mảnh vườn ấy là địa ngục, nơi vẫn dùng để hành hình các tội nhân? Tại sao lúc người đàn ông bị đánh đập đến biến dị cả thân hình ấy được khênh từ

dưới lòng đất lên Mến không nhìn thấy cha Phăng đâu nhỉ? Thầy tu sĩ mặc áo chùng thâm dài quá gối, chân đi ủng, mắt đeo kính trắng lẽ nào giữ được vẻ mặt thản nhiên đến thế trước cái xác người kỳ dị đang nằm trên cáng? Khó hiểu quá! Mến không sao lý giải nổi những gì đã xảy ra vào buổi chiều hôm qua trong mảnh vườn trồng cây ăn quả thuộc khuôn viên nhà thờ. Những buổi chiều tiếp theo đối với Mến là cả một trò chơi ú tim. Mến thường cố ý lại gần chỗ vườn cây, nấp bên hông nhà nguyện nhìn về phía dải núi nhân tạo có hình Đức Mẹ chờ đợi những sự khác lạ với một tâm trạng vừa hồi hộp, lo sợ vừa tò mò, thích thú. Mến không còn gặp lại những hình ảnh hãi hùng như buổi chiều nọ nữa nhưng thính giác của cô bị kích thích ghê gớm. Cô nghe thấy những tiếng rên la, gào thét, không rõ rệt lắm nhưng có sức lan tỏa, gây bủn rủn chân tay. Mến cố lắng nghe mà không sao xác định được thứ âm thanh ám ảnh kia phát ra từ đâu. Nó âm âm, u u như bị hàng loạt ngách cửa bịt lại, chỉ còn thoát ra được một cách yếu ớt và bay là là trên mặt đất mà thôi. Mến chẳng lạ gì đường ngang ngõ tắt của khu thánh đường này. Phía cửa chính to rộng là nơi để xe của cha, của tỉnh trưởng, của các quan hai, quan ba Pháp và lũ lính trận ra vào thường xuyên. Nơi ấy có các dân binh phòng vệ nhà thờ đứng ngời, mắt mũi dáo dác, lúc thành kính tôn nghiêm, lúc vắn lên những tia tàn ác. Mến không bao giờ đi vào nhà thờ bằng cổng ấy. Mến chỉ vào theo cái ngách nhỏ mà các bồ già vẫn đi. Ngách này nằm ở ngay bên hông nhà thờ. Lũ trẻ quanh xóm cũng thường vào sân nhà thờ chơi theo lối này nhưng vài năm nay bồ Cẩm cấm không cho chúng nó vào nữa. Chỉ có Mến là bồ cho vào vì bồ biết cô không có tính tò mò, mắt mũi không nhòm ngược, nhòm xuôi. Hơn nữa, bồ Cẩm không có con cái, thỉnh thoảng cũng có lúc bồ phải nhờ Mến việc này, việc nọ, nhất là lúc ốm đau, nên việc Mến ra vào nhà thờ dần trở thành một sự ưu tiên đặc biệt.

Sau cái lần Mến nhìn thấy người đàn ông bị hành hạ đến thân tàn lực kiệt ở trong vườn cây gần nhà nguyện cũng là lúc thị trấn An Lạc nóng dần lên như một cái nồi gang để trên bếp than đang bắt đầu bén lửa. Khắp nơi nói đến đánh nhau. Những tiếng nổ ở xa, đâu mãi tận bên Lăng Tiên, bên Hải An, bên Bảo Vĩnh ì ầm vọng về suốt đêm ngày. Rồi những tiếng nổ

gần. Nỗ ban ngày. Nỗ buổi sáng. Nỗ buổi trưa. Nỗ trong đêm. Nỗ ở phía trại lính. Nỗ ở bến sông Sầu Diện. Nỗ ở Trại Pháo thủ. Mến bước vào tuổi thiếu nữ trong thời đoạn đầy biến động như thế. Mến không xinh đẹp đến mức nhìn thấy là các chàng trai phải ngơ ngẩn. Thậm chí nốt mụn ruồi to khác thường ở bên cánh mũi trái còn làm cô không đáng để mọi người chú ý tới. Nghề nghiệp của Mến lại khoác lên Mến dáng vẻ của một cô gái lọ lem. Chính vì thế dường như mọi sự đều đang diễn ra một cách hối hả ở đâu đó xung quanh Mến chứ không phải với chính Mến. Mến vẫn bình yên, nhàn tản với cuộc sống lặt đi lặt lại đến buồn tẻ ở nhà bà Cả Ngật. Sức ám ảnh trong vườn cây ăn quả của nhà thờ còn trở đi trở lại trong cô đôi ba lần nữa. Nhưng rồi nó cũng không đủ để biến cô thành con người khác, nghĩa là không buộc cô phải quan tâm đến thời cuộc hơn.

Nhưng sau đêm thị trấn An Lạc bị tập kích thì Mến bắt đầu có những biểu hiện khác thường.

Cô đặc biệt hứng thú đối với việc đi hái lá xương sông ở chân núi Cô Hồn. Cô thường đi sớm về muộn. Ẩn sau đôi mắt cô là nỗi bồn chồn day dứt không yên. Mỗi khi nhìn thấy bóng dáng một tên Com-măng-đô hay Bảo chính đoàn loáng thoáng ở đâu đó là tim cô cứ đập rộn lên. Nhưng nỗi lo sợ không giày vò Mến quá lâu. Cái người tưởng là đã chết ở trong núi ấy không ngờ hồi phục rất nhanh. Người ấy thường nhìn Mến bằng đôi mắt có những ánh lấp lánh rất lạ. Người ấy rất hiền. Người ấy có chiếc răng khểnh và khi cười có thể làm mục mẫm bất cứ cô gái nào. Mến đã đưa người ấy ra chỗ hồ nước ở lưng chừng núi để tắm. Không ngờ người ấy thông thuộc quả núi còn hơn cả Mến. Người ấy bảo: “Cái hồ này chính là hốc mắt của con nghé. Nước hồ không bao giờ cạn vì có dòng suối kia đổ vào đây. Nhưng nước hồ cũng ít khi đầy. Nó chỉ đầy sau một cơn mưa lớn. Dãy núi này tôi đã từng đặt chân không sót một chỗ nào. Nó có hình con nghé nằm ghềnh đầu”. Mến đã ngồi bên lòng hồ vừa trông cho anh ta tắm, vừa nghe anh ta kể chuyện. Anh ta bảo: “Chân thế này là tạm ổn rồi, đêm nay tôi sẽ tìm ra vùng của ta thôi”. Mến thấy sợ, bảo: “Họ mà bắt được anh thì chết”. Anh ta cười: “Không lo đâu. Tôi chỉ cần ra đến bến đò Lãng Tiên là coi như xong. Chỗ ấy cài răng lược, người của ta rất nhiều”. Mến hỏi: “Vậy,

mai em lên đây là không gặp anh nữa hả?”. Anh ta lại cười, và bất thần tiến sát lên bên cô, nói rất nhỏ: “Cô hãy cầu nguyện cho tôi nhé”. Mến bần rùn cả người. Hơi thở của anh ta ấm sức bên tai Mến. Bờ môi anh ta hình như lướt nhẹ bên mang tai, dừng lại ở bên má cô. Mến run bắn người lên. Cô chẳng biết điều gì đang xảy ra với mình nữa. Lần đầu tiên cô được gần gũi với một người con trai đến thế. Lần đầu tiên cô được khám phá chính cơ thể mình. Lần đầu tiên cô được hưởng cái khoái cảm mà người con trai và người con gái có thể mang lại cho nhau. Tối hôm ấy Mến về nhà hơi muộn. Má cô vẫn còn đỏ bừng lên. Dư âm ngọt ngào của sự đụng chạm khác giới vẫn đang lan tỏa đâu đó khắp cơ thể cô, luồn lách tới từng tế bào. Chính điều đó làm cô đẹp đến ngỡ ngàng trong con mắt của bà Quán hội Con hoa. Bà Quán đang ngồi bàn với bà Cả Ngật về việc tổ chức lễ dâng hoa Đức Mẹ vào mấy ngày tới. Nhìn thấy Mến bước vào nhà, bà giật mình quay sang hỏi bà Cả Ngật:

- Con này năm nay nó bao nhiêu tuổi hả bà?

Bà Cả Ngật bảo:

- Đâu mười chín, hai mươi gì đó. Lớn thế chứ còn tồ lăm bà ạ.

Bà Quán xuýt xoa tiếc rẻ: “Giá nó mười bốn để lại thì tốt bà nhỉ?”. Bà Quán nói thế và hình dung ra Mến diện áo dài trắng, quần lụa hoa, thêm chiếc ô đen lợp chéo go, đi đôi guốc cao gót vào nữa thì sẽ chẳng kém ai. Nhưng tuổi ấy chỉ vào hội Pha-ti-ma được thôi chứ không vào hội Con hoa được. Sau bữa đó bà Quán cảm tình với Mến lắm, lôi kéo cô vào nhà thờ bằng được để giúp bà một tay lo việc thánh. Ngay ngày hôm sau bà Quán đưa người sang nhắc bà Cả Ngật cho Mến sang nhà thờ giúp phục vụ cơm nước cho các cha và khách khứa ở các giáo phận về dự lễ. Liên tục mấy hôm liền Mến phải ở lý trong nhà thờ lo việc ăn uống cho các cha. Cô cương quyết không vào một hội đoàn nào cả, chỉ nhận mỗi việc phụ giúp nấu nướng thôi. Quần là áo lướt là việc xưa nay Mến không quen. Với lại, cô cũng chẳng thích các kiểu hội hè, rước xách của nhà thờ tí nào.

Tháng Năm năm nay cha Phăng quyết định tổ chức lễ dâng hoa Đức Mẹ thật to. Các quan người Pháp và người Việt đều rất ủng hộ. Buổi lễ được tổ chức ngay sau trận tập kích độ mười hôm để chứng tỏ An Lạc

chẳng hề hấn, sút mẻ gì, chẳng qua Việt Minh húc đầu vào đá mà thôi. Giáo dân cả các xứ khác cũng kéo đến dự. Hình như họ muốn đến để học tập cách tổ chức đội “Ngự lâm quân Công giáo” của cha Phăng nữa. Mến chẳng hiểu ý đồ của các cha nhà thờ, chỉ thấy mệt phờ người với những công việc ngổn ngang theo sự chỉ đạo của các bà, các cô. Buổi chiều hôm làm lễ Mến cũng chen được vào sát cửa sân nhà thờ để xem các con hoa múa hát. Đó là lễ hội lớn nhất mà Mến được xem kể từ ngày về làm dân xứ đạo này. Đó cũng là lễ hội cuối cùng gợi nhắc những hào nhoáng tâm linh của một tôn giáo khó hiểu trong cuộc đời vô đạo của Mến.

Đúng giờ lễ, tiếng chuông nhà thờ đổ hồi, kiệu hoa được con hoa nâng lên vai. Trước buổi lễ, kiệu hoa đã được đưa vào nhà xứ để cha Phăng làm phép thánh. Bây giờ cuộc rước bắt đầu cử hành từ trong thánh đường đi vòng quanh khuôn viên nhà xứ sau đó trở về trước sân nhà thờ. Mười ba con hoa được chia làm sáu cặp, năm cặp đầu mỗi cặp cầm một sắc hoa, cặp thứ sáu thì cầm một bó hoa nhiều màu. Hoa được cắm vào mâm bông. Các con hoa đều mặc áo tứ thân, thắt lưng hoa lý, hoa cà. Khi múa, dây lưng các màu bằng lụa bay lượn trông mềm mại, uyển chuyển, rất đẹp mắt. Trong lúc các con hoa múa hát, ở một góc sân con hoa thứ mười ba đánh trống cầm phách giữ nhịp. Lại có cả đàn, sáo, nhị đệm thêm vào nữa. Các con hoa vừa hát vừa múa.

Chúng tôi mọn mạy, phàm hèn

Dám đâu ghé mắt trông lên bàn thờ

Ngửa xin tràn xuống ơn thừa

Rộng ban giải tấm lòng thơm trước tòa

Khi dâng hoa, các con hoa tỏ lòng thành của mình bằng các động tác lúc thì úp hai tay vào ngực, khi thì giơ hoa lên hoặc làm động tác ước lệ như đang hái hoa. Các con hoa nhìn chung được luyện tập kỹ nên khi vào điệu rất đều và tự nhiên. Tay cầm hoa uốn lượn, các ngón tay, cổ tay, cánh tay dẻo và đẹp mắt. Bàn chân, khuỷu chân nhún nhảy, có lúc chỉ đi bằng năm đầu ngón chân như đi xuyên, có lúc bàn chân chuyển động là là mặt đất, nhẹ êm, lại có lúc dừng một chân làm trụ để xoay người, rất duyên dáng. Khi múa, cả đội hình con hoa được di chuyển, sắp xếp theo hình thập

giá rồi lại biến hóa thành hình ngôi sao, hình mặt trăng, hình mỏ neo, hình triều thiên. Bái vịnh xong các con hoa lần lượt tiến hoa.

Chúng con bồ liễu phận hèn

Ôn thương đã được bước lên gọi mừng

Đóa hoa khóm nóm tay bưng

Cứ thế, nào là *Nhiệm thay hoa đỏ hồng hồng, nhuộm riêng Máu Thánh thơm chung lòng người* chuyển sang *Xinh thay hoa trắng tốt lành, vì cùng nhân đức đồng trinh Đức Bà*, lại đến *Quý thay này sắc hoa vàng, sánh nhân đức mến Bà càng trọng hơn* tiếp theo *Dịu thay hoa tím càng màu, ý trên Bà những cúi đầu vâng theo* rồi *Lạ thay là sắc hoa xanh, mừng Bà nhân đức trọn lành cực cao...*

Mến xem đến tan buổi lễ thì thấm mệt. Bồ Cam bảo Mến mang thức ăn lên cho cha Phăng. Lần đầu tiên Mến bước chân vào phòng riêng của cha. Khi Mến đẩy cánh cửa ra thì cha Phăng đang ngồi bệt dưới đất, đầu gục lên thành ghế. Mến đặt thức ăn lên bàn rồi bước tới dìu cha đứng dậy. Mùi rượu tỏa ra nồng nặc. Cha uống quá nhiều, uống suốt mấy ngày hôm nay nên người rũ xuống. Khi Mến chạm vào người cha thì cha từ từ mở mắt ra. Cha ngẩng phắt đầu lên rồi từ từ gục đầu vào thành ghế. Mến dùng hết sức đỡ cha dậy, đưa cha vào giường. Tới bên giường, cha bỗng ôm chặt lấy Mến. Hình như cha rất cần thứ da thịt mát lạnh toát ra từ người Mến. Chiếc áo nâu xẻ tà có túi Mến mặc hôm nay ôm lấy eo lưng mảnh khảnh làm cơ thể Mến nổi bật lên những đường nét duyên dáng, nữ tính. Chiếc cổ khoét rộng, mái tóc vén cao lên, phần mang tai của Mến trắng hồng, mát mẻ và quyến rũ quá. Cha Phăng hôn vào phần dưới mang tai của Mến. Mến thấy rùng mình, vội giãy giụa tìm cách thoát ra khỏi tay cha. Nhưng quả thật là cha rất yếu. Mến chỉ vùng dậy một cái là cha đã tuột xuống giường, oặt ẹo như một dải chăn mỏng. Nhìn cha trong tình cảnh ấy Mến lại thấy thương hại. Ở cha vừa có nét đại lượng, cao cả vừa có nét uy quyền, độc ác. Cha vừa là thánh nhưng cũng lại rất đời khi luôn sốt sắng qua lại với đám các quan ở trại lính và Tòa sứ cũ. Quanh cha có rất nhiều đoàn, hội, rất nhiều các bà, các chị, mặc dù mấy năm trở lại đây ít có điều kiện tổ chức tế lễ, rước xách nhưng đám đàn bà con gái quần là áo lượt vẫn thậm thụt qua lại

nhỏ to với cha. Liệu đứng trước họ cha có còn là thánh nữa không hay cha cũng ham muốn, trần tục như những người đàn ông khác? Hôm nay với hành động của cha, Mến chưa thấy cha đáng ghét dù có lúc cô thấy sợ. Cha đang rất say và mệt, cha ôm hôn Mến như vẫn thường tỏ sự âu yếm với con chiên chứ chưa hẳn đã vì sự thôi thúc của sắc dục. Bằng chứng là cha hầu như không còn khả năng nhận biết những gì xảy ra xung quanh nữa. Mến kéo chiếc võ chăn đắp lên nửa người cha, rồi xuống bếp bảo với bà Cẩm:

- Cha uống nhiều quá nên say, ngủ rồi, bà nấu cho cha bát xúp, nửa đêm mời cha xơi cho lại người.

Xong xuôi, Mến cũng theo ngách nhỏ bên hông nhà thờ trở về nhà. Bà Cả Ngật ngủ lâu rồi. Mấy hôm nay bà phải nghỉ hàng để tham gia chuẩn bị cho lễ dâng hoa. Hôm nay mọi sự đã xong, chắc mệt nên phải ngủ từ sớm. Mến cũng thấy mệt bã người, thay quần áo ra xong là cô chui tọt vào giường, thả cho toàn thân trôi vào miền vô cảm kỳ bí.

Nhưng gần về sáng thì Mến tỉnh dậy, chạy vội ra đằng sau bếp nôn thốc nôn tháo. Bắt đầu từ hôm ấy, hầu như sáng nào Mến cũng nôn khan. Mùi cháo lòng là kẻ thù của khứu giác Mến. Cứ mỗi khi nồi cháo sôi ùng ục, hơi mỡ quẩn với mùi tiết, mùi gạo thoảng bay khắp gian buồng là Mến lại vượt cổ nôn khan. Gân xanh ở cổ Mến nổi những đường mờ mờ. Mến hay thấy mệt và thèm ăn chua. Vào nhà thờ lấy nước, mắt trước mắt sau thế nào Mến cũng phải vật được một thứ quả gì đó ở trong vườn. Những đôi thay ở Mến không qua được mắt bà Cả Ngật. Bà chết sững người. Bà lôi ngược tóc Mến từ dưới bếp lên nhà trên, vả cho tối tăm mặt mũi rồi hỏi:

- Mà y bôi tro trát trấu vào mặt bà như thế à? Mà y ăn nằm với ai? Bà tống mà y ra khỏi nhà chứ bà không để cái giống mèo mả gà đồng ở trong nhà bà nghe chưa? Nói ngay, mà y ngủ với ai?

Mến vừa đau, vừa sợ, cứ khóc ưng ức ở trong cổ họng. Bà Cả Ngật giậm chân bình bịch ở nhà trên rồi lại vỗ đùi bành bịch chạy xuống nhà dưới. Bà xót công nuôi nấng từng ấy năm của bà. Bà tiếc đứt ruột vì cái dự định của bà bị hỏng. Bà đã có ý gả con Mến cho anh cai Doãn, lính ở trên quận, vẫn thường đến quán ăn của bà. Nghe ra anh ta cũng ưng ý, bàn tới bàn lui, cả hai đều hả lòng rồi, chỉ còn hẹn ngày nữa thôi. Nhưng thế này

thì bà mất cả chì lẫn chài rồi. Thế này thì còn ai rước cái của nợ kia về nhà nữa. Rồi lại suốt đời cắm mặt xuống đất làm lụng nuôi con và ôm lấy cái tiếng không chồng thôi. Sao số bà khổ thế, nhục thế? Ông trời sao nỡ dày đoạ bà thế, cho bà rước cái của lằng loàn, đĩ thõa, ngu đàn kia về làm gì để bây giờ muối mặt với thiên hạ, nhục nhã với giáo giới, đồng đạo. Mà ai mới được chứ, nó có đi đâu ra khỏi nhà bà đâu nhỉ? Suốt ngày làm lụng với bà, chỉ có mấy hôm vừa rồi sễnh ra ít bữa lo việc ở nhà thờ thôi, chẳng lẽ nó đã kịp hủ hóa nhanh đến thế? Bà Cả Ngật đau đớn, rền rĩ, đánh đập Mến chán tay rồi lại ra ngồi bệt giữa nhà than khóc. Mến cũng thấy nhục nhã quá, thương bà Cả Ngật quá nhưng đâu có ngờ mọi sự nó lại ra thế này. Khốn khổ cho cái thân Mến, khốn nạn cho cái đời Mến, nhìn bà mẹ nuôi như đang đứt từng khúc ruột, ngồi hời lên những tiếng ai oán, thảm thiết, Mến lại càng thấy ân hận. Ai mà biết được cái chuyện trai gái lại dễ dẫn đến những điều phiền phức như thế này. Đời Mến chỉ va chạm có một lần duy nhất với cái người đàn ông tưởng đã chết ở chân núi Cô Hồn đấy thôi. Lần thứ hai là với cha Phăng, mềm oặt, ngúc ngắc như một thân chuối đổ sau bão. Sự va chạm với cha Phăng không gọi lên điều gì cả. Nó không phải là sắc dục. Nó không phải là chuyện của đàn ông và đàn bà. Nhưng nếu là cha Phăng thì sao nhỉ? Có thể bà Cả Ngật sẽ đỡ đau đớn, chua xót hơn chăng? Liệu có đỡ tủi phận, muối mặt, nhục nhã hơn không? Có thấy lòng mình thanh thản, vợi bớt đi những nặng nề, u ám hơn không?

Một ý nghĩ lóe lên trong đầu Mến. Nó đến rất nhanh rồi cứ thế trở đi trở lại trong Mến. Và Mến quyết định nói cái điều mà cô cho rằng làm thế bà Cả Ngật sẽ bớt tủi nhục hơn. Lúc đầu, bà Cả Ngật ớ người ra. Chả nhẽ lại như thế thật sao? Cha Phăng là một con người vô cùng đáng kính trong con mắt bà Cả. Cha là người có thể lực cả ở bên đời lẫn bên đạo. Cha lại thuộc một dòng giống cao sang, có thể làm được những việc đời sông lập bề, nếu con Mến có một cái gì đó với cha, tuy không đến nỗi từng từng sung sướng nhưng cũng không đến nỗi phải hổ thẹn. Thế là khí hỏa trong người bà Cả Ngật cứ tụt dần, tụt dần. Càng nghĩ, bà càng thấy nhẹ nhõm. Ừ, nếu thế thì đáng được an ủi quá đi chứ. Nếu thế thì con Mến cũng đâu đáng trách. Nó phải thế nào đấy mới được cha yêu, cha quý. Tất nhiên việc

của cha là việc kín đáo, chuyện của cha là chuyện động trời, nhưng như thế chẳng phải nhà bà là trường hợp hi hữu đặc biệt của cả xứ đạo này đấy sao? Mà cái lễ hi hữu ở đây nó huyền diệu lắm. Nó mang lại cho bà Cả Ngật một cảm xúc thầm kín, không nói ra được nhưng vô cùng phấn khích.

Bà Cả Ngật xoay ra đối xử với Mến khác hẳn mấy ngày vừa qua. Bà thì thụt qua lại chỗ cha Phăng, rồi chăm lo cho Mến đến đâu đến đấy, cứ như thể Chúa đã gửi gắm cho bà một việc trọng, cao cả mà đáng cay lắm, vinh quang đấy nhưng cũng là kiếp nạn thử thách phải gánh chịu. Mến tự đứng thoát khỏi tình trạng khốn nhục, tiếp tục sống trong nỗi phấp phỏng lo âu, vừa căng thẳng vừa mừng vui, vừa chờ đợi một điều gì đó rất mơ hồ lại vừa hốt hoảng sợ hãi cho cái kết cục sẽ phải đến trong nay mai không biết sẽ ra sao?

Bây giờ thì cái kết cục ấy đã đến.

Sau những giờ phút vật vã, khổ sở đứa trẻ đã ra đời từ Mến và nó ngay lập tức bác bỏ cái danh phận hờ được khoác lên người khi còn ở dạng bào thai.

Cả bà Cả Ngật và cha Phăng dường như đều không bận tâm lắm đến cái sắc diện của đứa trẻ, mặc dù họ cũng hơi có chút lẩn tránh trong lòng khi lần đầu nhìn thấy thằng bé. Niềm tin được thắp lên trong họ cháy âm ỉ suốt một năm qua, không dễ mà tắt phụt đi được. Bà Cả Ngật rất yêu đứa trẻ. Hình như với bà, đứa trẻ là sự gửi gắm của Chúa, nó có giống cha Phăng hay không, bà chẳng lấy làm bận lòng về điều đó nữa. Thằng bé ăn khỏe, ngủ khỏe, đôi mắt lúc nào cũng mở to nhìn lên trần nhà, trong trẻo nhưng thoáng u buồn. Nó có vẻ hiểu sự ra đời của nó là trở trêu và nó không ngừng lý giải cho cái sự trở trêu ấy bằng một cơ thể khỏe mạnh, một đôi mắt trầm tư, khắc khoải, lúc nào cũng như đang dõi về xa xăm, trắc ẩn và đầy dự cảm bất hạnh.

Cha Phăng cũng yêu thằng bé chẳng kém gì bà Cả Ngật. Có lẽ trong thâm sâu vô thức của người đàn ông hiến cả đời mình cho sứ mệnh hành đạo này cũng có khát vọng trường tồn hiện sinh bản ngã. Khát vọng ấy được bắt cháy một cách mơ hồ trong ông ta, đến khi đứa trẻ ra đời thì nó không thể tắt được nữa, nó - cái khát vọng nhỏ nhoi ấy - cứ cháy mãi trong

bầu khí giả tưởng ẩn sâu dưới đáy góc tâm hồn. Vì thế cậu bé Minh Việt được hưởng một cuộc sống đầy yêu thương mà không cần biết tới cái khắc nghiệt định mệnh đang đón đợi. Những tháng tuổi đầu tiên của Minh Việt trôi đi cùng sự giãy chết của một thể chế đã úa tàn. Đội quân khổng lồ của người Pháp đang rã đám từng mảng, thời tiết chính trị biến động từng ngày, công việc hành đạo của cha Phăng đang có vẻ đi vào ngõ cụt. An Lạc nằm cách cảng biển Hải Phòng không xa. Khi những phát đại bác cuối cùng làm xong công việc của nó ở lòng chảo Điện Biên, An Lạc trở thành nơi dồn chứa tất cả các sắc lính thua trận. Hơn tám năm về trước Trung đoàn hỗn hợp thuộc Quân đoàn 50 của Tướng Giới Thạch buộc phải rút khỏi An Lạc sau khi đã tìm mọi cách ở lại mà không được. Sau đó đến những đội viên thị vệ của An Lạc cũng phải ngậm ngùi ra đi, mang theo lời thề sẽ có ngày trở về đuổi sạch người Pháp ra khỏi thị trấn. Suốt tám năm qua các đội viên thị vệ không ngừng mơ tới ngày băng qua sông Sầu Diện, vượt bến đò Lãng Tiên, tiến vào giải phóng thị trấn thân yêu của họ. Bây giờ thì An Lạc nằm trong vòng ngãm của họ rồi. Nguyên Bình cùng đội quân tiếp quản đã có mặt ở bên kia bến đò Lãng Tiên. An Lạc tạm thời còn đang là một khối bùng nhùng những quan quân thất trận, những tàn dư cũ nát của một thể chế đã lỗi thời, những con buôn chiến tranh và đám cò mồi chính trị, những khuôn mặt mệt mỏi, bơ phờ của đám giáo dân các xứ dồn tụ về chờ ngày được hót đi. Chúa đã vào Nam rồi, đám chiên ghẻ chẳng còn lý do gì để mà ở lại đất này nữa. Cha Phăng bận tối mắt, tối mũi với việc tổ chức cho đám chiên mà cha chặn dặt suốt bao nhiêu năm qua xuống tàu vào Nam theo Chúa. Toàn bộ số dân khu vực Nhà Thờ sẽ ra đi hết. Đành phải bỏ lại giữa lòng thị trấn An Lạc này ngôi thánh đường to đẹp mà Đức bề trên đã từng mất nhiều công sức xây dựng. Thị trấn Nét Mặt Buồn rồi đây sẽ chỉ còn dòng nước mắt chảy tràn cùng ngọn núi Cô Hồn như nốt mụn ruồi đơn lẻ bên cánh mũi phập phồng mà không còn tiếng chuông nhà thờ vang lên vào mỗi buổi chiều nữa. Việt Minh sẽ là những chủ nhân mới của thị trấn này, Nét Mặt Buồn sẽ chỉ còn là ký ức phai mờ trong lòng những người như cha Phăng mà thôi. *Một trăm ngày* là khoảng thời gian để các bên tham chiến tập kết về hai bờ vĩ tuyến mười bảy. *Một trăm ngày* này cũng là khoảng thời

gian để những người như cha Phăng tích cực lo cho đám chiên sùng đạo di cư về phương Nam. Tàu Mơ-na và tàu Giê-nê-ran chở hết chuyến này đến chuyến khác, nửa triệu giáo dân đã rời cảng Hải Phòng theo về nước Chúa trên những chiếc tàu này. Các tàu chiến cũng tham gia chở giáo dân di cư. Lại thêm mấy trăm nghìn người nữa đặt chân xuống những chiếc tàu chiến của người Pháp, gửi gắm thân phận mình cho biển cả đưa về nơi Chúa ngự, bất biết nơi đến ở đâu, có những gì đang đón đợi? Bà Cả Ngật và Mến cũng đã chuẩn bị từ lâu, ráo riết nhưng âm thầm vì họ sẽ là những người ra đi cuối cùng. Hàng cháo lòng chưa bao giờ đắt khách như những ngày này. Cha Phăng cũng đã hứa sẽ để dành chỗ cho mẹ con bà Cả Ngật trên một chuyến tàu quân sự đặc biệt. Chuyến tàu này sẽ nhổ neo trước khi Việt Minh tiến vào thị trấn Nét Mặt Buồn.

Mến sẽ không khó khăn cho sự lựa chọn nếu cô không bất ngờ nhận ra người đàn ông ở chân núi Cô Hồn. Người đàn ông ấy bỗng dưng có mặt ở đầu phố Tứ Phủ trong bộ quân phục sẫm màu, súng đeo trễ trước bụng, bước đi điềm tĩnh, hàng hoàng cùng vài ba người nữa. Hôm đó Mến đi lấy nợ cho bà Cả Ngật, khi ngang qua phố Tứ Phủ, tới trước cửa hiệu *Lúa Vàng* cũ, cô tò mò ngăm nhìn dòng chữ viết bằng phấn trắng, to đậm: *Ủy ban quân quản lâm thời thị trấn An Lạc*. Cạnh đó có mấy anh lính Việt Minh xách súng đứng gác. Mến thấy là lạ. Vậy là những người lính ở bên kia bến đò Lãng Tiên đã có mặt ở phố chính của thị trấn rồi. Họ là những người đầu tiên trở về đây sau hơn tám năm bị đẩy bật ra khỏi thị trấn. Rồi đây họ là chủ và những người như cha Phăng là kẻ thù của họ. Họ sẽ làm cỏ ngôi giáo đường vốn chứa vô vàn tội ác, sẽ treo cổ đám dân binh nhà thờ, sẽ đuổi những giáo dân chăm chỉ đọc kinh nhất lên núi ở với khi, sẽ xử bắn tất cả những ai từng làm cai, đội xách súng theo người Pháp. Mến rất lo sợ điều ấy xảy ra. Nhưng nghĩ đến người đàn ông của mình Mến lại thấy hồi hộp, mong mỏi, run rẩy, bồn chồn. Thật khó phân biệt được cảm xúc của Mến lúc này. Sự thực là cô chưa kịp hiểu gì nhiều về người đàn ông ấy. Ngay cả khi người ta làm chủ cơ thể cô, cô cũng chỉ nghĩ một cách giản đơn rằng chiến chinh là việc của những người đàn ông, còn đàn bà như cô chỉ biết yêu và yêu hết mình cho người đàn ông của mình mà thôi. Cô lớn

lên giữa lúc chiến tranh đang chập xuống quanh cô nhưng cô không hiểu gì về nó. Cô là người đứng giữa hai làn đạn mà không biết mình thuộc về phía nào. Ở cô chẳng có cái gọi là ý thức chính trị gì hết. Cô chỉ biết cô thuộc về người đàn ông có đôi mắt rất hiền đã từng nhìn cô mê dại bên hồ nước cạn trên ngọn núi Cô Hồn năm nào. Cô đã có con với người ấy. Theo lẽ thông thường thì đã có thể coi cô là vợ của người ta được rồi. Nhưng nếu bây giờ người ấy trở về và đuổi mẹ con cô cùng bà Cả Ngật lên núi ăn lá dại mà sống thì sao? Người ấy có thể lực, có súng đạn trong tay, có sự thâm thù với đám giáo dân một lòng thần phục cha Phăng, ai biết được người ấy sẽ làm gì khi An Lạc thuộc về Việt Minh? Mến cứ tần ngần trước cửa trụ sở đóng tạm của Ủy ban quân quản lâm thời mà nghĩ vu vơ về người đàn ông thầm kín của cô. Cô nhìn những người lính đi đi lại lại kia, thấy họ nghiêm trang nhưng có nét gì đó lạnh lạnh, dễ gần, quân phục trên người họ trông không góm ghiếc, nhứt mắt như những kiểu quần áo mà anh cai Doãn vẫn mặc. Sức mạnh toát ra từ họ không hàm chứa sự tàn ác như đám dân binh mà Mến vẫn thường gặp. Mến có thiện cảm với họ dù Mến đang rất lo sợ sự có mặt của họ ở thị trấn này. Những luồng cảm xúc trái ngược trong Mến không ngừng hành hạ cô. Lý trí không soi sáng được điều gì khi mà khoảng tối trong lòng Mến được đám dân Nhà Thờ dát một thứ hắc ín suốt bao ngày qua. Người ấy chưa từng hứa hẹn điều gì với Mến cả. Người ấy cũng không nói những lời mà đàn ông thường nói với đàn bà khi phải lòng nhau. Người ấy cứ thế chiếm ngự Mến như không thể không ăn trái cam trước mặt, không thể không hái bông hoa trong tầm tay với. Mến chỉ còn biết chờ đợi trước hành động của người ấy, chẳng kịp nghĩ suy hay nói đúng hơn, chẳng muốn nghĩ suy gì hết, cứ thả lỏng mọi cảm xúc cho sự luyến ái âm thầm mà chăm bặt, lạnh lẽ mà ngổn ngấu, rứt rứt, e ngại nhưng không thể không đi đến cùng...

Giữa lúc những kỷ niệm vừa đẹp đẽ vừa nặng nề ấy len lén trở về trong Mến thì người đàn ông hiện ra ngay trước mắt cô như một cơn mơ trong giấc ngủ tạm. Người ấy từ trong trụ sở Ủy ban quân quản bước ra, vừa đi vừa nói chuyện với hai người đàn ông mặc quân phục nữa. Họ có vẻ

như đang tập trung bàn bạc một vấn đề gì đó quan trọng lắm. Mến dụi mắt nhìn lại cho kỹ rồi không kìm nén được, cô cất tiếng gọi:

- Nguyên Bình!

Đúng là Nguyên Bình thật. Anh đang cùng mấy đồng chí của mình dừng lại trước cửa ngôi nhà dùng làm trụ sở Ủy ban quân quản để chờ xe tới đón đi. Nguyên Bình nghe thấy tiếng gọi, quay ra nhìn Mến từ đầu đến chân, mày nhíu lại như cố nhớ xem người đang đứng trước mặt mình là ai, rồi anh bỗng bước nhanh tới bên cô, nói một cách dứt khoát:

- Cô nhầm người rồi. Tôi không quen biết cô.

Giữa lúc Mến sững sờ không thốt nổi một lời thì người đàn ông luôn án ngữ trong tâm tưởng cô đã quay gót trở lui. Mến không tin vào tai mình nữa, chỉ thấy con phố Tứ Phủ như tối sầm lại. Mến vội vịn vào gốc cây bàng gần đó để giữ cho mình khỏi ngã. Cô cảm thấy đất dưới chân như đang chao đảo. Phía sau cô có tiếng của một người đàn ông cất lên:

- Ai vậy Nguyên Bình? Người quen của cậu hả?

Giọng Nguyên Bình gạt đi:

- Không, không. Báo cáo thủ trưởng, cô ta nhầm người đấy ạ. Kìa xe đến rồi, mời thủ trưởng lên xe cho kịp họp.

Quả là có một chiếc xe đang trở tới và cả đám bọn họ lục tục mở cửa xe, bước lên. Mến úp nón vào bụng, rảo bước về phía cuối phố. Mến đi như chạy, trong đầu như có cả một đàn ong đang bay. Đúng là Nguyên Bình rồi. Không thể có chuyện anh ta không nhận ra Mến được. Người đàn ông ấy đã cố tình phui Mến đi như phui một hạt bụi trong ký ức mà thôi. Có thể do công việc của anh ấy đang rất phức tạp nên buộc phải hạn chế tiếp xúc với những người quen biết cũ chẳng? Hay anh ấy sợ Mến sẽ gặp họa giữa thời buổi nhốn nháo, hỗn quân hỗn quan này? Tất cả các ý nghĩ trong Mến đều không làm cô thỏa mãn, nó như những dòng sông có khởi nguồn mà không tìm ra tới biển cả. Nó làm cho đầu óc cô như muốn vỡ tung ra. Thái độ của người đàn ông ấy thật quá khó hiểu đối với Mến. Mến không muốn tin anh ta là một người tàn tệ, vô tình, vô nghĩa. Mến tìm mọi cách biện hộ cho cách cư xử lạ lùng vừa rồi nhưng không sao yên được lòng mình.

Giữa lúc ấy thời hạn cuối cùng của khoảng thời gian *một trăm ngày* đã đến.

Toàn bộ giáo dân khu Nhà Thờ đã dứt bỏ An Lạc ra đi. Bà Cả Ngật và Mến được cha Phăng cho ngồi lên xe chạy một mạch ra tới bến tàu. Họ bước xuống một chiếc tàu chiến vẫn dùng để chở xe tăng. Cha Phăng xếp cho ba bà cháu một góc boong ở trên tầng hai. Bà Cả Ngật trải chiếu xuống mặt boong rồi mắc chiếc võng gai lên cho mẹ con Mến nằm. Cha Phăng ở một phòng riêng trên tầng ba của con tàu. Thỉnh thoảng cha lại xuống boong bế thằng nhỏ con Mến, đi đi lại lại giữa các tầng, nói những lời âu yếm với nó, cho nó những thứ bánh trái mà người ta dâng lên cha. Thằng bé bụ bẫm, đáng yêu lắm. Quần áo nó mặc trên người là thứ vải nhung lót lụa do chính tay cha nhờ mua ở mấy hiệu vải lớn bên phố. Cổ chân nó đeo lục lạc bằng bạc cũng do chính tay cha tặng. Nó có đôi mắt đẹp nhưng buồn. Nó không khóc, không cười, ai bế cũng được, riêng với cha Phăng nó tỏ ra khá quyến luyến.

Buổi chiều hôm đó, Mến ôm con trong lòng mà mắt không rời bến cảng. Mến đã nhận ra một dáng dấp quen thuộc. Phải, vẫn là người đàn ông ấy. Anh ta đang đứng dưới chiếc dù che tạm nơi đầu cầu cảng, lúc thì lật lật sổ sách để trên bàn, lúc quay ra trao đổi bàn bạc gì đó với mấy người xung quanh. Họ đều mặc quân phục cả. Thái độ của họ khẩn trương, nghiêm túc lắm, cả một chút lạnh lùng nữa. Bỗng Mến nhìn thấy từ phía ngoài cổng cảng hàng đoàn lính Pháp và lính Việt nối đuôi nhau tiến về chỗ mấy con tàu đang đỗ. Nguyên Bình và những đồng chí của anh đang làm những thủ tục cuối cùng cho đội quân thất trận xuống tàu rút đi. Anh là người chiến thắng. Trong nỗi mừng vui này anh chưa biết là mình còn có một cậu con trai nữa. Anh cần phải biết điều đó. Và Mến đã gào lên:

- Nguyên Bình! Nguyên Bình!

Nguyên Bình đang bước từng bước chậm rãi trên cầu cảng. Tiếng gọi của Mến làm anh sững lại. Mến giơ cao đứa bé lên cho anh ta nhìn thấy. Nhưng anh ta đã lại bước đi về phía bờ kia của cầu cảng, khuất sau những người lính Pháp đang xếp hàng xuống tàu. Mến lại gọi:

- Nguyên Bình! Nguyên Bình!

Tiếng gọi của Mến chỉ làm một người duy nhất đang đứng trên mặt
boong gần đó, giật mình!

Chương 4

Sau này, trong tất cả các bản khai lý lịch của mình, tôi đều ghi: Tôn giáo: Không!

Nhưng thực ra tôi đã được nhận lĩnh bí tích *Rửa tội* sau hai tuần tuổi. Tôi còn có tên thánh là Phê Rô. Tôi đã gia nhập đạo khi còn chưa biết gì, và sau này, cũng vì chưa biết gì về đạo, tôi là người không tín ngưỡng.

Đã là người theo đạo, không ai lạ gì việc thụ lĩnh các bí tích. Có bảy bí tích cả thầy: Rửa tội, Thêm sức, Mình Thánh Chúa, Giải tội, Xức dầu Thánh, Truyền chức Thánh và Hôn phối. Không phải tín đồ nào cũng được nhận đủ bảy bí tích nói trên. Những người như cha Phăng sẽ không có bí tích *Hôn phối* và những người như bà tôi sẽ không được nhận bí tích *Truyền chức Thánh*. Tất nhiên cũng có những trường hợp đặc biệt có thể lĩnh đủ bảy bí tích, đó là các vị linh mục xuất tu lấy vợ. Tôi cũng có thể coi là một trường hợp đặc biệt, vì tôi chỉ được nhận một trong bảy bí tích mà thôi.

Hôm ấy, khi tôi được hai tuần tuổi, bà bế tôi vào nhà thờ cho cha Phăng làm lễ *Rửa tội*. Bà mặc cho tôi một chiếc áo lụa màu mỡ gà có viền vàng thẫm. Đó là chiếc áo choàng kiểu cung đình có dây lưng thắt lại ở trước bụng. Tay và chân tôi đều được đi vớ màu trắng ngà, sợi rút màu đỏ có đính các hạt gỗ thơm. Cha Phăng cầm một cành dương liễu nhỏ nhúng vào bình sứ trắng viền vàng in hình Đức Mẹ đựng đầy nước lã tinh khiết rồi rẩy lên đầu tôi. Vừa rẩy nước cha vừa đọc: *Ta rửa con, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần...*

Sau buổi lễ này cha Phăng đã quàng vào cổ chân bên trái của tôi một chiếc vòng bạc. Chiếc vòng này được làm rất kỳ công. Nó có hình con rắn, đầu và đuôi ngậm chặt vào nhau, ngoài những đường nét hoa văn chạm khắc cầu kỳ, đầu con rắn còn được gắn một viên đá màu xanh lam, nhỏ như hạt vừng. Đây là một ân sủng của cha Phăng đối với tôi. Bà rất lấy đó làm hãnh diện. Bà chẳng tiếc tôi điều gì. Bà sắm cho tôi đầy một thùng quần áo, tã lót, khăn, vớ, tất, mũ, giày, dép. Bà mong chờ tôi lớn lên từng ngày để

diện được tất cả những thứ đó. Trong ngăn tủ của cha Phăng cũng chứa nhiều thứ để dành sẵn cho tôi. Có lần cha Phăng bảo tôi: “Con có đôi mắt của một giáo sĩ đấy con trai ạ!”. *Ba tháng biết nấy, sáu tháng biết bò, chín tháng lò dò biết đi*, tôi tuân theo cái quy luật ấy của dân gian. Nhưng lúc tôi không tuổi là lúc xung quanh đang diễn ra những biến động lớn. Đứa trẻ sơ sinh của nhà bà Cả Ngật phồng phao dần lên chính vào khoảng thời gian *một trăm ngày* đặc biệt của lịch sử. Đây là khoảng thời gian cha Phăng và những người như bà chuẩn bị rời khỏi An Lạc để theo Chúa vào phương Nam. Đây cũng là khoảng thời gian để cho những người như bố tôi, những đội viên thị vệ năm xưa chuẩn bị vượt sông Sầu Diện tiến vào giải phóng thị trấn An Lạc. Tôi hưởng mọi niềm yêu thương của bà, của mẹ, của cha Phăng, của bố Cẩm, của bà Quản hội Con hoa, của cả cộng đồng giáo dân quanh khu Nhà Thờ từ không tuổi đến một tuổi mà không hề ý thức được điều ấy. Bước sang tuổi thứ hai của cuộc đời, mọi niềm yêu thương ngày một rời bỏ tôi mà đi, dĩ nhiên tôi cũng không ý thức được điều ấy để mà níu kéo hay buồn tiếc. Đám dân khu Nhà Thờ lần lượt xuống tàu, bỏ lại sau lưng thị trấn An Lạc với ngôi thánh đường uy linh một thửa. Họ không muốn sống chung với những đội viên thị vệ đang tập kết ở bên kia bến đò Lãng Tiên, chỉ còn chờ vài ngày nữa thôi là sẽ vượt sông tiến vào thị trấn. Tôi chỉ còn được hưởng niềm yêu thương của bà và cha Phăng một cách gấp gáp, vội vàng. Cha Phăng dạo này bận việc suốt, chẳng mấy khi chịu gặp tôi. Bà thì tối ngày lo chuẩn bị cho sự ra đi. Hết bán hàng lại tìm cách thu gom tiền bạc, mua vàng dự trữ, bán những đồ đạc không mang theo được, nhắc nhở mẹ tôi thúc nợ chỗ này, đòi bạc chỗ kia, cả nhà cứ quay như chong chóng. Nhưng dù bận thế nào đi nữa thì bà vẫn không bỏ thói quen đọc kinh. Bà yêu quý tôi, ngoài việc cho tôi ăn mặc, bà còn nhồi cả những thứ bà tụng hàng ngày vào đôi tai trẻ thơ của tôi nữa. Tôi nằm trong chiếc nôi đan bằng mây được chuốt kỹ ánh lên màu nâu bóng. Chiếc nôi được gắn với một giá đỡ bằng gỗ, có thể di chuyển được. Bà thường đặt cái nôi nằm bên cạnh bà trong những lúc bà đọc kinh, dù ở nhà hay ra nhà thờ. Tôi ít khóc, mắt lúc nào cũng mở to, nhìn hút vào miệng bà. Như thế có vẻ như tạo hứng khởi cho bà nhiều hơn. Bà vừa đọc vừa làm dấu thánh và

nhìn tôi âu yếm. Đôi lúc mắt bà lim dim. Lại có khi bà mãi nhìn tôi đến quên cả làm dấu thánh. Bà không hề biết chữ nhưng lại thuộc rất nhiều kinh. Sáng, trưa, chiều, tối, ngày lễ, ngày chủ nhật bà đều đọc cả, mỗi lần đọc là một bài khác nhau. Tôi vô cùng ấn tượng về bài *Kinh cầu các Thánh* dài lê thê với những tên ông Thánh, bà Thánh loằng ngoằng, ngúc ngắc, khó nghe, khó nhớ vô cùng. Vậy mà bà vẫn đọc trôi chảy, đọc vanh vách trước con mắt mở to của tôi.

... Rất Thánh Đức Mẹ Chúa Trời

Rất Thánh Nữ Đồng Trinh trên hết các kẻ đồng trinh

Đức Thánh Mi-ca-e

Đức Thánh Ga-bi-ri-e

Đức Thánh Ra-pha-e

Các Thánh thiên thần cùng các Thánh Tổng lãnh Thiên thần

Chín phẩm các Thánh Thiên thần

Ông Thánh Gio-an Bao-ti-xi-ta

Ông Thánh Giu-se

Các Thánh Tổ tông cùng các Thánh Tiên tri

Ông Thánh Phê-rô

Ông Thánh Phao-lô

Ông Thánh An-rê

Ông Thánh Gia-cô-bê

Ông Thánh Gio-an

Ông Thánh Tô-ma

Ông Thánh Phi-líp-phê

Ông Thánh Ba-tô-lô-mê-ô

Ông Thánh Mát-thê-ô

Ông Thánh Xi-mong

Ông Thánh Ta-đê-ô

Ông Thánh Mát-thi-a

Ông Thánh Ba-na-bê

Ông Thánh Lu-ca

Ông Thánh Mát-cô

Ông Thánh Tê-pha-nô
Ông Thánh Lô-ren-xô
Ông Thánh Vi-xen-tê...
Các Thánh Đồng trinh cùng các Thánh Thủ tiết
Các Thánh Nam cùng các Thánh Nữ
Chúa hằng có lòng lành
Chúa tha tội chúng con

...

Bài kinh cứ thế kéo dài vô cùng vô tận. Tôi đã được thụ lĩnh một bí tích, tức đã nhận được dấu hiệu khả giác, linh hồn đã được thông ban ân sủng vô hình và thánh hóa nội tâm. Bây giờ lại hàng ngày được tráng rửa tâm hồn bằng những bài Kinh sáng, Kinh tối, Kinh chủ nhật, Kinh nguyện, Kinh cầu, Kinh dâng lễ dọn mình của bà. Chẳng biết Chúa thật có trên đời này không, chỉ biết lòng tôi luôn trống rỗng, niềm tin chưa kịp đến và ở lại thì đã bị đẩy bật ra khỏi đạo rồi. Cái hôm mẹ bế tôi xuống tàu ở cầu cảng số ba là buổi cuối cùng tôi được nghe những câu kinh từ miệng bà. Cũng là buổi cuối cùng tôi được cha Phăng bế ẵm và hôn những cái hôn nồng ấm lên hai bên má.

Khi mẹ bế tôi giơ lên thật cao, miệng không ngừng gọi to: Nguyên Bình! Nguyên Bình! đã làm một người đứng gần đó giật mình. Đó là một người đàn ông đứng cùng mặt boong với mẹ. Ông ta mặc đồ ka ki vàng, đeo thắt lưng to bản, chân đi giày da đen bóng, đầu đội mũ lưỡi trai mềm, bao súng để trễ trước bụng. Ông ta là lính *liên hiệp*, đeo lon trung sĩ. Người đàn ông ấy tiến đến sát bên mẹ tôi và hỏi:

- Chị biết anh ta à?

Mẹ tôi giật mình nhìn sang người đàn ông lạ, miệng bỗng trở nên lắp bắp:

- Vâng... à không... à vâng. Nhưng sao ạ?

- Tôi là người quen của anh ấy. Nhưng tôi rất lạ là không hiểu sao anh ấy không chịu nhận ra tôi. Tôi đã tự hỏi không lẽ trí nhớ của anh ấy đã suy giảm? Hay là anh ấy sợ điều gì?

Mẹ bỗng òa lên khóc. Hình như nỗi tủi thân của mẹ được người đàn ông kia khơi nguồn cho tuôn chảy, cứ thế trào ra, nước lên thành tiếng khóc không sao nín lại được. Người lính thất trận có vẻ lúng túng trước những giọt nước mắt của mẹ tôi, ông ta bảo:

- Thôi, chị đừng khóc nữa. Chị là thế nào với anh ấy?

Điều mà mẹ tôi giữ kín suốt bấy nhiêu ngày qua giây phút này bỗng được xổ hết ra, thật thà và ai oán. Có thể anh lính thua trận kia có khuôn mặt chân thành quá, cũng có thể vì anh ta cũng đang tâm trạng như mẹ, buồn, giận, nghi hoặc, bất nhẫn nên mẹ dốc hết những điều sâu kín trong lòng ra chẳng? Mẹ bảo:

- Em khổ lắm bác ơi. Anh ấy là bố thằng bé này đây. Đạn đánh nhau năm kia bác còn nhớ không? Em gặp anh ấy chạy lạc vào núi Cô Hồn. Rồi em mang thai thằng này. Em tưởng anh ấy sẽ về nhận hai mẹ con em. Ai ngờ anh ấy hờ hững như người dưng. Lại bảo em nhìn lầm người. Lầm làm sao được! Đúng tên, đúng hình ấy, vóc ấy, mặt ấy lại bảo không đúng người là sao? Em biết làm thế nào bây giờ hả bác? Chúng em mà đi lần này biết đến bao giờ mới quay trở lại được? Chẳng lẽ để thằng bé không được nhận bố? Thực sự thì anh ấy là người thế nào? Bác là bạn của anh ấy, bác có hiểu anh ấy là người thế nào không?

Người đàn ông mặc đồ lính trận ngồi bệt xuống mặt boong, tay cầm chiếc mũ vải để kẹp giữa hai đùi, chân hơi duỗi, mũi giày ghếch lên. Ông ta bảo:

- Tôi và anh ấy đã từng cùng học, cùng chơi với nhau. Tôi nợ anh ấy cái mạng sống này. Chúng tôi không thể đi chung với nhau một con đường nhưng tôi vẫn coi anh ấy là bạn. Chẳng hiểu sao anh ấy lại không nhận tôi nữa.

Mẹ hỏi:

- Đã bao lâu rồi bác không gặp anh ấy?

Người đàn ông bảo:

- Gần chục năm.

Mẹ bảo:

- Thế đã đành. Đàng này em và anh ấy mới gặp nhau có năm ngoái, năm kia thôi. Gặp tình cờ ở trong núi ấy mà. Đạn ấy khiếp lắm. Em cứ tưởng anh ấy đã chết trong hốc núi, dưới đám lá xương sông...

Người đàn ông tủm tỉm cười rồi hỏi:

- Gặp nhau ngắn ngủi thế mà đã kịp có thằng cu này cơ à?

Mẹ giải bày:

- Em khổ lắm bác ơi. Gần nhau có mấy ngày là em coi như mình đã thuộc về anh ấy. Bây giờ thằng bé lớn bằng ngần này rồi, chẳng lẽ bố con lại không nhận nhau?

Người lính *liên hiệp* vò vò chiếc mũ ở trong tay, tỏ vẻ ái ngại cho mẹ. Lát sau ông ta bảo:

- Chị nên gặp bằng được anh ấy một lần, nói rõ mọi điều cho anh ấy nghe, rồi tùy theo cư xử của anh ấy mà chọn cho mình việc đi hay ở. Tôi hiểu lúc này mọi việc đều rất phức tạp. Anh ấy là người của quân đội Việt Minh, kỷ luật của họ rất nghiêm và quan điểm chính trị của họ rất khô cứng. Nhưng biết đâu, khi đã rõ sự thật thế này, anh ấy lại liệu được. Việt Minh thì cũng phải có vợ, có con chứ? Tôi nghĩ thế.

Mẹ ôm chặt tôi vào lòng, sụt sịt một lúc rồi bỗng quay sang người đàn ông, nói như trút lòng mình:

- Em nghe lời bác, có khi em phải lên bờ tìm anh ấy. Bà cụ nhà em đang cầu kinh ở đầu boong kia. Nếu em không quay trở lại thì nhờ bác nói khéo với cụ hộ em nhé. Em ơn bác!

Người đàn ông có vẻ bất ngờ trước thái độ dứt khoát của mẹ. Ông ta bảo:

- Tàu sắp rời cảng rồi. Đây là những chuyến cuối cùng, chị phải lo việc của mình cho nhanh mới kịp.

Mẹ như không nghe lời ông ta nói, vụt đứng dậy, vừa nhìn về phía bà vừa len lén bước xuống cầu thang. Người đàn ông cũng bật dậy theo. Ông ta đi ngay đằng sau mẹ. Tới chỗ lên xuống giữa hai tầng tàu, ông ta giữ mẹ lại, thò tay vào túi móc ra một sợi dây chuyền màu vàng, bảo:

- Tôi linh cảm là chị lên bờ lần này sẽ không xuống lại nữa. Chị giữ vật kỷ niệm này của tôi cho đứa bé. Nếu anh ấy nhận chị và con, khi nhìn

thấy chiếc dây này anh ấy sẽ nhớ ra tôi. Tôi là Thành, Tuấn Thành. Nào để tôi đỡ chị lên.

Mẹ trèo lên thành tàu rồi bước lên bờ. Người đàn ông chờ sẵn bế tôi trao cho mẹ. Mẹ ôm tôi, cứ thế chạy về phía có tấm dù che tạm ở đầu cầu cảng số Ba. Mẹ hỏi một câu gì đó với người đàn ông đang ngồi trên ghế. Người này quay ra bảo:

- Anh Nguyễn Bình đang ở trong khu nhà hai tầng kia, chị vào đó mà tìm.

Theo tay chỉ thì người mà mẹ tôi muốn tìm đang có mặt ở đâu đó trong khu nhà quét ve màu vàng ẩn sau rặng phi lao phía đầu cầu cảng số Một. Mẹ đi như chạy về phía khu nhà ấy. Đằng sau mẹ bỗng hàng loạt âm thanh chói gắt rú lên inh ỏi, trên nóc những con tàu những cột khói phụt ra, quần vào nền trời đang tắt nắng. Hình như có tiếng thét gọi mẹ và tôi. Đúng rồi, tiếng gọi lạc giọng của bà! Bà đã dứt ra khỏi bài kinh cầu của mình và đang hốt hoảng tìm kiếm mẹ con tôi trên các mặt boong. Mẹ vẫn đi như chạy. Có một niềm hy vọng đang lớn dần lên trong mẹ. Nhưng những người lính gác đã không cho mẹ bước chân vào ngôi nhà hai tầng quét ve màu vàng. Họ bảo:

- Đây là khu quân sự, nhà chị tìm ai mà vào đây? Dân di cư tập trung ở phía đằng kia cơ mà?

Mẹ nói trong hơi thở hỗn hển:

- Xin các anh cho tôi gặp anh Nguyễn Bình. Anh ấy cũng là nhà binh như các anh. Mấy anh ở cầu cảng bảo anh ấy đang ở đây - À, họ vừa lên xe về rồi - Những người lính gác bảo với mẹ vậy - Chị là vợ anh ấy à?

- Vâng, tôi rất cần gặp anh ấy - Mẹ đáp vội vã.

- Thế thì chị cứ ở đây chờ, chỉ tí nữa thôi lại có chuyến xe chạy về tỉnh đây. Tưởng chị là dân di cư?

- Không, không, tôi đi tiễn người nhà thôi - Mẹ bỗng trở nên hoạt bát, nói năng trôi chảy hơn và không còn thở hỗn hển nữa.

Đúng là lại có xe chạy về tỉnh thật. Chiều tối hôm đó mẹ con tôi có mặt ở trước trụ sở Ủy ban quân quản. Văng tanh văng ngắt. Đứng chờ mãi

vẫn chẳng thấy có ai ra mở cửa, sốt ruột quá, mẹ hỏi một người đi ngang qua phố:

- Bác ơi, những người vẫn đứng gác ở đây họ đi đâu hết rồi hả bác?

Người này nhìn mẹ con tôi từ đầu đến chân rồi bảo:

- Nhà chị này chẳng biết gì cả. Họ chuyển hết về Tòa Sứ cũ rồi, chỗ dinh Tỉnh trưởng ấy.

Mẹ thở dài ngao ngán, thần thờ bước đi. Đến cuối phố, mẹ quặt về hướng Nhà Thờ. “Thôi, mẹ con mình về nhà cũ nghỉ đã, sáng mai sẽ tìm bố con sau”, mẹ bảo với tôi vậy.

Người mà mẹ gặp ở cửa nhà cũ là bà Quản hội Con hoa. Bà Quản vội nắm lấy tay mẹ tôi lôi ra một góc tối, thì thào:

- Sao cô chưa đi còn về đây làm gì?

Mẹ bảo:

- Con không đi nữa. Con không muốn xa đất An Lạc này bà ạ.

Bà Quản nói như rít lên:

- Thế thì không còn nhà cho cô về đâu. Toàn bộ khu này họ chiếm hết rồi. Chẳng ai dám về nhà cũ của mình mà ở. Họ bảo dân khu Nhà Thờ có nhiều nợ máu với cách mạng, sẽ giết tất. Bọn tôi phải chuyển xuống Xóm Đáy ở. Dân Xóm Đáy nghèo. Chế độ mới không giết dân nghèo, chỉ giết người giàu, người theo Pháp và người đi nhà thờ nghe cha Phăng giảng đạo. Tôi mò về nhà cũ xem còn ít đồ đạc nào thì lấy nốt mang xuống Xóm Đáy. Mẹ con cô cũng xuống đó đi thôi. Bây giờ hở mồm ra phải nói là sống dưới chế độ cũ bị bóc lột khổ lắm, nghèo lắm, thế mới sống được, nghe chưa?

Đó là bài học đầu tiên về cách sống dưới chế độ mới mẹ tôi được thụ lĩnh từ bà Quản. Rời nhà đi có một hôm, khi quay về mọi sự đã đảo lộn đến chóng mặt, mẹ chỉ còn biết ôm chặt tôi vào lòng mà khóc thầm. Tần ngần một lúc trước cửa nhà cũ, hai mẹ con tôi đành đi theo bà Quản xuống Xóm Đáy tìm chỗ ở. Cũng có vài ba nhà bỏ vào Nam đóng cửa để không. Bà Quản bảo:

- Cứ chiếm đại lấy một cái mà ở. Đã đi rồi chẳng ai còn dám quay về mà đòi đâu. Tao cũng thế. Cái nhà tao chiếm may còn đầy cả một bể nước

mưa. Nếu cần nước mưa cứ sang tao nhá!

Cho đến mãi sau này tôi mới hiểu lý do vì sao bà Quán hội Con hoa lại không di cư vào Nam. Thời điểm ấy bà Quán đang phải lòng ông Mật rồ. Ông Mật rồ là người đàn ông kỳ lạ nhất thị trấn An Lạc. Mặt ông rồ chẳng rồ chịt, tiếng ông rền vang như tiếng máy nổ, người ông to cao, thô rám như một cây bàng cổ thụ. Ông từng đi lính cho Pháp, thuộc đại đội địa phương quân, đóng ở gần Trại pháo thủ cũ. Tính ông nóng nảy, lại thích tự do và ghét Pháp nên hay lôi kéo binh lính bỏ trại. Sau này đại đội địa phương quân chia làm phe, trong một buổi rượu say hai phe đã xích mích và dùng súng bắn lẫn nhau. Ông Mật bị liệt vào hạng cầm đầu một trong hai phe nên bị đưa đi làm lao dịch ngoài mặt trận. Thời gian làm lao dịch ông có công cứu thoát gần một tiểu đội Việt Minh rồi cùng trốn lên rừng với họ. Ở rừng chẳng được bao lâu ông lại trốn về An Lạc. Từ ấy ông trốn chui trốn lủi, ngày bốc vác, đêm làm cướp, bị bắt lại trốn, đói rách lại đi cướp, cứ thế sống cho đến ngày An Lạc được giải phóng. Ông là người có sung năng tình dục mạnh mẽ chưa từng thấy. Ông có tới bảy người vợ cả thảy. Đây là kể cả những bà sau này, còn khi bà Quán gặp ông thì ông mới có ba bà thôi. Bà Quán vừa xấu vừa thô, tính tình lại đồng bóng, thế mà dính vào với ông Mật rồi, không sao dứt ra được.

Hồi An Lạc đang *một trăm ngày* ông Mật tranh thủ mua bán, vợ vét, đổi chác, cả ăn chặn, ăn cướp nữa, nên sống khá phong lưu. Một lần ông bị Hiến binh Pháp đuổi bắt, súng bắn “pằng, pằng” ở phía sau, ông Mật chạy vòng vèo qua mấy phố rồi theo lối bờ đầm chui tọt vào nhà thờ. Bà Quán lúc ấy đang lúi húi quét dọn trước sân nhà nguyện. Bà vội nhét ông Mật vào gian để máy phát điện. Hiến binh vào tìm quanh một lúc không thấy liền rút đi. Tối ấy ông Mật vật bà Quán rình rịch ngay bên cổ máy phát điện. Chưa bao giờ bà Quán được hưởng niềm lạc thú tuyệt vời đến thế. Bà Quán đưa ông Mật về nhà mình, suốt ngày quấn lấy nhau không rời. Mười hôm sau ông Mật lại biến đi, thỉnh thoảng mới mò về với bà Quán một vài đêm. Tình đang nồng như thế, bà Quán không thể rời An Lạc mà ra đi được. Dưới chế độ mới ông Mật làm nghề chở xe bò. Ông có một gian nhà nhỏ, một vườn đất rộng và một cái đầm mênh mông. An Lạc chỉ có vài con

phố, còn lại là những đầm nước, ao hồ, đồng ruộng bao bọc xung quanh. Hồi mới giải phóng nhà bỏ không nhiều, đất đai hoang hóa, bao nhiêu những trại lính, khu quân sự trước đây để cỏ lún, rêu phủ, cột kèo mỗi một, tường đổ từng mảng, chả ai ngó ngang tới. Đám dân dưới đáy xã hội cũ như ông Mật nghiêm nhiên trở thành công dân của chế độ mới, tha hồ khai hoang đất đai, ao hồ, đầm phá. Ông Mật dựng thêm hai gian nhà cói ở hai đầu bờ đầm cho hai bà vợ ở. Bà ba có nhà riêng ở Đồng Tả rồi, bà Quán thì ở Xóm Đáy, ông Mật cứ thế thay phiên nhau làm nghĩa vụ với bốn bà, sau này còn thêm vài ba bà nữa.

Mẹ tôi lại mở hàng cháo để kiếm sống. Chế độ mới không cho giết mổ lợn như trước, mẹ phải bỏ món tiết canh và cháo lòng, chỉ nấu cháo đỗ hoặc cháo hoa bỏ đường. Mẹ cũng không ngồi một chỗ như bà mà thường quấy gánh cháo đi bán rong khắp thị trấn. Những tháng ngày sau này mẹ âm thầm đi tìm bố, không biết đã gặp chưa, chỉ thấy mẹ rất buồn và thường khóc rấm rứt vào ban đêm, mỗi khi tôi ngủ say.

Tôi lớn dần lên, thành một đứa trẻ Xóm Đáy đặc sệt không lẫn vào đâu được, nghĩa là tóc thì cháy khét và người thì lúc nào cũng hôi mùi bùn đất. Bao bọc xung quanh xóm là bãi bờ cửa sông, ở đó có vô vàn thú vui cho bọn trẻ. Chúng tôi thường rủ nhau đi lội bùn, đi bắt còng rồi be bờ tát nước bắt cá, bắt tôm rồi đặt đó, đặt lờ bắt cua, bắt rạm, chán thì chơi trò tết những sợi cói lại làm chỗ chui ra chui vào hoặc ngủ luôn trong những đám cói đó sau khi đã nổi lửa nướng tất cả những gì bắt được, cho vào mồm. Rồi tập bơi, đánh trận giả, tập đan lưới, đan rổ rá, thỉnh thoảng mò xuống thuyền theo người lớn dong buồm ra biển. Năm tôi lên Năm tuổi tôi được bà Quán cho đi chơi xa. Gọi là xa, thực chất là đến nhà ông Mật rỗ ăn cỗ nhân dịp ông cưới bà thứ Năm. Đó là một ngày đáng nhớ trong đời vì chưa bao giờ tôi được đến một chỗ có nhiều trẻ con như thế. Riêng con ông Mật đã có tới bảy người. Đất đai, vườn tược, ao đầm nhà ông Mật quả là một thế giới mới lạ mà tôi khám phá suốt cả ngày không hết. Tôi được đám trẻ nhà ông Mật cho lên chiếc thuyền tôn chèo chơi trên mặt đầm. Quanh bờ đầm có nhiều thứ cây có quả ăn được. Cây sung, cây khế, cây doi, cây chay, cây duối, cây sắn, cây quất hồng bì, cây dâu da đất... Tôi đã ăn đầy một

bụng sung chín. Những quả sung chín chỉ cần lấy tay bửa nhẹ là nó toác ra làm hai nửa. Bên trong những quả sung ấy có rất nhiều những con muỗi nhỏ, hay còn gọi là bọ gió. Tôi thổi cho những con bọ gió ấy bay đi hết rồi mới bỏ vào mồm nhai ngon lành. Bữa trưa hôm ấy tôi lại được đánh chén cỗ no nê. Tôi được xếp ngồi cùng chiếu với hơn chục đứa trẻ con khác. Chúng tôi tranh nhau bốc lòng, thịt, xương mà nhai, mà gặm, mà chí chóc cãi nhau, mà mách người lớn, mà khóc, mà cười. Bữa cỗ còn có cả khoai ninh và xôi trắng nấu dẻo nữa. Ông Mật đã giết một con lợn sáu mươi cân, đủ để làm một bữa cỗ phong lưu cho tất cả mọi người đến dự đám. Bà Quán nhỏ đen, nhỏ đũi, chạy ra chạy vào chỗ cửa bếp và cầu ao, miệng nói tay làm, mặt cứ giãn nở ra từng thớ, lẽ chừng cũng đang vui như chính ông Mật vậy. Ông Mật hôm ấy mặc một chiếc áo bộ đội còn mới, chỉ ngồi ở nhà trên tiếp khách, mặt chẳng ra vui chẳng ra buồn, thỉnh thoảng lại cười phá lên một tràng làm lạnh đít trẻ con. Trông ông cứ như là người đang lo làm đám cho con gái đi lấy chồng chứ chả ra người sắm vai chú rể. Tối muộn hôm ấy tôi mới về tới nhà. Mẹ hỏi: “Con có lấy phần cho mẹ không?”. Tôi bảo: “Có”. Và tôi móc trong túi quần ra một miếng gan lợn to bằng nửa bàn tay. Đây là món quà đặc biệt hậu hĩnh mà thằng Chột đã dúi vào tay tôi trong lúc cả nhà chưa ai được ngồi vào mâm. Mẹ hét lên một tiếng “Ồi trời!” rồi vớt miếng gan lợn thâm xì, cứng queo ra sau nhà. Nhưng sau đó mẹ cũng có khen tôi ngoan, hiếu thảo, biết thương mẹ song mẹ không thể ăn nổi thứ tôi mang về. Sau cái ngày đáng nhớ đó khoảng mười hôm bà Quán hết hoảng chạy sang nhà tôi. Bà bảo:

- Cô Mến ơi, bà Tư nhà tôi chẳng hiểu sao bụng cứ chướng lên, cô với tôi lên viện trông bà ấy hộ ông Mật đêm nay, tôi đi một mình cũng được, nhưng ở một mình cạnh nhà xác tôi sợ lắm.

Thế là mẹ tôi cùng bà Quán te tái lên viện. Bệnh viện nằm ở gần Ngã Năm, qua Tòa công sứ cũ độ hơn cây số. Tối hôm ấy tôi ôm thằng Chột ngủ ở ngoài hành lang, mẹ tôi và bà Quán tựa lưng vào chân giường bệnh gà gật chờ trời sáng. Quãng nửa đêm tôi nghe thấy tiếng khóc nhưng chả thèm để ý, tiếp tục ôm thằng Chột ngủ. Sáng ngày ra, mở mắt chẳng thấy

mẹ và bà Quán đâu. Tôi hốt hải chạy dọc dãy hành lang tìm kiếm. Một cô hộ lý bảo:

- Tất cả đang ở dưới nhà xác.

Tôi nghe mà lạnh mình. Thế là bà Tư đã chết. Gần trưa hôm ấy ông Mật cho xe bò lên nhà xác chở vợ ra bãi tha ma. Cỗ ván mộc được đặt giữa lòng xe, bên trên có đĩa bát cơm quả trứng và một bó hương to đang cháy nghi ngút. Thằng Chột vừa khóc vừa đòi cạy áo quan ra để đòi lại mẹ. Nó khóc cho đến khi mẹ nó được đặt xuống đáy huyệt thì bỗng im bật. Sau này nó bảo với tôi rằng lúc ấy nó sợ. Hỏi sợ gì, nó bảo không biết, chỉ là cảm giác thôi, khó diễn tả lắm, có lẽ là sợ sự biến mất đột ngột của người thân yêu nhất dưới cái đáy huyệt sâu hun hút kia chăng?

Ba ngày sau thằng Chột thành hàng xóm của tôi. Bà Quán quyết định đem nó về nuôi. Thằng Chột hơn tôi hai tuổi nhưng còi cọc nên chỉ cao bằng đầu tôi. Một bên mắt của nó không hiểu sao bị những sợi thịt lỏng ngoằng phong kín lại. Lúc đầu tôi rất sợ khi phải nhìn vào bên mắt ấy của nó. Nhưng rồi cũng quen đi. Nó là một đứa bạn tốt. Cái gì nó cũng hay, cũng giỏi hơn tôi. Nó nhanh nhẹn, sáng ý và cười nói luôn mồm chứ không lặng lẽ, ẩn khuất, u sầu như tôi. Bà Quán là một bà tiên đối với mọi đứa trẻ mặc dù nhìn bà người ta có thể liên tưởng đến một mục phù thủy. Bà có dáng đi huỳnh huých như vác gạo trên vai (nhưng khi hương dẫn đám con hoa múa thì lại rất điệu dàng, uyển chuyển), có làn da dày như áo mưa, mặt thô, mắt trắng, bàn tay, bàn chân ráp như vỏ dứa (thế mà nấu ăn lại rất ngon, làm cỗ rất hoạt), có giọng nói khàn khàn, rền rền trong cổ, lại thô, lại tục, lại cứ như xói vào tai người ta (thế mà nghe bà nói chuyện ai cũng há hốc mồm ra). Nhưng ở với bà càng lâu càng thấy bà là người phụ nữ nhân hậu nhất trên thế gian này. Vào những hoàn cảnh phức tạp nếu bà tôi, mẹ tôi là những phụ nữ chỉ biết xử sự một cách thụ động và bế tắc thì bà Quán là người luôn tìm ra lối thoát hợp lý cho cách hành xử của mình. Cuộc sống đối với bà, vì thế, nhẹ nhàng hơn, bớt nặng nề hơn, dễ vượt qua hơn mặc dù bà là người bất hạnh. Bà Quán không có con. Bà bảo: “Chúa không cho đứa trẻ nào ra đời nhờ cửa mình thì đành nuôi những đứa trẻ ra đời từ cửa người khác vậy”. Bà rất yêu ông Mật, hoàn toàn tự nguyện chấp nhận cái

kiểu sống đa thê của ông, lại còn vui vẻ, lại còn lo lắng cho cả cái “gia tộc Mật rỗ”, lại còn nhận về mình mọi thiệt thòi, khổ cực. Bà nhận nuôi thằng Chột như một sự đương nhiên. Bà còn bảo tôi: “Sướng nhá, thế là từ nay có cậu có cháu, dựa vào nhau mà sống, chẳng hơn à?” Như thế nghĩa là tôi phải gọi thằng Chột bằng cậu vì mẹ tôi vẫn xưng “con” với bà Quán. Thằng Chột về Xóm Đáy được chưa lâu thì mẹ tôi một hôm đi bán cháo về, bỗng lao vào giường khóc như mưa như gió, vật mình vật mẩy như mất vàng mất bạc. Tôi sợ quá, cứ ngồi bệt ở cửa không dám ho he, thút thít gì. Qua trưa, xuống chiều, vật vã mãi rồi mẹ tôi cũng thiếp đi. Tôi đói đến là cả người mà không dám bước lại gần mẹ. Tiếng hời ai oán, thảm thiết của mẹ làm tất cả các sợi thần kinh trong tôi mềm nhão hết cả ra, tê liệt tứ chi, toàn thân rơi vào tình trạng vô cảm. Khi bóng tối bắt đầu buông xuống thì mẹ choàng tỉnh dậy. Như vậy là mẹ đã nằm cả ngày, bỏ mất buổi cháo chiều như mọi hôm. Mẹ bỗng nhìn thấy tôi ngồi bệt ở cửa buồng. Mẹ xốc tôi lên, nước mắt mẹ rơi xuống mặt tôi. Mẹ nói khào khào, giọng khản đặc:

- Thế là hết rồi con ạ. Bố con đi lấy vợ rồi. Bố con không đáng mặt đàn ông đâu. Bố con hèn lắm.

Tôi bảo:

- Mẹ tìm được bố con rồi à?

Mẹ gật đầu:

- Tìm được lâu rồi. Nhưng mẹ phải giữ cho bố con, mẹ không dám nhận. Bố con là người của chế độ mới. Người của chế độ mới không thể có mối quen biết với người của cha Phăng, của giáo dân khu Nhà Thờ như mẹ. Mẹ cứ tưởng rồi bố con sẽ tìm cách thu xếp. Ai ngờ bố con lại bỏ mặc mẹ con mình để đi lấy vợ mới. Biết thế này mẹ đi với bà vào Nam cho xong.

Tôi thương mẹ quá mặc dù chẳng hiểu nổi mất mát trong mẹ nó to lớn đến đâu, đau đớn đến mức độ nào. Với tôi, cái người gọi là “bố” kia chẳng có gì đáng phải quan tâm cả. Tôi chưa bao giờ cần đến ông ta. Tôi cũng chẳng biết là có ông ta thì tôi được gì, hơn gì mà không có ông ta thì tôi sẽ thiệt gì, mất gì? Những điều mẹ nói với tôi lúc ấy phải tới hai mươi năm sau tôi mới hiểu được. Nhưng mẹ chỉ nói có thế thôi. Mẹ nhìn ánh mắt đờ dại, u tối của tôi, nhận ra rằng nó còn quá non dại để có thể hiểu những

điều mẹ nói. Mẹ đặt tôi ngồi xuống một bên giường, thắp lên ngọn đèn dầu rồi ra sân rửa mặt mũi, chải lại đầu tóc. Sau đó mẹ bảo tôi:

- Đi, mẹ cho con đi ăn phở!

Tôi thấy mẹ lúc này khác hẳn với hồi chiều. Mẹ đã lấy lại được thần thái cho mình rồi. Sau này tôi tự lý giải rằng khi ấy mẹ đã làm ma xong hình ảnh của bố, đã rũ sạch cái mối tình duyên trắc trở và lăm ưu phiền của đời mẹ. Để rồi sau đó mẹ con tôi thong dong đi ăn phở. Hai mẹ con phải đi tới hơn cây số mới đến phố Tứ Phủ. Mẹ dắt tôi vào hiệu *Lúa Vàng* cũ, bây giờ có tên mới là Cửa hàng ăn uống mậu dịch Tứ Phủ. Mẹ mua hai vé ở quầy ngoài rồi đi vào gian trong đưa hai vé đó cho một người phụ nữ mặc chiếc áo khoác màu trắng dài quá đầu gối, trên ngực có in một dòng chữ màu xanh cong theo hình bán nguyệt. Người phụ nữ ấy xiên hai chiếc vé vào một que sắt nhọn có bàn đáy bằng gỗ. Sau đó cô ta vào bếp mang phở ra cho hai mẹ con tôi. Đó là lần đầu tiên tôi được ăn phở mậu dịch. Sau này tôi còn được qua lại chỗ cửa hàng ăn uống này nhiều lần nữa, thậm chí còn trở nên thân thiết với nó. Mẹ tôi không thể hình dung ra nỗi điều đó. Mắt mẹ không ngừng quan sát người phụ nữ bê phở ra cho chúng tôi. Rồi mẹ nhìn ngó, để ý tất cả những người đang làm ở cửa hàng để kiếm tìm một dáng hình nào đó nhưng cái dáng hình đó không có ở đây. Cái dáng hình đó làm sao có ở đây được vì cô ta mới làm đám cưới sáng nay. Giờ này cô ta đang ở bên người chồng của mình. Mẹ đến cái nơi cô ta làm việc để cố hình dung ra con người cô ta thế nào chứ chắc mẹ cũng biết là cô ta không thể có ở đây vào giờ phút này? Tôi đã ăn xong lâu rồi mà mẹ vẫn còn ngồi chờ dẫn trước bát phở nguội ngắt. Bao nhiêu thịt mẹ đã gắp cả sang bát tôi, bát phở của mẹ bây giờ chỉ còn vài cọng hành nổi trên mặt đám bánh đã nở hết cỡ. Cuối cùng mẹ cũng chẳng ăn hết bát phở của mình. Mẹ chỉ húp tí nước rồi đứng dậy dắt tôi ra về.

Sau này mẹ không nói gì với tôi về bố nữa. Tôi cũng coi như không cần phải nghĩ đến chuyện ấy. Nhưng rồi tôi cũng đã được gặp bố. Tôi gặp bố trong một hoàn cảnh chẳng nên có chút nào. Tôi gặp bố trong tâm trạng của thằng Chột một năm về trước khi nó đòi cạy áo quan để đòi lại mẹ.

Phải, tôi gặp bố khi đang ngồi trên chiếc xe bò của ông Mật rồ, trước mặt là chiếc quan tài của mẹ. Bố tôi đi đằng sau đám tang, trên một chiếc xe đạp hai dón, khung sắt, có đính biển số màu trắng. Tôi nhìn ông, ông nhìn tôi, rõ ràng như người dưng thế mà ánh mắt cứ bắt chặt lấy nhau, đẩy đưa, trao đổi những tín hiệu linh cảm thật lạ lùng.

Tôi không gào khóc xé ruột xé gan như thằng Chột mà chỉ ngồi lặng yên cho nước mắt trào ra. Tôi là một đứa trẻ kháu trai nhưng có đôi mắt buồn. Đã có rất nhiều người lớn bảo với tôi thế. Một đứa trẻ kháu trai có đôi mắt buồn quẩn trên đầu vành khăn tang trắng ngồi thần thờ trước cỗ quan tài trên xe bò kéo sẽ thế nào nhỉ? Hình ảnh ấy hẳn gây xúc động cho bố tôi, cho bà Quán, cho thằng Chột và những người hàng xóm của tôi nữa. Tôi thấy họ chép miệng rồi quay đi đưa tay áo lên chấm mắt. Riêng bố tôi, ông không khóc nhưng mắt ông đỏ hoe.

Thế là tôi trở thành đứa trẻ mồ côi khi chưa đầy sáu tuổi. Bà Quán lại mang tôi về nuôi. Cũng bắt đầu từ ấy tôi phải chính thức gọi thằng Chột bằng cậu. Người thân duy nhất của tôi bây giờ, ngoài bà Quán ra, chẳng còn ai khác ngoài... cậu Chột!

PHẦN 2

Những tháng ngày chưa xa

Chương 5

Cho đến mãi sau này, khi đã lớn, được nghe mọi người nói lại thì Minh Việt mới biết nguyên nhân cái chết của mẹ là do mắc bệnh ly.

Thứ bệnh ấy là tai họa của trời đất giáng lên đầu lũ dân nghèo đói và tăm tối. Ở thời tương lai, người ta chỉ cần nhét vào miệng người bệnh vài viên thuốc bé con là đám trực khuẩn sẽ bị quét hết ra khỏi cơ thể, nhưng dân Xóm Đáy thời bấy giờ chỉ biết chữa đau bụng bằng cách uống nước gạo rang. Cô Mến cứ nằm trên giường uống hết nồi nước gạo rang này đến nồi nước gạo rang khác. Uống vào bao nhiêu thì tháo ra đặng hậu môn bấy nhiêu. Đến nỗi cô không còn quần để mặc, phải dùng tất cả các loại khăn khổ lót xuống dưới giường, chốc chốc lại thay ra mang đi giặt. Bà Quán là người chăm sóc cô Mến suốt mấy ngày đi kiết rông rã đó. Bà giặt rồi phơi đám giẻ của cô Mến như người ta phơi tã lót cho trẻ con. Đi ngoài liên tục mấy ngày như thế, cơ thể cô Mến mất nước, tọp như một xác tôm, sức lực cạn kiệt nhanh chóng. Thấy cô Mến yếu quá, bà Quán mới vội bảo ông Mật đánh xe bò chở lên bệnh viện. Ở bệnh viện được một ngày thì người ta đưa cô Mến xuống nhà xác. Sức đề kháng của cô Mến đã thua những con vi khuẩn mà y học hiện đại rất coi thường. Minh Việt còn quá nhỏ để hiểu những gì đang diễn ra trong mẹ. Nó chỉ nhớ là mẹ nằm ly bì trên giường, thỉnh thoảng lại ngóc đầu tu ực một bát nước gạo rang. Rồi mẹ nhăn nhó, quần quai, nước mắt trào ra hai bên khóe, mồ hôi lấm tấm bờ trán, tóc tai mẹ xơ xác, khuôn mặt mẹ nhàu nhĩ, phờ phạc. Đến khi ông Mật rồ đưa mẹ lên bệnh viện Minh Việt còn vui mừng vì lại được lên xe bò đi chơi xa. Sau này thỉnh thoảng Minh Việt lại có những lúc bất chợt thấy trong lòng rỗng rãnh đến lạ lùng. Cảm giác bơ vơ, trống trải, lạc loài thường trở đi trở lại trong nó, kể cả khi đã lớn. Những ngày mới mất mẹ, Minh Việt thường hay ngồi bệt trước cửa nhà, đầu óc chìm đắm vào một cõi mộng lung, mơ hồ nào đó, như hóa đá. Bà Quán đi làm về nhìn thấy thế, thương lắm nhưng chẳng biết làm thế nào để khóa lấp đi khoảng trống sâu hoắm trong lòng

nó. Đám trẻ trong xóm gọi nó là Việt *thiu*. Cái biệt danh ấy gắn liền với Minh Việt suốt cả cuộc đời sau này. Bà Quán nhiều lần bảo thằng Chột đưa Việt *thiu* đi chơi, lôi kéo nó vào những trò nghịch ngợm trẻ con để nó không còn nhớ mẹ nữa. Bà sợ nó trầm uất rồi thành điên dại, rồi có những hành động khác thường, lỡ có làm sao thì bà lại ân hận, lại thấy mình có lỗi dù giữa bà và nó chẳng có quan hệ máu mủ ruột rà gì.

Bà Quán nuôi Việt *thiu* đến năm lên tám tuổi thì một hôm bà bỏ dở buổi làm giữa chừng về tìm nó. Bà Quán làm nghề đội than, đội cát ở đàng bên đò Lãng Tiên. Hôm ấy chân tay, mặt mũi bà còn lấm lem bụi than. Bà bảo:

- Việt, con xách chiếc túi này rồi theo bà.

Việt *thiu* rất ngạc nhiên, nó hỏi:

- Đi đâu hả bà?

Bà Quán bảo:

- Bà không nuôi được con nữa rồi, bà trả con về cho bố con nuôi, con cứ đi theo bà, nhà ấy to rộng, con có phần ở đấy, con không được sợ, con phải giành giật phần sống của con ở trong ngôi nhà ấy, nghe chưa?

Việt *thiu* hoảng sợ:

- Con không đi đâu bà ơi, con muốn ở với bà, con xin bà...

Bà Quán hạ giọng ngọt nhạt:

- Nhưng con ơi, con có thân có phận của con, phận con không phải như thằng Chột, phận con không phải ăn khoai ăn sắn, không phải sống khổn sống khổ thế này. Con phải về phố Tứ Phủ. Phận con ở đấy. Con phải được ăn được học. Con phải cố mà kiếm lấy chỗ sống ở đó. Bà đã nói toạc với thằng bố con rồi. Hôm nay nó chấp nhận đón con. Đi, thôi đi theo bà. Rồi con lại về với bà, về chơi với cậu Chột. Nhưng con không thể ở đây được, con phải nghe bà, bà chỉ muốn tốt cho con thôi.

Việt *thiu* vừa mếu máo vừa bước đi theo bà Quán. Hết con đê vòng thì ra đến ngoài đường quốc lộ. Nó nhìn thấy một người đàn ông đứng bên chiếc xe đạp, dáng vẻ như đang chờ hai bà cháu. Nó nhận ngay ra cái biển số màu trắng gắn ở khung xe. Bố nó đấy. Người đàn ông nhìn nó suốt buổi đưa ma mẹ hai năm về trước. Bố nó bảo:

- Con lên xe đi, bố lai con về.

Bà Quán bế xốc nó đặt lên gác ba ga. Bố nó gò chân đạp luôn, chẳng nói một câu gì với bà Quán cả. Cũng chẳng nói năng gì với nó. Qua mấy dãy phố thì bố nó dừng xe lại. Nhà nó đây ư? Tường xây, mái ngói, một cửa chính, hai cửa sổ, vỉa hè rộng, có một cây bàng xò tán phủ lên nửa mái nhà. Bố dắt xe vào. Nó lạng lẽ bước theo. Cái túi vải đựng đồ nó vẫn ôm khư khư trước ngực. Bố nó bảo:

- Con để đồ xuống chiếc bàn kia, rồi ngồi xuống ghế.

Nó làm theo như một cái máy. Bố đi vào nhà trong, lát sau mang ra cho nó một túi bánh bích qui vụn có nhiều mẫu cháy xám đen. Nó ăn ngon lành. Chưa bao giờ nó được cầm cả một túi bánh như thế. Và nó không phải chia cho ai cả. Nó vừa ăn vừa nhìn bố một cách lăm lét. Bố nó thì chốc chốc lại nhìn lên chiếc đồng hồ quả quýt để trên nóc tủ. Bố nó có vẻ sốt ruột. Nét mặt ông căng thẳng. Nó cứ ngồi ăn. Những mẫu bánh cháy hơi đặng đặng một chút nhưng nó vẫn tận hưởng thứ hương vị ấy một cách dè dặt và nhẩn nhá. Bố nó lại nhìn đồng hồ. Kim ngắn đã chỉ chéo xuống góc dưới, bên phải. Một bóng người sà xuống trước cửa nhà nó. Người này hai tay dắt xe đạp, đầu đội nón, trước xe có cặp lồng, sau xe có túi vải và rau muống. Bố nó nói nhanh:

- Mẹ con đấy, con hãy ngoan ngoãn và lễ phép nhé!

Dứt lời, ông ra cửa đón vợ vào. Vợ ông nhìn xéo qua nó rồi dắt thẳng xe vào nhà trong. Bố nó cũng đi vào theo. Nó nín nạng chờ đợi. Hai người nói với nhau điều gì đó ở bên trong, rất lâu, mãi đến khi nó nghe thấy giọng của vợ bố nó cất lên, như ở ngay bên tai:

- Được rồi, để tôi ra xem nó thế nào. Nhục này thì cũng phải nuốt vào thôi chứ biết nhả ra làm sao, thiên hạ rồi người ta sẽ cười cho.

Nó nghe thấy giọng thì thầm của bố nó. Nhưng cái giọng thì thầm ấy lại bị cắt ngang:

- Anh để mặc tôi. Anh xê ra đi.

Rồi nó nghe thấy tiếng guốc. Nó bỗng nổi da gà. Nó sợ.

Nó cảm thấy như có ai thò tay vào bóp chặt lấy lồng ngực mình. Vợ bố nó đã ra tới trước mặt. Cảm nhận đầu tiên của nó là bà ta đẹp. Nhưng

hơi khô lạnh. Bà ta nhìn thẳng vào nó rồi bảo:

- Nào, đứng dậy, ra đây!

Bố nó đâu? Nó không thấy bố nó đâu cả. Ông ở nhà trong làm gì? Tại sao ông đưa nó về đây rồi bỏ mặc nó rơi vào tình thế khốn khổ này? Nó len lén đứng dậy, bước tới trước mặt vợ bố. Vợ bố quét tia mắt như có lửa lên khắp người nó. Rồi bà bảo:

- Khoanh tay vào. Mồm đâu? Có biết chào không?

Nó sợ đến tê cứng cả người. Nó biết chào thế nào nhỉ? Nó bỗng nghĩ đến thằng Chột. Thằng Chột vẫn gọi các bà Tư, bà Năm nhà ông Mật là dì. Nó cũng sẽ chào như thế. Nó liền lấy hết can đảm cất lời nhưng mặt thì cúi gằm xuống:

- Con chào dì!

“Bốp”. Một cái tát như trời giáng vả vào mặt nó. Nó ngã soài ra đất. Mặt nó suýt vấp vào bàn chân trái của người đang đứng trước nó. Mắt nó hoa lên nhưng nó vẫn nhận ra chiếc guốc có quai màu đen ở ngay trước trán. Nó lồm cồm bò dậy. Vợ bố nó vẫn đứng yên chờ đợi. Nó lại khoanh tay trước ngực dù rất muốn khóc oà lên.

- Tao là dì mày bao giờ? Tao về làm hai cho bố mày từ bao giờ? Bố mày hỏi cưới tao đang hoang, thê sống thê chết với tao là chưa có vợ có con, lại nhờ cả tổ chức đến làm công tác tư tưởng tao mới chịu lấy bố mày. Ông Mộc còn kia. Tiểu đội trưởng cũ của bố mày đấy. Bây giờ là bí thư của thị trấn đấy. Vậy mà mày dám gọi tao bằng dì. Thế ra mẹ mày là cả còn tao là hai hử? Vậy về ở với mẹ mày nhé. Ở đây tao chỉ nuôi con tao thôi chứ tao không nuôi con người khác. Mày coi tao là mẹ thì tao nuôi, còn coi tao là dì thì đi, đi ngay khỏi nhà này. Bố mày muốn gửi mày cho ai nuôi thì gửi, tao không nuôi cáo để có ngày nó quay về núi, nhé? Nghe chưa? Cất mồm lên?

Sau một mớ những âm thanh khủng khiếp như thế là một bàn tay vồ xuống cầm nó, hất lên. Bàn tay của vợ bố. Bà muốn nó nhìn thẳng vào mặt bà chứ không được cúi gằm mãi xuống như thế. Nó lại nghĩ đến thằng Chột. Bà Quán không phải là mẹ thằng Chột, và thằng Chột đã gọi bà là *mợ*. Người đàn bà trước mặt nó đây không muốn nó gọi bằng dì, nhưng bà

không phải là mẹ nó, nó cũng sẽ gọi bà như thằng Chột gọi bà Quán vậy. Ý nghĩ ấy làm cái miệng méo xệch của nó phát ra lời chào không thành tiếng:

- Con chào mẹ!

“Hả?”. Vợ bố nó tròn miệng, lông mày dựng đứng lên, bà không ngờ nó lại chọn một cái từ lạ hoắc như thế để thay cho cái từ “dì” đáng ghét lúc này. Đúng lúc bà đang không biết phải xử trí thế nào thì bố nó từ trong nhà bước ra. Ông không dám bước lại gần hai người. Ông đứng ở ngưỡng cửa và nói bằng một giọng từ tốn:

- Thôi mình ạ. Đã lâu rồi nó không quen gọi tiếng “Mẹ”. Nó sẽ làm quen từ từ. Mình đừng làm nó sợ quá thế, nó còn bé mà, mình hãy thương lấy nó.

Vợ bố nó bỗng hắt ánh nhìn như có lửa về phía bố:

- Ông đi vào trong nhà để tôi hỏi chuyện nó. Ông có đi không? Ông không đi tôi để mặc hai bố con ông ở đây tôi đi khỏi cái nhà này...

Vợ bố nó nói chưa hết lời thì bố nó đã quay khỏi ngưỡng cửa, bước vào phía trong. Thế là người duy nhất có thể bênh vực cho nó đã không còn đứng ở đó nữa. Tinh thần nó hoàn toàn suy sụp. Nó không còn một chỗ bầu vú nào, dù trong tâm tưởng. Thế này thì sấm chớp sẽ lại tiếp tục đổ xuống đầu nó thôi!

- Nào, mở túi lôi hết các thứ ra!

Vợ bố nó ngồi xuống ghế rồi chỉ vào bọc quần áo của nó, nói như ra lệnh. Nó vội làm theo, các ngón tay vừa tháo nút dây buộc vừa run cầm cập. Chẳng có gì ra hồn cả. Hai cái áo đều đã có miếng vá. Một cái quần dài màu xanh lá chuối rách chỗ đầu gối. Hai cái quần đùi vải nâu. Và cuối cùng, một chiếc túi vải nhỏ có thắt dải rút. Vợ bố nó bảo:

- Mở nốt ra đi!

Nó hơi do dự một lúc rồi lần tay tháo miệng túi. Chính nó cũng không rõ là trong đó có những thứ gì. Một chiếc vòng bạc có gắn lục lạc. Một chiếc dây chuyền đeo một tấm vàng mỏng hình chữ nhật. Vợ bố nó cầm mọi thứ lên ngắm nghía. “Lúa Vàng, sao lại có hình lúa vàng này?”. Nó lắc đầu:

- Con không biết. Đã lâu lắm rồi con không đeo những thứ này. Bà Quán cất cho con chứ con tưởng mất rồi.

- Thế mẹ con trước làm gì? - Vợ bố nó bỗng buông một câu nhẹ nhàng đến mức nó muốn òa lên khóc vì mùi lòng. Nét mặt bà đã mềm lại rồi, không còn khô cứng như lúc trước nữa. Ánh mắt của bà cũng đã ấm áp hơn. Bà không nhìn nó như nhìn một con chuột chết nữa. Tự dưng nó lại mếu máo: “Mẹ con bán cháo”.

Vợ bố nó bảo:

- Con đừng khóc. Mợ đánh con vì mợ giận bố con thôi. Bây giờ mợ dẫn con đi tắm rửa. Mai mợ sẽ mua cho con quần áo mới. Rồi mợ nấu cơm. Chờ bà và các em con về cả nhà sẽ ăn cơm. Nào, đi xuống bể với mợ.

Nó đi theo người đàn bà đã chấp nhận cho nó gọi bằng “Mợ” vào nhà trong, qua một khoảng sân, xuống chỗ bể nước. Lạ thật. Cũng người đàn bà này vừa nãy còn muốn nghiền nát nó ra, bây giờ lại ân cần kỳ cọ, tắm rửa cho nó. Cũng bàn tay này, vừa cho nó một cái tát vẹo mặt bây giờ lại luồn lách trên cơ thể nó như vờn như múa, mềm mại và yêu thương. “Khiếp, người vớ ngợm gì mà hơi toàn mùi bùn đất. Thế ở dưới Xóm Đáy ai tắm rửa cho con?”. “Con tắm sông. Thỉnh thoảng bà Quán mới tắm cho con”. “Bố có bao giờ xuống thăm con không?”. “Không”. “Sao thế?”. “Con không biết. Hôm nay con mới biết bố”

Càng hỏi chuyện nó, vợ bố càng dịu dàng hơn. Nó không hiểu thứ dịu dàng đó đến với nó lâu hay mau? Nó hồ nghi và cẩn trọng. Lúc nào nó cũng sợ sẽ có một cái tát bay vèo vào mặt. Khi trời nhá nhem tối thì bà nội và hai đứa em nó về. Nhà nó còn một lối vào nữa, đó là cái ngõ ở bên hông. Bà và hai đứa em nó đẩy cái xe cải tiến vào lối ngõ. Từ lối ngõ chiếc xe cải tiến được đưa vào khoảng sân sau. Trên xe là rau khoai lang và le. Bà và hai em đi hái rau và vớt le về cho lợn. Công việc này chỉ mấy ngày sau trở nên quen thuộc đối với nó. Nhà nuôi hai con lợn, lại cả một đàn gà. Le là thứ rau trời cho, rất sẵn ở các vùng đầm hồ. Le có thể nấu chín thành cám lợn hoặc cho gà, lợn ăn sống. Các thứ rau dành cho người ăn đều là thứ nhà nước phân phối, không sẵn, nên nhà nào nuôi lợn cũng phải vớt le. Le ở gần hết thì phải đi vớt ở xa. Đầm nông hết thì mò tìm ở các đầm sâu. Năm

tuổi như cái Ánh hay ba tuổi như thằng Đình đều tham gia đi vớt le cùng bà. Bà nội đã ngoài sáu mươi nhưng còn khỏe. Tối bà ngủ cùng cái Ánh và thằng Đình. Nhưng từ hôm nay bà ra ngủ võng. Giường để dành cho nó cùng với hai em. Nó không hề biết rằng nó đã trở thành thành viên của một gia đình danh giá vào bậc nhất nhì thị trấn. Bố nó chính là phó chủ tịch Ủy ban hành chính đầu tiên của thị trấn An Lạc kể từ ngày hòa bình lập lại. Nó cũng không hề biết rằng sự có mặt của nó ở trong ngôi nhà này buộc bố nó phải từ bỏ chức vụ phó chủ tịch vì đã mắc tội không trung thực với tổ chức. Nhưng nó biết một điều, cả nhà đều yêu thương nó và người mà nó gọi bằng mẹ rất yêu bố nó. Nó về với bố được vài tuần thì nó nghe lỏm được chuyện của hai người. Chuyện như thế này:

“Bố bảo:

- Hôm nay họp thường vụ, họ yêu cầu tôi phải giải trình ba vấn đề. Một là, trong trận tập kích năm xưa, tôi bị thương rút ra sau, trong thời gian đó tôi nằm ở cơ sở nào? Hai là, mẹ thằng Minh Việt có phải là người của cha Phăng không? Ba là, tại sao tôi lại giấu tổ chức, không báo cáo ngay sau khi tiếp quản thị trấn?

Vợ bố bảo:

- Thế mình nói với họ thế nào?

Bố bảo:

- Có thể nào thì nói thế ấy. Nhưng họ bảo phải xác minh lại. Tạm thời tôi phải nghỉ công tác phó chủ tịch, sắp tới có thể xuống đội thủy lợi. Tỉnh đang chuẩn bị xây cầu Lãng Tiên. Tôi xuống phụ trách dưới đó. Anh Mộc bí thư rất tin, rất muốn bảo vệ tôi nhưng anh ấy bảo phải xuống dưới đó thôi. Khi nào tình hình dịu đi thì mới tính tiếp được.

Vợ bố hỏi:

- Cha Phăng là ai mà có vẻ ghê gớm thế?

Bố bảo:

- Theo các anh ở bên quân báo thì Cha Phăng là một linh mục người Tây Ban Nha thuộc dòng Đa Minh, từng rất ghét Pháp nhưng lại bắt đầu làm việc cho quân đội Pháp từ những năm năm mươi, có nhiều nợ máu với nhân dân.

Vợ bố hỏi:

- Sao ngày mới tiếp quản anh không nhận mẹ thằng Việt?

Bố bảo:

- Không thể tin nổi chuyện đó xảy ra làm sao dám nhận? Anh Mộc lại đang giới thiệu mình cho tôi. Những ngày ấy tôi chỉ nghĩ đến mình thôi. Tôi cứ nghĩ chắc đó là con của người khác, ai có thể ngờ được chỉ một đêm bên chân núi...

Vợ bố bảo:

- Thế ra anh cũng khốn nạn lắm đấy nhá!

Bố im lặng một lúc rồi bảo:

- Hoàn cảnh nó thế.

Vợ bố bảo:

- Hoàn cảnh gì? Không có người ta thì anh chết rồi.

Bố bảo:

- Đây là chuyện khác”.

Sau buổi chuyện ấy được một tuần thì bố không đi làm theo hướng Tòa Sứ cũ nữa mà đạp về hướng bến đò Lăng Tiên. Minh Việt được cấp sách tới trường, nhưng ngày nào cũng hai ba lần đảo qua chỗ vợ làm xem có gì thì mang về cho bà nội. Cửa hàng ăn uống mậu dịch không nằm ở phố Tứ Phủ nữa mà chuyển về Ngã Năm. Cả thị trấn An Lạc mới có một cửa hàng ăn uống quốc doanh như thế. Hai tầng. Nhà ngang, dãy dọc. Có xưởng kem. Có xưởng bánh kẹo. Có khu lò mổ. To lắm, đàng hoàng lắm, lịch sự lắm, văn minh lắm. Bất kỳ đứa trẻ nào đã từng đi học đến đây cũng lăm nhăm đọc dòng chữ *Vui lòng khách đến vừa lòng khách đi* kẻ to, choán cả bức tường tầng một. Đó là tổng hành dinh của ngành thương nghiệp thị trấn, là *đơn vị lá cờ đầu* trong nhiều năm liền. Bây giờ Minh Việt mới hiểu cái cặp lồng vợ vẫn mang theo ích lợi thế nào. Trong đó có đủ các thứ sơn hào hải vị. Tôm chiên, mực xào, cá rán, thịt kho tàu, trứng muối, lạp xưởng. Lại cả kem, chè đỗ đen, bánh bích qui, kẹo lạc. Rồi bánh ga tô, thịt hộp, nước hoa quả... Ở cửa hàng ăn uống mậu dịch của vợ có thứ gì là vợ có phần thứ đó. Khi thì vợ đèo xe qua nhà, trút vội những thứ trong cặp lồng ra, khi thì chờ Minh Việt qua đưa cặp lồng cho Minh Việt xách về sau

khi đã dặn dò kỹ lưỡng phải làm những gì những gì để bữa ăn của cả nhà luôn có chất tươi. Đó là những năm tháng tuyệt vời nhất dưới chế độ mới. Có một nhà thơ đã gọi những năm tháng đó là *đỉnh cao muôn trượng*. Tất nhiên, đặc lợi chỉ dành cho những người *nhà nước*, người *có biên chế*. Sau này vì phải dồn sức cho cuộc kháng chiến chống Mỹ ở Miền Nam, cuộc sống không còn được sung túc như thế nữa. Nhưng dù thế nào thì môi trường sống mới của Minh Việt cũng ngàn vạn lần hơn thời kỳ ở với bà Quán. Những hình ảnh nghèo nàn, xơ xác, quê kệch, tù túng, hoang dã nơi Xóm Đáy tự bao giờ cứ vắng dần đi trong ký ức của Minh Việt. Thi thoảng Minh Việt vẫn gặp bà Quán ở đâu đó, trên đường đi học hoặc những lúc la cà theo chúng bạn đi chơi, lần nào cũng thấy bà vội vội vàng vàng, đầu tóc xộc xệch, người ngòm nhếch nhác. Có một lần bà hỏi:

- Con mẹ cháu nó còn hay đánh cháu không?

Minh Việt tự nhiên cảm thấy khó chịu. Cậu bảo:

- Mẹ cháu không ác như bà đâu, có bà hay đánh cậu Chột thì có.

Chẳng hiểu sao lúc ấy Minh Việt lại trả lời như thế. Bà Quán có đánh thẳng Chột thật nhưng đấy là những lúc bà không bảo được nó. Mà nó lại là một đứa trẻ nghịch ngợm. Nghe Minh Việt trả lời như vậy bà Quán cười:

- Cha tiên sư bố anh, cũng biết bảo vệ mẹ kế cơ đấy, gồm thật!

Bà cười nhưng mắt bà như có hơi nước mờ đục bao phủ. Rồi bà bỏ đi, tất tả, vội vã, bước chân như có kim châm. Minh Việt muốn chạy theo nói một câu gì đó, đại loại là cháu không có ý bảo bà ác độc đâu, cháu nói một cách không suy nghĩ đấy thôi. Nhưng cậu lại cứ đứng ì ra đấy, mấy ngày sau còn ân hận mãi về lời nói của mình.

Đám trẻ ở phố Tứ Phủ cũng bắt đầu gọi Minh Việt bằng cái biệt danh được đem từ Xóm Đáy lên: Việt *thiu*. Nếu tính từ đầu đến cuối phố thì số trẻ con cũng phải lên tới hai chục đứa. Lũ trẻ này rất thích chơi trò đánh trận giả. Có dạo cả bọn chọn nhà *Lúa Vàng* cũ làm nơi chia quân ra đánh nhau. Sau khi *Cửa hàng ăn uống* chuyển về Ngã Năm, nhà *Lúa Vàng* cũ được dùng làm nhà hộ sinh. Ba đứa em sau này của Minh Việt đều ra đời ở đây. Vì nó là nhà hộ sinh nên có nhiều bà bụng chứa đi đi lại lại nơi hành lang. Thế là bọn trẻ đâm ra tò mò. Chúng thì thầm với nhau rằng những

người đàn bà chữa kia sẽ đi vào một gian phòng ở phía đầu hồi. Rồi ở đó người ta sẽ rạch bụng họ và các em bé được lấy ra từ đấy. Bọn trẻ được kích thích trí tò mò, không còn thiết chơi trò đánh trận giả nữa. Chúng kéo nhau đến chỗ cửa sổ của căn phòng bí ẩn, kiễng chân nhòm vào xem điều kỳ lạ xảy ra như thế nào. Minh Việt cũng nằm trong số ấy. Và cái mà cậu nhòm được chính là đứa em thứ ba chui ra từ bụng mẹ. Tự nhiên Minh Việt thấy sợ. Hóa ra cái Ánh, thằng Đình cũng từ đó mà chui ra cả sao? Mẹ cũng ăn các thứ như mọi người, tại sao bụng mẹ lại to lên và có một “em bé” nằm trong đó còn bụng mọi người thì lại không? Minh Việt chỉ dám đem thắc mắc này hỏi một người duy nhất mà thôi. Ấy là thằng Sinh *hạt mít*. Thằng Sinh nhà ở bên kia đường, đối diện với nhà Minh Việt. Nó là đứa khôn ngoan nhất trong số những đứa trẻ ở phố Tứ Phủ. Nó có biệt danh là *hạt mít* vì nó còi cọc nhất bọn. Nó bảo:

- Bụng mẹ mày to là vì mẹ mày ngủ với bố mày.

Minh Việt hỏi:

- Sao bụng mẹ mày không to?

Thằng Sinh bảo:

- Đàn bà phải ngủ với đàn ông thì bụng mới to được, bố tao đi đánh Mỹ làm gì có ở nhà mà đòi bụng mẹ tao to.

Minh Việt cãi:

- Sao tao ngủ với cái Ánh mà bụng nó không to?

Thằng Sinh hỏi:

- Thế mày đã chơi trò vợ chồng với nó chưa?

Minh Việt bảo:

- Tao với nó là anh em, làm vợ chồng làm sao được.

Thằng Sinh cười gằn:

- Thế thì bao giờ mày lấy vợ mày sẽ biết.

Minh Việt hỏi:

- Ai bảo mày thế?

Thằng Sinh đáp:

- Ông Mật *rõ* bảo.

Minh Việt tạm thời dừng những thắc mắc của mình ở đây, tạm hiểu rằng cứ có hai người là vợ chồng ngủ với nhau thì bụng vợ sẽ to và trong đó sẽ chứa em bé. Sau này Minh Việt chơi trò vợ chồng với cái Lý, ngủ với nó mấy buổi trưa mà bụng nó chẳng to gì cả. Nhưng đây là chuyện sau này, và khi ấy thằng Sinh không còn nữa để mà giải đáp những thắc mắc cho Minh Việt.

Việc để bọn trẻ vào nhà hộ sinh là điều không nên, chúng nghịch ngợm, quấy phá, ảnh hưởng không tốt đến các sản phụ nên người ta không cho chúng vào chơi ở đó nữa. Lũ trẻ phố Tứ Phủ chuyển chỗ chơi đến một nơi xa hơn, đó là cầu Lãng Tiên. Sau mấy năm xây dựng, cây cầu treo đã hiện hình, vươn mình vắt qua dòng Sâu Diện nối liền thị trấn An Lạc với huyện lỵ Lãng Tiên. Bố Minh Việt cũng đã rời đi làm việc ở một huyện khác, sát biển, xa nhà hơn hai chục cây số. Minh Việt lơ mơ hiểu rằng vì có “bác Mộc bí thư” bảo vệ nên bố mới không bị kỷ luật nhưng phải đi “lấn biển” để lập công chuộc tội. Hàng ngày, cứ tối nhọ mặt người bố mới đi làm về. Hôm nào vào “chiến dịch” thì bố phải ngủ lại ở công trường với anh em, không được về. Khi cùng lũ bạn chạy nhảy, chơi đùa trên cây cầu Lãng Tiên, Minh Việt vô cùng tự hào về bố. Chính bố đã làm nên cây cầu này. Cả một con đường rải nhựa được treo lơ lửng trên mặt sông bởi mấy sợi dây cáp to như bắp chân, thật là vĩ đại và kỳ diệu! Qua cây cầu sẽ đặt chân tới đất Lãng Tiên. Cái tên ấy gợi nhắc trong lòng Minh Việt toàn những điều hào hùng. Những câu chuyện bố kể, có mặt cả bác Mộc bí thư, bao giờ cũng nhắc đến “chiến khu Lãng Tiên”. Từ chiến khu ấy những con người mình đồng da sắt, những anh hùng dân tộc, những đơn vị tự vệ thị trấn đã vượt sông vào giải phóng An Lạc. Chiến khu ấy từng từng hiên ngang bẻ gãy mọi cuộc tấn công của quân Pháp. Chiến khu ấy là nơi trú ngụ an toàn cho những đội viên diệt ác, đêm đêm bơi qua sông tìm vào thị trấn cắt cổ bọn phản dân hại nước. Chiến khu ấy đã tổ chức một trận tập kích kỳ khôi, làm rung chuyển cả mấy tỉnh thành hữu ngạn sông Hồng, lửa cháy sáng rực An Lạc suốt ba đêm liền... Bây giờ chiến khu ấy đang ở trước mắt Minh Việt và bọn trẻ phố Tứ Phủ. Tinh thần tự hào của con cái những thị vệ viên năm xưa thúc giục chúng tìm về chiến khu xem hình thù

nó thế nào? Thằng Sinh *hạt mít* dẫn đầu cả bọn hùng dũng tiến qua cầu. Cây cầu rung rung dưới chân bọn trẻ, nhất là khi có một chiếc xe ô-tô chạy qua. Cả bọn xuống tới chân dốc cầu bên kia thì niềm hưng phấn không còn nữa. Xa hút tầm mắt của chúng chỉ thấy đồng ruộng và những lũy tre xanh trải dài dưới trưa hè nắng lửa mà thôi. Không có thành quách, hầm hào, không có những khẩu đại bác thò cổ ra từ đám lá ngụy trang, không có những đoàn người ngựa vũ trang tập luyện, không có những điệp viên bịt kín mặt đầu võ tay không. Không có gì hết! Chỉ lơ thơ vài ba nếp nhà mái tranh ẩn mình sau lũy tre. Có thể chiến khu ở một nơi rất xa, ở cuối con đường trải nhựa tiếp nối với chân dốc cầu này chăng? Như thế thì đôi chân bọn trẻ không thể đi bộ tới đó được. Chúng ngao ngán đôi mắt nhìn về xa xăm mà không thể hình dung nổi điều gì. Sinh *hạt mít* ra hiệu cho đám trẻ dừng lại. “Xuống ruộng bắt cá đi?”. Có một đứa nào đó đã hô lên như thế. Bỗng chốc chiến khu không còn là mối quan tâm đối với bọn trẻ nữa. Cả bọn chạy ào xuống chân đê. Nhưng đúng lúc ấy có một tiếng hét:

- Đánh bỏ mẹ bọn thị trấn đi, chúng mày ơi!

Minh Việt thấy từ dưới chân những thửa ruộng gần đấy lỗ nhỏ chui ra mấy thằng bé nhà quê đen đũi, to khỏe, chúng nhảy lên thành ruộng và hăm hè lao tới. Sinh *hạt mít* có một chiếc gậy ở trong tay. Nó hét lên:

- Chúng mày nhặt đá ném đi, bọn bên sông đấy!

Cả bọn vội nhặt đá ném về phía trước nhưng đám trẻ nhà quê kia chẳng sợ gì cả, cứ chạy ào tới. Minh Việt thấy bên hông đứa nào cũng đeo một cái giỏ, còn tay chúng nó mỗi thằng cầm một thanh sắt. Thằng Sinh bỗng hô lên:

- Bọn nó có thuồng sắt, cẩn thận đấy!

Ngay lập tức có đứa hét toáng lên:

- Chạy thôi!

Đám trẻ thị trấn vội rời khỏi chân đê, cầm cổ chạy lên dốc cầu. Nhưng đám trẻ bên sông chạy nhanh hơn. Thoáng cái chúng đã ở sát ngay sau lưng rồi. Minh Việt chạy đến giữa cầu, lén quay nhìn lại, thấy bọn đuổi theo có vẻ vẫn hăm hở lắm, như quyết bắt cho bằng được một đứa trong bọn của Minh Việt. Cái Lý là đứa chạy sau cùng, chắc nó dự cảm thấy nguy hiểm

nên vừa chạy vừa khóc, miệng thét gọi “Anh Việt”, “Anh Sinh”. Nhưng anh Việt, anh Sinh còn đang cuồn cuộn chạy cho nhanh vì các anh cũng sợ chả kém gì nó. Giữa lúc ấy có tiếng hét vọng lên từ dưới bãi sông:

- Bọn bên sông kia đứng lại, chúng mày thích chết hả?

Ngay sau tiếng thét ấy là một dáng người đen đui, tay cầm chiếc xẻng con, bám vào dây sắt nơi mối cầu thoăn thoắt leo lên. Dây sắt gắn vào mối cầu theo hình bậc thang nên chỉ nháy mắt cái người đen đen ấy đã leo lên đến thành cầu. Rồi cái người ấy chạy ngược lại phía sau Minh Việt, vung xẻng đứng chắn ngay ở giữa cầu. Đám trẻ bên sông như đã quen mặt cái người cầm xẻng, lập tức dừng lại rồi quay trở lui. Bọn trẻ thị trấn hoàn hồn, co cụm lại phía bên này cầu. Minh Việt nhìn kỹ lại cái người cầm xẻng. Rất quen. Đúng rồi! Không ghìm được, Minh Việt gào lên sung sướng:

- Cậu Chột!

Phải, cái người cầm xẻng ấy chính là cậu Chột nhà bà Quán. Cậu Chột không cao lên được bao nhiêu nhưng cơ thể nở nang hơn, chân tay đã ra bắp, đen bóng. Cậu Chột đang đội than ở dưới bến sông. Toàn thân cậu phủ một lớp bụi than, lem luốc và tức cười. Nhận ra Minh Việt, cậu Chột bảo:

- Ra mãi đây chơi cơ à? Sang bên sông làm gì, lại cầm gậy gộc thế kia, chúng nó tưởng sang gây sự nên đánh cho là phải. Thôi về đi!

Bọn trẻ phố Tứ Phủ ra về nhưng ấm ức lắm. Thằng Sinh *hạt mít* là đứa tức tối nhất. Bố nó là bộ đội đang đánh nhau ở chiến trường Miền Nam, nó luôn tự hào về điều đó và luôn được dạy rằng bộ đội đánh nhau không bao giờ biết thua và con của bộ đội lại càng không cho phép ai bắt nạt mình. Chẳng lẽ nó lại chịu để cho bọn bên sông đuổi re kèn thế này à? Bố nó mà biết chuyện thì nó không còn xứng đáng là con của bộ đội nữa. Nó phải tìm cách trả thù. Nó bàn với Minh Việt, với mấy thằng to đầu nhất phố, cả với cái Lý nữa. Từ hôm ấy bọn trẻ phố Tứ Phủ được tập hợp lại, được trang bị gậy gộc, hễ có dịp là kéo sang bên kia cầu tìm bọn bên sông để “rửa hận”. Nhưng mấy lần “kéo quân” sang đều không gặp “kẻ thù”. Chiều chiều, đám trẻ thị trấn cho người ra đứng gác ở đầu cầu, thấy đứa trẻ nào từ bên sông mò sang là chặn đánh. Nếu thấy bọn bên sông đông hơn thì cho người về gọi thêm “lực lượng”. Bọn bên sông biết là đám trẻ thị trấn đã chính thức

“tuyên bố chiến tranh”, cảm lắm, cũng chỉ chờ có dịp là kéo sang đánh úp. Hai bên cứ ở thế giằng co nhau như thế, cũng chạm chán vài lần, có sứt đầu mẻ trán nhưng không nghiêm trọng lắm. Cả hai đều đã lắm được thực lực của nhau. Thủ lĩnh của bọn bên sông là Thức *cụt*. Thằng ấy có biệt danh thế là vì trong một lần đi bắt cua chẳng may lia tuồng phải ngón chân cái nên bàn chân bên phải của nó chỉ còn bốn ngón. Còn thủ lĩnh của đám trẻ thị trấn là Sinh *hạt mít*. Sinh tuyên bố xanh rờn rằng: “Khi nào bố tao về tao sẽ xách súng sang bắn nát óc thằng Thức *cụt*”. Bố nó có súng lục giắt ở trước bụng. Nhưng biết đến bao giờ bố nó mới về? Nó chỉ biết bố qua lời kể của mẹ. Hồi bố nó đi, nó còn bé tí. Thỉnh thoảng nó vẫn chỉ vào một chú bộ đội nào đó ngang qua đường và bảo: “Chú ấy ở chỗ bố tao đấy!”. Minh Việt vẫn tin thế. Và đám trẻ phố Tứ Phủ cũng tin thế. Nhưng bây giờ bố nó chưa về nên hai bên tạm chọn nhịp cầu ở giữa sông làm “biên giới”. Bên nào cũng muốn vượt biên giới nhiều hơn để chứng tỏ mình mạnh. Hôm cái Lý đứng gác cầu, bọn bên sông lại mò sang. Cái Lý vội chạy về gọi Minh Việt. Minh Việt chạy đi tập hợp bọn trẻ phố Tứ Phủ. Đến nhà thằng Sinh thì nó đang nằm trên giường. Nó đang ốm. Nó bị sốt cao đã ba ngày hôm nay rồi. Nhưng khi thấy Minh Việt vào báo bọn bên sông mò sang, nó liền bật dậy, rút cây gậy ở dưới gầm giường, cùng cả bọn kéo nhau lên cầu Lãng Tiên. Hai bên chạm nhau và gậy gộc cứ thế phang loạn xạ. Lúc đầu tương đối cân sức. Nhưng rồi đám trẻ thị trấn vỡ trận, bị lừa chạy như vịt. Sinh mãi đánh quá nên quay ra không còn đường chạy nữa, bị vây chặt, cuối cùng đành chịu để bọn bên sông bắt. Bọn bên sông lôi Sinh về mỗ cầu bên phía Lãng Tiên. Chúng trói Sinh vào một cây cột bê tông được dùng trong những đợt chặn thủy còn sót lại, nước ngập đến nửa người. Mấy lần Minh Việt kéo bọn trẻ thị trấn sang đánh giải cứu cho Sinh mà không được. Cả buổi chiều hôm đó Sinh bị trói dưới chân cầu, bên cây cột bê tông, giữa đám cỏ ngập nước. Bọn bên sông hả hê sung sướng, còn đám trẻ thị trấn thì không biết làm cách nào để cứu thủ lĩnh của mình? Mãi sau Minh Việt mới nhớ ra cậu Chột. Phải rồi, chỉ có cậu Chột mới là vị cứu tinh vào lúc này. Minh Việt chạy xuống bãi than nhưng than đã hết, không còn ai ở đó cả. Minh Việt lại chạy về Xóm Đáy. Cậu Chột đang ngủ, thấy Minh Việt

đến cầu cứu, chẳng kịp mặc áo, cứ thế cởi trần chạy lên cầu. Thấy cậu Chột, bọn bên sông lui hết. Cậu Chột lao xuống đám cỏ ngập nước cởi trói cho thằng Sinh. Khi lên tới mặt cầu, thằng Sinh bước đi hiên ngang giữa đám trẻ thị trấn, như một người anh hùng. Sinh bảo:

- Bọn nó trói tao đến đêm tao vẫn chịu được!

Sinh muốn chứng tỏ nó cũng dũng cảm như bố nó ở ngoài chiến trường. Đúng là trong con mắt của đám trẻ thị trấn, nó rất dũng cảm. Chỉ có con của các chú bộ đội đang chiến đấu ở Miền Nam mới dũng cảm như thế. Nhưng nó không nói cười được lâu. Về tới đầu phố Tứ Phủ bỗng mặt nó tái mét đi. Rồi nó đổ vật xuống hè đường. Có mấy người lớn đi ngang qua vội xốc nó lên, bế nó về nhà. Đêm hôm ấy nó sốt cao. Mẹ nó phải đưa nó lên bệnh viện. Sáng hôm sau nhà nó im lặng như tờ. Đám trẻ phố Tứ Phủ vẫn đi học như thường, không hề quan tâm đến chuyện ấy. Trưa, Minh Việt đi học về thấy nhiều người ra vào nhà thằng Sinh, cả mẹ cũng có mặt ở đấy. Minh Việt vứt cặp sách chạy sang, gặp ngay tấm ảnh thằng Sinh đập vào mắt. Tiếng mẹ thằng Sinh vừa hời khóc vừa kể lể:

- Em đưa cháu ra đồng rồi. Cháu đi mà môi cứ mím chặt, không kêu rên một lời. Mặt cháu vẫn hồng hào như ngủ. Em gọi mà cháu chẳng nghe gì cả, cháu cứ thiêm thiếp rồi bỏ em mà đi...

Minh Việt không dám tiến sát tới chỗ chiếc tủ có đặt ảnh của thằng Sinh. Ảnh nó đấy nhưng nó đã bị mấy tầng đất phủ lên người rồi. Gai ốc nổi khắp người Minh Việt. Mẹ khóc sục sùi. Tất cả những người lớn có mặt ở đấy đều khóc. Không ai biết chuyện thằng Sinh bỏ nhà đi chơi đánh trận ở cầu Lăng Tiên cả. Cũng không ai biết thằng Sinh đã bị ngâm dưới nước sông Sầu Diện suốt nửa buổi chiều ngày hôm qua. Mẹ nó lúc tỉnh lúc ngất. Cứ khi nào tỉnh lại vừa khóc vừa kể lể về những giây phút cuối cùng trước khi thằng Sinh “bỏ đi”. Sau này đám trẻ thị trấn không chơi trò đánh trận ở cầu Lăng Tiên nữa. Chúng kéo nhau tới khu đầm cạn ở sau trại Pháo Thủ cũ chơi trò “hòa bình”. Minh Việt làm chú rể còn cái Lý là cô dâu. Hai đứa là vợ chồng của nhau, ngủ với nhau dưới gốc gạo già mọc cuối đầm nhưng bụng cái Lý chẳng to lên như bụng mẹ. Minh Việt rất muốn hỏi thằng Sinh

về chuyện đó nhưng nó đã không còn nữa. Minh Việt không dám hỏi ai, cứ ôm thắt mắc ấy trong lòng cho đến khi tự mình trả lời được.

Chương 6

Tại Pháo Thủ cũ trong thời kỳ tạm chiếm là nhà kho của quân đội Pháp. Sau ngày An Lạc giải phóng nó được chia cho những người dân thất tán khắp nơi trở về. Bố cái Lý trước làm nghề chăn nuôi ngựa cho quan công sứ, sau ngày quân Pháp quay lại An Lạc lần thứ hai bố nó làm nghề đóng xe bò và các loại yên cương cho ngựa. Về với chế độ mới, trong mớ tài sản của bố nó vẫn còn hai con ngựa, một con màu nâu, một con màu trắng. Hai con ngựa này đã giúp bố cái Lý trở thành phó chủ nhiệm Hợp tác xã vận tải thô sơ của thị trấn An Lạc. Trong số các thành viên của Hợp tác xã có cả ông Mật rồ. Ông Mật rồ góp vào Hợp tác xã chiếc xe bò của mình và suốt mười năm liền ông được nhận danh hiệu “kiện tướng vận tải”.

Cái Lý thường ra khu đầm cạn cắt cỏ cho ngựa. Trò chơi nào của đám trẻ phố Tứ Phủ cái Lý cũng tham gia một cách nhiệt tình, nhưng nó không bao giờ bỏ lơ công việc của mình. Khi các trò chơi kết thúc cũng là lúc nó đã cắt xong đầy hai bao cỏ, ung dung gánh về. Trong các trò chơi ở khu đầm cạn, Minh Việt hãi nhất là trò lộn đĩa. Trò này thằng Tịnh trọc rất thạo. Thằng Tịnh là con bác Mộc bí thư thị trấn. Đầu nó nhiều chấy nên nó cắt trụi tóc đi cho chấy khỏi còn chỗ làm tổ. Khu đầm cạn có nhiều vũng nước nhỏ. Thằng Tịnh chỉ cần cho chân xuống khua khua vài cái là cả đàn đĩa nhao nhao nổi lên. Nó thò tay xuống. Đĩa lập tức bám luôn vào. Nó thích bắt những con đĩa trâu to như ngón tay, da xanh thẫm, lườn bụng hơi vàng vàng. Những con đĩa này miệng to, dễ lộn. Mỗi khi nhìn thấy con đĩa bám vào tay thằng Tịnh, oản mình giãy giụa, giã ra, chun vào, cố dính chặt lấy da người để hút máu, Minh Việt thấy ghê ghê, gai ốc nổi khắp toàn thân. Nhưng thằng Tịnh lại rất thản nhiên với điều đó. Nó bẻ một cây cỏ cứng rồi lấy thân cỏ đó chọc vào phần đít của con đĩa. Xong nó vuốt nhẹ một cái, thế là toàn thân con đĩa bị lộn ngược, mặt da phía trong ra ngoài còn mặt da phía ngoài thì vào trong. Cơ thể con đĩa cấu tạo đơn giản, giống như cái ống chun vậy, khi bị lộn ngược nó chẳng có chút gan, ruột, phèo, phổi gì

cả, may ra thì có tí máu vừa hút được của ai đó. Nếu không biết cách lộn thì sẽ phải loay hoay khá lâu vì con đĩa rất trơn, cầm vào nó cứ tuột đi. Chỉ có thằng Tịnh làm việc này là nhanh hơn cả. Nó làm cứ nhoay nhoáy. Rồi nó cầm la liệt xuống mặt đất những cọng cỏ có xác đĩa lộn. Và nó hỏi một cách khoái cảm:

- Chúng mày trông có giống cảnh treo cổ trong phim Ba Lan không?

Những xác đĩa này gặp nắng nhanh chóng khô quắt đi. Nhưng khi mưa xuống, mỗi xác đĩa lại sinh ra hàng trăm con đĩa khác. Chúng lại tìm về các vũng nước để một chiều nào đó thằng Tịnh sẽ lại ra tay hạ sát chúng. Minh Việt cũng tìm thấy niềm khoái cảm khi ngồi xem những ngón tay của thằng Tịnh thao tác trên xác đĩa. Minh Việt sợ đĩa nhưng cố tìm cách che giấu điều đó, không biểu lộ cho ai biết. Một lần thằng Tịnh vung tay quá mạnh và con đĩa trâu to như ngón tay cái bắn vào cổ áo của Minh Việt. Minh Việt hốt hoảng, không dám thò tay vào móc con đĩa ở trong ngực ra, cứ quay mặt đi hướng khác gào thét, van xin thằng Tịnh bắt ra hộ. Nhưng thằng Tịnh bảo:

- Hóa ra thằng Việt *thiu* này sợ đĩa. Đã thế tao cứ để cho nó hút máu mày một lúc đã, rồi tao sẽ bắt nó ra lộn sau.

Thằng Tịnh nói thế và làm thế thật. Nó lại chạy ra chỗ vũng nước tìm bắt con đĩa khác. Minh Việt sợ quá, xung quanh thằng thì đang lúi húi lộn đĩa, thằng thì ngoác mồm ra cười, thằng thì vỗ tay đôm đốp khoái chí chế nhạo sự nhát gan của Việt *thiu*. Mặt Minh Việt tái mét đi. Cảm giác lạnh lạnh, buồn buồn trên làn da ngực càng làm Minh Việt kinh khiếp. Giữa lúc sự hoảng loạn đang lên đến cực độ thì cái Lý chạy đến. Nó dứt cúc áo ngực của Minh Việt ra và hình như chỉ lướt tay nhোঁang một cái thôi. Thế là xong. Nó bảo:

- Xong rồi, con trai gì mà nhát thế?

Lúc này Minh Việt mới dám nhìn xuống chỗ vùng da ngực. Vết đĩa cắn vẫn còn, máu rỉ ra to bằng hạt đỗ. Từ hôm ấy Minh Việt không dám tiến gần đến chỗ bọn thằng Tịnh mỗi khi chúng nó chơi trò lộn đĩa. Minh Việt rất thích cưỡi ngựa. Đôi ba lần Minh Việt được cái Lý cho ngồi lên lưng con ngựa màu nâu của nhà nó. Minh Việt vẫn còn nhớ cái cảm giác

lần đầu tiên được cưỡi ngựa. Minh Việt cứ ôm chặt cứng lấy người cái Lý. Lúc đầu thì thích nhưng sau thì những đốt sống lưng của con ngựa gồ lên, chọc vào hai bên hông, đau điếng. Cái Lý có thể điều khiển con ngựa chạy nhanh, chạy chậm tùy theo ý muốn. Có một lần khi Minh Việt đã tạm quen với việc cưỡi ngựa, cái Lý cho con nâu lông lên. Được hai vòng đăm thì Minh Việt không giữ được thế ngồi, ngã tụt xuống. May rơi đúng xuống đám cỏ dày nên không đau lắm. Cái Lý hết hoảng, vội cho dừng ngựa, nhảy xuống, chạy lại chỗ Minh Việt ngã. Minh Việt vờ nằm im không nhúc nhích. Đến khi cái Lý nâng người Minh Việt lên, lần đầu tiên cậu thấy rung mình khi chạm phải hai vật tròn mềm ẩn sau làn áo ngực của cô bạn gái. Cái Lý đã thành người lớn rồi! Cái Lý càng ngày càng phồng phao ra, dáng dấp thon mềm, gợi cảm. *Nhất dáng, nhì da* cái Lý có được cả hai thứ đó nhưng bước sang tuổi dậy thì tự nhiên một bên má của cái Lý nổi vết râm. Lúc đầu vết râm còn nhỏ và mờ. Rất nhanh sau đó vết râm loang rộng và thâm màu hơn, y như mẩu bánh mì cháy. Cái Lý không còn tham gia mọi trò đùa nghịch của lũ con trai phố Tứ Phủ nữa. Bước sang năm sau bọn thằng Tịnh cũng không còn chơi trò lộn đĩa. Tất cả bỗng thấy mình khác trước. Minh Việt là đứa vỡ giọng đầu tiên trong đám con trai. Sau đó ít lâu là thằng Tịnh, thằng Hoàn, thằng Huy. Riêng cậu Chột nhà bà Quán thì vỡ giọng trước đó vài năm. Bọn thanh niên mới lớn phố Tứ Phủ bắt đầu bàn tán về con gái. Cái Lý thường được đưa ra bàn về bộ ngực, về cái eo lưng, về lớp vải quần khít chặt phía trên đùi. Nhưng ý kiến thống nhất cuối cùng vẫn là cái Lý có họ hàng xa với Thị Nở. Trong những lần bình luận như thế, Minh Việt không hăng hái đồng tình nhưng cũng không phản đối. Chỉ có một người luôn nổi xung lên mỗi khi nghe mọi người chê cái Lý xấu, đó là thằng Tịnh. Thằng Tịnh không thấy Lý có cái gì xấu cả. Lý là đứa con gái dịu dàng, vị tha, nhân ái nhất phố Tứ Phủ. Lý cũng là đứa con gái có dáng người đẹp nhất, làn da trắng nhất, cái miệng xinh nhất, mái tóc dài nhất, khuôn mặt thanh tú nhất, chỉ có mỗi một bên má là không đẹp nhưng cũng không đáng chê, không làm hỏng đi tất cả những gì mà Lý có. Cái Lý của riêng thằng Tịnh là như thế. Minh Việt vô tâm không mấy khi nghĩ quá sâu xa về cái Lý. Tuy nhiên ký ức tuổi thơ vẫn lưu giữ mỗi thẹn cảm giữa

Minh Việt với Lý, nên Minh Việt thường không tham gia bàn luận về Lý để tránh cho mình khỏi phải nói ra những điều không muốn nói. Cái Lý dường như cũng biết lũ con trai bình luận gì về mình nên nó sống ngày một thu hẹp lại. Tối tối nó thường sang nhà Minh Việt ngồi bóc lạc cùng bà nội và mẹ. Những năm ấy cuộc sống của những gia đình công nhân viên chức như bố mẹ Minh Việt rất kham khổ. Mẹ đẻ đứa em thứ tư, thằng Đức, nên bị chuyển xuống đội chăn nuôi, không còn nhật nhạnh được nhiều thức ăn, thức uống như trước đây nữa. Mỗi lần đẻ thêm em bé là một lần nhà sa sút đi. Có lần mẹ bảo:

- Cứ yên yên một tí là lại nghỉ đẻ. Nghỉ xong đi làm, nó lại tổng bố nó sang chỗ khác. Thôi bây giờ tắt vòi lại không đẻ nữa, để ít hôm rồi bảo với bác Mộc xin cho về tổ kem.

Mẹ có họ hàng xa với bác Mộc nên ít nhiều cũng được lãnh đạo ngành quan tâm, ưu ái. Nhưng vì nghỉ đẻ luôn nên không thể ngồi mãi một vị trí được. Sau khi sinh con Vân mẹ phải xuống làm việc ở tổ bánh. Bây giờ đẻ thằng Đức, không còn chỗ nào xếp cho mẹ nữa nên họ đành phải đưa mẹ xuống tổ chăn nuôi. Từ ngày xuống tổ chăn nuôi, nhà rất túng thiếu. Bố Minh Việt vẫn làm thủy lợi ở mãi dưới huyện biển. Đã mấy lần tỉnh định rút bố về trên Ty nhưng lần nào cũng trục trặc vấn đề: *Chưa xác minh rõ quan hệ giữa đồng chí Nguyễn Bình và cô Mến trong thời gian diễn ra trận tập kích chiến lược thị trấn An Lạc năm năm ba.*

Khó thì phải tính. Nhà đông miệng ăn, lương thực nhà nước bao cấp không đủ, mẹ phải nhận thêm lạc sống về bóc thuê. Đã có thời kỳ cả phố Tứ Phủ là một “xưởng bóc lạc tay”. Bắt đầu từ nhà Minh Việt, sau lan ra các nhà khác. Ai cũng muốn có thêm đồng “kiếm bơ gạo” hoặc “cải thiện rau mắm” nên nhờ mẹ nhận lạc về bóc suốt đêm. Hết mùa lạc lại đến mùa dán hộp. Hộp đựng bánh, hộp chứa thuốc Phi-la-tốp, hộp vỏ bao thuốc lá... Qua mùa dán hộp lại đến kỳ rọc giấy. Giấy báo, giấy sách, giấy vở học sinh. Máy móc không chia nhỏ được thì đưa về cho dân Tứ Phủ rọc tay. Mẹ là người giỏi tìm việc trong thời bấy giờ. Nhưng việc đều hơn cả vẫn là bóc lạc. Lúc đầu mọi người đều bóc bằng tay. Sau cải tiến bóc bằng thanh tre, rồi dùng búa ghè nhẹ. Thanh niên nam nữ đến nhà nhau chơi, vừa chuyện

trò vừa thò tay bóc lạc, vui lên lại hát đồng thanh nữa. Lý là người tích cực đến nhà Minh Việt nhất. Bố cái Lý là người của Hợp tác xã vận tải. Mấy năm ấy Hợp tác làm ăn được nên kinh tế nhà cái Lý nghe ra có phần ổn hơn nhà Minh Việt. Lý rất quý vợ Minh Việt. Bà nội lại là người hay chuyện. Vì thế Lý qua lại như người nhà. Lý cũng tìm thấy sự thanh thản trong công việc bóc lạc. Ở đây Lý không phải nghe tiếng ì xèo, chề bôi của đám trai mới lớn. Vợ lại là người thẳng tính. Thăng nào có lời bất nhã với Lý là vợ đốp vào mặt ngay. Thế là tối tối đám trai gái rủ nhau đi sinh hoạt Đoàn, Đội, đi xem phim, xem kịch, đi tập tữ vệ thì riêng Lý ngồi bóc lạc ở một góc nhà với bà nội và vợ. Có một người cũng hay đến ngồi bóc lạc cùng với Lý là thằng Tịnh. Thằng Tịnh rất ít nói. Nó cứ ngồi lì hết buổi tối, đến khi nào Lý đứng dậy ra về thì nó cũng ra về. Có một hôm Lý rủ vợ Minh Việt:

- Tối mai cháu với cô đi xem kịch nhé? Họ diễn ở chỗ hợp tác xã bố cháu. Bố cháu cho cháu giấy mời.

Mợ bảo:

- Ừ, mai nghỉ một buổi lạc đi xem cho nó khỏi tù đời. Mấy giờ?

Lý bảo:

- Bảy giờ. Cháu thấy bố cháu bảo thế.

Nhưng hôm sau thằng Đức bỗng sốt cao. Bà nội cứ giục mợ đi xem để bà ở nhà trông thằng Đức cho nhưng mợ không đi nữa. Khi cái Lý đến, mợ gọi Minh Việt vào và bảo:

- Con đi xem với em Lý nhé! Nó chẳng bao giờ dám đến chỗ đông người một mình đâu. Con đi với em cho em nó vui, tối nào nó cũng đến ngồi đây thui tui bóc lạc với mợ, tội lắm.

Minh Việt bảo:

- Mợ phải cho cả cái Vân đi cùng với con cơ. Chỉ hai đứa đi, con ngại lắm, chúng nó nhìn thấy lại trêu.

Mợ bảo:

- Ừ, mợ cho cả em Vân đi cùng hai đứa. Mợ cho cả mấy hào lẻ nữa đây, em nó đòi cái gì thì mua.

Cái Vân là đứa em thứ ba của Minh Việt. Chính Minh Việt đã nhìn thấy nó chui ra từ cửa mình của vợ ở nhà hộ sinh hơn chục năm về trước. Tối hôm ấy nó vừa xem kịch vừa khóc thút thít. Vợ kịch nói về đơn vị tự vệ của một nhà máy đã bắn cháy một chiếc máy bay của Mỹ, nhưng người nữ chỉ huy trưởng lại hy sinh. Tất nhiên còn có cả chuyện tình yêu, chuyện sản xuất, chuyện hiểu lầm nữa nhưng nội dung chủ đạo của vở kịch là tinh thần chiến đấu hy sinh dũng cảm của những người công nhân vừa giỏi tay búa vừa chắc tay súng. Tan vở, mọi người kéo nhau ra về, riêng cái Lý vẫn ngồi yên không nhúc nhích. Minh Việt giục:

- Về thôi, Lý!

Lý quay ra bảo:

- Chờ em tí.

Chờ mãi vẫn không thấy Lý đòi về, Minh Việt đành dẫn cái Vân ra ngoài cổng mua cho nó mấy quả mận còn sót lại trên kệ hàng của người bán rong. Khi quay vào Minh Việt không thấy Lý đâu cả. Nhìn lên sân khấu thấy mấy người đang thu dọn đạo cụ, Minh Việt chạy lên ngó nghiêng tìm cái Lý. Một người đàn ông hỏi:

- Cháu tìm ai?

Minh Việt vẫn đang ngỡ ngác chưa biết nói thế nào thì người đàn ông lại chỉ vào cánh gà, bảo:

- Cô ấy vào trong kia kìa. Chắc muốn gặp mặt diễn viên?

Minh Việt chạy vào trong cánh gà, thấy có hành lang dẫn vào một căn phòng còn đang sáng ánh đèn. Minh Việt bước về phía ấy nhưng chưa tới cửa phòng thì gặp Lý đang đi ra. Ánh mắt Lý ngập tràn niềm vui. Thấy Minh Việt, Lý cất giọng rất tự nhiên:

- Cái Vân đâu hả anh Việt? Mấy anh em mình về đi!

Minh Việt hỏi:

- Vào trong ấy làm gì?

Lý không trả lời mà hỏi lại:

- Anh thấy vở kịch hôm nay hay không? Cô đóng vai chỉ huy trưởng tự vệ giỏi nhỉ? Cô ấy khóc thật đấy. Em nhìn rõ nước mắt của cô ấy rơi ra hẳn hoi nhé!

Minh Việt hơi khó chịu về thái độ của cái Lý nhưng đêm đã muộn nên vội dắt tay cái Vân ra về. Tới đầu phố, cả ba gặp thằng Tịnh đang đứng chờ ở chỗ cổng Đá. Không biết từ bao giờ người ta đặt hai phiến đá rất to ở mép đường nơi bên dưới có con mương chảy qua. Dây phố Tứ Phủ được ghi mốc từ cổng Đá này cho đến ngôi đền Tứ Phủ nằm ở cuối phố. Trước đây người già gọi phố này là phố Cổng Đá. Sau khi có ngôi đền người ta chuyển dần sang gọi là phố Tứ Phủ. Chỗ cổng Đá nằm ở ngã tư đường, là nơi tối tăm, đi qua đó thường có cảm giác sờ sợ, bình thường chẳng ai dám ra đứng đó một mình. Vậy mà thằng Tịnh lại đứng đó, như có ý chờ đón Minh Việt đi xem về quả cũng táo gan thật. Nhìn thấy ba người, thằng Tịnh hỏi ngay:

- Sao chúng mày không bảo tao trước để tao xin vé đi xem cùng?

Minh Việt vội thanh minh:

- Lý có giấy mời, đáng lẽ đi xem với vợ tao nhưng vì thằng Đức ốm nên tao với cái Vân được đi ké. Có biết trước đâu?

Lý chẳng nói gì, chỉ lặng im, tay vẫn giữ chặt vạt áo. Hình như Lý có giấu cái gì ở trong đó nhưng Minh Việt không để ý. Thằng Tịnh bảo: “Nực lắm, ngồi đây cho mát đã về làm gì vội, không ngủ được đâu”. Cái Lý bảo: “Thôi, em về đây, muộn rồi, bố em lại vắng”. Thằng Tịnh hào hứng đi theo. Minh Việt đưa cái Vân về trước rồi cùng thằng Tịnh đưa cái Lý về nhà ở khu Trại Pháo thủ cũ.

Hình như trong con mắt của cái Lý, đám Minh Việt vẫn còn rất trẻ con, không thể hiểu được những điều sâu kín của một thiếu nữ đã trưởng thành. Lý không bao giờ tâm sự, chuyện trò gì với Minh Việt cả. Có một người tương đối hiểu Lý, đó là vợ nhưng vợ không có nhiều thời gian để gần gũi, sẽ chia với Lý những chuyện đàn bà, con gái. Nhà Lý chỉ có một bố một con, Lý lại tự ti về nhan sắc của mình nên hầu như không có bạn. Lý lần tránh đám con trai phố Tứ Phủ mới ngày nào còn chung những trò chơi con trẻ với Lý. Lý rất sợ những lời xì xào, chê bôi của đám thanh niên mới lớn này. Mỗi lời đàm tiếu của một thằng con trai nào đó vô tình buông ra đối với Lý không khác gì một con đĩa trâu ném vào người Minh Việt. Lý càng sợ, càng tránh thì lại càng gặp phải, đi đâu cũng gặp, tới đâu cũng

thấy, chỉ có đến nhà Minh Việt là đỡ tội phạm hơn cả. Ở đó Lý thường xuyên gặp thằng Tịnh, mà thằng Tịnh thì không bao giờ nói gì với Lý. Có thể thằng Tịnh trân trọng Lý, nhìn thấy nhiều cái đẹp của Lý. Nhưng Lý lại nghĩ rằng cái sự im lặng ấy chẳng qua chỉ là chưa đến lúc. Ai cũng biết thằng Tịnh nghịch ngợm, lém lỉnh. Với cái tư duy của một thằng con trai nghịch như quỷ sứ ấy, thử hỏi khi cất lên lời nói luận bàn về nhan sắc của Lý sẽ khủng khiếp đến đâu? Vì thế với Tịnh, Lý còn thêm một chút e dè, cảnh giác nữa. Tất cả những điều này nằm ngoài sự lưu tâm của Minh Việt. Minh Việt đã trở thành lao động chính của gia đình, toàn làm việc nặng, việc bóc lột buổi tối chỉ dành cho đám đàn bà con gái và trẻ nhỏ. Những ngày này Minh Việt đang cố gắng hoàn thành chỉ tiêu “một ngàn viên gạch ba banh” bố giao cho. Minh Việt cùng thằng Đình, con Ánh dùng xe cải tiến chở xi ở chỗ thợ về, rồi tôi vôi, rồi cho xi trộn vào khung, và cứ thế vung chày sắt mà nện. Bố bảo phải xây thêm một gian nữa chứ nhà bây giờ nhiều người, chỗ chui ra chui vào chật lắm. Minh Việt lại lớn rồi, cái Ánh cũng lớn rồi, lại thằng Đình, cái Vân, cu Đức, không thể dồn tất vào một gian cùng với bà nội được. Hễ có ngày nghỉ là bố lại cời trần trùng trục cùng làm với Minh Việt. Bố cầm xẻng xúc xi vào khung cho Minh Việt hai tay hai chày giã xuống. Không có bố thì thằng Đình, cái Ánh thay nhau xúc cho Minh Việt. Ngày nào cũng nện chày gang nên cơ bắp Minh Việt nở nang ra trông thấy. Minh Việt vốn là một đứa trẻ có thể chất tốt nên khi bước sang tuổi thanh niên, dáng vóc khá vạm vỡ, to khỏe. Dường như Minh Việt đã quên cái tuổi thơ buồn thảm ở Xóm Đáy rồi. Hình ảnh mẹ Mến ngày một trở nên xa mờ trong Minh Việt. Bà Quán và cậu Chột thỉnh thoảng vẫn gặp Minh Việt nhưng cái tình máu mủ ruột rà vốn không có, nay ít ở gần nhau nên cũng ngày một phai nhạt. Chỉ có một lần Minh Việt bỗng nhớ bà Quán. Nhớ quay, nhớ quắt, nhớ đến mức bỗng đứng muốn được gặp mặt bà ngay lập tức. Thế là Minh Việt dừng việc đóng gạch lại, rửa qua người, khoác cái áo vào rồi thủng thủng đi về phía Xóm Đáy.

Tới cổng Đá, Minh Việt bỗng dừng người lại vì gặp một đám ma đi ngược lại phía mình. Thường thì đám ma bao giờ cũng đi xuôi về phía Xóm Đáy, bãi tha ma của thị trấn nằm ở phía ấy. Nhưng đám này lại đi ngược về

phía phố Tứ Phủ. Và đây là lần đầu tiên Minh Việt tận mắt chứng kiến một đám ma lạ lùng như thế. Đi đầu là một đoàn người mang cờ đen viền chỉ trắng, tiếp theo là một đoàn người mang áo trắng trùm miễu. Chiếc xe tang đi sau đoàn người mặc đồ trắng, trên nóc xe có một cây thánh giá buộc một dải khăn tang mỏng. Trong xe có đặt một cỗ quan tài được phủ vải đen, thêu hình thập giá màu trắng. Các góc quan tài có thắp nến. Sau xe tang là đủ mọi thành phần đi đưa đám, hầu hết là đi bộ, có vài ba người dắt xe đạp theo bên cạnh. Minh Việt vô cùng bất ngờ khi thấy bố dắt xe đạp đi trong tốp cuối, khuôn mặt trầm mặc, lặng lẽ. Minh Việt cũng đã nhận ra cậu Chột đi ngay phía sau chiếc xe đòn. Bên cạnh cậu Chột là ông Mật *rõ*. Đến lúc này thì Minh Việt đã lơ mơ cảm nhận được người đang nằm trong quan tài kia là ai? Thảo nào đang ngồi đóng gạch mà bụng Minh Việt nóng như có lửa đốt, mọi ý nghĩ đều tập trung về Xóm Đáy với hình ảnh thân thương là bà Quán. Minh Việt lẳng lặng nhập vào đoàn người đi bộ đang rì rầm đọc kinh đưa xác đồng đạo. Đám tang đi qua phố Tứ Phủ thì rẽ về phía chân núi Cô Hồn. Thì ra bãi tha ma của những người theo đạo chính là khu mả Tàu. Ngày mẹ Mến chết người ta không đưa ra khu nghĩa địa này. Đây vốn là khu đất của một giáo dân người Tàu cúng tiến cho Nhà thờ từ thời cha bề trên còn sống nên người ta vẫn thường gọi là khu mả Tàu. Khu này chỉ dành riêng cho những giáo chức hoặc người có công với xứ đạo. Bà Quán được coi là một trong những người có chức tước, dù chỉ là một cái chức cón con, còn sót lại của xứ đạo. Vì thế cả xứ đạo đã quyên góp tiền bạc để làm một cái lễ *đưa xác* tương đối đàng hoàng cho bà. Ông Mật *rõ* cùng năm bà vợ của mình cũng xúm vào lo làm đám cho bà Quán. Tuy nhiên tang phục chủ yếu là đồ cũ, được nhặt nhạnh từ những xó xỉnh nào đó, còn tang chế thì giản đơn, hoán cải đi nhiều. Không có linh mục làm phép huyệt, không có chín tiếng ba hồi chuông *sinh thì* [1], không có lễ *chờng mồ* [2], cũng chẳng có đội bát âm và hội hát. Đã từ lâu nhà thờ bỏ hoang, tháp chuông rỗng không, đám tang bà Quán là một sự kiện hiếm có của thị trấn An Lạc kể từ sau ngày giải phóng. Minh Việt theo đoàn người đưa xác bà Quán tới khu mả Tàu, chờ người ta đắp cho bà mồ yên mả đẹp xong xuôi đâu đấy mới dám tiến tới trước mộ bà. Minh Việt khẽ lẩm nhẩm:

- Bà Quán ơi, cháu không hiểu lắm về bà cùng cái đạo của bà, cháu cũng chẳng biết nói gì với bà lúc này, cháu chỉ ân hận là đã không qua lại với bà sau khi cháu chuyển về ở với bố. Bây giờ bà xuống dưới đó bà đừng trách cháu, cháu hứa với bà là cháu sẽ thường xuyên qua chơi với cậu Chột để cậu ấy khỏi buồn...

Bỗng Minh Việt cảm thấy như có ai đó đang nhìn mình. Quay lại Minh Việt bắt gặp ánh mắt của một cô gái trạc tuổi cái Lý thấp thoáng phía bên kia cây thánh giá nơi vòm mộ cổ. Minh Việt ngỡ ngàng trước khuôn mặt của cô gái lạ. Nó gợi nhắc một hình ảnh đã xa lắc. Đúng rồi! Khuôn mặt của mẹ Mến. Cô gái có khuôn mặt rất giống mẹ Mến. Nhưng đôi mắt của cô ta to hơn, trong trẻo hơn, thành kính hơn. Và cô ta có một mái tóc xoăn ngả màu vàng, hung hung. Cô gái có vẻ e ngại, cứ lấp ló bên vòm mộ cổ không dám đi ra. Minh Việt đang mãi nghĩ về sự có mặt của cô gái có đôi mắt to tròn ấy thì bỗng có một bàn tay đập lên sau bả vai.

- Cậu Chột! - Minh Việt mừng rỡ khi nhận ra người đến sau lưng mình
- Cháu không biết bà mất, sao cậu không cho cháu biết để cháu về chịu tang bà?

Cậu Chột như không nghe thấy Minh Việt nói gì, đưa tay về phía vòm mộ cổ, vẫy vẫy. Đến lúc này cô gái có đôi mắt to tròn mới từ sau vòm mộ khấp nép bước ra. Cậu Chột quay lại bảo với Minh Việt:

- Quên mất cái cuốc, bảo nó quay lại lấy mà chờ mãi ngoài xe không thấy nó ra, hóa ra gặp Việt ở đây nên nó ngại.

Minh Việt hỏi:

- Con bé ấy nó là con nhà ai thế hả cậu?

Cậu Chột cúi xuống nhặt cái cuốc đưa cho cô gái, phẩy tay ra hiệu cho cô ta bước đi trước rồi quay ra bảo với Minh Việt:

- Nó là con lai đấy. Mẹ nó là người Xóm Đáy, bị bọn Pháp hiếp trước khi rút xuống tàu vào Nam. Cả thị trấn An Lạc này có hai đứa con lai, một lai trắng là con Cói này, còn một lai đen là thằng Tân ở xóm chân cầu. Thôi, về đi. Việt bây giờ cao lớn nhỉ?

Minh Việt hỏi:

- Cậu ơi, thế sao ngày xưa cháu không biết cái Cói nhỉ?

Cậu Chột bảo:

- Mẹ nó sang sống ở bên Phòng, mãi sau này mới về Xóm Đáy. Mẹ nó chết cũng lâu rồi. Mợ lấy nó về nuôi. Mợ quý nó lắm. Trước khi chết mợ bảo: “Thương nhất con Cói!”

Minh Việt không hỏi thêm gì nữa. Tối hôm ấy, trong khi cả nhà ngồi bóc lạc, bố ra sau nhà xúc xỉ cho Minh Việt đóng gạch. Bố bảo:

- Bà Quán chết vì lao lực đấy. Khổ thân bà ấy, việc của cả thiên hạ mà cứ vơ vào mình.

Minh Việt bảo:

- Sao bố biết mà bố không cho con về thăm bà ấy?

Bố bảo:

- Bố cũng chủ quan, không nghĩ bà ấy lại chết nhanh thế. Sáng nay đi làm, giữa đường gặp bác Mộc, biết tin, bố quay lại đưa bà ấy một đoạn đường. Có nhiều chuyện bố không nói với con được. Bố cũng khổ tâm lắm.

Minh Việt bỗng thấy người nhão hết cả ra. Bố bảo:

- Thôi con vào nghỉ đi, để bố đóng nốt cho.

Minh Việt đứng lên đi vào trong nhà. Hôm nay không thấy cái Lý đến. Thăng Tịnh vẫn ngồi thu lu bên bà nội. Minh Việt hỏi mợ:

- Cái Lý hôm nay không đến hả mợ?

Mợ bảo:

- Hôm trước tao vừa đưa nó đi may áo, bố nó được Hợp tác thưởng cho một mảnh vải màu lá chuối, chắc hôm nay được áo nên đi lấy rồi.

Cả một tuần sau đó vẫn không thấy cái Lý đến nhà Minh Việt. Thăng Tịnh cũng chỉ đảo qua đảo lại, không ngồi lỳ như mọi hôm. Minh Việt không để ý đến chuyện ấy, tối nào cũng đóng xong hai chục viên ba banh là mượn xe bố đạp xuống Xóm Đáy. Nhà bà Quán bây giờ chỉ còn mỗi mình cậu Chột ở. Minh Việt hỏi: “Cái Cói đâu?”. Cậu Chột bảo: “Nó về ở nhà nó, ở cuối bãi ấy”. Minh Việt tìm sang nhà cái Cói. Nhà Cói ở tuềnh toàng, chẳng có thứ gì ra hồn. Ánh mắt Cói nhìn Minh Việt cứ ngài ngài. Nhà Cói sát cửa sông, vào những ngày hè nóng nực gió lùa lên mát lạnh. Thị trấn dạo này mất điện luôn, Minh Việt thường chơi ở Xóm Đáy đến muộn mới về. Mợ hỏi thì Minh Việt bảo con lên cầu treo ngồi hóng mát, nằm sớm nực

lắm, không ngủ được. Với cậu Chột và Cói thì ánh đèn điện là thứ xa xỉ, còn lâu họ mới được hưởng. Họ chỉ được hưởng ánh sáng hắt ra từ Xí nghiệp cơ khí đóng tàu *Hai Bảy tháng Bảy* phía bên kia bãi sông thôi. Đó là khu vực dư thừa ánh điện nhất thị trấn. Điện cho sản xuất công nghiệp luôn được ưu tiên. Xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy* trước đây là nhà kho của quân Pháp. Sau này, cùng với việc xây dựng cây cầu treo, trên đã cho An Lạc xây dựng một xí nghiệp đóng tàu thủy. Hôm khởi công xây dựng là ngày *hai bảy tháng bảy*, cả thị trấn ra quân rầm rộ, Minh Việt cũng nằm trong đội hình học sinh gõ trống cổ động cho lễ động thổ. Bây giờ xí nghiệp trở thành điểm sáng về lao động sản xuất của thị trấn. Trong các hội nghị, mỗi khi đọc báo cáo về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở An Lạc bao giờ bác Mộc cũng dừng lại nói thêm về Xí nghiệp cơ khí *Hai Bảy tháng Bảy*. *Đó là biểu tượng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân An Lạc, mở ra một sự phát triển về chất đối với công cuộc xây dựng thị trấn. Cùng với Hợp tác xã vận chuyển thô sơ, với hàng loạt cửa hàng mậu dịch, cửa hàng ăn uống quốc doanh của ngành thương nghiệp, Xí nghiệp Hai Bảy tháng Bảy đã và đang góp phần xóa sổ lao động nông nghiệp, sau kế hoạch năm năm lần thứ ba, nhất định An Lạc sẽ đạt được mục tiêu thành thị hóa, không còn ai chân lấm tay bùn nữa, tất cả sẽ là công nhân, sẽ đi đầu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các tỉnh miền duyên hải.* Quả thật xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy* luôn là niềm tự hào của người dân An Lạc. Chỉ vài năm sau ngày xây dựng nó đã bành trướng hết một vệt bờ sông dài rộng phía đông thị trấn. Nhà xưởng của xí nghiệp dọc ngang, tít tắp như một khu phố mới. Ban ngày đi qua thấy những người thợ hàn một tay cầm mặt nạ che mặt, một tay châm que hàn vào những khối sắt lớn, ánh điện lóe lên, vụn sắt cháy đỏ rơi lả tả. Ban đêm, trên nóc phân xưởng hàn, hai ngọn đèn pha to như hai cái mâm đồng soi sáng cả khúc sông. Xóm Đáy ở khúc bồi phía bên này bờ sông, nhờ hai ngọn đèn pha ấy mà đỡ cảm thấy tối tăm, đỡ cảm thấy mục tiêu phổ hóa quá xa lạ đối với mình. Ngoài xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy* ra, cả thị trấn An Lạc chỉ còn có khu Tứ Phủ và khu Ngã Năm là có điện nhưng phập phù, điện rất yếu, dây tóc bóng điện cứ đỏ đòng đọc như mấy sợi len rối.

Mà tình hình thì chưa biết đến lúc nào mới cải thiện được. Bác Mộc thỉnh thoảng đến nhà Minh Việt chơi, qua câu chuyện giữa bố và bác, chỉ thấy nói về việc hậu phương dốc lòng ủng hộ cho tiền tuyến. Mà đã dốc lòng ủng hộ cho tiền tuyến thì còn cái gì để xây dựng thị trấn nữa? Việc đánh nhau để giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước là chuyện không thể dừng được. Nhất định phải đánh cho không còn thằng Mỹ nào ở miền Nam nữa mới thôi. Thanh niên An Lạc đã thay nhau hết lứa này đến lứa khác lên đường nhập ngũ rồi. Cậu Chột cũng đã mấy lần lên thị đội xin đi bộ đội mà không được vì bị hỏng một bên mắt, không đủ tiêu chuẩn về sức khỏe. Nhiều đêm từ Xóm Đáy về, Minh Việt gặp hàng đoàn bộ đội lặng lẽ hành quân về phía chân cầu Lãng Tiên. Bố bảo đó là khu vực tập kết bộ đội lên tàu đi *Bê*. Việc di chuyển diễn ra rất bí mật. Chân cầu Lãng Tiên vào ban ngày hầu như không thấy có tàu bè gì, thế mà đêm đến hết đoàn bộ đội này đến đoàn bộ đội khác cứ hun hút đi về phía bờ sông để sáng hôm sau mất tăm, không còn thấy một bóng quân phục nào. Xung quanh núi Cô Hồn có rất nhiều đơn vị bộ đội đóng quân, thuộc đủ các quân binh chủng khác nhau. Ngoài bộ binh ra, đêm đêm hàng đoàn ô-tô chở các loại súng pháo khí tài cũng nhằm hướng bến sông Sầu Diện để trút hàng xuống tàu. Rồi tàu đưa người và vũ khí đạn dược đi đâu thì không ai biết. Bác Mộc mỗi khi gặp bố đều nói câu cửa miệng: “Tình hình miền Nam căng lắm”. Căng như thế nào? Chẳng ai hình dung ra. Minh Việt đã tới tuổi nhập ngũ nhưng bác Mộc bảo: “Cứ ở nhà đóng nốt cho bố mày nghìn viên gạch ba banh đi đã, rồi đi bộ đội sau”. Để đảm bảo cho việc vận chuyển vũ khí và hành quân an toàn, bí mật, thị trấn ấn định giờ giới nghiêm. Sau hai mươi hai giờ người dân thị trấn không ai thò mặt ra ngoài đường nữa. Mọi sinh hoạt cộng đồng đều kết thúc trước giờ đó. Minh Việt thường về quá giờ giới nghiêm nên cảm nhận được sự hối hả của cả nước đang “dốc lòng cho tiền tuyến”. Các con đường của thị trấn rùng rùng chuyển động trong im lặng. Cũng có đôi ba nhà mở hé cửa ra xem các đơn vị bộ đội chuyển quân. Trong số những người ra đi kia biết đâu lại có con cái họ? Và họ muốn được nhìn thấy con em mình lần cuối trước khi chúng đi vào chiến trường.

Không ít lần Minh Việt đi chơi về quá giờ giới nghiêm. Những lần như thế Minh Việt phải nấp vào một chỗ nào đó chờ cho đoàn quân đi qua mới dám lộ mặt ra. Một lần Minh Việt bắt gặp sự lạ. Hôm ấy có một đoàn bộ đội đi qua cổng Đá, theo con đường cắt vuông góc với phố Tứ Phủ. Con đường đó dẫn họ ra chân cầu Lãng Tiên. Cả đoàn đang đi bỗng ồ lên ngạc nhiên khi phát hiện ra có một cô gái mặc chiếc áo xanh đứng bên phiến đá chăm chú nhìn theo hàng quân. Vừa khi ấy hàng quân có lệnh dừng lại để nhường đường cho một đoàn xe vận tải vượt lên trước. Ánh đèn pin dẫn đường cho đoàn xe quân sự không biết vô tình hay hữu ý đã quét qua mặt cô gái. Lập tức đám bộ đội nhao nhao lên.

- Chà, đẹp quá!
- Ôi, nàng tiên nữ áo xanh!
- Em ơi, chờ anh về nhé!
- Cho anh gửi lại tí tình trong người hậu phương nhé!
- Anh ra chiến trường để bảo vệ nhan sắc cho em đây, em gái ơi!...

Ngay cả Minh Việt khi nhìn thấy ánh đèn lướt qua mặt cô gái cũng sửng sốt vì vẻ đẹp của cô ta. Nhưng Minh Việt còn kinh ngạc hơn khi nhận ra người đứng đó không phải ai khác mà chính là cái Lý! Khi đoàn xe quân sự cùng đơn vị bộ đội đi qua, ngã tư Cổng Đá trở lại yên lặng, Minh Việt chui ra khỏi chỗ nấp cũng là lúc không nhìn thấy cái Lý đâu nữa. Lạ thật! Đám trai tráng như Minh Việt khi đi qua Cổng Đá còn nổi gai người, phải nín thở đi cho nhanh vậy mà cái Lý lại dám ra đó đứng vào lúc đêm hôm thế này thì thật không hiểu nổi. Mà sao cái Lý lại xinh đẹp như văn công thế nhỉ? Không phải khuôn mặt của cái Lý mà đám trai Tứ Phủ vẫn chế nhạo mà là một khuôn mặt khác, như đã được hóa trang, đẹp như cô diễn viên chính trong vở kịch bữa trước Minh Việt mới được xem. Lại cả chiếc áo xanh nữa. Có thể đó là chiếc áo mà mợ đã dẫn cái Lý đi may. Và đó là một chiếc áo rất ấn tượng khi được một đứa con gái như cái Lý mặc vào. Ngày thường chẳng bao giờ cái Lý dám ăn diện. Trong khi mọi người đang phấn đấu khoác lên mình chiếc áo thợ lam lũ thì ăn diện là tội lỗi. Người đẹp như mợ không ăn diện đã đành, người xấu như cái Lý mà ăn diện thì lại càng trở nên lỗ bịch. Nhưng hôm nay Minh Việt thấy cái Lý rất đẹp. Và rõ

ràng là nó đã làm sừng sốt cả một hàng quân. Đến chính Minh Việt cũng bàng hoàng cả người. Tại sao mọi ngày Minh Việt lại không nhận ra điều ấy ở cái Lý nhỉ? Minh Việt loay hoay với ý nghĩ đó cho đến hết đoạn đường còn lại. Nhưng sau một đêm ngủ dậy, sáng hôm sau Minh Việt không còn vương vấn gì về chuyện của đêm trước nữa. Chưa bao giờ cái Lý là mối bận tâm của Minh Việt, xưa nay vốn dĩ vẫn thế, huống hồ lúc này hình ảnh của cô bé Cói còn đang chiếm lĩnh đầu óc Minh Việt.

Quả thật là Minh Việt rất hay nghĩ về Cói.

Ở Cói cái gì cũng như hơi *quá* một tí. Đôi mắt hơi to quá, bộ ngực hơi đầy quá, đôi môi hơi dày quá, thân hình hơi cao quá, cặp lông mày hơi đầy đà quá... Và lạ một điều là trên khuôn mặt Cói cũng có một nốt ruồi nằm bên cánh mũi giống y như của mẹ Mến. Tất cả cứ xô hết ra, nần nẫn, quyến rũ, đam mê, bắt nhiệt ghê gớm. Mà Cói không có ý giữ gìn gì hết. Cói hoang dại. Cói tự nhiên. Cói hơ hớ. Cói minh bạch. Cói thích hay không thích, Cói ghét hay yêu, chỉ một ánh nhìn, một câu nói là rõ ngay. Dòng máu Pháp trong Cói quy định điều ấy chẳng? Dòng máu của người cha trong Cói đang phải chảy một cách bức bối trong một cơ thể bị trói buộc bởi quá nhiều tập tục, lễ thói của quê mẹ chẳng?

Chỉ biết rằng Minh Việt đã bị hút vào dòng máu ấy và cậu trai mười tám tuổi không thể dứt ra nổi. Minh Việt như muốn trở về làm dân Xóm Đáy. Bố, mẹ đều nghĩ Minh Việt về xóm cũ chơi cho cậu Chột đỡ buồn, cũng coi như là sự trả lỗi với bà Quán. Có lần cậu Chột bảo:

- Giá còn mẹ Quán, Việt về chơi thường xuyên thế này thì mẹ vui lắm.

Minh Việt gật đầu:

- Vâng, cháu đã rất có lỗi với bà Quán.

Cậu Chột lại bảo:

- Nhưng Việt đừng thân với cái Cói quá, nó không phải người để Việt đưa về nhà được đâu.

Minh Việt hỏi:

- Tại sao?

Cậu Chột bảo:

- Cũng sẽ giống như chị Mến với bố Việt.

Minh Việt hiểu ý cậu Chột nhưng không muốn tin vào điều đó. Chẳng lẽ bố và mẹ là hai nửa quá khác biệt, đến nỗi, không thể ghép lại để thành một hình thù nào đấy, dù khó nhìn?

Băng đi mấy tháng, bỗng một tối, thằng Tịnh đến nhà Minh Việt. Nó không ngồi lỳ như mọi khi mà ra đằng sau, ghé vào tai Minh Việt nói nhỏ:

- Lên nhà cái Lý đi?

Minh Việt gật đầu, bỏ dở việc đóng gạch, cùng thằng Tịnh đi lên khu Trại Pháo thủ cũ. Thằng Tịnh bảo:

- Lạ lắm. Bố nó không cho ai gặp cả, cứ bảo nó đi vắng, nhưng tao biết chắc là nó có ở trong nhà.

Minh Việt không nghĩ là đã có chuyện gì xảy ra với cái Lý, chẳng qua thằng Tịnh quá quan tâm mà sinh lo lắng đấy thôi. Nhưng quả đúng như thằng Tịnh nói, khi hai đứa vừa bước vào nhà, bố cái Lý bảo ngay:

- Em nó sang Phòng chơi với cô rồi, nhà còn mỗi mình chú thôi, chúng mày có uống rượu với chú không?

Minh Việt nhìn vào mắt bố cái Lý thấy hơi ghê ghê. Trong đó là cả một chảo lửa đang bị nén lại. Hai đứa ngồi nhìn nhau, e ngại rồi bấm áo chào ra về. Ra khỏi nhà thằng Tịnh bảo:

- Tao với mày vòng ra phía sau khu đầm cạn, thử nhìn vào buồng của cái Lý xem nó có nhà không?

Minh Việt gật đầu đồng tình. Sau khi đi qua gờ đất chạy men theo khu đầm cạn, hai đứa tới được phía sau nhà ông phó chủ nhiệm Hợp tác xã. Buồng của cái Lý được dựng bằng những mảnh sắt cũ có chen giấy dầu. Thằng Tịnh bóc một mảng giấy dầu ra, đủ cho hai đứa ghé mắt nhìn vào. Minh Việt nín thở khi thấy cái Lý đang đứng ở trên giường cởi áo. Ngọn đèn hoa kỳ nhỏ như hạt đỗ tỏa ánh vàng mờ mờ khắp gian buồng. Dáng cái Lý chập chờn, chập chờn. Sau lớp áo được cởi ra, cả một vùng bụng cái Lý đập mạnh vào thị giác Minh Việt. Đó là một vùng bụng được buộc chặt bởi mấy lớp vải, quấn trong cùng hình như là một chiếc khăn len. Khuôn mặt cái Lý mệt mỏi. Ánh mắt nó trống rỗng. Tháo cởi hết phần trên của cơ thể ra, nó nằm ngửa trên giường, cứ để cho cái bụng lùm lùm ấy nghếch lên, về buồng xuôi, bất cần. Bỗng có tiếng gõ cửa buồng. Cái Lý vội bật dậy khoác

tấm áo lên người rồi chạy ra mở cửa. Bỗng nó bước vào. Hai cái chảo lửa trong mắt ông bây giờ không kìm nén được nữa, bùng phát ra những tia bóng rầy.

- Nhục chưa? Có bó được mãi không? Sao mà không lao xuống chân cầu kia mà chết đi cho tao khỏi hồ mặt với đời?

Cái Lý cúi gằm mặt xuống, đáp lí nhí:

- Mai con sang Phòng với cô...

Nhưng nó chưa nói hết câu thì đã bị bố vung tay tát cho một cái ngã ngồi xuống giường.

- Cô hả? Cô phải hứng tiếng nhục cho mà à? Rồi còn mang tiếng suốt đời cơ con ạ. Ai bảo mà đi rước cái khốn nạn này vào nhà tao làm gì. Mà có biết bố mà khổ thế nào không? Mấy tháng nay rồi tao không dám ngẩng mặt lên nhìn ai. Vừa rồi lại có hai thằng bạn mà tìm đến đây. Rồi mà còn mặt mũi nào mà nhìn chúng nó nữa không?

Minh Việt không chịu nổi nữa, khẽ kéo tay thằng Tịnh rút êm ra khỏi khu đầm cạn. Thằng Tịnh lặng lẽ đi sau Minh Việt, không nói một câu nào. Cảm xúc trong nó đã chết lịm. Đến ngã tư Cổng Đá, nó bảo: “Mày ngồi đây chờ tao, tao chạy về nhà một tí rồi ra ngay”. Lát sau nó mang ra một chai rượu *Lúa mới*. Nó cứ tu một hớp lại đưa cho Minh Việt. Hai đứa chuyền tay nhau tu một lúc thì hết chai rượu. Thằng Tịnh vẫn tỉnh như không. Nó bảo:

- Thôi về!

Minh Việt bảo:

- Đã mấy lần tao nhìn thấy nó đứng ở đây, giơ tay vẫy bộ đội...

Thằng Tịnh phẩy tay:

- Thôi, tao biết rồi. Tao còn biết cả lần nó đi xem kịch với mà, nó xin phần son thừa của mấy cô văn công nữa cơ.

Minh Việt ngạc nhiên:

- Thế à? Thảo nào đêm ấy tao thấy nó đẹp một cách ma quái, đẹp đến mức...

- Thôi, mà nói làm gì nữa - Thằng Tịnh cắt lời - Ở cái phố này có thằng nào nhìn nó là người đâu, chúng mà chỉ nhắc tới nó khi nói về sự

xấu xí thôi. Tao nói thật nhá, chúng mày là một lũ ngu, mắt chúng mày là mắt lợn luộc hết. Thôi, đi về!

Về đến nhà thì Minh Việt say. Nửa đêm Minh Việt nôn thốc nôn tháo ra giường. Mẹ phải dậy lấy vôi bôi vào gan bàn chân cho Minh Việt. Bố bực bội cúi gắt um lên. Tiếng bà nội, tiếng bố, tiếng mẹ, tiếng cụ Đức khóc nhòa lẫn trong khối óc giờ đây đã mềm nhũn của Minh Việt. Minh Việt thiếp đi, chìm vào giấc li bì, mãi đến khi có người lay dậy thì Minh Việt mới choàng tỉnh. Nhưng cái người đánh thức Minh Việt dậy ấy lại thông báo một tin vô cùng kinh ngạc: *Cái Lý chết rồi!*

Minh Việt bật dậy như một chiếc dây chun đứt. “Chết ở đâu?”. “Ở cổng Đá”. “Sao lại chết ở cổng Đá?”. “Chết đuối!”. “Chết đuối làm sao được? Chỗ ấy chỉ là một con mương nhỏ”. “VẬY MÀ CHẾT ĐUỐI ĐẤY, CHẾT TRONG TƯ THẾ NGỒI”.

Cả ngày hôm ấy mẹ lo khâm liệm cho cái Lý. Mẹ mang tất cả phần son của mẹ đến trang điểm cho người chết. Minh Việt bảo:

- Mẹ ơi, hôm qua con say là vì thấy cái Lý khổ quá.

Mẹ bảo:

- Khốn nạn cho lũ con trai chúng mày. Mà cũng khốn nạn cho nó. Nó muốn đẹp mà không ai cho, không ai nhận, đến khi được cho, được nhận thì lại phải chết.

Đám tang cái Lý buồn khủng khiếp. Lần đầu tiên Minh Việt bị ám ảnh bởi ranh giới nhỏ nhoi giữa cái sống và cái chết. Minh Việt đã thực sự là một chàng trai trưởng thành. Và Minh Việt hiểu ra rằng ám ảnh về cái chết là nỗi ám ảnh dai dẳng, có sức đeo bám con người ta ghê gớm nhất. Với Minh Việt, đây không phải là nỗi ám ảnh đầu tiên và, tất nhiên, cũng chưa phải là cuối cùng.

[1] Hay còn gọi là Chuông sầu, Chuông tử báo có người chết trong xứ đạo.

[2] Lễ tang tổ chức trong nhà thờ.

Chương 7

Khi thằng Đức được vài tuổi thì mẹ lại chuyển về bộ phận nấu ăn của *Cửa hàng ăn uống dịch vụ Ngã Năm*. Cứ vài ba ngày mẹ lại mang về đây một cặp lông mỡ. Có hôm mang theo cả một bịch tóp mỡ to. Tóp mỡ là thức ăn rất được ưa chuộng thời ấy. Từ tóp mỡ có thể chế biến ra nhiều loại thức ăn khác. Nào băm nhỏ cho vào sốt với mắm tôm, với cà chua, với các loại canh, nào trộn với trứng để tráng, nào cho lẫn vào dưa chua kho với cá, nào dùng để rang cơm nguội, hoặc đơn giản, đảo lại trên chảo một lần nữa rồi cứ thế chấm mắm ăn với cơm. Tóp mỡ nhà Minh Việt thường ăn không hết, thỉnh thoảng mẹ lại dúi cho nhà hàng xóm. Đó là những nhà không có người trong biên chế, không có tiêu chuẩn tem phiếu. Với họ, mỡ lợn là thứ thèm kinh niên. Vì thế nhận dúi tóp mỡ mẹ đưa cho, những nhà ấy nhìn mẹ cảm động rớt nước mắt. Mẹ chỉ có thể xẻ chia được với họ vài ba miếng tóp mỡ thế thôi, còn mỡ nước thì phải gom lại để bán. Mẹ thường bán mỡ cho một người ở trong xóm *Khơ-me*. Sau này mẹ giao việc đó cho Minh Việt. Lần đầu tiên đặt chân vào xóm *Khơ-me* Minh Việt rất ngạc nhiên. Gọi là xóm *Khơ-me* nhưng cả xóm chỉ có một người *Khơ-me* duy nhất, đó là cái người vẫn thường mua mỡ nước của mẹ. Nghe bố kể lại, vào những năm cách đây đã lâu có một trăm thiếu niên người *Khơ-me* được đưa về đây sinh sống. Bố mẹ họ là những nạn nhân của chiến tranh, họ được chính phủ ta nhận đưa về đây nuôi nấng. Đất nước họ ở đâu, quê quán, làng mạc của họ ở đâu, không ai biết cả, chỉ biết là họ cũng như những con em đồng bào miền Nam, là những người bị kẻ thù xua đuổi và bắn giết, họ cần được giúp đỡ. Trong số một trăm thiếu niên đó có một thiếu nữ. Sau hơn chục năm sinh sống ở An Lạc, vào một đêm nọ, tất cả những người *Khơ-me* đó lặng lẽ rút đi. Người ta kháo nhau rằng, những người đàn ông *Khơ-me* đó đã bí mật về nước để cầm súng chiến đấu trả thù cho bố mẹ họ. Không hiểu sao trong lần ra đi ấy họ lại để lại người phụ nữ duy nhất đã theo họ sang đây. Có người bảo chiến tranh không phải là công

việc của đàn bà con gái. Có người lại bảo đúng hôm đoàn người rút đi thì cô gái bị ốm nên họ phải để cô ta ở lại. Có người khác nữa lại bảo họ hẹn ngày về đón cô gái nhưng khi về tới nước cả đoàn đã bị phục kích giết chết nên không còn ai nhớ tới việc quay trở lại nữa. Lại có người bảo trong số chín mươi chín người đàn ông Khor-me đó có một người là chồng của cô gái. Người này là thủ lĩnh của đoàn nghĩa sĩ Khor-me phục quốc, sau khi về nước, trở thành người rất có thế lực. Nhưng rồi trong một trận chiến người này đã bị bắn chết. Người phó của vị thủ lĩnh lên thay. Người phó này từng rất yêu cô gái Khor-me đang sống ở đất An Lạc, nhiều lần cho người sang đón cô ta về nhưng cô ta không về. Người kể câu chuyện này còn khẳng định chắc như đinh đóng cột rằng chính người phó đã dùng súng ngắn của mình hạ sát chồng cô gái Khor-me kia vì họ từng là tình địch của nhau. Tóm lại chuyện về xóm *Khor-me* chẳng biết đâu mà tin. Theo lời chỉ dẫn của mợ, Minh Việt hỏi tìm đến nhà bà *Khor-me* để đưa mỡ nước và lấy tiền chịu từ mấy lần trước. Cả xóm này đều gọi người đàn bà đó là bà *Khor-me*, vì thế Minh Việt tìm nhà bà ta không khó khăn gì. Minh Việt cứ nghĩ đó là một người đàn bà đã già, ít ra cũng phải bằng tuổi mợ. Nhưng khi giáp mặt Minh Việt không biết phải gọi cái người đang đứng trước mình là cô, là bác, là bà hay là chị? Người phụ nữ này chỉ trạc *hai sáu, hai bảy* tuổi thôi. Chị ta mặc một chiếc váy đen có thêu những hình tháp bí ẩn bằng chỉ màu. Áo chị ta mặc màu trắng ngà. Cả áo và váy đều cũ kỹ, sờn mòn nhưng sạch sẽ. Khuôn mặt của chị xương xương, cằm hơi nhọn, đôi môi mỏng và tươi. Bên cánh mũi của chị cũng có một nốt ruồi nhưng không to như của mẹ Mến. Chị ta dường như không để ý đến thái độ ngạc nhiên và xét nét của Minh Việt, cứ nói cười luôn miệng, cởi mở và thân tình như đã quen biết từ lâu. Trong bếp nhà chị tỏa ra một thứ mùi rất thơm, mùi của bánh quế. Thì ra những cặp lồng mỡ nước được đưa đến đây là để làm thứ bánh rất quyến rũ trẻ con này. “Vào đây đã, em là con lớn của bác Nguyễn Bình à? Ôi, con trai mà giống mẹ thế, xinh trai quá!” - Bà *Khor-me* khen Minh Việt thế. Trong khi Minh Việt có ý sốt ruột chờ lấy tiền mang về cho mợ thì bà *Khor-me* lại chả nói năng gì đến chuyện ấy, cứ quay ra hỏi những chuyện về bố, mợ và các em. Rồi ép Minh Việt ngồi xuống ghế “chờ chị một tí, một tí

thôi”. Sau một tí ấy là xấp bánh quế còn nóng được mang từ bếp ra, đặt trên một chiếc đĩa có hình dáng rất lạ. “Ăn đi, Việt ăn đi, chị vừa làm bánh bằng mỡ của Việt mang đến đây”. Minh Việt gãi gãi đầu bối rối. Thứ bánh quế này cái Vân rất thích. Thường thì Minh Việt chẳng bao giờ được ăn vì đó là thứ bánh dành cho trẻ con. Minh Việt là anh lớn trong nhà, ai lại ăn tranh với cái Vân thứ bánh ấy. Nhưng bây giờ thì Minh Việt được ăn cả một đĩa, do người ta mời hẳn hoi, rất đàng hoàng. Mùi bánh quế quệt mỡ bốc lên thơm ngậy. Nhưng mà Minh Việt còn chưa biết *bà Khơ-me* tên là gì? Chắc hẳn chị ta phải có một thứ tên gọi nào đấy, thậm chí đó là một cái tên gọi nhắc sự trẻ trung và duyên dáng. Minh Việt liền chủ động hỏi:

- Cô ơi, tên cô là gì?

Bà Khơ-me tùm tùm cười:

- Không muốn gọi là *Bà Khơ-me* nữa à?

Minh Việt bảo:

- Cháu nghĩ là cô phải có một cái tên khác, tên thật của cô ấy mà.

Người đàn bà đang ngồi trước mặt Minh Việt bỗng tắt ngay nụ cười trên môi. Chị ta cúi nhìn những hình tháp thêu trên váy, nói như thầm thì với chính mình:

- Ừ, chị có tên chứ. Tên chị là Vi Lay. Những ngày đầu mới sang đây mọi người thường gọi chị là Vi. Có một người bây giờ vẫn còn gọi chị là Vi, ấy là mẹ Việt. Thôi, Việt cầm tiền về cho mẹ đi. Bánh ăn không hết thì mang về cho em.

Bà Khơ-me gói chỗ bánh quế mà Minh Việt chưa kịp ăn vào giấy rồi ấn vào tay anh. Minh Việt không đưa chỗ bánh quế ấy về cho cái Vân mà mang lên Xóm Đáy cho Cói. Cói báo cho Minh Việt tin cô đã chính thức trở thành tự vệ trực chiến phòng không của xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy*. Vậy là không khí chiến tranh đã tràn tới mọi góc ngách của thị trấn An Lạc. Minh Việt cũng đã gia nhập tự vệ khối đường phố. Thị đội hướng dẫn cho các lực lượng tự vệ lập nhiều ụ pháo phòng không, có một ụ ở cổng Xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy* và một ụ ở phía sau Nhà thờ. Minh Việt sẽ trực chiến ở ụ pháo Nhà thờ. Minh Việt bảo với Cói:

- Pháo anh sẽ chi viện cho pháo em.

Cóai kể:

- Hôm qua tập vắc đạn thử, em vắc được nặng nhất, chạy cứ băng băng. Các chú ở Xí nghiệp bảo em có sức khỏe tốt, mai này sẽ xét cho vào làm công nhân hàn. Nhưng mà đội mũ sắt buồn cười lắm. Cứ sụp xuống đầu, nặng ơ là nặng! Mai bọn em sẽ tiếp tục tập phát cờ, tập nạp đạn, tập lấy phần tử...

Minh Việt bảo:

- Ở chỗ anh có chuyện ghê lắm, hôm đào công sự lôi lên toàn xương người.

Cóai trợn tròn mắt:

- Thế á? Eo ơi, kinh nhĩ?

Đúng là khi đào công sự cho ụ pháo Nhà thờ, tự vệ đường phố đã liên tục đào phải xương người. Có những bộ xương thiếu chân, thiếu tay, đào tìm mãi vẫn không thấy. Có bộ xương lại chẳng thấy đầu đâu. Mọi người hoang mang không dám nhập tiêu. Sau bác Mộc bảo: “Thôi, đào tìm làm gì nữa, đây toàn là những chiến sĩ của ta bị địch bắt, chúng nó cắt chân, cắt tay rồi mới đánh cho chết, làm sao tìm đủ được xương cốt. Cứ nhập tiêu đi, để tôi khẩn xin anh em thông cảm cho”. Lần đầu tiên nhìn thấy xương người, Minh Việt cứ thấy gai gai, ớn ớn. Dân đổ đến xem chặt cứng. Ông Mật rồ bảo: “Tí nữa thì tôi cũng nằm trong đống xương này rồi”. Sang đến hôm sau có người đến nhận cốt người thân. Cũng là nhận vu vơ thôi chứ toàn xương với cốt thế kia biết đâu là người nhà mình? Minh Việt tìm thấy cả những đoạn dây trói bằng nhựa lỏng trong ống xương tay. Nhiều người khóc lóc, kêu gào thảm thiết rồi ngược nhìn đôi mắt quắc ánh căm hờn về phía tòa thánh đường bỏ không. Bác Mộc quyết định cho khai quật tiếp phần hầm mộ dưới nền đất nhà thờ. Người ta tìm thấy rất nhiều thứ nhưng xương người thì không có một mẫu nào cả. Thị ủy đứng ra tổ chức lễ truy điệu cho những người chết rồi đưa họ về an táng ở nghĩa trang liệt sĩ. Hai mươi tám tấm bia mộ được dựng lên nhưng tất cả đều ghi là *Liệt sĩ vô danh*.

Sau lễ truy điệu, Minh Việt cứ tha thân đi lại trong khu thánh đường bỏ không. Anh trèo cả lên tháp chuông, chui xuống hầm mộ, vòng ra phía

nhà nguyện, ngó cả vào nhà xứ. Minh Việt bỗng bồn thần nghĩ tới việc chính tại nơi đây mình đã ra đời. Hai bên hông nhà thờ vẫn còn vài ba gốc liễu buông những hàng lá thưa mỏng. Nghe bảo trước đây dương liễu được trồng hai hàng thẳng tắp, lá xanh mượt bốn mùa, cha Phăng vẫn bẻ lá để rẩy nước làm phép thánh cho những đứa trẻ sơ sinh. Bây giờ hai hàng liễu chỉ còn vài nhánh thô kệch, cong queo, gập mình bên những bức tường xám mốc của Nhà thờ. Cây liễu nào cha Phăng đã bẻ để làm lễ rửa tội và đặt tên thánh cho Minh Việt? Không, Minh Việt không thể tin nổi cuộc đời mình đã từng có những tháng ngày sống trong môi trường đậm đặc màu sắc tâm linh như thế này. Trên những mảng tường nhà thờ vẫn còn những nét vẽ diễn tả những hình người ngộ nghĩnh, xa lạ, bí ẩn mà ám ảnh. Tất cả đều bị mạng nhện giăng kín. Không có hình vẽ nào giống khuôn mặt mẹ Mến cả. Không có hình vẽ nào mang dáng dấp bà Quán. Không có hình vẽ nào gợi nhắc cái quá khứ xa xưa chưa kịp đi vào tiềm thức của Minh Việt. Và tất nhiên, cũng không có hình vẽ nào làm Minh Việt liên tưởng đến những bộ xương người mà anh vừa mới trực tiếp đào lên từ bãi đất sau vườn Nhà thờ. Thế mà Minh Việt cứ thấy trong người có một cảm giác rất lạ. Dù ít dù nhiều qua những câu chuyện bà Quán kể thừa ấu thơ, Minh Việt vẫn lưu giữ đâu đó trong sâu thẳm máu thịt mình một sự liên quan đến khu thánh đường này. Nhưng cái sự liên quan ấy nó như thế nào, cụ thể là cái gì thì Minh Việt chịu, không thể nào gọi tên ra được.

Toàn bộ khu nhà nguyện, nhà kho, nhà xứ đều bỏ không hoặc đổ sụp. Đám dân mới chẳng mấy khi mò vào nhà thờ, chỉ có bọn trẻ con tìm vào đây chơi trò đánh trận giả. Ngày còn nhỏ Minh Việt cũng đôi ba lần vào đây để mót cam và đào củ chuối. Nhưng bây giờ thì khu vườn chẳng còn thứ gì ăn được, toàn cây tạp mọc xen kẽ với những đồng rác to lù lù, chuột chạy suốt ngày đêm. Trận địa pháo phòng không được đặt ngay khu đất sát liền với mảnh vườn hoang của nhà thờ. Từ những ụ pháo này có thể nhìn qua khu đầm rộng thấy nóc đền Bà Sùng lấp ló phía sau rặng tre bao bọc thôn Khúc Trì. Ngày xưa bố Minh Việt đã đánh nhau với bọn lính Com-măng-đô đóng trong ngôi đền đó và trong số những vết sẹo ở chân ông bây giờ vẫn còn găm một mảnh đạn chưa lấy ra được. Bố còn bảo: “Cái Nhà

thờ ấy ác thật, nếu không có đám dân binh bất ngờ vượt đầm lao sang thì nhờ được cái bốt Bà Sùng rồi”.

Sau cái hôm đào xương người được độ nửa tháng thì các trận địa phòng không gặp báo động. Đó cũng là ngày trận địa pháo của Minh Việt có dịp khai hỏa.

Bắt đầu là một hồi còi rú trên đỉnh núi. Rồi keng báo động vang lên. Tiếng keng chạy suốt từ đầu núi Cô Hồn, kéo một vệt dài xuống ngã Năm, vòng qua phố Tứ Phủ, dốc ngược lên khu Xóm Đáy. Rồi không phân biệt nổi keng ở khu nào gõ nữa. Cả thị trấn đều ran lên bởi tiếng keng, tiếng còi báo động, tiếng loa tay. Bom bả bên Phòng rồi. Người ta thì thào vào tai nhau những thông tin khủng khiếp. Những tiếng ầm ì từ xa vọng về khiến người dân thị trấn lo lắng. Không biết đến khi nào thì bom nó bả xuống chỗ mình? Không biết pháo của mình có bắn trúng được máy bay của nó không? Nghe bảo trong núi Cô Hồn còn có cả tên lửa, nếu pháo bắn không trúng thì tên lửa sẽ phụt ra, chắc chắn máy bay nó sẽ rụng ngay tắp lự. Nhưng mà trúng thì nó sẽ như thế nào nhỉ? Nó vỡ toác ra hay là nó cháy thành tro bụi? Họa lở nó rơi vào nhà mình thì sao? Thế cho nên tốt hơn hết là khi nghe thấy tiếng keng cứ chui ngay xuống hầm. Cả nhà Minh Việt cũng chui xuống hầm. Bà nội bế cu Đức, thằng Đình dắt cái Vân, đứa nào vào góc của đứa ấy, như chỉ định từ trước của bố. Hầm nhà Minh Việt là hai cái cống bi nối liền nhau thông vào với một khoảnh hầm chữ A lợp mái sắt. Hai cái cống bi là do bố xin được ở dưới công trường, còn sắt lợp mái hầm là do Minh Việt mò vớt ở dưới sông, phía sau Xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy*. Bố và Minh Việt đã chuẩn bị sẵn chỗ trú ẩn cho cả nhà, lại dặn dò cẩn thận từng người, hễ có keng báo động cứ chạy ra hầm, chờ keng báo yên mới được lên. Ban ngày bố, mẹ, Minh Việt đều không có nhà, mọi sự giao phó tất cho bà nội. Thằng Đình cũng đã lớn, có trách nhiệm trông cái Vân và giúp bà đẩy, mở nắp hầm. Minh Việt liên tục trực ở ụ pháo. Cứ tưởng tập luyện thế thôi chứ chắc gì đã đánh nhau. Thằng Mỹ nó ở mãi trong miền Nam, bay ra được đến đây cũng còn lâu. Thế nên hôm ấy khi nhìn thấy chiếc máy bay nó bay qua đầu Minh Việt cũng hơi hoảng. Nhưng rồi khẩu đội trưởng ra lệnh cho mọi người vào vị trí và hạ lệnh bắn thì

Minh Việt cũng quên biến mất cả sợ hãi. Nó chỉ có mỗi cái máy bay, lại ở tít trên cao kia, còn toàn bộ dưới mặt đất này là của mình, sợ đếch gì, cứ nhằm cho kỹ, bắn cho nó tan xác ra chứ việc gì mà phải còi, keng âm ì cả lên để nó ngồi trên đấy nó nhìn thấy mình chạy tán loạn nó cười cho. Mà nghe tiếng đạn nổ mới sung sướng làm sao. Rú... đoành!, rú... đoành! Đầu đạn kéo theo một vệt khói dài, vẽ vào khoảng không rồi tan biến đi, tỏa mùi diêm sinh nồng nặc. Khẩu pháo mà Minh Việt tiếp đạn vẫn khai hỏa chậm hơn pháo của Xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy*. Đạn ở phía ấy bắn lên trời rồi các pháo thủ ở chỗ Minh Việt mới lấy được phần tử. Các anh trên Thị đội bảo điều ấy là đương nhiên vì trận địa phòng không bố trí theo kiểu đánh chặn địch bay từ hướng biển vào. Ụ phòng không *Hai Bảy tháng Bảy* đặt ở cửa sông nên sẽ phát hiện ra máy bay địch trước. Mà không chỉ có hai trận địa pháo phòng không của tự vệ Xí nghiệp và tự vệ Đường phố bắn mà còn có cả pháo ở chân cầu Lãng Tiên, pháo ở trên núi Cô Hồn, pháo ở đằng sau nhà Ủy ban, pháo ở khu Thị đội. Pháo to, pháo nhỏ, mười hai ly bảy, RBD, các loại cối, các loại súng bộ binh... đồng loạt nhả đạn. Nhưng chỉ được vài loạt đã không còn mục tiêu nữa để mà bắn. Chiếc máy bay lượn một vòng gần ngủ rồi vút ra phía cầu Lãng Tiên và loáng cái đã biến mất làm mọi người chưng hửng, không ngờ trận đánh diễn ra chỉ có tí tẹo thế. Keng báo yên lại rộ lên. Mọi người đổ ra đường chuyện trò bàn tán sôi nổi, có phần rôm rả nữa. Thực ra người dân thị trấn đâu có xa lạ gì với những cuộc chiến “đất đổi không” như thế này. Giai đoạn *sáu tư, sáu tám* thị trấn An Lạc cũng đã từng là một cái chảo lửa đầy thôi. Chẳng qua dăm năm trở lại đây người ta quen với sự yên bình rồi. Người lớn thì đã muốn quên còn trẻ em thì chưa kịp nhớ những gì xảy ra hồi ấy. Bây giờ thoáng chốc tất cả lại hiện về như ngày nào. Người lớn lập tức nhớ lại những cảnh hãi hùng và nghĩ ngay đến chuyện phải làm gì để thích ứng với việc chiến tranh đã lại nổ ra ngay trên đầu mình. Trẻ con thì mở căng đôi mắt âu lo và tự giải thích theo kiểu của chúng. Chỉ có lứa Minh Việt là sẵn sàng chờ đợi và sẵn sàng ngẩng mặt lên nhìn trời, mặc dù cũng có đôi chút e dè ban đầu. Bây giờ thì không còn gì để mà phải e dè nữa. Với một biển lửa giăng sẵn như thế này, cái tàu bay sắt lơ lửng trên trời kia chẳng có gì đáng phải lo sợ cả. Minh

Việt đã tự lẩm bẩm nói một mình như thế và mắt trước mắt sau, bỏ công việc lại cho đồng đội, chạy một mạch lên chỗ Cói. Cói đang tắm ở chỗ cửa sông. Minh Việt nhảy ùm xuống, ngay bên cạnh Cói, khóa nước tung tóe, quấy sóng âm âm với một niềm sung sướng tràn trề. Minh Việt đang có cái cảm giác của người chiến thắng. Minh Việt thấy như chính mình là người duy nhất đã đuổi được chiếc máy bay kia ra khỏi vùng trời An Lạc. Cói cũng đang mang tâm trạng như của Minh Việt. Và hai người thả sức trút niềm phấn khích xuống vùng nước trước cửa sông. Họ nô giỡn như hai con cá, há hê và bung phá, ào ạt và mê mải, thích thú và say sưa, cho đến khi Minh Việt chợt nhận ra sự quá đà, vội rẽ nước lượn vào bờ. Hành động của Minh Việt quá bất ngờ và cương quyết, như thế chỉ chậm một chút nữa thôi anh sẽ bị con Hà Bá dưới dòng nước kia cuốn vào cỏi chết, không sao gỡ ra được. Nhưng Cói không cho Minh Việt thoát dễ dàng thế. Minh Việt vừa xoắn mình lao đi thì Cói túm ngay lấy cẳng chân của anh lôi lại. Cói ôm chặt lấy đầu Minh Việt, ghì mặt anh vào bộ ngực đập dềnh êm ái của mình. Minh Việt cảm nhận được sự mềm mại của bầu vú Cói sau lớp vải sũng nước. Cói có một bộ ngực to quá khổ, các thiếu nữ An Lạc không ai có bộ ngực đầy tràn như thế. Bộ ngực mà Minh Việt đang úp mặt vào đấy như hai hòn đá lửa bắt cháy các đầu dây thần kinh của anh. Trong người Minh Việt bỗng có một sức nóng ghê gớm trào lên các thớ thịt, tỏa ra trên mặt da. Nhưng cũng ngay lập tức hình ảnh cái Lý như một dòng nước lạnh chạy dọc người Minh Việt. Cái bụng buộc chặt bởi một bó những khăn khổ của nó như còn đang hiển hiện trước mắt anh. Cả cái tư thế chết ngời của nó nữa. Không được! Khủng khiếp lắm! Sự thả lỏng thân xác vào lúc này sẽ là nguyên nhân dẫn đến kết cục bi thảm như cái Lý. Còn bố nữa. Bố cũng đang phải ngậm hờn, ngậm tủi với những công việc nặng nhọc ở dưới huyện miền biển kia. Cái giá phải trả cho những phút giây chấp chới như thế này là vô cùng lớn, Minh Việt không đủ sự nhẫn nại để trả đâu. Minh Việt cố sức vùng vẫy ra. Nhưng Cói cứ ôm cứng lấy anh. Hai đứa vào đến bờ thì mệt lả. Minh Việt nằm vật trên lớp cỏ bám đầy phù sa. Cói nằm vắt lên người anh. Cói thở hổn hển nhưng ánh mắt ngời lên những tia mê dại. Rồi Cói lại quẩn lấy người Minh Việt, phả lên mặt anh những cái hôn

cuồng nhiệt. Bỗng Cói bật hàng cúc áo ngực ra. Cói nâng mặt Minh Việt lên, ấp vào bầu vú trinh nguyên ấy. Bụng dưới Minh Việt đau tức. Các thớ thịt như đông đặc lại. Cả chút lý trí cuối cùng cũng không còn chỗ để giãn nở nữa. Minh Việt chồm lên người Cói. Lời Cói dồn dập bên tai Minh Việt:

- Đừng sợ! Sẽ không sao đâu.

Minh Việt vục đầu vào giữa hai khe vú của Cói. Rồi anh ngậm chặt lấy đầu ti hồng hồng như cánh sen non đang nhấp nhô trên ngực Cói. Cói ghì chặt lấy bờ vai Minh Việt. Hai bàn tay Cói vuốt xuôi xuống dưới lưng rồi bầu chặt lấy eo hông anh. Tay Minh Việt thả sức lần mò, khám phá cơ thể Cói. Đúng lúc Minh Việt đang thờ dốc, thân nhiệt đã bốc cao đến độ tan chảy cả cái hình thể rùng rục giới tính thì tiếng còi hú trên đỉnh núi Cô Hồn bỗng vọng tới, réo khắp triền sông. Rồi keng phòng không từ xa lan tới, rõ dần, thôi thúc, dồn dập. Mớ âm thanh hỗn loạn này lập tức đẩy lui mọi cảm xúc đang dâng tràn ngập trong người Minh Việt. Cói cũng lỏng người ra, rồi rất nhanh, lách khỏi vòng tay Minh Việt. Cói vừa đóng lại cúc áo vừa hốt hải chạy về phía Xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy*. Vừa chạy Cói vừa như muốn nói điều gì đó nhưng không nói được, chỉ đưa tay chỉ chỉ lên trời, rồi lại chỉ về phía Xí nghiệp. Minh Việt hiểu là ai phải trở về với vị trí chiến đấu của người ấy, chuyện đang dang dở sẽ được tiếp tục vào lúc khác. Minh Việt gật gật đầu và mặt bỗng dưng đỏ dừ.

Minh Việt không vội vàng như Cói. Anh ra mép sông gột rửa qua đầu tóc rồi mới chạy về phía Nhà thờ. Những tiếng nổ bắt đầu rộ lên ở khoảng này khoảng kia của thị trấn. Và những cột khói bốc lên, đậm đặc ở phía cầu Lăng Tiên. Chạy về gần tới Nhà thờ thì Minh Việt cảm nhận được một cái gì đó thực sự là chiến tranh đang bủa vây xung quanh mình. Tiếng nổ lúc này trở nên dai dẳng và khó chịu. Trên trời không phải chỉ một mà từng tốp máy bay đang tuần tự lao vào bắn phá thị trấn. Chúng không vội vàng, hốt hoảng, hay cúp đuôi chạy một mạch như cách diễn đạt của bảng tin đường phố mà hùng dũng tiến vào, thản nhiên nghiêng mình trút bom, thản nhiên phụt đạn xuống các trận địa phòng không. Chúng thực hiện công việc của mình một cách cần mẫn và kiên trì.

“Cháy rồi! Cháy rồi!”.

Bỗng có tiếng hô của ai đó bật ra từ dưới hố trú ẩn cá nhân. Tiếng hô ấy ngay lập tức kéo thành một chuỗi hò reo vui mừng. Nhưng những tiếng reo hoan hỉ ấy không kéo dài được lâu. Trên trời vẫn sầm sập những bất trắc và chỗ này chỗ kia của thị trấn vẫn bùng lên những cột khói hình nấm trước khi xòe ra như một đám mây đen. Minh Việt lao vào dòng người tiếp đạn đang hối hả dưới chân hào quanh ụ pháo. “*Bê năm hai! Kia bê năm hai!*”. Những tiếng kêu ngạc nhiên, cả một chút lo âu ập vào tai Minh Việt. Minh Việt đang nấp ở dưới hào cũng cố ngẩng lên nhìn xem cái “Pháo đài bay” của thằng Mỹ nó thế nào. Trong các buổi huấn luyện các chú ở thị đội vẫn thường hay nói nhiều về cái thứ máy bay này. Bây giờ thì cái thứ ghê gớm ấy nó đang ở trên đầu kia. Và nó bay về phía cầu Lãng Tiên. Ối trời ơi, cái bụng nó nhả ra sao mà nhiều bom thế kia? Chỉ cần một quả thôi là cây cầu sẽ bay ngay khỏi hai mép sông, đổ xuống nhiều thế kia thì đến cả con sông cũng biến mất chứ nói gì đến mấy sợi cáp treo mỏng mảnh vắt qua đôi bờ?

Hướng...

Tốc độ...

Cự ly...

Điểm xạ dài...

Bắn!

Điểm xạ ngắn...

Bắn!

Bắn!... Bắn!... Bắn!

Tiếng hô của người chỉ huy bắn trên mặt hào vẫn tiếp tục không ngơi. Thời gian trôi đi rất nhanh. Khi tất cả mọi tiếng nổ đều ngưng thì mọi người vẫn trong tư thế sẵn sàng nổ súng và chưa nghĩ là trận chiến đã kết thúc. Sự im ắng như lớp màn vô hình đè nặng lên tâm trí mọi người một lúc khá lâu. Cho đến khi tiếng còi trên đỉnh núi Cô Hồn réo những hồi báo yên thì mọi người mới dám ồn lên, phá vỡ khoảng không ngột ngạt bao phủ quanh mình.

- Sập cầu Lãng Tiên rồi!

- Cả trại lợn bị trúng bom, gần hai trăm con chết!

- Ụ pháo *Hai Bảy tháng Bảy* bị tên lửa đập, chết cả trung đội tự vệ rồi!

Những thông tin đầu tiên đưa đến làm Minh Việt bàng hoàng. Mọi người đang hồi há với việc đập tắt các đám cháy, đào dỡ những mảng tường sập, cấp cứu người bị thương, tìm kiếm những người mất tích. Minh Việt băng mình bơi qua khu đầm nước phía sau nhà thờ, men theo lối tắt cắm cúi chạy tới chỗ ụ pháo phòng không *Hai Bảy tháng Bảy*. Cả một vòng người đang bao quanh lấy khu đất biến dạng toang hoác. Không thể nào hình dung ra nổi vài giờ trước đây chỗ này là một trận địa với những đường hào ngang dọc, những ụ đất cao thấp, những nòng súng to nhỏ, những hòm đạn chất chồng, nhấp nhô. Một hình địa khác đã được thay thế. Thảm khốc và bi thương. Khẩu pháo đã bị ném ra ngoài công sự, nòng pháo cong gập lại, lá chắn pháo cong queo. Máu thịt trộn lẫn với đất cát, đá sỏi. Người ta đang lùa xẻng, bở cuốc, bới tay để tìm từng xác người trong đồng đất lở loét, tơi tả. Năm xác, sáu xác, tám xác, chín xác... Từng khuôn mặt được nhận diện. Có những khuôn mặt không bao giờ còn nhận diện được. Có những thân hình đàn ông, đàn bà. Nhưng cũng có những thân hình không sao biết được là đàn ông hay đàn bà. Không tìm thấy Cói mặc dù chính Minh Việt đã lăn xả vào đào bới. Minh Việt không tin rằng xác Cói đã tan ra, đã không còn nguyên vẹn hình hài, đã lẫn vào với đất cát, thậm chí đã bay xuống sông và trôi ra biển. Nhất định Cói phải còn đâu đó, có thể là đang nằm úp mặt vào lòng đất, có thể là đang ôm chặt lấy một hòm đạn, có thể bị mảnh đạn cửa ngang bụng, có thể mất một bên đùi hoặc một cánh tay, nhưng bộ ngực phải còn, eo lưng phải còn, khuôn mặt phải còn. Vòng tay của Minh Việt còn chưa kịp ôm hết tấm thân của Cói kia mà. Làm sao Cói có thể tan ra từng mảnh được?

Nhưng việc đào bới phải dừng lại vì tiếng còi trên núi Cô Hồn đã lại cất lên rồi. Người ta vội vàng đưa những xác người đi, vội vàng cấp cứu những người còn đang dở sống dở chết và vội vàng nhảy xuống hào, xuống hố cá nhân để tiếp chiến trận mới.

Trời tối sập xuống. Toàn thị trấn mất điện. Đây đó ánh đèn bão và đèn Hoa Kỳ ẩn hiện trong đêm như những đốm lửa ma trời. Tiếng nổ lại vang lên nhưng nó không thành dàn, thành chuỗi như buổi chiều mà đơn lẻ, rời

rạc. Cũng may là trận chiến không kéo dài. Sau khi còi báo yên cất lên, lập tức có lệnh cho trung đội tự vệ đường phố nghỉ ngơi, thay ca. Minh Việt mệt bã người nhưng không muốn rời khỏi hào. Nhìn sang các đồng đội cũng đều giống anh cả. Hình như họ đang cố chờ để đánh tiếp. Đến khi trung đội trưởng quát lên họ mới lục tục đứng dậy. Trong bóng tối nhập nhòa, Minh Việt nhìn thấy thằng Tịnh cùng trung đội dự bị của nó đang lầm lũi đi vào thay thế vị trí trực chiến. Trông thằng Tịnh cũng rất mệt mỏi. Cả ngày qua nó phải có mặt ở những chỗ vừa bị bom để đào bới, khuân vác, cứu hỏa, cứu thương. Dân thị trấn không ai còn có thể ngồi yên được.

Cả thị trấn nhón nhác.

Toàn dân thị trấn băng mình lao đến những đám cháy khét lẹt ngay sau khi dứt tiếng súng phòng không.

Bây giờ thì đêm đã ập xuống, một đêm không thể ngủ được, một đêm đầy lo sợ, khắc khoải chờ đợi ánh ngày.

Đêm của căm thù và nước mắt.

Trời chưa sáng bố đã đạp xe về, hối hả giục bà và các em thu dọn đồ đạc để sơ tán về quê. Bố bảo:

- Chết thật, bố chủ quan quá, không đưa bà và các em đi trước. Tình hình còn căng lắm. Nhà ta chỉ được ở lại bố, mẹ và Minh Việt thôi.

Mẹ vừa đùm rúm các thứ cho bà mang đi vừa dấm dút khóc. Trước đó mẹ đã kịp tranh thủ nấu cho Minh Việt bát cháo. Mẹ bảo:

- Chẳng biết thế nào đâu con ạ. Thôi thì chỉ còn biết trông chờ vào ông bà mình linh thiêng phù hộ cho cả nhà qua cái đận này.

Minh Việt húp được nửa bát cháo thì cu Đức đòi ăn cùng. Mẹ mắng cu Đức, bắt nó ra xe cải tiến cho anh Đình, chị Ánh kéo đi về quê. Minh Việt đưa tay ra giữ nó lại, nhường cho cu Đức ăn hết bát cháo rồi mới bế nó ra xe. Cái Ánh và thằng Đình mỗi đứa một còng, bà nội đẩy đằng sau. Trên xe là cái Vân, thằng Đức và một đống những bao bố, chăn chiếu. Ngoài đường cũng có nhiều nhà đẩy xe đi như thế. Có lẽ sau trận bom hôm qua, không nhà nào còn dám ở lại nữa. Dòng người sơ tán mỗi lúc một đông. Bố nhìn hút theo chiếc xe của bà rồi mới lên yên xe đạp đi. Bố lại phải xuống huyện để tham gia đánh trả chiến hạm Mỹ từ ngoài biển bắn vào. Mẹ cũng hít hải

đến cơ quan để vào “chiến dịch sản xuất”. Minh Việt khóa chặt cửa nhà rồi chạy lên chỗ trận địa pháo *Hai Bảy tháng Bảy*. Người ta đã phát hiện ra thêm hai xác chết nữa ở bãi cỏi ven sông. Đều là những xác bị cháy nham nhở. Họ là những người bị bỏng cho đến chết. Trong hai người ấy không có Cói.

Như có một linh cảm đặc biệt, Minh Việt liền chạy đến khúc sông chiều hôm qua anh vừa tắm cùng Cói. Chỉ vài bước chân sau bờ đê là thấy vết máu. Minh Việt lần theo dấu máu chạy xuống bãi. Và anh nín thở khi nhìn thấy một đám vải dập dềnh bên mép nước. Minh Việt vội nhảy những bước dài trên đám bùn nhão nhoét, hướng tới chỗ đám vải đang bập bênh, bập bênh lên xuống theo mực nước. Từng đám máu lắng lại chưa kịp đông gặp phải những bước chân của Minh Việt, loang ra những vệt đỏ nhờn nhờn. Khi đám vải được lật lên thì Minh Việt kinh hoàng, bật ngửa người ra đằng sau, ngã ngồi xuống bùn.

Cói!

Cói biến dạng đến mức Minh Việt phải oẹ ra cả nửa bát cháo vừa kịp húp lúc sáng. Người Cói trương lên, căng chặt trong lớp vải áo thô dày. Cả một khoảng ngực đẫm máu. Một bên ngực vẫn còn nhô cao sau lớp vải cháy. Bên ngực còn lại là một vết lõm ghê rợn, lõn nhõn những thớ thịt bầm đỏ. Và đôi mắt. Đôi mắt mở to hết cỡ, như lộn cả tròng ra ngoài, đờ dại, lạnh ngắt. Mái tóc hung vàng như một búi râu ngô bết lấy khuôn mặt lấm bùn vô cảm, không thần sắc. Tanh! Tanh khủng khiếp. Tanh lợm giọng. Minh Việt đạp chân trên bùn để lùi lại. Rồi Minh Việt lật người bò lết về phía chân đê. Có mấy bóng người đang chạy trên mặt đê. Minh Việt ú ớ kêu gào. Rồi Minh Việt lại nôn. Nôn thốc nôn tháo ra một thứ dịch vàng vàng trắng trắng, tanh chưa từng thấy. Hết dịch thì nôn khan. Nôn đến rát cả cổ họng. Và trong khi mọi người đổ xô xuống chỗ xác Cói thì Minh Việt lại ôm mặt khóc rưng rức. Khóc như trẻ con bị đánh đòn. Khóc như một lần sau cuối để không bao giờ còn được khóc nữa.

Xác Cói vẫn chưa phải là xác cuối cùng.

Những ngày sau đó người ta vẫn còn tiếp tục tìm kiếm. Tìm được người nào an táng người đấy. Vừa an táng vừa nổ súng chiến đấu. Không

có ngày nào yên tiếng súng. Không có đêm nào không bắn lên trời những đường đạn đỏ rực. Không có sáng nào Minh Việt không đọc những dòng chữ viết trên bảng tin đầu phố Tứ Phủ. Những dòng tin giống nhau đến mức người ta chỉ cần thay đổi con số là trở nên nóng hổi.

Ngày, tháng, năm...

Địch đã đánh An Lạc 16 điểm với 220 quả bom phá, 206 đạn tên lửa, 49 quả bom bi mẹ và bắn 90 đạn pháo lớn, giết hại 78 người, làm bị thương 120 người, tàn phá, tiêu hủy nhiều nhà cửa, trường học, bệnh xá...

Minh Việt đã đọc những dòng tin đó với một thái độ rất khó giải thích. Vừa như thờ ơ lại vừa như khao khát. Vừa như bỏ mặc lại vừa như không thể không quan tâm. Và những dòng tin ấy cứ từng ngày từng ngày đi qua não bộ Minh Việt. Cho đến ngày thứ *Một trăm chín mươi tám* thì đột nhiên bảng tin không thay đổi con số nữa. Những dòng chữ ấy được giữ nguyên đúng *hai mươi bảy* ngày mới được xóa đi, thay vào đó là những tin tức về việc ký kết Hiệp định Pa ri.

Chiến tranh đã kết thúc trên bầu trời An Lạc. Với những thành tích xuất sắc trong thời kỳ tham gia tự vệ trực chiến phòng không, Minh Việt và thằng Tịnh được tuyển thẳng vào làm công nhân ở Xí nghiệp gạch ngói An Lạc. Đây là một xí nghiệp đã có từ lâu nhưng bước vào thời kỳ khôi phục lại thị trấn nó được mở rộng qui mô sản xuất nên phải tuyển thêm người. Cả bố và bác Mộc đều bảo Minh Việt vào đấy là rất hợp vì anh đã từng hoàn thành chỉ tiêu *Một ngàn viên gạch ba banh* trong vòng hai tháng. Minh Việt cũng không mong gì hơn. Sau sáu tháng đi làm Minh Việt sừng sình trong bộ quần áo mới, cùng Ban giám đốc và toàn thể cán bộ công nhân viên Xí nghiệp long trọng tổ chức lễ đón danh hiệu “Đơn vị thi đua xuất sắc”. Tại buổi lễ bác Mộc đã đọc một bản báo cáo rất dài, nội dung chẳng liên quan gì đến gạch ngói cả. Đã vậy, bác còn dừng lại nói kỹ về đoạn sau đây:

Năm 1972 là năm địch đánh phá ác liệt An Lạc. Nhưng năm 1972 cũng là năm toàn huyện có bước tiến bộ đáng phấn khởi, mọi mặt sản xuất phát triển, đời sống nhân dân địa phương và nhân dân sơ tán tạm thời ổn định. Các ngành thương nghiệp, lương thực, thực phẩm, từ một vài cửa

hàng đã chia lẻ thành mười một cửa hàng và còn tổ chức thêm các đội bán hàng lưu động về các thôn xóm, ra tận trận địa trực chiến để bán hàng phục vụ đồng bào và chiến sĩ. Các mặt công tác văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao vẫn được duy trì tích cực.

Sau buổi lễ, bác Mộc rỉ tai thằng Tịnh nói gì đó. Nó không gật mà cũng chẳng lắc, nét mặt rất khó hiểu. Khi Minh Việt hỏi thì nó bảo:

- Hôm qua tao để nhằm bài phát biểu cho ngành thương nghiệp vào cặp của bố tao. Nhưng cũng chẳng sao. Mọi người vẫn vỗ tay ầm ầm đấy thôi.

Cuối năm đó thằng Tịnh được huyện cử đi học ở nước ngoài. Trước hôm đi mặt nó buồn thiu. Nó bảo: “Cứ tưởng đi Liên Xô, hóa ra lại đi B-un-ga-ri, chắc chẳng ăn thua gì!”

Thằng Tịnh đi rồi, Minh Việt bỗng mắc bệnh trầm uất. Cả ngày đi làm, tối về Minh Việt lại ra bờ sông ngồi một mình. Đôi ba lần cậu Chột phải ra lôi anh về ngủ cùng. Minh Việt hay mơ thấy Cói. Rồi ú ớ lâm nhảm. Ngay cả trong lúc nhồi đất vào khuôn ngói Minh Việt cũng thường xuyên nhìn thấy Cói đang dập dềnh trên mép nước ven sông. Người thợ làm cùng với Minh Việt đã cắt phải tay anh trong lúc như thế. Sợi thép sắc như dao đã cứa đứt một đốt ngón tay út của Minh Việt. Nhìn máu chảy rờn rờn từ tay mình mà Minh Việt cứ ngỡ máu của Cói. Trong khi mọi người rít rít đưa anh đi băng bó, sát trùng, anh cứ bình thản như không, ánh mắt dôi vào một điểm nhìn vô định. Giám đốc xí nghiệp phải gặp riêng bố Minh Việt. Bố Minh Việt lại trao đổi với vợ và bác Mộc. Sau đó cả nhà quyết định đưa Minh Việt vào bệnh viện điều trị. Anh không chịu dùng một loại thuốc nào cả. Anh bảo anh không bị bệnh. Rồi anh cứ lâm nhảm nói chuyện một mình. Anh thường chạy đuổi theo một bóng hình tưởng tượng nào đấy và bảo đó là Cói. Có một lần bóng hình ấy không mất hút như mọi khi mà ra ngồi xuống chiếc ghế đá ở dưới sân bệnh viện. Minh Việt mừng quá, tiến sát đến đằng sau lưng, không nói một câu, cứ lẳng lặng chờ người ấy quay lại. Minh Việt đứng chờ mãi, chờ mãi, cuối cùng người ấy cũng quay lại. Đúng là Cói. Cói gầy quá. Mặt Cói xương xương chứ không tròn đầy. Mắt

Cói cũng không to đen mà hơi dài. Chỉ có nốt ruồi của Cói là không thay đổi. Cói nhìn Minh Việt hơi ngỡ ngàng một chút rồi reo lên:

- Kìa, Việt, Minh Việt phải không?

Minh Việt tủm tủm cười nhưng nét mặt tỏ ra thất vọng ngay vì giọng nói này không phải của Cói. Anh quay lưng, lê những bước chán chường về phòng bệnh. Nhưng người ngồi trên ghế đá vội đứng dậy chạy đuổi theo túm lấy tay áo của Minh Việt, lắc lắc:

- Việt, Việt không nhận ra mình à?

Minh Việt vẫn không có một cử chỉ nào tỏ ra có quen biết với người ấy. Người ấy lại lắc lắc tay Minh Việt, nói một hơi dài:

- Chết thật, mới có mấy năm mà đã quên chị rồi. Chị là Vi Lay đây. Bà *Khơ-me* đây mà. Sao Việt lại ở đây? Việt bị bệnh gì? Trông Việt gầy và xanh quá! Việt ở phòng nào? Người nhà Việt có ai ở đây không? Chị đi thăm một người bạn bị ốm nhưng người ấy lại ra viện rồi. Chị định ngồi nghỉ một lúc rồi về. Việt sao thế? Sao Việt chẳng nói năng gì cả? Mà nhìn mắt của Việt kìa! Sao mắt Việt lạ thế? Chẳng có chút thần sắc nào cả. Việt không nhận ra chị thật sao?

Người đàn bà ấy sẽ còn quấy rầy Minh Việt nữa nếu không có mợ đến kịp. Mợ lôi người đàn bà ấy ra chỗ chiếc ghế đá mà bà ta vừa ngồi. Minh Việt bỏ về phòng. Mợ và người đàn bà lạ lùng ấy ở lại ngồi nói chuyện với nhau khá lâu. Sau hôm ấy, ngày nào người đàn bà đó cũng vào thăm Minh Việt.

Cho đến một ngày Minh Việt nhận ra người đàn bà ấy là Vi Lay!

Chương 8

Cho đến một ngày Minh Việt nhận ra người đàn bà ấy là Vi Lay!

Kể từ ngày Minh Việt mất trí nhớ đến khi anh nhận ra được bà *Khorme*, tức Vi Lay, tức chị Vi tất cả mất bảy tháng hai mươi bốn ngày.

Giám đốc xí nghiệp gạch ngói lại vui vẻ nhận Minh Việt quay trở lại làm việc. Bố và mẹ rất mừng. Mẹ làm cỗ cúng tạ tổ tiên, mời cả chị Vi đến ăn cùng gia đình. Trong khi cả nhà không giấu được vui mừng thì tâm trạng của Minh Việt những ngày đầu mới ra viện lại khá phức tạp. Anh không hiểu nổi là tại sao lại có lúc anh không biết mình là ai, không nhớ gì về các mối quan hệ ruột rà thân thích, không nhận ra được những gì đang xảy ra xung quanh. Bây giờ anh đã hoàn toàn tỉnh táo, anh thấy mình đã thực sự trở về với trạng thái bình thường, thì mọi người lại nhìn anh bằng ánh mắt rất không bình thường. Dường như mọi người còn nghi ngại ở anh điều gì đó. Có lần thằng cu Đức hỏi anh:

- Anh Việt ơi, khi bị điên anh có đau không?

Mẹ nghe thấy thế, mắng hất đi:

- Ai bảo mày anh Việt bị điên? Anh Việt bị ốm, phải đi bệnh viện, bây giờ khỏi anh ấy về nhà và lại đi làm bình thường. Mày biết gì mà cứ liên thiên!

Thằng Đức cãi:

- Anh ấy bị làm sao mà ốm?

Mẹ bảo:

- Anh ấy làm ở Xí nghiệp bị máy cắt gạch nó cán vào, đứt tay. Mày không thấy ngón út anh ấy bị mất một ngón kia à? Mày cứ nói linh tinh nữa, mẹ đánh đấy, nghe chưa?

Thằng Đức vẫn không chịu, cố cãi lại:

- Ai cũng bảo anh ấy thế còn gì? Bà nội còn bảo hay là đăng nhà con mẹ nó đòi trước có người tâm thần? Mẹ cũng có lần bảo với bác Mộc:

Cháu nó mà điên nặng lên thì bác bảo em phải tính làm sao? Thế mà bây giờ mẹ còn mắng con!

Bà nội từ trong nhà chạy ra bịt mồm thẳng Đức, lôi nó vào. Mợ quay sang bảo Minh Việt:

- Con đừng nghe nó nói linh tinh. Nó còn nhỏ chưa biết gì đâu.

Minh Việt hỏi:

- Những ngày bị bệnh con có làm gì hại đến ai không hả mợ?

Mợ đáp:

- Không, con bệnh nhưng lành lẫm. Chỉ thương thân một mình thôi.

Minh Việt không thỏa mãn với những gì mợ nói. Cả bà và bố cũng tìm cách tránh né những câu hỏi của anh. Chỉ có chị Vi là có cách diễn đạt làm Minh Việt thấy hài lòng hơn cả. Chị Vi bảo: “Ngày trước, khi nghe tin người yêu chị hy sinh, chị cũng phải vào bệnh viện một tháng đấy. Một tháng ấy chị chỉ nhớ đến người yêu chị thôi. Mà khi nhớ đến người yêu thì chị không còn nhớ đến ai khác nữa. Cũng không thiết ăn uống hay làm việc gì cả. Bệnh viện phải giúp chị vào những lúc như thế, nếu không chị chết mất. Rồi nỗi nhớ sẽ qua đi, chị lại trở lại bình thường. Việt có một cô bạn tên là Cói phải không? Cô ấy cũng hy sinh trong khi chiến đấu với máy bay Mỹ và Việt nhớ cô ấy lắm, đúng không? Thế nên bố mẹ phải đưa Việt vào bệnh viện, không thì Việt cũng sẽ giống chị, cũng sẽ chết mất. Bây giờ Việt trở lại bình thường rồi. Việt đừng mãi nghĩ về những ngày nằm viện làm gì, Việt hãy nghĩ đến những việc khác, ví dụ như giúp bố mẹ sửa lại nhà chẳng hạn. Đấy! Đơn giản thế thôi”.

Minh Việt còn cố hỏi lại một câu ngu ngơ:

- Chứ em không bị điên hả chị?

Chị Vi bật cười:

- Ừ, điên làm sao được. Điên thì phải xấu xí chứ Việt vẫn đẹp trai thế kia cơ mà?

Chị Vi không chỉ đưa trí nhớ trở lại với Minh Việt mà còn dần dần đem lại sự thăng bằng về tâm lý cho anh. Minh Việt hay đến chơi nhà chị và rất thích được trò chuyện với chị. Ở phòng khách nhà chị Vi có treo một bức tranh bồi dập màu vàng nhạt, cũ kỹ, khắc hình một đoàn quân kéo dài

hết chiều ngang bức tranh. Nổi bật lên là hình ảnh một vị dũng tướng đứng hiên ngang trên đài voi với chín cây tàn rục rờ. Thấy Minh Việt cứ mãi ngắm bức tranh, chị Vi bảo: “Tranh này đập theo phù điêu trên tường thành đền Ăng Co Vát đấy. Cái ông đứng trên đài voi là vua Xu-ra-ya-vác-man hai, người có công lớn với đất nước chị ở thế kỷ mười hai”. Hóa ra chị Vi là một người rất am hiểu lịch sử. Và chị còn biết hát nữa. Có lần chị hát cho Minh Việt nghe một bài hát của nước chị bằng hai thứ tiếng. Minh Việt được chị dạy cho thuộc bài hát đó. Lời của bài hát nghe có vẻ tình tứ mà hơi ngồ ngộ:

*... Chiều nay ngồi trên lưng trâu đi qua ruộng nhà
Với hiệu bàn tay anh báo ngầm em
Sau buổi cỏ chiều
Em ra bờ sông
Nơi mà hai ta bao lần gặp nhau
Bánh trái, trầu cau, thuốc điếu em giấu đưa anh
Ta cùng nhau tắm
Tay nắm bàn tay say sưa chuyện trò
Rồi hẹn hò nhau ta cùng đi múa rãm vòng
Anh sẽ mang theo
Thốt nốt đầy ve
Vừa một ống tre để em giải mệt
Ôi, cô gái đẹp sao, yêu em bao nhiêu
Hát mừng năm mới tay em bán hoa...*

Chị Vi thường hoài niệm về những lễ hội ở một vùng quê nào đó xa lơ xa lắc trên đất nước chị. Những gì chị còn nhớ đều đã lên màu cổ tích. Nhưng chị lại rất thích kể về nó. Còn chuyện vì sao chị lại sang đây thì chẳng bao giờ chị kể? Mỗi khi Minh Việt hỏi về người yêu của chị, chị chỉ bảo: “Hy sinh rồi”. Có một lần chị buột miệng bảo:

- Anh ấy có đôi mắt buồn như của Việt!

Minh Việt còn nhận ra một điều thú vị nữa ở chị Vi là chị nấu ăn rất ngon. Có đôi ba lần Minh Việt ăn cơm ở nhà chị. Đó là những lần Minh Việt đi làm về sớm, anh không muốn về nhà mà rẽ vào xóm Khơ-me chơi.

Thức ăn ở nhà chị Vi về mặt chất liệu không có gì đặc biệt, nhưng khi được bày ra mâm trông rất ngon miệng. Nhà Minh Việt quá đông người, bữa ăn thường kết thúc chóng vánh với phần thức ăn gần như được chia sẵn. Minh Việt là anh cả, luôn cùng bố và mẹ nhận về mình sự thiếu hụt để nhường các em. Ở nhà chị Vi thì ngược lại, bao giờ Minh Việt cũng được ăn thỏa thích, thậm chí được phục vụ như một người đàn ông chủ gia đình. Một quả trứng ở nhà Minh Việt thường phải chia năm xẻ bảy, nhưng ở nhà chị Vi một mình Minh Việt được hưởng những hai quả trứng ốp lếp. Lại thêm một chén rượu nữa. Lại thêm vài hạt lạc rang muối. Lại thêm một bát súp giò ninh khoai sọ có rau dút. Chị Vi là người rất giỏi quan hệ với các cửa hàng lương thực, thực phẩm. Đồ ăn trong nhà chị đều tươi sống và dồi dào đến mức khó tin. Mà lạ một điều là người ta cứ tự mang các thứ đến nhà chị. Thì cũng như trước đây Minh Việt mang mỡ nước đến bán cho chị vậy. Chị nhận của họ rồi chị lại biết cách trả cho họ những thứ họ cần. Đối với hầu hết những người quen biết chị Vi thì chị là một người có nhiều điều bí ẩn. Còn với riêng Minh Việt, chị Vi càng bí ẩn bao nhiêu càng cô độc bấy nhiêu. Không ai biết rõ về chị, chính điều này làm chị dễ sống hơn bởi chị có thể buôn bán mọi thứ trên trời dưới đất trong lòng một xã hội không có thị trường. Không ai biết rõ về chị, ngược lại, cũng làm chị không biết dốc bầu tâm sự với ai. Mà một thiếu nữ xa xứ đủ đầy như chị thì có biết bao nhiêu nỗi niềm cần tâm sự, bao nhiêu bức xúc cần giải tỏa, bao nhiêu buồn vui cần chia sẻ. Minh Việt có một vị trí như thế nào trong cái cõi hồn sâu thẳm của chị, chính anh cũng không rõ, chỉ biết là chị có vẻ rất vui khi được chăm bẵm cho anh. Một lần Minh Việt đến nhà chị Vi đúng lúc chị đang tắm. Minh Việt ngồi chờ và lại tha thẩn nhìn ngắm bức tranh bồi đắp in hình đoàn quân của vua Xu-ra-ya-vác-man II. Bỗng Minh Việt nghe thấy một tiếng kêu thét kinh hoàng từ phía sau nhà tắm. Minh Việt vội chạy bỏ ra sau nhà. Cánh cửa nhà tắm mở tung. Chị Vi đứng nép mình vào góc tường nhà tắm, tấm khăn choàng màu nâu ôm cứng trước ngực. Thấy Minh Việt, chị vội đưa tay ra chỉ vào một con rắn đang bò trên nền nhà tắm. Đó là một con cạp nong khá to, vằn màu vàng đen, không biết nó đã cắn chị chưa nhưng nó đã bò quá nửa người ra khỏi cửa nhà tắm. Minh Việt vợ vội

lấy cái xéng ở gần đó, phang tới tấp vào con rắn. Khi con rắn đã cuộn tròn mình lại, đầu đập nát, toàn thân bất động, chị Vi vẫn đứng nguyên tại chỗ, người run lên bần bật. Minh Việt lấy xéng xúc con rắn hất ra phía ngoài bờ rào đằng sau nhà chị, rồi quay lại bảo:

- Chị ra đi, chị có sao không?

Chị Vi vẫn không cất lời lên được. Mặt chị tái mét.

Minh Việt lo sợ, chạy vào, ôm lấy bả vai chị, lắc lắc:

- Chị đã bị nó cắn chưa? Để em xem nào?

Chị Vi bỗng đổ ập cả người vào Minh Việt như một thân chuối bị phạt ngang. Minh Việt bế bổng chị Vi lên, đưa lên nhà trên, đặt vào giường. Chị Vi vội chui vào trong chăn, cuộn tròn lại. Minh Việt lẳng lẽ ngồi bên cạnh. Một lúc sau, chị Vi thò đầu ra khỏi chăn, bảo: “Việt đừng về nhé, mình sợ lắm!”

Minh Việt bảo:

- Nếu không bị cắn thì không sao đâu. Chị cứ nằm một lúc là hết sợ thôi.

Chị Vi lại thò một chân ra khỏi chăn, bảo:

- Mình cũng chẳng biết là đã bị cắn chưa, Việt thử xem chân mình có vết máu không?

Minh Việt thoáng lo ngại, vội nhắc bấp chân của chị Vi lên. Bàn tay Minh Việt vuốt theo khoeo chân chị. Chị Vi hơi nghiêng người kéo chân lên trùm kín mặt, còn phần dưới để hở quá ra cho Minh Việt “kiểm tra”. Khi cả nửa dưới người của chị Vi lộ ra khỏi chăn thì tự dưng Minh Việt chùn tay, không dám tiếp tục lần mò trên da thịt chị nữa. Thấy Minh Việt dừng lại, chị Vi liền nằm úp xấp người xuống, bảo:

- Việt thử xem hộ phần lưng mình xem có sao không?

Chưa bao giờ Minh Việt được xăm soi một thân thể phụ nữ, hôm nay toàn bộ cái thân thể ấy đang phô bày ra trước mắt anh. Đường dây nịt vú hằn một vệt trắng nõn sau lưng chị Vi đập vào cái nhìn của Minh Việt làm anh thấy lòng mình bấn loạn. Minh Việt biết là con rắn chưa hề chạm đến chị Vi. Hành động này của chị rõ ràng đầy ẩn ý. Rõ ràng là khơi gợi. Rõ ràng có ý buông xuôi cho Minh Việt muốn làm gì thì làm. Minh Việt nghĩ

ngay đến việc cần phải thoát ra khỏi tình cảnh này, không thể để bị lôi cuốn vào cái cuộn chần đang hùng hực sức nhiệt kia. Thoáng lường lự ấy vừa đến với Minh Việt thì chị Vi đã trở mình, vòng tay kéo đầu Minh Việt xuống.

Mặt Minh Việt vừa ập vào khuôn ngực đập dềnh, mềm ấm của chị Vi, lập tức anh thấy gan ruột trong mình quặn lên. Một mùi tanh lợm giọng ở đầu đó xộc tới, ập vào mũi anh. Minh Việt vội rút đầu ra khỏi ngực chị Vi, nôn thốc nôn tháo xuống gầm giường. Cái mùi tanh khủng khiếp ấy cứ dâng ngập lên hai lỗ mũi của Minh Việt khiến những cơn nôn trong anh không sao kìm lại được. Chị Vi sau một giây ngạc nhiên đã bật dậy như chưa hề gặp rắc. Thoắt cái chị đã chinh tề trong chiếc váy đen có thêu những hình tháp bí ẩn, và chị lấy khăn lạnh lau mặt mũi cho Minh Việt. Minh Việt ra phòng khách ngồi, hỗn hển thở. Cái mùi tanh khi nãy mỏng dần rồi biến mất, không còn lẫn khuất quanh anh nữa.

Những lần sau đó, chị Vi tìm mọi cách để Minh Việt tiếp cận bầu vú của chị, nhưng lần nào Minh Việt cũng nôn. Mùi tanh của máu và thịt người rửa nát không chịu buông tha cho Minh Việt, cứ hễ những hình ảnh đặc trưng nữ tính đập vào mắt anh là mùi tanh ấy xuất hiện. Chị Vi bảo: “Nếu Việt không khẳng định được sức mạnh đàn ông của mình, nghĩa là Việt vẫn còn bệnh đấy. Bệnh mà trầm trọng lên, chẳng biết sẽ thế nào?”

Nhiều lúc Minh Việt nêu quyết tâm không đến nhà chị Vi nữa. Minh Việt có cảm giác như mình đang phải lén lút làm một điều gì đó không minh bạch. Nhưng rồi, chỉ sau một cái tặc lưỡi, Minh Việt lại đến. Rõ ràng là Minh Việt đang có bệnh. Mà bệnh này muốn chữa được phải có một người dám chấp nhận hy sinh cho anh như chị Vi. Nhận cái phần hy sinh ấy của chị Vi, Minh Việt vừa thèm khát lại vừa dằn vặt, vừa muốn hưởng lại vừa thấy mình tội lỗi, vừa sung sướng lại vừa hèn hạ, vừa khoái cảm lại vừa phản cảm. Mỗi khi đến nhà chị Vi là Minh Việt lại mang theo trong mình từng ấy những trạng thái tâm lý phức tạp. Nhưng rồi bao giờ anh cũng tìm thấy sự bao biện cho mình khi đưa tay cởi bỏ bộ váy áo trên người chị Vi. Chỉ có điều anh không bao giờ đạt được cái điều mà mọi người đàn ông phải đạt được khi cho và nhận với một người đàn bà. Cứ khi cơn hứng

tình trong anh trào dâng lên thì cái mùi tanh khủng khiếp kia nó lại đến và anh lập tức phải rời bỏ ngay cơ thể người phụ nữ đang tràn ngập những xúc cảm dâng hiến để chạy ra ngoài phòng khách ngồi thở.

Cho đến một ngày, Minh Việt không còn nghĩ thấy cái mùi tanh ấy nữa. Đó là ngày lễ Chơn Chnam Thmây, lễ đón mừng năm mới của những người cùng dân tộc với chị Vi.

Hôm ấy chị Vi làm những chiếc bánh rất lạ. Nó được gói bằng lá chuối, bên trong có bột, đỗ xanh, cùi dừa và hạt sen. Chi Vi cứ hỏi đi hỏi lại Minh Việt có nhận ra cái vị gì khác biệt trong đó không? Minh Việt bảo: “Chỉ thấy ngon thôi, và lạ mắt nữa, chẳng thấy có vị gì đặc biệt”. Chị Vi cười: “Trong đó có đường thốt nốt đấy. Mình phải kiếm mãi mới được. Việt chưa ăn bao giờ nên không biết cũng phải”. Hôm ấy Minh Việt còn được thưởng thức cả rượu thốt nốt. Anh hỏi: “Chị kiếm ở đâu ra những thứ này?”. Chị Vi bảo: “Mình sang mua của người Hoa ở bên Phòng. Bên ấy chẳng thiếu thứ gì, chỉ đắt thôi. Mình phải để dành, chỉ dám dùng vào những ngày như thế này”. Minh Việt biết là chị Vi vẫn có những mối liên hệ nào đó với những người đồng bào của mình, nhưng anh không quan tâm đến chuyện ấy. Buổi tối mừng năm mới hôm đó chỉ có hai người. Minh Việt ăn no, uống say và lại nghĩ đến chuyện lần tìm những điều chưa tìm thấy sau làn váy áo của chị Vi. Và lần này Minh Việt thực sự vui mừng khi vực đầu vào ngực chị Vi chỉ thấy có mùi da thịt con gái chứ không hề thấy có cái mùi khủng khiếp kia ùa về trên người thánh giác. Anh cũng thầm sung sướng khi nhận ra cái bản thể đàn ông trong mình dường như đã thực sự hồi phục. Mọi thứ diễn ra thật hoàn hảo. Máu huyết lưu thông. Cơ thể căng cứng, giãn nở dưới tác động của khoái cảm chân chính. Sinh lực căng tràn trên từng đường da, thớ thịt. Những chớp giật mê mê, những lắng dịu bồi hồi, những vô thức cuồng loạn, những nồng nã ân tình đã thực sự trở về với Minh Việt.

Nhưng sự trở về ấy ngay lập tức bị dội một gáo nước lạnh.

Cánh cửa chốt hờ nhà chị Vi bỗng bị đẩy bật tung. Tốp dân phòng của tiểu khu Bắc An Lạc ập vào bắt quả tang Minh Việt cùng Vi Lay đang làm

những việc hủ hóa, cụ thể là thực hiện hành vi thông dâm. Trong biên bản họ đã ghi rõ như thế.

Các đồng chí dân phòng cho phép Vi Lay được ngồi tại nhà viết bản tường trình, còn Minh Việt bị trói giật cánh khuỷu, giải về trụ sở tiểu khu.

Suốt đêm hôm ấy Minh Việt phải khai báo về những việc làm vô cùng xấu xa của mình. Ngồi trước người tổ trưởng dân phòng già nua, khắc khổ đang chất vấn mình bỗng nhiên Minh Việt lại ngửi thấy cái mùi tanh khủng khiếp vẫn thường ám ảnh anh và anh nôn thốc nôn tháo ra sàn nhà. “Say hả? Say mà vẫn còn hủ hóa được cơ à?”, người tổ trưởng dân phòng bực mình, quát vào mặt Minh Việt thế. Không biết người ta sẽ còn làm gì Minh Việt nếu không có sự can thiệp kịp thời của bác Mộc. Sau khi có ý kiến của “đồng chí bí thư”, họ tạm thời cho Minh Việt về nhà nhưng như thế không có nghĩa là đã xong, vụ việc sẽ còn tiếp tục được đưa lên cấp trên giải quyết.

Không ngờ sự việc nghe ra có phần quan trọng vì Minh Việt đã hủ hóa với “một đồng chí phụ nữ quốc tế”. Bên công an cử người sang làm việc với Ban giám đốc Xí nghiệp gạch ngói và Minh Việt bị tạm đình chỉ công việc để “giải quyết cho xong vấn đề hủ hóa”. “Vấn đề hủ hóa” của Minh Việt như một đốm lửa nhỏ và đang có nguy cơ trở thành một đám cháy. Đám cháy này khi bùng lên chắc chắn sẽ thiêu đốt sinh mệnh chính trị của Minh Việt ra tro. Chính vì thế suốt một tuần sau đó bố và bác Mộc phải đôn đáo ngược xuôi lo “dập lửa”. Một số tổ chức, cá nhân cũng đứng ra xin bảo lãnh cho anh. Đoàn thanh niên khu phố, Công đoàn, Tổ sản xuất số 3, Tập thể công nhân Xí nghiệp gạch ngói, Trung đội tự vệ, Thị đội... lần lượt đều có đơn xin miễn tố cho Minh Việt. Bác Mộc có hai buổi làm việc trực tiếp với các đồng chí bên Thị đội, sau đó độ mười hôm thì Minh Việt có giấy báo nhập ngũ. Trước ngày lên đường, Minh Việt cùng các tân binh của thị trấn An Lạc được xem một vở kịch của Đoàn văn công Quân khu Hữu nghị. Minh Việt ngồi trên cùng, xem rất chăm chú, mắt không rời sân khấu. Vở kịch nói về một thanh niên lên đường nhập ngũ đúng vào ngày mẹ ốm. Anh đã được các tổ chức, cơ quan, đoàn thể đến tận nhà động viên, nhắn nhủ, khích lệ. Cả người yêu anh cũng mong anh mau chóng lên đường giết

giặc lập công và hứa sẽ đợi anh trở về. Cả mẹ anh đang nằm trên giường bệnh cũng cố gượng dậy dặn dò anh phải thực hiện tốt trách nhiệm và bổn phận của một người trai mất nước. Vợ diễn thật cảm động. Cả bãi người ngồi xem lặng phắc. Tan vở, thằng Đình đến báo cho Minh Việt biết mẹ vừa vào nhà hộ sinh đẻ em bé, mẹ rất cần gặp anh. Minh Việt vội xin phép các anh chỉ huy chạy ù lên thăm mẹ. Mẹ đẻ đứa em thứ năm, lại là con trai. Mẹ không vui mừng mà chỉ khóc. Minh Việt bảo:

- Mẹ sinh em trai, đẹp đẽ khỏe mạnh thế kia sao mẹ lại khóc?

Mẹ lắc đầu:

- Không phải mẹ khóc vì em bé mà mẹ khóc vì thương con, Việt ạ!

Rồi mẹ hỏi:

- Khi nào thì con đi?

Minh Việt bảo:

- Nghe bác Mộc nói, sáng sớm mai đoàn sẽ lên đường.

Mẹ chỉ xuống phía cuối giường bảo:

- Con lấy cho mẹ cái túi vải ở trong chiếc bọc kia lại đây!

Minh Việt thọc tay xuống cuối chiếc bọc mới lôi được cái túi vải con lên. Mẹ bảo:

- Của con còn nguyên vẹn cả đấy, con hãy cầm đi!

Minh Việt mở cái túi vải ra. Trong đó có một chiếc dây chuyền vàng và một đôi lắc bạc nạm đá. Minh Việt bảo:

- Con vào chiến trường, ai cho mang những thứ này mà cầm đi? Mẹ giữ lấy mà chi tiêu cho gia đình.

Mẹ cố nhoài tay ra giữ lấy vai Minh Việt, bảo:

- Vào trong ấy sống chết chẳng biết thế nào. Những thứ này của con, nó phải theo con, mẹ không giữ đâu. Nếu con không cầm, con cho ai tùy con, mẹ đã trả cho con, mẹ không lấy lại nữa.

Minh Việt thấy khó xử nhưng rồi cũng nghĩ ra cách thoái thác. Anh bảo:

- Con để cả lại cho em bé. Sau này lớn lên nó sẽ đeo.

Không ngờ mẹ có vẻ căm. Mẹ gắt:

- Khổ quá! Mẹ đã nói thế mà con chẳng hiểu gì cả. Vàng bạc là thứ phải gắn chặt với đời con người ta, không thể dùng thay được. Con phải cầm đi, phải mang theo bên mình, con đã hiểu ý mẹ nói chưa?

Quả thực lúc ấy Minh Việt chẳng hiểu ý mẹ nói gì. Nhưng vì thấy mẹ nổi giận nên anh chỉ lặng im và không dám nói thêm câu nào nữa. Đút cái túi vải vào người, Minh Việt chào mẹ rồi đi. Mẹ gật đầu nhìn theo, nước mắt chảy ràn ra hai bên má. Thằng Đình len lén đi theo đằng sau. Ra tới cổng nhà hộ sinh, Minh Việt quay lại thấy thằng Đình đang đứng nép mình sau hành lang, lặng lẽ nhìn theo anh. Minh Việt đưa tay vẫy nó lại. Thằng Đình vội chạy tới chỗ Minh Việt. Minh Việt móc trong người ra đôi lắc bạc, bảo: “Cầm cho em bé hộ anh nhé? Những thứ này không mang theo vào chiến trường được đâu. Anh mang theo sợi dây chuyền này là được rồi. Nó gọn, dễ cất giấu”. Thằng Đình đưa tay ra cầm những thứ Minh Việt đưa. Minh Việt định bước đi nhưng chợt nhớ ra một việc, vội quay đầu lại hỏi với thằng Đình:

- Bây, mẹ đặt tên em bé là gì?

Thằng Đình đáp to:

- Đạo! Nhớ chưa? Đình, Đức, Đạo...

Minh Việt gật gật đầu rồi đi như chạy về chỗ tập trung.

Bốn giờ sáng hôm sau, Minh Việt cùng đơn vị hành quân rời khỏi An Lạc. Sáu tháng sau Minh Việt có mặt tại miền Đông Nam Bộ. Qua vài trận đánh nhỏ thì vào trận lớn. Tại trận đánh lớn, Minh Việt bị lạc mất đồng đội ngay sau loạt đạn đầu tiên.

Khi ấy trời tối đen. Cái tiểu đội của Minh Việt thuộc thê đội đánh thọc sâu, chờ cho cửa mở mới tiến lên. Nhưng trong khi cửa chưa mở được thì thê đội của Minh Việt đã bị mấy quả M79 của địch xé nát đội hình. Minh Việt bị hất xuống một cái hố khá rộng, và anh có ngất đi một lúc, không biết là bao lâu. Tỉnh dậy chỉ thấy đạn chiu chiu khắp nơi, những tiếng nổ của cối và B40, B41 vẫn ã ở phía bên trái. Như thế nghĩa là Minh Việt đã lệch mất mục tiêu tới *bốn mươi năm* độ rồi. Anh trườn về phía bên phải. Cần phải gặp đồng đội và có sự chỉ huy thì mới biết mình phải làm gì lúc này. Càng trườn về phía phải Minh Việt càng thấy im ắng. Lạ thật! Cái

điểm cao 203 bây giờ nó ở hướng nào nhỉ? Mà đội hình đại đội của Minh Việt ém ở đâu mới được chứ? Họ đã phát triển qua cửa mở và tràn lên chiếm lĩnh điểm cao rồi chẳng? Thế thì phải còn các thê đội dự bị, rồi các đại đội vào làm nhiệm vụ giữ điểm cao nữa chứ? Trước khi vào trận Minh Việt đã được phổ biến như thế cơ mà. Tại sao anh lại không gặp được ai thế này? Bỗng đạn tiểu liên rồi đại liên ở đâu đó cứ nhắm trước mặt Minh Việt mà xối xả tuôn xuống. Minh Việt vội lặn theo sườn dốc, lợi dụng địa hình địa vật tránh đạn, đến khi thấy đạn không bắn về phía mình nữa thì nằm im, nghe ngóng. Và lúc này Minh Việt mới nhận ra một bên chân của mình mỗi khi cử động lại nhói nhói đau. Anh sờ xuống đùi trái và hoảng hốt khi biết là mình đã bị thương. Máu rỉ ra ướt đầm bàn tay. Phải tìm đồng đội ngay không sẽ rất nguy. Minh Việt lùi lại phía sau, cứ thế lựa theo độ dốc mà trườn xuống thấp dần. Nhưng anh lại thấy tiếng tiểu liên của địch nổ ba bề tứ phía. Nghĩa là xung quanh Minh Việt đâu cũng có địch cả. Có vẻ như Minh Việt đã lọt vào giữa trận địa phòng ngự của địch, còn quân ta thì chưa đánh lên tới đây. Thế này thì gay to rồi. Cái đùi phải của Minh Việt bắt đầu tê đi. Một bên chân của Minh Việt đang mất dần cảm giác. Anh không còn đứng lên mà đi hay chạy một cách bình thường được nữa. Minh Việt trườn cật lực. Cái hướng Minh Việt trườn tới có vẻ như không có địch. Thế là anh lom khom bò rồi nhồm dậm tập tễnh chạy. Tiếng súng có vẻ đã ở lại đằng sau khá xa. Minh Việt lần cuốn băng cá nhân trong bao đạn, dùng răng xé tung ra, rồi cứ thế quấn vòng quanh đùi. Mọi thứ xung quanh tối đen. Cảm thấy là vết thương đã được cầm máu, Minh Việt lại tập tễnh chúi đầu lao về phía trước. Minh Việt nhận thấy trước mặt có một dải gì đó mờ mờ, đen đen. Lúc đầu anh nghĩ đó là một dải núi, nhưng đến gần Minh Việt lại nhận ra đó là một rừng cây. Minh Việt thoáng mừng rỡ vì trước khi vào trận đánh đơn vị của anh cũng tập kết trong một rừng cây. Chắc chắn anh sẽ gặp lại đồng đội trong rừng cây kia. Như có thêm niềm phấn khích, Minh Việt cố sức lao về phía trước. Nhưng vào đến rừng cây rồi Minh Việt mới thấy đây không phải là khu rừng mà đơn vị anh đã trú ẩn trước giờ nổ súng. Cây ở đây cao hơn, lại được trồng theo hàng lối thẳng tắp, đánh lô đánh luống đàng hoàng. Càng đi sâu vào Minh Việt càng không tìm thấy lối ra vì trăm

cây như một, hàng nào cũng giống hàng nào, chẳng biết rẽ lối nào sẽ ra được khỏi rừng cây nhanh nhất. Minh Việt đã lạc vào rừng cao su rồi. Thứ cây này Minh Việt cũng đã đôi lần được nhìn thấy trên đường hành quân từ Bắc vào đây. Kinh nghiệm cho biết lạc vào rừng cây này sẽ rất nguy hiểm vì nó thường thuộc quyền sở hữu của các quan chức hoặc tướng lĩnh ngụy, nếu không cũng của các tên tư bản nước ngoài. Một người lính Bắc như Minh Việt sẽ bị nhận diện và bị bắt giữ ngay tức khắc. Suy nghĩ ấy càng khiến Minh Việt bồn chồn, lo lắng chỉ muốn thoát ra khỏi rừng cây ngay, nhưng khu rừng như một mê cung, càng đi càng lạc, không sao lần tìm được lối ra. Sự hoảng loạn ập đến rất nhanh ngay sau đó. Nỗi sợ hãi đã lên đến cực độ. Và khát. Cơn khát tha hồ tàn phá cơ thể Minh Việt, có cảm giác như các đường gân thớ thịt đang bị một thứ nhiệt vô hình nào đó thiêu đốt. Minh Việt đã lao đến một cái bát ai đó buộc bên gốc cây, hy vọng kiếm được chút nước đọng trong đó. Nhưng cái bát chỉ có một lớp váng nhựa trắng trắng mùi rất khó chịu. Minh Việt tỉnh trí, nhận ra cây nào cũng có một cái bát như thế cả. Ôi trời! Đó là những cái bát để hứng mủ cao su! Sao mà Minh Việt lại lú lẫn đến thế nhỉ? Nhận ra được điều này cũng có nghĩa là Minh Việt đã tuyệt vọng. Lạc một mình trong rừng rậm với một bên chân đã không còn nhắc lên được nữa là một điều khủng khiếp ngay cả đối với một lính chiến đích thực. Minh Việt bỗng thấy hoa mắt và anh đổ gục xuống một gốc cây cao su, kéo theo cả chiếc bát hứng mủ rơi xuống bên thân mình.

* * * * *

Minh Việt tỉnh dậy và suy nghĩ đầu tiên lóe lên trong anh là mình đã bị bắt. Đúng là Minh Việt đã bị bắt rồi dù anh đang nằm trên giường đệm có trải ga, vết thương ở chân đã được băng bó và trên người anh đang mặc một bộ quần áo khác, mềm mại và sạch sẽ.

Trước mặt Minh Việt có hai người đàn ông. Một người trạc ba mươi, ba tám tuổi dáng vẻ cần mẫn và lam lũ, còn một người trẻ hơn dáng như một thầy giáo hay công chức gì đó. Thấy Minh Việt tỉnh lại, họ kêu lên mừng rỡ và chạy đến chỗ chiếc bàn kê ở góc phòng. Lúc này Minh Việt mới nhận ra còn một người nữa đang ngồi bên chiếc bàn ở bên phải giường

nằm, quay lưng lại. Người này có dáng vẻ ông chủ. Khi ông ta đứng lên, bước tới bên chỗ Minh Việt, hai người đàn ông kia khúm núm đứng nép sang bên. Minh Việt đoán chừng ông ta độ năm mươi hoặc hơn một chút. Ông ta mặc bộ quần áo màu rêu đá. Chiếc áo được may theo kiểu Tôn Trung Sơn, cổ đóng cao, hai bên vạt có túi vuông. Ông ta vẫy tay một cái và người đàn ông dáng vẻ lam lũ bê đến một cốc sữa nóng đựng trong một chiếc đĩa sứ, không biết đã được pha từ bao giờ. Người mùi sữa, Minh Việt bỗng thấy thèm kinh khủng. Dù có bị bắt thì cũng phải ăn cho đỡ đói, nghĩ thế, Minh Việt gượng ngẩng đầu dậy, đón cốc sữa tu một hơi. Người đàn ông có dáng dấp như một thầy giáo tiến đến bên Minh Việt hỏi:

- Ông có muốn ăn thêm một lát bánh không?

Minh Việt lắc đầu. Quả thực Minh Việt thấy trong người vẫn còn rất mệt, chỉ có thể uống sữa chứ không thiết ăn gì cả. Người đàn ông có dáng ông chủ lại khoát tay một cái, hai người còn lại gật đầu rồi đi ra khỏi phòng. Nào, chúng mày bắt đầu hỏi cung đi, Minh Việt thở nhẹ, cố giữ thăng bằng tâm lý. Người đàn ông quay lại chỗ chiếc bàn, khẽ nhắc lên chiếc ghế và đưa nó lại gần giường. Ông ta ngồi xuống đó. Mọi cử chỉ hành động của ông ta rất nhẹ nhàng, có chút gì đó lịch thiệp nữa. Và ông ta bắt đầu cất tiếng hỏi:

- Anh thấy trong người thế nào?

- Bình thường!

- Tức là có thể trò chuyện được chứ?

Im lặng.

- Tôi phải nói ngay thế này cho anh hiểu nhé. Anh là lính Bắc Việt. Trong khi đánh nhau anh chạy lạc vào rừng cao su của tôi. Những trường hợp như thế này vẫn thường xảy ra. Và những người công nhân của tôi chỉ có mỗi việc là cáng các anh ra đặt ở chỗ bìa rừng để đồng đội của các anh đến lấy đi. Tôi sống ở Sài Gòn. Tôi không quan tâm đến những chuyện đó. Nhưng hôm nay tôi có việc lên đây và được thông báo là lại có một người lính Miền Bắc lạc vào rừng su. Tôi đã định bỏ về Sài Gòn ngay sau khi xong việc, để mặc cho những người công nhân của tôi xử lý anh như vẫn thường xử lý các đồng đội của anh trước đây. Nhưng trong lúc thay quần áo

của anh ra, người của tôi đã phát hiện thấy trong quần đùi của anh có một sợi dây chuyền vàng. Tôi cam đoan với anh là chúng tôi sẽ thả anh về với người bên anh. Nhưng tôi muốn biết nguồn gốc của chiếc dây chuyền vàng mà anh mang theo bên người. Anh thấy thế nào?

Im lặng.

- Anh đừng cố chấp thế. Anh hãy nói đi. Chiếc dây chuyền này có phải của anh không?

- Của tôi.

- Ai cho anh?

- Tôi mua.

- Mua của ai?

- Mua ở hiệu.

- Ở ngoài Bắc anh ở tỉnh nào?

Không được rồi. Đây chắc là chiêu bài hỏi cung của bọn nó đây. Minh Việt phải thật tinh táo nếu không sẽ sa bẫy. Tốt hơn hết là không nói gì nữa. Im lặng.

- Sao? Chẳng lẽ anh không thể nói được anh ở tỉnh nào à? Tôi có hỏi về phiên hiệu đơn vị, quân số, vũ khí, nơi đóng quân đâu mà anh sợ. Nào, hãy nói đi chàng trai trẻ, quê anh ở đâu?

Im lặng.

- Thôi được rồi, tôi cũng không muốn mất thời gian vào những việc vô bổ như thế này. Tôi sẽ đưa ra một vài thông tin, anh hãy xác nhận hộ tôi nhé, được không?

Im lặng.

- Có phải anh quê ở An Lạc không? Có phải mẹ anh sống ở khu Nhà thờ và làm nghề bán cháo không? Có phải bố anh đã từng là phó chủ tịch đầu tiên của thị trấn đó không? Nào, anh hãy nói đi. Bởi vì tôi có thể khẳng định với anh rằng, chiếc dây chuyền này là của tôi. Nó là vật gia bảo. Tôi đã tặng nó cho một đứa trẻ trước khi vô trong đây. Không hiểu sao tôi cứ nghĩ rằng anh chính là đứa bé đó, đứa bé mà tôi đã tặng chiếc dây chuyền này? Thế nào? Anh không xác nhận được cho tôi một thông tin nào à?

Im lặng.

- Nếu không đúng như vậy thì thôi. Đêm nay người của tôi sẽ đưa anh ra bìa rừng trả anh về với người ở phía bên kia. Ngay sau đây tôi cũng sẽ về Sài Gòn. Tôi còn nhiều công chuyện cần phải giải quyết ở trên đó. Anh đồng ý với cách làm đó chứ?

- Nếu tôi xác nhận những thông tin mà ông vừa nêu thì sao?

Người đàn ông có vẻ hơi ngỡ ngàng, nhưng mắt ông ta ánh lên niềm vui mừng.

- Thì tôi sẽ có thêm nhiều thông tin mới cho anh, ví như bà ngoại anh hiện giờ ra sao chẳng hạn? Nhưng trước mắt, việc quan trọng hơn là tôi sẽ chữa cho anh khỏi cái chân kia đã. Anh có thể an tâm được rồi chứ?

Cái dây chuyền vàng mợ bắt Minh Việt mang theo không ngờ lại giúp ích cho anh trong lúc này. Vàng bạc xưa nay vốn gắn với người, bện hơi người, là mồ hôi nước mắt của con người. Mợ nghĩ rằng số vàng bạc đó là của mẹ Mến. Mẹ Mến chết rồi, nó thuộc về Minh Việt. Minh Việt vào chiến trường rất có thể cũng sẽ chết. Như vậy ai dám dùng số vàng đó mà chi tiêu? Mợ đã bắt Minh Việt phải mang nó theo. Bây giờ vào đây Minh Việt mới lại lơ mơ nhận ra chiếc dây chuyền vàng này không phải do mẹ Mến làm ra mà của người đàn ông mặc áo túi vuông tặng cho một đứa trẻ nào đó, đã lâu lắm rồi. Đứa trẻ đó có phải là Minh Việt không? Chịu! Không ai trả lời được câu hỏi này vì mẹ Mến và bà Quán đã chết. Bố lại càng không biết vì Minh Việt về với ông thì cái dây chuyền đã có sẵn trong bọc quần áo. Vậy chỉ còn chính ông ta, cái người mặc áo túi vuông ấy sẽ cho biết chính xác chiếc dây chuyền ấy từ đâu mà ra, và vì sao lại thuộc về Minh Việt?

Nhưng phải rất lâu sau Minh Việt mới gặp lại được người đàn ông ấy. Khi đó ông ta đang là tù nhân của chế độ mới. Nhờ ông ta Minh Việt biết vì sao mà anh có chiếc dây chuyền vàng. Cũng theo lời chỉ dẫn của ông mà Minh Việt tìm được đến mộ bà ngoại. Bà Cả Ngật vào Nam được hơn chục năm thì chết. Người lo tang ma cho bà chính là người lính thất trận trên chuyến tàu quân sự rời cảng Hải Phòng năm nào. Người lính thất trận ấy có tên là Tuấn Thành. Khi Minh Việt gặp ông ở rừng su ông đang là dân biểu và có chân trong Ủy ban thương mại của Quốc hội *Việt Nam cộng hòa*. Cái

quốc hội của ông đang trong quá trình hấp hối nên ngay hôm sau ông phải có mặt ở Sài Gòn. Và ông không còn có dịp quay trở lại khu rừng cao su ở miền Đông Nam Bộ ấy nữa. Chân của Minh Việt chưa lành hẳn thì những công nhân ở đây đã liên hệ để trả anh về với đồng đội của anh.

Chỉ mấy tháng sau cả khu rừng cao su trở thành bãi chiến địa.

Và từ bãi chiến địa ấy, đơn vị của Minh Việt đã tiến về giải phóng Sài Gòn.

PHẦN 3

Hiện hữu

Chương 9

Minh Việt quyết định quay trở về An Lạc sau hai mươi ba năm xa cách.

Thực ra trong hai mươi ba năm đó Minh Việt cũng đã đôi ba lần về An Lạc nhưng chỉ là về chơi, thăm bà, bố, mẹ và các em. Còn lần này, Minh Việt về hẳn. Về cùng với một đứa con gái lên mười.

Đón Minh Việt ở Ga Hà Nội là thằng Đình và một cậu thanh niên ngoài hai mươi tuổi.

Đình tự lái xe ô-tô đưa mọi người về An Lạc.

Đình trước theo nghề công an, nhưng rồi chuyển ngành sang làm giám đốc một công ty thương mại của thành phố. Điều này Minh Việt đã biết.

Thời sinh viên, Đình luôn khát khao có được một chỗ ngồi trên chiếc xe buýt chạy đường dài. Chưa bao giờ Đình có đủ tiền để mua một chiếc vé về quê vào những dịp nghỉ hè hay nghỉ tết. Mà thời ấy chuyển xe nào cũng là chuyển xe bão táp, chuyển tàu nào cũng là chuyển tàu giông gió. Thân kiếp của một thằng sinh viên nghèo thường phải nhảy tàu nhảy xe như Đình ngày ấy thật khốn nạn. Sau này Đình vẫn thường tổng kết rằng: trên đời sợ nhất là đi xe thời bao cấp! Điều này Minh Việt cũng biết.

Bây giờ một mình một xe, tự lái lấy, đường trải nhựa êm ru, chắc Đình đã thỏa nguyện khát vọng thời trai trẻ?

- Nhà em không chịu được xe lạnh. Cứ ngồi lên năm phút là say bác Việt ạ. Con nhỏ nhà bác có chịu được xe không? - Xe ra khỏi thành phố rồi, Đình mới quay sang trò chuyện với Minh Việt.

- Đây cũng là lần đầu tiên cháu đi xa. Mấy ngày đi tàu không thấy cháu bị sao cả. Chắc chịu được. Bố, mẹ vẫn khỏe chứ chú?

- Khỏe! Sau khi nhận được thư bác, bà cứ giục bọn em phải thúc anh về. Bà bảo về ngoài này mấy anh em quần tùm lầy nhau chứ bác ở trong ấy có một mình, lại ốm đau bệnh tật thế, ở làm gì? Thế bác giải quyết xong hết chưa? Nhà bán rồi chứ?

- Bán rồi. Đúng là chẳng còn gì lưu luyến với cái đất ấy, chỉ thương con Ly không chịu được khí hậu ngoài Bắc thôi.

- Ôi dào! Rồi quen tất.

- Vợ chồng cái Ánh thế nào?

- Bình thường. Anh ấy còn công tác. Chị ấy nghỉ hưu rồi.

- Còn cái Vân?

- Chuyện cái Vân và thằng Đức thì buồn lắm. Thư thả rồi bác tìm hiểu.

- Thế bây giờ ai ở với bố, mẹ?

- Thằng út đây.

Thì ra cậu thanh niên này giờ vẫn ngồi yên lặng bên Minh Việt là cậu út Đạo. Nó ra đời vào đúng ngày Minh Việt lên đường vào chiến trường. Mấy lần Minh Việt ra Bắc sau này nó còn rất nhỏ. Bây giờ thì nó đã là một chàng trai rồi. Lúc ở ga tàu Minh Việt thấy nó mặc áo ký giả, tóc nhuộm màu râu ngô, tai cắm ống phôn, miệng nhai kẹo cao su lại tưởng là nhân viên lái xe của Đình. Ai ngờ cái thằng nhỏ gầy nhách ngày nào bây giờ lại trở mã thời thượng thế này!

- Anh còn nhớ lá thư em gửi cho anh cách đây mười ba năm không? - Thằng Đạo gỡ phôn ở tai nghe ra, quay sang hỏi Minh Việt.

- Còn. Thư xin cá khô.

- Ngày ấy anh có khen là em viết thư hay, câu chữ gãy gọn dù mới chỉ học lớp bốn. Thế mà bây giờ câu chữ là cái nghiệp của em rồi đấy.

- Vậy hả? Tức chú là nhà báo? Sao bữa trước nghe nói chú học ngoại ngữ cơ mà?

- Em viết mấy cái truyện ngắn, được giải của báo *Trẻ*, ra trường họ xin em luôn. Bây giờ em là trưởng đại diện của báo *Trẻ* ở các tỉnh miền duyên hải.

- Nghề nghiệp của chú ấy như thế là cũng được, bác Việt ạ - Đình tiếp tục tham gia vào chuyện của hai người - Chỉ có điều thằng này nó không hợp với ông nhà mình. Em về lần nào cũng thấy ông phàn nàn về nó.

Sau này Minh Việt có dịp hiểu kỹ hơn về Đạo. Tạm thời hai bố con Minh Việt ở cùng phòng với Đạo. Vẫn là ngôi nhà cũ ở đường Tứ Phủ nhưng bố mẹ xây lên hai tầng. Tầng một bà và bố, mẹ ở. Tầng hai dành

một phòng để thờ, một phòng cho cụ Đạo. Ngoài ra còn có một cái ban công rộng để bộ ghế mây, thỉnh thoảng bố hoặc cụ Đạo tiếp khách ở đó. Minh Việt bảo:

- Nhà mình bây giờ hóa ra lại rộng nhỉ?

Mợ cười, gật gật đầu:

- Anh chẳng về trước đây một tháng mà xem! Nhà này cứ như cái trại tị nạn. Mẹ con con Vân này, thằng Đức này, cụ thì lần này, thằng Đạo thì như cái giống dở người, ối giờ ời, lăm hôm đến là đau đầu, tưởng phát điên lên được.

Cách nói của mợ vẫn không thay đổi. Lúc nào cũng nghiêm ngặt nhưng thiện tâm. Cả bố và mợ đều nghỉ hưu rồi. Họ đều đã bước qua tuổi lục thập. Coi như đời người đã ngã chiều.

Chóng vánh làm vậy.

Mà cũng phù du làm vậy!

Minh Việt bây giờ là một gã đàn ông ngoại tứ tuần, còi cọc, ốm yếu, da xanh má, tóc rụng thưa, chỉ có đôi mắt là vẫn giữ nguyên nét đẹp u uẩn, buồn như hai thác nước đổ dưới màn sương.

Chàng trai Minh Việt khỏe đẹp của phố Tứ Phủ ngày nào giờ đã đổi thay quá nhiều. Chính Minh Việt cũng không nén được sự buồn tủi khi nhìn dáng hình mình trong gương. Trước đây Minh Việt đâu có thế này? Sau giải phóng Minh Việt cũng đâu có thế này? Cả chục năm lênh đênh trên biển Minh Việt cũng đâu có thế này? Khi nhận được thư của cậu em út gửi từ ngoài Bắc vào, Minh Việt khi ấy còn đang là một thủy thủ lực lưỡng, vạm vạp sóng giạt cấp chín, cấp mười vẫn đi lại trên boong tàu như không. Vậy mà chỉ ngay sau đó thôi. Ngay sau khi ra bưu điện gửi thùng cá khô nặng một yến rưỡi về cho bố mợ, trở lại tàu Minh Việt thấy người hâm hấp nóng và cứ thế thân nhiệt không lúc nào giảm xuống dưới *ba chín* độ. Minh Việt phải rời tàu lên nằm ở trạm xá của Xí nghiệp. Rồi từ trạm xá lại chuyển sang bệnh viện. Bạn bè thủy thủ tới thăm. Cả ban lãnh đạo Xí nghiệp cũng tới động viên, an ủi. Ai cũng nắm tay Minh Việt thật chặt và bảo: “Cố gắng nằm viện ít hôm, khỏe rồi lại về với Xí nghiệp, về với anh em”. Nhưng bệnh viện có phát hiện ra được bệnh gì đâu! Người bệnh cứ sốt kéo dài, ăn

gì nôn ảỵ, cơ thể lúc nào cũng thấy ớn lạnh. Đến khi dừng sốt, thân nhiệt quay trở lại *ba mươi bảy* độ thì Minh Việt phải mang trên mình một hình hài khác. Tóc Minh Việt đã bạc hết. Tất cả các bắp thịt trên người anh bay biến đi đâu cả. Người anh sòm xuống, lúc nào cũng mệt mỏi và không còn làm được việc nặng nữa. Xí nghiệp cho Minh Việt về nghỉ mất sức. Vậy là sau gần chục năm làm việc, tính cả những năm tháng quân ngũ trước khi chuyển ngành, vốn liếng mà Minh Việt tích góp được không nhiều nhận gì ngoài căn hộ tập thể nằm trên tầng hai trong một con hẻm ở quận Một. Một chàng trai Bắc Kỳ không còn trẻ nhưng chưa già, chưa vợ con, xa gia đình, không người thân, lại ốm yếu bệnh tật biết tồn tại thế nào đây giữa lòng thành phố phương Nam xa xôi ấy?

- Sao anh không ra Bắc ngay sau đó?

Sau này chính từ miệng cu Đạo đã hỏi anh câu đó. Ủ, tại sao anh không quay ra Bắc ngay sau đó, khi sức khỏe đã trở nên tồi tệ như thế? Không, anh không thể trở lại An Lạc trong một tư thế buồn nản như vậy được. Anh là anh cả của gia đình, sự thoát ly của anh đồng nghĩa với niềm hy vọng tươi sáng cho cả nhà. Anh chưa giúp được gì cho bố, mẹ, chưa giúp được gì cho các em. Những năm tháng khổ nhất của thời bao cấp chút cá khô mà anh gửi về còn là niềm vui khôn xiết của cả gia đình kia mà! Làm sao anh dám trở về trong dáng hình tàn tạ với hai bàn tay trắng và một tương lai mờ tối như thế dù biết rằng đã là đòn giáng của số phận thì không ai có thể tránh được. Anh đã cố bám víu ở lại đất Sài Thành bằng một cái nghề, nói ra thì hơi buồn lòng, nghề bán trà Bắc. Người Bắc ở trong đó thềm chén trà Thái ở ngoài này và họ phải đi tìm hương vị của nó ở những quán cóc vỉa hè như của anh. Một cái ấm to lúc nào cũng ủ nóng. Một cái phích nước đầy. Một chiếc điều cày. Một cái xô nhựa nhỏ. Chục chiếc chén da tru. Dăm ba cái ghế con. Và một góc ngòỉ phố xá. Thế là anh có công việc mới. Có thu nhập mới. Cũng giống như cắt tóc hay bơm vá xe đạp vậy. Nó phù hợp với sức khỏe của anh. Và anh quen dần với nó.

Đêm đầu tiên và rất nhiều đêm sau Minh Việt kể cho cu Đạo nghe chuyện đời mình khi con bé đã ngủ. Con bé nhỏ nhắn, xinh đẹp, lễ phép, lại nói thứ giọng miền Nam vô cùng dễ thương nên chú Đạo yêu lắm. Đạo bảo

với Minh Việt: “VẬY mà anh vẫn gửi tiền về đều đều. Chỉ có thư là ít viết. Sau này chị Ánh, anh Đình đi làm rồi, anh vẫn còn gửi tiền về. Mẹ bảo bố rằng nói với nó đừng gửi tiền về nữa. Lo mà cưới vợ đi. Và anh đã cưới vợ nhưng ngoài này không ai biết gì cả. Bố mẹ trách anh lắm. Nhưng sau này, qua bác Tuấn Thành, cả nhà đã biết chuyện của anh. Riêng em, em không hiểu. Tại sao lại như thế?” Em không hiểu được đâu tại vì em còn trẻ lắm. Em chưa thấy hết được sự kinh khủng của một người đàn ông sống trong nỗi cô đơn cùng bệnh tật đeo bám. Cái góc quán của anh ngồi nhìn sang một khách sạn. Đêm đêm có nhiều cô gái tìm đến ký sinh nhờ ánh đèn sáng trắng hắt ra từ tòa nhà đó. Có một người đàn bà hương đã tàn, sắc đã phai cũng tìm đến cái khách sạn đó để bán những thứ có thể bán được trên cơ thể mình. Nhưng những thứ cô ấy rao bán bị người đời hờ hững. Không bán được thì cô ấy không có cái ăn. Cô ấy đã uống nước trà của anh để sống cho qua ngày. Nhiều lần như thế. Có một lần cô ấy nhịn đói suốt mấy hôm liền. Ba ngày bụng cô ta chỉ chứa toàn nước trà và cô ấy đã ngất xỉu ngay khi cầm chén nước thứ mười ba mà anh vừa đưa cho. Cũng là cái kiếp người mà sao lại khổ thế? Trước đây cô ta cũng có chồng có con. Nhưng chồng con cô ta kịp di tản trước giải phóng còn cô ta vì mãi một chuyến buôn bán ngoài Đà Nẵng nên bị kẹt lại không đi được. Anh đã đưa cô ấy về căn hộ tập thể của mình. Từ hôm ấy anh là người có vợ. Cũng từ hôm ấy sự sống của bé Ly được hình thành.

Ừ, có lẽ chỉ nên biết đến thế thôi chú út ạ. Mà sao chú ghi chép gì mà nhiều thế? Thì vẫn biết chú là nhà báo. Vẫn biết chú viết văn. Nhưng chẳng lẽ chú lại định viết chuyện về cuộc đời anh? Có gì đâu để mà viết nhỉ? Mà nhà mình có ai theo nghiệp văn chương đâu, sao chú lại có cái gien đó nhỉ? À đúng. Đúng rồi, thời thanh niên bố đã từng làm thơ. Chẳng lẽ đó là sự khởi đầu cho cái gọi là di truyền đời văn của chú? Mà chú viết những cái gì? Bằng tuổi chú anh chưa viết nổi một câu văn gãy gọn đâu. Văn chương của chú lại còn được giải nữa kia! Thế thì giỏi lắm, tài lắm và rất ngạc nhiên với anh đấy. Chú cho anh đọc những cái chú viết có được không? Anh sẽ đọc ngay. Chú khiến anh tò mò rồi đấy, chú Đạo ạ.

Cu Đạo đưa cho Minh Việt một tập sách mới xuất bản, trong đó in mười cái truyện ngắn. Đạo chỉ vào hai cái truyện và bảo: “Đây, em được giải bởi hai cái này, toàn chuyện gia đình mình cả thôi”.

Hôm sau Minh Việt đóng cửa phòng nằm đọc hết hai cái truyện được giải. Chuyện thứ nhất có đầu đề là “Bố và anh trai”. Câu chuyện được viết như sau:

Gia đình tôi sống ở thị trấn An Lạc. Bố tôi tên là Bình. Ông cao một mét sáu mươi năm, người tầm thước, tính tình hiền lành, ít nói. Bố tôi có tất cả sáu người con. Tôi là con út. Anh trai cả tôi đi bộ đội đánh Mỹ, sau giải phóng chuyển ngành về làm ở một xí nghiệp đánh cá quốc doanh trong miền Nam. Tôi hầu như không biết mặt người anh cả này. Khi tôi còn nhỏ anh có về nhà đôi ba lần nhưng trí óc non nớt của tôi không ghi nhớ được điều gì về anh. Tuy nhiên tôi vẫn thường tự hào với bạn bè là tôi có một người anh trai làm thủy thủ. Tôi đã có lần viết thư cho anh. Sau khi tôi viết thư đi được một tháng cả nhà tôi vui như tết vì được anh gửi cho tới hơn một yến cá khô. Ngày ấy cả nước đang sống trong thời bao cấp. Gia đình tôi không thiếu lương thực nhưng rất thiếu thực phẩm. Với tôi những bữa cơm không có thức ăn luôn là điều ám ảnh sợ hãi. Tôi không thể nào quên được món tôm kho của mẹ. Ba lạng tôm có lẽ phải đi kèm với sáu lạng muối. Có nghĩa là cứ mỗi con tôm phải cộng trên mình nó một lượng muối nặng gấp đôi. Mỗi một con tôm như thế có nhiệm vụ áp tải một bát cơm đầy đi từ ngoài miệng vào trong dạ dày của tôi. Tôi kinh hãi những con tôm được bao bọc quanh mình đầy một thứ tinh thể trắng nhờ, mặn chát đó. Và một lần nhân dịp mẹ tôi sang nhà hàng xóm chơi, tôi đã đổ cả bát tôm vừa kho xong vào chậu nước nóng. Tôi dùng đũa ngoáy đều cho những hạt muối trên mình tôm hòa tan trong nước, sau đó tôi vớt tôm ra rá, vẩy cho khô nước rồi lại đổ vào bát nguyên vẹn như cũ. Bữa cơm chiều hôm ấy, cả nhà ăn hết vèo bát tôm đáng lẽ phải để dành cho cả ngày hôm sau nữa. Mẹ không nói gì, chỉ lẳng lặng ngồi nhìn tôi nhai rau rầu những con tôm đã được rửa hết muối bám xung quanh. Tối hôm ấy, mẹ bảo tôi: “Cả ngày mai nhà mình sẽ phải ăn cơm với nước mắm, con đã muốn thế thì mẹ sẽ chiều”. Tôi bảo: “Nhưng mẹ ơi, tôm mẹ kho mặn lắm, con không ăn được”. Mẹ

cười buồn: “Mẹ sợ rồi không còn cái măn măn, đằm đằm ấy để mà đưa cơm nữa cơ con ạ”. Tôi hỏi: “Sao lâu lắm rồi không thấy anh Việt gửi cá khô về mẹ nhỉ”. Mẹ bảo: “Con thử viết thư hỏi anh ấy xem”. Và tôi đã viết thư. Và anh Việt, tức anh cả tôi, người anh làm thủ thủy vô cùng mến yêu của tôi đã gửi cả yến cá khô về. Trong suy nghĩ thầm kín của tôi, tôi luôn cho rằng công lao của tôi rất lớn. Cá khô rất ngon. Lạc thịt mà lại không mặn. Chắc anh Việt tôi đã lựa chọn cho tôi thứ cá ngon nhất để gửi về? Người anh yêu quý ấy của tôi ngày ngày vẫn đang đi trên biển lớn bằng con tàu to mà tôi vẫn được nhìn thấy ở trên phim ảnh. Tôi tha hồ tưởng tượng về anh với vô vàn những điều hay ho, và tôi kể những điều hay ho đó cho mấy thằng bạn cùng xóm phố với mình. Thật không ngờ, có một thằng bạn ở gần nhà tôi bảo rằng: “Đó không phải là anh mày. Mẹ mày không để ra anh ấy. Anh ấy không bao giờ thèm về ở nhà mày đâu!”. Tôi tức điên lên. Tôi hỏi mẹ. Mẹ bảo: “Ừ, mẹ xin anh ấy về nuôi từ khi còn rất nhỏ. Con và anh ấy vẫn là anh em. Không sao cả. Đừng nghe người ngoài nói lung tung. Anh Việt nghe thấy anh ấy sẽ buồn”

Nhưng “người ngoài” không chịu dừng những lời nói “lung tung” lại. Họ bảo: “Mẹ mày là dì ghẻ, đối xử với nó chẳng ra gì nên nó không bao giờ dám quay trở về nhà nữa”. Tôi đành hỏi bố. Bố bảo: “Con còn nhỏ, đừng hỏi chuyện đó làm gì. Lớn lên rồi con sẽ hiểu”

Bố tôi làm chủ tịch thị trấn được đúng một năm thì nghỉ hưu. Tính ra thị trấn tôi ở từ ngày hòa bình lập lại đến nay tất cả đã bốn lần tách, nhập. Khi thì nhập vào với huyện Lãng Tiên, lúc lại nhập với Hải Phòng, rồi lại tách ra, lại chia nhỏ thêm nữa... Bác Mộc bạn bố tôi lúc thì làm chủ tịch, lúc thì làm bí thư, cho đến lúc nghỉ hưu lại vẫn là bí thư. Người dân thị trấn đùa rằng bố tôi và bác Mộc là hai ông quan chặm tiến nhất của đất An Lạc. Vì rằng bác Mộc khởi đầu quan nghiệp cho đến lúc về hưu, ba mươi năm năm cả thầy, không lên được một cấp. Bố tôi thì sau ba mươi sáu năm mới tiến được từ chức phó chủ tịch đến chức chủ tịch, mà cũng chỉ là chức quá độ để cho một lớp lãnh đạo khác lên thay thế. Lúc này tôi đã lớn. Đất nước đã thoát ra khỏi thời kỳ bao cấp u ám và ảm đạm. Các anh chị tôi đều đã trưởng thành. Tôi có thêm một chị làm ở ngành lương thực - chị

Ảnh. Lại có thêm một anh làm công an - anh Đình. Gia đình tôi thuộc mẫu gia đình gia giáo và chuẩn mực của thị trấn. Tôi sẽ chưa quan tâm và tìm hiểu nhiều về bố tôi nếu như không có một hôm anh trai làm công an của tôi đi làm về, hốt hải tìm gặp bố. Tôi thấy hai người thì thầm điều gì đó, vẻ quan trọng lắm. Rồi bố tôi đi đi lại lại, nét mặt bần thần, nhăn trán nhíu mày, trông rất căng thẳng. Hôm sau tôi thấy mẹ đi chợ về sớm, lại sột soạt đóng gói cho anh Đình mang theo một bọc to. Anh Đình thường mang những cái bọc ấy đến một khu trại ở đằng sau núi Cô Hồn. Tôi vẫn nghe mọi người nói rằng khu trại ấy dùng để tập trung cải tạo những thành phần đặc biệt nguy hiểm, có nợ máu với nhân dân. Tôi chột giật mình: Hay anh cả tôi gây ra việc gì nên bị người ta bắt vào đấy rồi? Tôi hỏi bố, bố bảo: Ở đấy có một người trước kia là bạn bố, sau này người ấy làm đến chức đại loại như bộ trưởng của chế độ nguy. Tình xưa nghĩa cũ, bố gửi quà thăm nom thôi.

Mấy năm sau thì khu trại ấy giải tán. Tối hôm đó bố giao tôi đứng trước cửa nhà để trông chừng không cho ai vào. Anh Đình đưa người đàn ông vừa được ra trại đi lối cổng sau vào nhà. Chẳng biết bố tôi và người bạn vừa được cải tạo kia nói với nhau những gì, khoảng hơn một tiếng đồng hồ sau thì anh Đình đích thân dùng xe đạp chở người bạn bố sang bến xe bên Phòng để ông ấy đi vào miền Nam. Vài năm sau nữa bố tôi nhận được thư của “bác Thành”. Bác ấy đã sang Mỹ. Tôi vào đại học được hai năm, trong một lần về nhà chơi được bố cho biết cả nhà đang chuẩn bị đón bác Thành. Cuối cùng thì bác Thành cũng xuất hiện. Người đàn ông bí ẩn trong ký ức niên thiếu của tôi hóa ra lại rất đẹp. Ông có dáng dấp hao hao giống bố tôi nhưng hồng hào, phương phi hơn. Bố tôi bảo: “Bây giờ chúng ta có thể tiếp nhau đàn ông mà không còn sợ gì nữa. Những nợ nần với lịch sử chúng ta đã trả xong. Cả tôi và ông đều đều đã bạc. Nếu còn “cô đầu ngô Cấm” tôi với ông phải thuê một chuyến xích lô sang đó chơi mới được. Rõ ràng thời cuộc buộc chúng ta phải không nhận nhau mặc dù chúng ta là bạn và không ai muốn đánh mất tình bạn. Lịch sử nó thế, phải thế. Sinh ra trong đời chẳng ai tránh được bão táp cuộc đời. Ông Thành nhỉ?”

Bác Thành bảo: Lúc nào tôi cũng ơn ông. Không có ông dòng họ tôi tuyệt tự. Chính vì thế tôi không hận chế độ này. Tôi luôn cho rằng tôi là nạn nhân của lịch sử. Mà lịch sử thì chẳng nên trách móc làm gì. Người có “phận”, nước có “vận”. Tránh sao khỏi được “vận” ông nhỉ?

Bố bảo: Chẳng con tôi cũng nhờ tay ông mà sống sót. Ông là người biết lịch sử của nó hơn chính nó đấy?

Bác Thành ngạc nhiên:

- Thế nghĩa là sao?

- Là vì mẹ nó chết khi nó được độ năm, sáu tuổi gì đó. Sau này tôi mới nhận nó về nuôi. Thời thơ ấu của nó tôi không rõ lắm.

- Tại sao ông lại không nhận mẹ con chị ấy sau ngày hòa bình lập lại?

- Chỉ có thể giải thích rằng tôi là con người nên cũng có những lúc tôi hành động thấp hèn. Tôi không yêu cô ấy nhưng tôi đã thực sự thiếu trách nhiệm, dám làm nhưng không dám chịu. Sau này tôi ân hận nhiều về chuyện ấy. Cũng phải mất cả một đời người mới hiểu ra những việc làm của mình là đúng - sai! May mà vợ tôi cũng tốt bụng. Nhưng dù thế nào thì tâm hồn thằng bé cũng chịu nhiều thương tổn. Phải chăng vì thế mà không thấy nó lấy vợ? Cũng đã lâu rồi nó không về đây. Không biết nó có hận tôi không?

Bác Thành hơi nhăn mặt một chút rồi sau đó hạ giọng, khẽ khàng:

- Nó lấy vợ rồi. Và có một đứa con gái. Có lẽ nó bị hậu quả chất độc chiến tranh nên sức khỏe sa sút ghê lắm. Tôi đã không giữ lời hứa với nó khi nói cho ông nghe chuyện này. Nó không muốn mọi người coi là một gánh nặng cho gia đình. Nó không hận ông. Nó có quan niệm giống tôi. Người có phận, nước có vận, không trách lịch sử vì không ai chọn được cho mình lịch sử để nương phận.

Bố tôi nghe đến đây bỗng ngã ngửa ra sau ghế, hôn mê bất tỉnh. Bố tôi đã sốc khi biết tin anh cả của tôi không phải là thủy thủ đang lênh trên đại dương cùng cánh buồm đỏ thắm mà chỉ là một anh bán nước trà rong bên vỉa hè Sài Thành. Lại còn bệnh tật. Lại còn nhiễm chất độc hóa học từ thời chiến tranh. Sao bao nhiêu bất hạnh đều chọn một anh tôi mà đổ vào

thế? Sao bao nhiêu bất hạnh đều chọn người con riêng của bố tôi mà đổ vào thế?

Tất nhiên bây giờ thì tôi đã hiểu quan hệ giữa tôi và anh cả là như thế nào? Tôi với anh cùng cha khác mẹ. Tôi cũng đã hiểu thêm về bố tôi. Hãy tạm bỏ đi cái chức vụ chủ tịch một thị trấn nhỏ như An Lạc này, bỏ đi cái lý lịch oai hùng trận mạc một thừa của ông, bỏ đi bao nhiêu danh hiệu cao quý mà ông treo trên tường kia nữa, sẽ thấy ông hiện lên là một con người đầy rẫy những mâu thuẫn và cũng đáng thương như bao số phận khác mà thôi. Ông đã cứu bác Thành trên đường đưa đi xử tử. Ông đã dan díu với mẹ của anh cả tôi trong khi bị thương sau một trận đánh lớn. Sau này bác Thành lại cứu anh Việt tôi cũng sau một trận đánh. Quá khứ của ông phức tạp hơn tôi tưởng. Bảy mươi năm của một đời người chất chứa biết bao chuyện buồn vui. Bảy mươi triệu dân trên đất nước này sẽ là bảy mươi triệu pho tiểu thuyết vô cùng sống động. Có lẽ tôi phải cầm bút và phải làm nhà văn thôi.

Nhưng tôi sẽ cố gắng khác ông, người bố yêu quý của tôi. Ít ra là tôi sẽ dám nhận về mình những điều tôi thích hoặc không thích, yêu hoặc không yêu, làm hoặc không làm.

Tôi sẽ khác bố tôi.

Nhưng dù thế nào thì tôi cũng chỉ là sự thoát thai từ ông mà thôi.

Đọc xong mẩu chuyện, Minh Việt thấy lòng mình chùng xuống. Thì ra viết văn là như thế này đây. Lớp người hậu sinh sẽ không thôi tìm hiểu về quá khứ của người thân họ. Mừng thay họ nhìn nhận lịch sử bằng đôi mắt khá công tâm. Chú út đã thực sự làm Minh Việt ngạc nhiên. Anh hào hứng đọc tiếp chuyện thứ hai. Chuyện này có tên là “Chị Vân”. Câu chuyện được viết như sau:

Tôi có hai người chị gái và ba người anh trai. Xếp theo thứ tự chị hai tên là Ánh, chị tư tên là Vân. Chị Ánh hiền lành, ít nói, tính tình nhu mì, cẩn thận. Sau khi anh cả tôi đi bộ đội được vài năm thì bố tôi xin cho chị vào làm ở ngành lương thực. Bố tôi tính toán rất chi li, cặn kẽ. Nhà đã có người làm công an, bộ đội rồi, phải có người làm lương thực, làm tài chính, làm thủy thủ tàu viễn dương và làm ngoại giao. Anh cả tôi là bộ đội,

anh ba tôi là công an, chị Vân được hướng cho vào học trường tài chính kế toán, anh năm sẽ học trường hàng hải và tôi sẽ học trường ngoại ngữ.

Bố tôi đã tính đúng và cơ bản mọi sự cũng diễn ra đúng như cách tính toán của ông. Chị Vân tôi rất xinh đẹp. Cả phố Tứ Phủ không ai đẹp bằng chị. Mười ba tuổi chị được giải nhất về múa khối học sinh cấp hai. Mười sáu tuổi chị đoạt giải nhất ngâm thơ khối học sinh cấp ba. Chị thích ca hát, thích được làm văn công. Mười bảy tuổi chị theo bạn bè đi thi và trúng tuyển vào Đoàn văn công Quân khu Tả ngạn. Khi chị cầm giấy báo về bị bố tôi cho một bạt tai vì “ai bảo mày làm cái nghề con hát mà mày lại cứ thích nhõ nhăng?”. Chị Vân đành bỏ mộng văn công, tiếp tục học cho hết cấp ba rồi thi vào trường Trung cấp tài chính kế toán đúng như định hướng của gia đình. Tôi là em út trong nhà nên được xếp ngủ chung với chị Vân. Tôi rất tự hào về người chị xinh đẹp của mình. Rất nhiều người đến tán tỉnh chị và tôi được họ chiều chuộng hết mực. Họ thường đứng đón tôi ở đầu phố sau buổi học để hỏi thăm về chị Vân. Có người nhờ tôi chuyển thư, chuyển quà hoặc chuyển một lời nhắn nhủ gì đó cho chị. Trả công cho những việc làm đơn giản đó tôi thường nhận từ họ nào lạc rang, kẹo kéo, bánh bích quy, quả khế, múi bòng hoặc vài ba quả bàng chín. Nhưng tất cả những người theo đuổi chị Vân đều không phải là đối tượng mà chị quan tâm. Chỉ tôi biết được người yêu lý tưởng của chị là ai. Chị rất thích đọc truyện hình sự và mẫu người chị thích là những tên tướng cướp hào hoa, phong trần, bị hoàn cảnh xô đẩy và cuối cùng hướng thiện. Chị bảo chỉ có những tên cướp mới có tình yêu và sẵn sàng chết vì tình yêu. Một lần có một chiếc xe tù dừng lại trên phố Tứ Phủ để người áp tải và lái xe vào quán nghỉ ăn trưa. Bọn trẻ chúng tôi đứng dưới lòng đường nhìn lên, qua tấm lưới mắt cáo bịt sau xe, thấy lỗ nhố vài ba khuôn mặt xanh xao, vàng vọt. Họ là những phạm nhân bị dẫn giải từ trại này sang trại khác. Đa số họ đều rất trẻ. Tuy tóc cắt trọc, áo một màu xanh nhạt có đánh số tù, tay còng chung khóa số tám nhưng vẫn có vài ba khuôn mặt khá ưa nhìn. Chị Vân tôi cũng ra đứng xem. Và chị có tranh thủ bắt chuyện được với một anh chàng phạm nhân ngồi ngoài cùng, ngay sát tấm lưới mắt cáo. Tôi không để ý chị nói chuyện gì với anh ta, chỉ thấy anh ta dùng tay còn lại không bị

còng lục trong chiếc túi vải lấy ra một quyển sổ mỏng nhét xuống dưới khe hở bên thành xe. Chị Vân đỡ lấy cuốn sổ đó. Và ngày hôm sau, qua miệng chị, tôi biết là hôm qua trong xe tù có một tên cướp thư sinh có học vấn, có chí khí, có con tim ứa lệ yêu thương. Chị đưa cho tôi xem quyển sổ mỏng của người phạm nhân mà chị đã trò chuyện. Tôi thấy chữ viết trong sổ rất đẹp, các trang đều viết thơ hoặc trích dẫn những câu phương ngôn có thay đổi đi ít nhiều, kiểu như “Thà một phút huy hoàng rồi chợt tắt/ Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm” hoặc “Anh hùng ắt mang thân tù tội” hay “Giang hồ gãy cánh không rơi lệ/ Gông cùm chẳng thối chí nam nhi”... Nhìn chung cuốn sổ trình bày đẹp, nét viết tài hoa, bay bướm. Câu chữ đọc lên khá xúc động, có thể gây được chút cảm hoài nào đó với những người có tâm hồn đa sầu đa cảm. Đọc những dòng chữ ấy chị Vân tôi hình dung ra ngòi trong xe tù không phải là những tên trộm cướp tầm thường mà là những anh hùng sa cơ, những hảo hán thất vận, những đại ca mắc bẫy, những kẻ giang hồ gặp bước truân chuyên. Cuốn sổ ấy làm chị Vân rưng rưng mất mấy ngày. Tôi hiểu chị, thương chị nhưng chẳng thể nào can thiệp được vào cái sự nghĩ suy rất trúc trắc và khác người ấy của chị.

Vào đến năm cuối của trường trung cấp, dùng một cái chị theo bạn bỏ nhà đi vượt biên. Chị sang đến Hồng Kông sau mốc (thời hạn Liên Hiệp Quốc không tiếp nhận người tị nạn nữa) chỉ có chín ngày. Chín ngày ấy đã biến thành chín năm chôn vùi tuổi xuân của chị trong trại tị nạn. Thư chị viết về kể khá chi tiết quãng đường vượt biển của mình. Nào là đoàn tàu phải tạt vào chân giàn khoan dầu khí đổi vàng lấy nước ngọt, nào dạt vào đảo tránh bão và phải mò ốc biển nấu cháo với rau rừng ăn qua ngày, nào chia nhau từng sợi mì tôm nát bét cùng những vụn bánh mì ngấm nước biển, nào chân vịt bị gãy phải vét đến đồng tiền cuối cùng của tất cả mọi người trên tàu để mua chân vịt từ một tàu nước ngoài khác, nào đói khát, nào say sóng, nào nhớ nhà, thương bố mẹ và các em...

Những lá thư sau là tình hình các thuyền nhân tìm mọi cách để được Liên Hợp Quốc thừa nhận là tị nạn chính trị. Phải là tị nạn chính trị thì mới được đi nước thứ ba, mới tới được thiên đường. Còn nếu không chứng minh được điều ấy sẽ bị coi là tị nạn kinh tế. Mà tị nạn kinh tế thì sẽ bị trả

về nước và Liên Hợp Quốc sẽ giúp cho vay vốn để làm ăn sinh sống ngay trên chính quê hương mình. Đã sang tới Hồng Kông rồi chẳng ai muốn quay trở về cả. Thế là ai cũng chuẩn bị cho mình một lý lịch lâm ly, bi khổ, ai cũng cố chứng minh rằng mình là tị nạn chính trị. Nghĩa là phải tự nhận gia đình mình có thâm thù với chế độ cộng sản, hoặc chứng minh bản thân là nạn nhân của các cuộc đàn áp tôn giáo, dân tộc, đa nguyên tư tưởng, phản kháng chế độ... Thanh lọc lần một. Thanh lọc lần hai. Rất ít người được thừa nhận như lý lịch tự khai. Hóa ra không phải cứ nhận phản động là người ta tin, cứ chửi đất mẹ là người ta nhận. Các thuyền nhân lại nghĩ ra cách biểu tình, tuyệt thực, rải truyền đơn, trích máu ký đơn kêu lên các tổ chức quốc tế để chống ép buộc về nước. Nhưng chẳng quốc gia nào muốn nhận những người bỏ nước ra đi kia nữa. Nếu nhận thì sẽ lại tạo nên những cuộc di dân mới và sẽ chẳng biết đến khi nào dòng người tị nạn mới hết chảy vào nước họ. Các thuyền nhân muốn đến được với thiên đường của mình chỉ còn có một cách duy nhất, ấy là theo con đường hôn thê. Các cô gái đua nhau nộp ảnh cho các tổ chức môi giới để họ giới thiệu cho những người đàn ông đang muốn tìm vợ. Các cô gái trẻ đẹp thường được chọn trước. Chị Vân tôi vốn xinh đẹp. Có nhiều mối muốn làm hôn thê với chị. Nhưng không hiểu sao chị nhất quyết không ra khỏi trại bằng con đường đó. Cho đến khi trại tị nạn cuối cùng ở Hồng Kông được dỡ bỏ, chị Vân về nước cùng với một đứa con trai tám tháng tuổi và một người chồng bị bắt ngay tại sân bay nước nhà thì mọi sự mới rõ ra. Chồng chị là một tên cướp nguy hiểm, trong khi thi hành án đã trốn trại vượt biên. Và bây giờ không còn nơi nào cho anh ta trốn chạy nữa, về nước, anh ta phải tiếp tục thi hành phần hình phạt còn lại của mình. Hình như còn ba năm bốn tháng nữa thì phải? Đây là chưa kể phải cộng thêm cái án trốn trại sau này!

Sau này tôi mới biết chị Vân tôi đã gặp và si mê anh chàng tướng cướp kia ngay khi đặt chân tới đất Hồng Kông và ở cùng nhau trong một trại tị nạn. Mẫu người dễ gây xúc động nhất trong chị đã xuất hiện, chả trách chị chẳng thể còn làm hôn thê được với ai!

Chị Vân đã liên tiếp gây khó xử cho bố tôi. Cho anh trai làm công an của tôi. Và ngay cả cho việc được xét đi học cảm tình Đảng hồi còn là sinh

viên của tôi nữa. Cũng may càng ngày cái nhìn của xã hội đối với những người vượt biên bỏ đất nước ra đi càng nhẹ nhàng hơn. Bố tôi vẫn công tác đến khi đủ tuổi thì về hưu. Nhưng ông đau lòng bởi việc ra đi của chị Vân đã làm hỏng hết mọi dự tính của ông. Đã vậy chị Vân lại trở về trong tư thế của người thất bại, của một đứa con “bôi tro trát trấu” vào mặt bố mẹ. Giá chị cứ thế mà đi hẳn sang nước thứ ba thì có lẽ bố tôi đỡ buồn, mẹ tôi đỡ tủi hơn. Đồi thừa nhà ai ái nữ của một chủ tịch thị trấn, xinh đẹp, khôn ngoan, có ăn có học lại bỏ nhà vượt biên “phản bội tổ quốc”, rồi lại dan díu với phường trộm cướp, bây giờ về nhà ôm con chờ đến ngày đến tháng vào trại giam tiếp tế cho chồng thì có nhục không, có đau đớn không, có tủi phận cho bậc làm cha làm mẹ không? Ấy thế nhưng chị Vân tôi lại chẳng lấy đó làm điều. Chị vẫn hồn nhiên ca hát, vẫn la cà hết nhà này sang nhà khác kể về những tháng ngày ở trại, những tính cách có một không hai của chồng. Rồi chị còn bảo: “Khi nào anh ấy ra trại, anh ấy sẽ làm hẳn một đám cưới to đón mẹ con cháu về bên Phòng”. Bố tôi đe, mẹ tôi mắng, rằng như thế là cái giống con nhà không có gia quy gia pháp, rằng lấy thằng chồng tù mà còn đi khoe với hết cả thiên hạ thì xưa nay có mày là một, rằng hay hóm gì cái chuyện vượt biên không thành mà cứ hơn hơn kể chuyện ở trại tị nạn cho hết thầy mọi người nghe, rằng đầu óc chẳng có ý thức chính trị gì cả, bố đảng viên, anh đảng viên, em đảng viên, lại đang là cán bộ nhà nước, thế mà cứ tô tô ra miệng những chuyện đi ở, chẳng biết giữ gìn cho gia đình, cho người thân, ấy là chưa kể cái lý lịch mày khai ở bên Hồng Kông nhem nhuốc những thứ gì nữa? Chị nghe chửi nhưng vẫn đầu đóng đậy. Tính khí chị vậy, làm sao mà thay đổi được?

Thế rồi ba năm bốn tháng cũng trôi cái vèo. Anh chàng tướng cướp của chị Vân tôi được miễn tố tội trốn trại nên chỉ phải bóc lịch có từng ấy thôi. Anh ra trại hôm trước thì hôm sau dẫn đầu một đoàn bảy thanh niên trẻ trung, khỏe mạnh, bê bảy mâm quả phủ vải đỏ sang nhà tôi xin hỏi cưới chị Vân.

Bố tôi cấm cửa không cho mang quả vào nhà. Ông bảo: “Tao cho không mày, cứ đón hai mẹ con nó về, bày trò làm gì cho thiên hạ người ta cười cho”. Anh chàng tướng cướp của chị Vân tôi bảo: “Nhưng Vân chưa

bao giờ được bước lên xe hoa, con muốn thực hiện mơ ước ấy của em Vân bằng cách đón Vân về nhà chồng bằng mười ba chiếc xích lô có lọng che”. Bố tôi bảo: “Anh mà làm nhảm nữa, tôi sẽ đuổi anh ra khỏi nhà”. Chồng chị Vân bảo: “Con làm tất cả vì tình yêu, con mang hoa đến nhà mình chứ có mang dao găm súng lục đến đâu mà bác đuổi con?”. Bố tôi bảo: “Thôi, tôi không cãi lý cãi tình với anh. Coi như tôi cho không anh đưa con gái và không đòi hỏi gì cả”. Chồng chị Vân vẫn cố nài: “Vậy trong số sính lễ con mang tới, bác nhận cho con mâm trầu!”

Thế là chị Vân về nhà chồng với đứa con trai đã gần năm tuổi. Chẳng có mười ba chiếc xe xích lô có lọng che đón rước như mơ ước thời con gái của chị. Hai vợ chồng chị mở một cửa hàng giày dép rất to. Cứ vài tháng anh rể tôi lại giục tôi đổi giày một lần. Tôi hỏi anh: “Ngày xưa anh cướp của người ta cái gì?”. Anh cười rất hiền: “Một đôi giày da ngoại. Nhưng bị chống cự. Thế là cho một nhát. Đi luôn quả thận”

Chị Vân tôi là thế. Có thể coi đó là một số phận có thăng trầm, có mảng miếng cho văn học. Trong chị không có một nét tính cách nào của bố hay của mẹ. Mẹ tôi nghiệt miệng nhưng thực tế, nhân hậu. Bố tôi cầu toàn, dĩ hòa vi quý, luôn tìm cách che chắn những giông gió cuộc đời. Thế mà chị Vân tôi lại lãng mạn dở hơi và không ngừng dội bom vào sự cầu toàn của bố. Biết làm sao được. Bố mẹ sinh con trời sinh tính. Sau này bố tôi đã phải thốt lên: “Ở đời, càng cầu toàn càng chẳng toàn! Càng co ro tránh rét càng rét!”

Rất lâu sau này tôi mới hiểu được điều ấy.

Đọc xong hai cái chuyện của cu Đạo, Minh Việt bỗng thấy thương bố quá. Thảo nào Đình bảo: “Chuyện của cái Vân và thằng Đức buồn lắm, có lẽ bố tổn thọ vì hai đứa này”.

Vậy là còn chuyện của thằng Đức nữa. Thằng bé đã làm nên nông nổi gì rồi? Từ hôm Minh Việt trở lại An Lạc đến giờ không thấy nó đâu cả. Hỏi vợ, vợ bảo: “Em nó đi làm ăn xa, vài ba tháng nữa mới về”. Có thật Đức đi làm ăn xa không hay vợ lại giấu Minh Việt điều gì đây?

Chương 10

Người bạn đầu tiên tìm đến chơi với Minh Việt là họa sĩ Tịnh.

Tịnh để tóc dài, đầu lúc nào cũng sùm sụp cái mũ lưỡi trai bằng vải dày. Trong chiếc túi may theo kiểu ba lô mà Tịnh mang bên người có thể tìm thấy cả tỉ thứ, từ dao cạo râu đến mẫu thuốc lá, từ nắm xôi ăn dở đến mấy bức ký họa trên trang vở học trò xé vụn, từ máy ảnh đến cần câu cá, từ chiếc quần bò rách nham nhở đến tuýp màu thừa, từ chiếc đài con đến lọ dầu gió, từ chiếc tấm tre đến chai rượu Napôlêông X.O. Tóm lại đó là chiếc túi của một người thường xuyên “sảy nhà ra thất nghiệp”, thường xuyên đi bụi, thường xuyên dẫn thân vào những đam mê nghệ thuật đầy ngẫu hứng và thất thường.

Tịnh đưa Minh Việt đến *Cô Hồn quán*. Quán nằm ngay dưới chân núi, bày xếp rất trang nhã. Đặc biệt, xung quanh quán có treo rất nhiều tranh. *Cô Hồn quán* chuyên về đặc sản rừng. Đây là một trong những quán ăn tư nhân đầu tiên ở thị trấn An Lạc, chính nó đã góp phần cáo chung ngành thương nghiệp kiểu cũ, cáo chung những “Cửa hàng ăn uống mậu dịch” nơi vợ Minh Việt từng công tác suốt mấy chục năm qua. Tịnh hất tay ra hiệu cho cô tiếp viên nhà hàng tới gần và gọi món răn. Trong khi cô tiếp viên chuẩn bị rượu và gọi người làm răn, Tịnh quay sang nói với Minh Việt:

- Tao không ngờ mày lại tàn tạ đến thế này. Có được hưởng chế độ ưu đãi gì không?

- Có tiền trợ cấp. Đủ cho con bé ăn sáng thôi.

- Vậy bây giờ mày tính làm gì để sống?

- Tao cũng chưa biết tính cách gì. Chẳng Đình bảo nó sẽ lo việc cho tao. Có thể kiếm được một chân bảo vệ.

- Thôi, đến xưởng của tao mà làm. Cả cái thị trấn này chỉ có mình tao độc quyền *Kẻ vẽ - trang trí*. Ngày xưa mày làm gạch gói cũng khéo tay, tao sẽ bổ túc thêm cho. Đủ nuôi một thân mày với con bé.

- Sao mày lại học nghề họa sĩ?

- Ai mà biết được. Sang Bun người ta ấn tao vào trường Mỹ thuật. Tao giãy nảy lên. Tao muốn vào làm công nhân ở một nhà máy nào đó để nhanh chóng có vài thứ đồ dân chủ gửi về cho ông bà già chứ học hành làm gì, tao đâu có thiết. Nhưng người ta bảo, Mỹ thuật cũng góp phần đánh Mỹ. Phải học Mỹ thuật để sau này về nước vẽ tranh cổ động cho toàn dân ra trận. Tổ chức đã phân công thì chấp hành. Thế là tao bắt đầu làm quen với hội họa hoành tráng, hội họa giá vẽ. Rồi các thể loại của tranh giá vẽ như Chân dung, Phong cảnh, Tĩnh vật, Bố cục. Tiếp theo là mày mò với các chất liệu sơn dầu, lụa, sơn mài và tìm hiểu các khuynh hướng hội họa như Ấn tượng, Dã thú, Lập thể, Siêu thực, Trừu tượng... Không ngờ tao lại có khiếu hội họa mày ạ. Về nước tao vào làm ở Sở văn hóa. Bây giờ thì về Phòng văn hóa. Lại có tham gia tí chút bên Hội văn học nghệ thuật. Tao không giàu có nhưng đủ tiền làm cái mà mình thích. Tao vẫn hỏi thăm mày. Tưởng mày ngon lành trong ấy rồi chứ đâu ngờ mày lại khổ bện thế này.

- Chuyện đời tao...

- Thôi, tao rõ rồi. Cái số mày là số cứt chó. Chấp nhận vậy. Nhưng cái này thì tao phải hỏi mày. Mẹ con bé đâu?

- Sang Mỹ theo diện đoàn tụ rồi.

- Tao tưởng...?

- Mẹ con Ly là thứ gái không ra gì phải không? Đúng, khi tao gặp nàng thì nàng không ra gì. Nhưng trên người nàng có một thứ mùi thơm của loại nước hoa rẻ tiền. Chính mùi nước hoa ấy đã hồi phục lại nam tính trong tao.

- Tao không hiểu. Lúc hết chiến tranh mày vẫn còn rất ngon lành. Sao mày không lấy vợ vào lúc đó?

- Mày không hiểu là đúng thôi. Mày không biết tao đã từng phải vào bệnh viện điều trị về tâm thần, đúng không?

- Tao có nghe lại chuyện ấy. Mày bị sốc vì cái chết của Cói?

- Phải, hệ quả của nó là tao mất khả năng đàn ông. Và tao đã gặp chị Vi Lay. Bà Khơ-me ấy mà...

- Tao cũng có nghe chuyện ấy. Và tao đã nghĩ rằng mày thật bần thiêu.

- Chính người đàn bà ấy đã trả lại chức năng đàn ông cho tao. Nhưng cũng đúng lúc ấy thì tao phải ra trận vì quan hệ của tao không được thời ấy công nhận. Lại một lần nữa tao mất khả năng giới tính. Cứ nghĩ thấy mùi đàn bà là tao nôn mửa.

- Chuyện của mày khiếp quá. Tất cả những thằng đàn ông sinh ra ở phố Tứ Phủ đều bị ức chế sinh lý vì một thời người ta thủ tiêu cái đó. Tao cũng giống mày. Sau cái chết của Lý tao không thể yêu được ai nữa. Nhưng tao vẫn lên giường với đàn bà và làm cái chuyện ấy như thường. Còn mày lại dính một thứ “tâm sinh lý” kỳ quái có một không hai. Tại sao thế?

- Tao cũng không giải thích được. Sau này thật vô tình tao lại tìm thấy chính mình bên cạnh mẹ con Ly. Và tao nhận ra một điều. Trên người chị Vi Lay và trên người mẹ con Ly, cả hai đều có một thứ rất chung, ấy là mùi nước hoa rẻ tiền.

- Kinh khủng quá! Nhưng cũng thật đáng thương cho mày. Chỉ có điều...

Thằng Tịnh bỗng dừng lời khi một thiếu phụ xuất hiện. Cô ta đi thẳng đến bàn của hai người. Minh Việt bàng hoàng trước sắc đẹp của người đàn bà này. Một khuôn mặt quý phái. Một sống mũi thanh tú. Một bờ môi gợi tình nhưng không trác nết. Một đôi mắt buồn và ướm. Một nụ cười mừng rỡ và thân mật. Và, tất nhiên, một giọng nói ngọt ngào cất lên ngay sau đó:

- Các anh đến lâu chưa?

Tịnh đưa tay kéo cô ta ngồi xuống sát ngay bên mình rồi quay sang Minh Việt giới thiệu:

- Đây là em Hoài, chủ quán đặc sản này. Còn đây là...

- Anh Minh Việt, người mà anh đã kể cho em nghe nhiều lần. Cuối cùng thì em cũng đã được gặp anh. Chúng ta cùng là người An Lạc cả. Hôm nay em sẽ tiếp rượu cho các anh - Hoài tiếp lời Tịnh như thể cô ta từng chờ đợi giây phút này đã lâu.

Buổi chiều hôm đó Minh Việt đã uống rất nhiều. Quá khứ trôi dạt và không thể không uống cho những đắng cay của đời người trôi sâu xuống tận đáy ruột. Hoài trở tài làm rắn làm cho Minh Việt xem và anh thực sự kinh ngạc. Trái tim rắn vẫn còn hồng tươi được Hoài thả vào ly rượu phạt

phòng, phập phồng cho đến khi tắt lịm, chín tái. Hoài là người cầm ly rượu đưa lên môi uống đầu tiên rồi sau đó đến lượt Minh Việt và Tịnh. Các món nướng, chiên, sả lần lượt được mang ra. Uống đến độ thì Tịnh nói về hội họa. Về ái dục. Về thời thế. Về lứa thanh niên Tứ Phủ cũ và mới. Về một miền xa thẳm nào đó của Cái Đẹp. Hoài lắng nghe những điều thẳng Tịnh nói như một tín đồ ngồi nghe giáo sĩ thuyết giảng. Minh Việt ngồi nghe thẳng Tịnh nói ngỡ như trong cõi lòng sâu xa của mình có một cục băng đang tan chảy. Và rượu được đưa lên môi hết lần này đến lần khác. Cho đến khi Minh Việt gục xuống bàn vẫn còn thấy cái dáng thẳng Tịnh đang ngồi uy nghi trước mặt nói say sưa, đầu đầu về miền xa thẳm của Cái Đẹp. Còn Hoài thì khóc, những giọt nước mắt rơi ra từ đôi mắt buồn và ướt, lóng lánh, tan nát...

Minh Việt cũng không biết ai đưa mình về nhà. Anh tỉnh dậy trong căn phòng rộn rã tiếng nhạc cùng tiếng hát xé lòng của Khánh Ly:

Một ngàn năm nô lệ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây, hai mươi năm nội chiến từng ngày, gia tài của mẹ để lại cho con, gia tài của mẹ là nước Việt buồn.

Ánh mắt của Minh Việt dừng lại ở góc phòng và anh nhìn thấy một mái đầu có những sợi tóc nhuộm màu râu ngô đang đung đưa theo điệu nhạc. Thì ra chú Đạo đang nghe nhạc Trịnh và lầm nhẫm hát theo. Bỗng bố thò đầu vào phòng, quắc mắt lên nhìn cu Đạo:

- Mà có tắt ngay cái thứ nhạc bố láo ấy đi không? Mà có ăn có học mà nghe được thứ nhạc ấy hả? Ông thì ông lại đập nát đài ra bây giờ chứ lại!

Cu Đạo sợ bố, vội đưa tay tắt xẹt thứ giọng xé ruột đang đến độ cao trào. Khi bố bỏ đi rồi, Minh Việt mới hỏi:

- Chú thích thứ giọng này à?

- Vâng, đây là đĩa *Ca khúc da vàng* của Trịnh Công Sơn. Không hiểu sao bố lại rất ghét. Anh có hay nghe nhạc Trịnh không?

- Ở trong Nam họ cũng rất thích nghe nhạc này. Anh không có điều kiện để thưởng thức âm nhạc, nhưng cũng có biết giọng ca Khánh Ly. Nghe buồn lắm. Chú còn trẻ thế sao lại thích nghe nhạc buồn?

Cu Đạo không trả lời mà đưa tay vịn nhỏ chiếc đài đĩa. Giọng Khánh Ly lại cất lên từng bừng: *Mẹ mong con mau bước về nhà, mẹ trông con lũ con đường xa, ôi lũ con cùng cha, quên hận thù.*

Rồi Đạo quay sang hỏi Minh Việt:

- Hôm qua anh uống ở đâu mà nhiều thế?

- Anh Tịnh đưa đến *Cô Hồn quán*.

- Quán đặc sản rắn của con mẹ Hoài chứ gì? Sao anh Tịnh lại chết mê chết mọt con mụ chủ quán ấy nhỉ?

- Sao? Cô ấy rất đẹp và cư xử được đấy chứ?

- Xì, mụ ấy là vợ của thằng Tân Tây đen trước ở xóm chân cầu. Thằng Tân là đại ca của bọn đầu gấu ở đất An Lạc này. Nhưng mấy năm trước Tân Tây đen đánh nhau, phải vào tù và chết trong đó. Mụ Hoài cũng ghê gớm chẳng khác gì chồng. Anh Tịnh là dân nghệ sĩ, vậy mà chẳng hiểu sao lại chơi với hội đó và bây giờ thì cặp với mụ Hoài? Nói chung anh Tịnh khó hiểu lắm.

Minh Việt không nói gì nữa, bật dậy vươn vai rồi ra ngoài hành lang tập thể dục. Làm sao chú Đạo có thể hiểu được những người như Tịnh và anh. Mặc dù chú là nhà báo, là người viết văn nhưng thế hệ của chú chưa đủ thời gian để bám rễ sâu vào lịch sử của thị trấn từng được mang tên Nét Mặt Buồn này. Ngay cả đến Tân Tây đen chú cũng đâu có hiểu rõ con người đó. Cả thị trấn An Lạc có hai đứa con lai cùng thế hệ với Minh Việt. Cả hai con người ấy đều là kết quả của những lần cưỡng hiếp giữa những tên lính viễn chinh và những người đàn bà bất hạnh. Đứa con lai trắng là Cói, còn đứa con lai đen là Tân. Cói đã chết thảm bên ụ súng phòng không vào những năm bom đạn rải đầy mặt đất. Còn Tân, với màu da luôn gợi nhắc đến sự trả thù thì sẽ phải sống làm sao giữa những người không biết có được gọi là đồng bào của mình hay không? Minh Việt không có ý định lý giải những gì xảy ra với cuộc đời của Tân Tây đen nhưng anh tin rằng mọi sự đưa đẩy anh ta đến chỗ chết, dù là nơi tù ngục, thì cũng đều có lý do của nó. Và dù lý do ấy có thế nào đi nữa thì đó vẫn là một số phận đáng thương. Chẳng phải nó cũng rất giống số phận của anh đấy ư? Chẳng phải

đó là những kiếp người sinh ra đã gặp phải sự trở trêu rồi đấy ư? Vậy thì mĩa mai sự trở trêu làm gì?

Sau khi tham khảo ý kiến bố và mẹ, Minh Việt quyết định đến làm ở cửa hàng *Kẻ vẽ - trang trí* của Tịnh. Công việc không có gì khó lắm. Chất liệu trang trí bây giờ rất phong phú. Các loại nhựa, giấy màu và các vật liệu trang trí khác rất sẵn. Các kiểu chữ, kích cỡ chữ đều được làm bằng máy vi tính. Những việc đó Tịnh giao cho đám nhân viên làm. Minh Việt làm cùng với họ. Còn Tịnh chỉ làm những tranh áp phích cổ động hoặc những tấm panô quảng cáo lớn. Ngoài ra Tịnh còn dành thời gian để vẽ tranh nghệ thuật. Tịnh đang có ý định mở triển lãm lần thứ hai. Tịnh không lấy vợ. Đôi ba lần Tịnh mời Minh Việt vào phòng riêng xem những bức tranh của mình nhưng Minh Việt không hiểu lắm về hội họa, cũng chỉ gật đầu lấy lệ.

- Tao còn hai bức cực kỳ tâm đắc, nhưng không treo ở đây. Khi Tân Tây đen còn sống, hắn đã từng trả tao hai mươi triệu một bức.

- Thế bây giờ nó đâu rồi? - Minh Việt tò mò.

- Tao cho Hoài mượn treo tạm ở phòng ngủ của nàng.

- Tao muốn xem nó có được không?

- Được, khi nào có dịp. Mà sẽ rúng động tâm can. Tao tin chắc thế.

Chiều chiều, từ chỗ cửa hàng của Tịnh về, Minh Việt thường qua trường đón con. Nhiều lần Minh Việt phải ra chỗ bãi cỏ sau trường để tìm con bé. Không hiểu sao con bé rất ít nói, nó thích đọc sách và có vẻ rất mê nghề ký giả của chú Đạo. Nó là một đứa bé sống nội tâm, và thân phận của nó sẽ là cả một bí ẩn tế nhị đối với trí óc non nớt của chính nó. Minh Việt rất sợ nó buồn. Mà nhất định là nó sẽ buồn khi hiểu ra vì sao nó lại có mặt trên cuộc đời này và bố nó, mẹ nó là ai? Nếu bố nó là một giọt buồn rớt xuống cuộc đời này thì nó chẳng qua cũng chỉ là một giọt buồn phiêu bản mà thôi. Đằng sau trường học của con bé có một đám cỏ hiếm hoi sót lại giữa thời buổi đâu cũng thấy xây dựng. Đám đất ấy theo quy hoạch của thị trấn sẽ là một khu công viên. Nhưng thị trấn chưa có tiền xây dựng nên nó vẫn là một đám đất bỏ hoang, cỏ mọc lút lối đi. Con Ly thường ra bãi cỏ đó ngồi ngược nhìn trời mây, xung quanh nó là đám hoa cỏ vương vãi và những con thuyền giấy do chính tay nó gấp trong lúc đợi bố. Đôi lần Minh

Việt bắt gặp nó ngồi nhìn chăm chú, say sưa những con chó chạy nhảy trong khu đất hoang. Và anh đã thật ngạc nhiên khi phát hiện ra con gái mình bắt đầu viết truyện. Nó viết vào cuốn sổ nhỏ, xinh xinh mà chú Đạo tặng hôm nó mới ra. Cả anh và Đạo đều bất ngờ khi đọc câu chuyện viết dở của con bé. Truyện có tên là *Kịch chiến Đầm Gâu*. Câu chuyện được chia làm nhiều phần, có đánh số thứ tự. Những phần đầu được con bé viết thế này:

Một.

Đó là một khu đầm cạn. Hoa dã thảo mọc chen chúc bên những nụ tầm xuân mảnh mai, tinh khiết. Ban ngày, khi ánh mặt trời chiếu xuống khu đầm, những giọt sương long lanh vội chui xuống chân cỏ lẫn trốn. Hương tầm xuân man mác lan tỏa, hoa cỏ ngả mình trước gió rì rào hát đồng ca. Đây đó trong khu đầm có những vũng nước trong vắt, hàng ngày ông mặt trời cùng đám mây ngũ sắc đi ngang qua soi bóng mình xuống đó. Ban đêm trăng xuất hiện trên trời rồi biến mất vào những tầng mây trắng đục. Muôn vì sao nhấp nháy, thao thức cùng khu đầm, chứng kiến cuộc sống thanh bình êm ả của những cư dân nơi đây. Bác Vàng đáng kính, chú Ki cường tráng với tiếng sủa chung chiêng bóng trắng, chị Vện lặc lè chiếc bụng đã đến ngày sinh nở, anh em nhà Cún giống nhau như hai giọt nước. Rồi gia đình nhà Mạc, chị Quýt, anh Mích, chú Cộc, cậu Ngộ... tất cả đều là những cư dân lương thiện, trung thành và tận tụy. Họ làm việc cho những ông bà chủ ở một xóm lao động gần đây. Họ rất yêu khu đầm này, hàng ngày họ tập trung tại đây vui chơi, trò chuyện, nghe bác Vàng kể chuyện về truyền thống trung thành, dũng cảm và những kỳ tích vô cùng vẻ vang của tổ tiên. Mỗi khi có một cư dân mới ra đời bác Vàng lại dùng cái lưỡi màu hồng của mình liếm láp lên đầu, lên mắt để làm phúc. Vào những đêm trăng sáng các gia đình thường tụ tập ở bụi tầm xuân giữa đầm tổ chức thi “Tiếng sủa âm vang nhất”. Các cư dân ở đây rất tự hào với tiếng sủa của mình bởi đó là tiếng sủa đặc trưng nhất muôn loài. Tiếng sủa nào to nhất, khỏe khoắn nhất, âm vang nhất là biểu hiện của sự trung thành nhất, khôn ngoan nhất. Chính vì vậy mà khu đầm này có tên là Đầm Gâu. Thịnh thoảng cư dân Đầm Gâu còn tổ chức các cuộc thi săn bắt chuột, rắn, chim, cá... Đàn ông,

thanh niên như Ki, Mực, Mích, Cộc, Cún, Ngô thường luyện tập cho mình có cái bụng thon, bộ ức nở, hàm răng khỏe và cặp tai thật thính. Cánh chị em như Vện, Lu, Quýt... lại chăm chút đến bộ lông sao cho thật mượt mà, đôi mắt lúc nào cũng lúng liếng và dáng đi thì khoan thai, gợi cảm.

Vào những ngày nắng đẹp, sau những cuộc đi săn hào hứng, các cư dân Đầm Gâu thường nằm dài trên thảm cỏ phơi nắng, bắt rận cho nhau. Quanh họ, cả khu đầm bồng lên muôn ngàn sắc hoa. Những nụ tầm xuân đung đưa trước gió. Hoa xuyên chi nở trắng từng vạt dài. Bên vũng nước trong những bông súng xinh xinh lấp ló xen kẽ những bông hoa dứa lốm đốm như ngàn cánh bướm đậu. Xa xa cỏ may tím ngát, trinh nữ e ấp trong những bụi gai, chua me và sam nở những bông phơn phớt trắng, nhỏ li ti... Trên trời mây tạo muôn hình thù kỳ thú. Những tia nắng rọi chiếu xuống thảm cỏ mượt như nhung, phủ ánh bạc lên những bộ lông đa sắc: vàng, đen, xám, trắng, nâu, đốm... Cuộc sống của các cư dân Đầm Gâu đã diễn ra thanh bình như thế từ rất lâu rồi. Bây giờ nhìn đôi mắt lim dim, thanh thản của họ không ai lại nghĩ rằng chỉ ít ngày nữa thôi, sóng gió sẽ ập đến với khu đầm này, khuấy động cuộc sống yên bình của những cư dân lương thiện nơi đây.

Hai.

Một ngày kia Đầm Gâu xuất hiện ba chàng ngoại quốc lực lưỡng có tên là Tô, Giôn và Mi Lô. Phía ngoài cửa khu đầm, sát với đường cái sừng sững mọc lên ba ngôi nhà cao tầng. Tô, Giôn và Mi Lô phục vụ cho các ông chủ ở trong những ngôi nhà đó. Ba anh chàng này thuộc giống Đức thuần chủng nên cách sinh hoạt và lối sống khác hẳn với những cư dân Đầm Gâu vốn hiền lành, tốt bụng. Buổi đầu tiên xuất hiện họ đã nghe ngệch dạo quanh khu đầm, mắt gườm gườm nhìn chú Ki, anh Mích, chú Cộc. Khi thấy chị Vện, chị Lu họ lập tức sán lại trêu đùa, chòng ghẹo. Rồi mấy anh chàng đó “ị” ngay ra bụi tầm xuân vẫn được dùng làm nơi tập trung vui chơi của cư dân trong vùng. Hôm sau họ lại “tè” vào mấy vũng nước quanh đó, làm vấy bẩn nguồn nước uống của những người bạn Đầm Gâu. Sự thể không dừng lại ở đó. Buổi chiều, Cún “em” đi ngang qua thấy họ thản nhiên làm bậy trên thảm cỏ đẹp nhất khu đầm liền lên tiếng cảnh

báo. Tên Tô hung hãn đã lao thẳng vào căn Cún “em”, một chiếc răng của nó đã ngấp vào phần bụng của Cún làm Cún ngất đi. Mãi rất lâu sau Cún “em” mới tỉnh dậy và cố lết về đến nhà. Cún “anh” vô cùng ngạc nhiên khi thấy em máu mê bê bết, một đoạn ruột lòi cả ra ngoài, vội lấy lưỡi liếm xung quanh vết thương sát trùng cho em rồi nhai lá thuốc đắp vào. Cả đêm hôm đó Cún “em” lên cơn sốt, toàn thân nóng hầm hập. Cún “anh” rất lo lắng ngồi phủ phục bên em mãi rồi lại đứng dậy đi vào đi ra. Năm trước mẹ Cún sinh được hai anh em, cả hai được mẹ chăm sóc rất cẩn thận nên lớn nhanh như thổi. Hai anh em Cún có tiếng là thương yêu nhau, rất biết nhường nhịn nhau, cư dân trong vùng và đặc biệt là bác Vàng rất quý hai anh em Cún. Bây giờ ngồi nhìn em mê man bất tỉnh chưa biết sống chết thế nào, Cún “anh” thương em lắm. Đêm ấy thật là dài đối với Cún “anh”. Sáng hôm sau khi ông mặt trời vừa mới lấp ló ở rặng cây xa xa, Cún “anh” lập tức tìm đến nhà chú Ki. Đã mấy năm nay chú Ki luôn đạt danh hiệu “Cư dân có tiếng sửa âm vang nhất”. Trong các cuộc săn bắt, chú Ki cũng luôn đứng đầu về thành tích bắt được nhiều chuột, rắn... Cánh thanh niên trong vùng luôn mơ ước một ngày nào đó sẽ được như chú Ki. Bây giờ Cún “anh” muốn đến gặp và xin ý kiến chú về những việc làm ngạo mạn và hỗn xược của tên Tô. Nhìn đôi mắt vẫn đỏ của Cún “anh”, chú Ki hiểu trong người Cún lúc này niềm căm hận đang sục sôi và trong đầu Cún chỉ còn nghĩ đến hai tiếng “Trả thù”. Sau một hồi suy nghĩ chú Ki quyết định cùng Cún “anh” đến gặp anh Mực, anh Mích, chú Cộc.

Nghe Cún “anh” tường thuật lại sự việc, tất cả đều tỏ thái độ tức giận. Anh Mích bảo: “Bây giờ chúng ta không còn chỗ tập trung vui chơi, không còn nơi để nằm phơi nắng, cũng không còn cả nguồn nước sạch để uống”. Chú Cộc gầm gừ: “Điều tệ hại hơn cả là chúng ta không còn quyền được sống như từ trước đến nay, chúng coi thường chúng ta, chúng làm hại Cún “em” rồi chúng sẽ tiếp tục làm hại những cư dân khác. Chúng muốn chà đạp lên cuộc sống thanh bình của chúng ta”. Chú Ki kết luận: “Vậy thì bây giờ anh em ta phải đi hỏi tội tên Tô!”

Ba.

Chú Ki dẫn đoàn đi đến giữa Đầm Gâu thì gặp Tô và Giôn đang nhớn nhơ ở đó. Chú Ki lên tiếng:

- Anh Tô! Cư dân Đầm Gâu chúng tôi từ xưa đến nay vẫn sống thanh bình ở đây, anh từ đâu đến, sao lại hành hung người của chúng tôi?

Tên Tô vênh chiếc mõm ngoai cỡ lên, sửa một tiếng ngạo mạn rồi khinh khinh đáp:

- Chúng tao đại diện cho giống nòi văn minh đến sinh sống ở đây, lũ mọi rợ chúng bay muốn gì?

Cún “anh” nãy giờ kiên nhẫn đứng đợi, thấy tên Tô trả lời láo xược như thế, cảm giận bùng lên trong người, Cún dùng toàn thân lao thẳng vào Tô như một mũi tên bắn. Trước cú húc bất ngờ của Cún, tên Tô oằn người lại kêu “ăng” lên một tiếng đau đớn. Húc vào sườn tên Tô xong, Cún “anh” lập tức quay lại nhảy bổ lên cắn vào cổ hăn. Theo phản xạ tên Tô hất mạnh đầu khiến Cún “anh” bị văng ra xa. Hăn liền quay người đuổi theo gặm một nhát vào đùi trái phía sau của Cún. Cún nghiến răng chịu đau ngoắt lại tấp vào tai tên Tô. Hăn vội buông Cún ra, lùi lại thủ thế. Lúc này chú Ki và anh Mích cũng đã lao vào để hỗ trợ cho Cún. Nhưng tên Giôn đã chặn đường chú Ki, hăn dùng hàm răng khỏe như thép của mình cắn vào gáy chú. Chú Cộc lập tức lướt tới tấp mạnh vào đùi sau của Giôn. Hăn kêu ăng ăng, rồi quay người lại chống trả. Chú Ki gầm lên nhằm thẳng yết hầu hăn chồm tới. Tên Giôn vội tránh miếng đánh hóc hiểm của chú Ki, nhảy lùi lại gườm gườm thủ thế. Tên Tô sau khi hất đổ anh Mích vội lao đến đỡ vào cổ chú Ki để cứu trợ cho đồng bọn.

Cún “anh” muốn lao vào góp sức cùng chú Ki, chú Cộc nhưng Cún chợt nhận ra mình đã bị liệt mất một bên chân. Máu thấm ra ướt toàn bộ chỗ lông ở phần đùi. Cảm giác đau đớn mỗi lúc một dâng lên. Những chiếc răng vừa dài vừa sắc của tên Tô đã xuyên qua da thịt Cún, ngập vào đến xương tủy. Nhưng không thể nằm bẹp một chỗ trong khi cuộc chiến đang diễn ra rất ác liệt. Cún “anh” nghĩ vạy và chạy tập tễnh bằng ba chân đến ứng cứu cho đồng đội. Đúng lúc tên Tô đang định dùng hàm răng to như hàm trâu gặm vào cổ chú Ki thì Cún “anh” dùng toàn bộ sức lực của mình lao tới cắn mạnh vào má của hăn. Hai bên lao vào nhau quá mạnh tạo ra

lực phản hồi làm Cún, yếu hơn, văng tít ra xa. Chiếc chân dập nát gây cho Cún đau đến tê dại, không sao gượng dậy nổi. Tên Tô cũng choáng váng trước cú đánh của Cún nhưng hẳn thấy đối thủ của mình đang ở thế yếu liền lao đến chỗ Cún. Chú Ki chồm lên cản bước chân của hẳn nhưng tên Giôn lại đang nhắm thẳng vào chú để tấn công. Chú Ki phải quay lại chống trả với tên Giôn, Tô thừa dịp phi đến cắn mạnh vào cổ Cún. Anh Mích đuổi theo đớp vào đùi Tô cản phá nhưng hẳn cố chịu đau vừa gặm chặt cổ Cún vừa day mạnh cho đến khi cả hàm răng của hẳn ngậm sâu vào cổ, bóp vỡ yết hầu của Cún mới chịu buông ra.

Lúc này tên Giôn chống đỡ với chú Ki và chú Cộc đã thấm mệt, thấy Tô bị Mích đả thương hẳn liền bỏ chạy. Tô liếc thấy đồng bọn chạy cũng tập tễnh bỏ chạy theo. Chú Ki, chú Cộc và anh Mích ít nhiều đều bị thương nên không còn đủ sức để đuổi theo nữa. Trận chiến kết thúc khi mặt trời đứng bóng. Máu loang trên vạt cỏ, bắn vào những nụ tầm xuân, rớt cả xuống mấy vũng nước quanh đó. Chiến tranh đã thực sự bắt đầu và anh em nhà Cún là một trong những nạn nhân đầu tiên...

Câu chuyện viết đến đây thì tạm dừng. Đạo bảo: “Con bé có óc quan sát rất khá anh Việt ạ. Mới lớp năm mà viết được như thế này thì sau này nó sẽ vượt cả em đấy”. Cả Minh Việt và Đạo đều hồi hộp chờ được đọc những dòng tiếp theo của con bé nhưng một lần từ trường trở về nhà con Ly bỗng kêu nhức mỗi cánh tay phải. Rồi bữa tối hôm đó con bé đang ăn cơm bỗng đánh rơi thìa và không sao cầm lại được nữa. Minh Việt đưa con gái vào bệnh viện năm hàng tháng trời, cuối cùng đành phải chấp nhận kết luận của bác sĩ là con bé bị ảnh hưởng chất độc hóa học từ bố nên một số bộ phận cơ trên người đang bắt đầu teo đi. Rất buồn về chuyện này nhưng Minh Việt không muốn để con gái biết bệnh tình của nó, anh vẫn thường tỏ ra lạc quan để cố xoa đi mặc cảm trong con bé. Nhưng dường như Ly cũng biết điều đó nên em không buồn chán, thất vọng mà tỏ ra rất có nghị lực. Ly chuyển sang tập viết tay trái và không lâu sau đó em đã tiếp tục cắp sách đến trường. Ly học giỏi, sau một thời gian nghỉ học em vẫn theo kịp chúng bạn và lại tiếp tục viết truyện. Đạo rất quan tâm đến câu chuyện viết dở của Ly. Đạo bảo: “Để nó viết xong em sẽ giới thiệu lên báo. Em tin đây là một

tài năng!”. Chẳng mấy lâu sau thì Minh Việt và Đạo lại được đọc tiếp những dòng văn của con bé. Và đây là những phần tiếp theo của câu chuyện do bé Ly viết:

Bốn.

Năm mộ được đắp rất cao. Tất cả các cư dân trong đầm đều có mặt. Họ đứng xung quanh năm mộ, đầu cúi xuống, miệng ngậm một nhánh tầm xuân, riêng bác Vàng ngậm một bông hoa súng. Bác Vàng cầu siêu cho Cún “anh” xong đề nghị tất cả đi quanh mộ một vòng rồi lần lượt đặt hoa xuống vĩnh biệt Cún. Bác Vàng là người cuối cùng. Đặt bông hoa súng lên đỉnh mộ Cún xong, bác quay ra dẫn cả đoàn trở về tập trung nơi bụi tầm xuân quen thuộc. Khi cư dân Đầm Gâu đã tề tựu đông đủ, bác Vàng lên tiếng:

- Toàn thể cư dân Đầm Gâu thân mến! Đây là cuộc sống thanh bình của chúng ta cho đến ngày hôm nay đã không còn nữa. Ai đã làm nên điều ấy? Chính là lũ Tô, Giôn và Mi Lô. Chúng đến từ những xứ sở xa xôi. Chúng muốn biến khu đầm xinh đẹp của chúng ta thành nơi phóng uế, biến chúng ta thành trò tiêu khiển, thậm chí đã giết hại những người anh em của chúng ta. Tất cả chúng ta đều căm phẫn trước việc làm của chúng, dưới kia Cún “anh” cũng đang kêu gọi chúng ta phải trả thù. Tôi xin hỏi tất cả các vị ngồi đây: Chúng ta có chịu khuất phục ba tên ngoại quốc hỗn xược ấy không hay chúng ta sẽ chiến đấu với chúng?

- Chiến đấu!... Chiến đấu!...

Tất cả các cư dân Đầm Gâu đều nhất loạt hô lên như thế, riêng chú Ki còn sửa một tràng dài để bày tỏ thái độ căm phẫn. Chờ cho tiếng sửa của các cư dân lắng xuống, bác Vàng nói tiếp:

- Nhưng chiến đấu như thế nào? Hôm qua chúng ta đã chiến đấu và đã thất bại. Vậy trong số các vị ngồi đây ai có kế sách hay xin cứ đưa ra để chúng ta cùng bàn luận?

Tất cả im lặng. Mãi sau chú Ki mới lên tiếng:

- Thưa toàn thể cư dân Đầm Gâu! Trong số chúng ta ở đây chỉ có bác Vàng đáng kính là nhiều tuổi hơn cả, lại hiểu nhiều biết rộng, ắt chỉ có bác

mới có được kế sách hay. Vậy tôi xin đề nghị từ nay bác lãnh đạo cư dân Đầm Gâu chiến đấu chống lại kẻ thù.

- Chú Ki nói phải đấy! Hoan hô bác Vàng!

- Hoan hô bác Vàng!

Tiếng hoan hô của cư dân Đầm Gâu vang động cả khu đầm làm những cánh tầm xuân giật mình rụng lá tả. Bác Vàng vội ra hiệu cho tất cả im lặng rồi nói:

- Tôi xin cảm ơn các vị! Muốn đánh thắng kẻ thù chúng ta phải học tập cách đánh của tổ tiên. Ta nhỏ, chúng to, vậy ta phải chia chúng ra, cô lập chúng rồi mới đánh. Chúng to khỏe nhưng đã bị cô lập thì một không thể chống lại mười. Vậy từ nay tôi phân công thế này: Cậu Ngộ vốn nhanh nhẹn sẽ phụ trách một tổ chuyên theo dõi quy luật ăn, ở, đi lại của ba tên Tô, Giôn và Mi Lô. Khi nào thời cơ cho phép thì chúng ta sẽ tấn công tiêu diệt từng tên một...

Thấy bác Vàng dừng lời, Cún “em” vội lên tiếng:

- Thưa bác! Còn cháu sẽ làm gì ạ? Cháu muốn trả thù cho anh cháu?

Bác vàng khẽ gật đầu rồi quay sang nói với chú Ki:

- Còn lại tất cả chúng ta già, trẻ, lớn, bé từ nay tập trung vào luyện tập. Chú Ki sẽ huấn luyện các thế nhảy, vồ, tấp, cắn, đớp, sủa cho anh em. Ngoài ra phải lăn lộn nhiều cho da săn chắc, tập nhai xương cho răng sắc bén, tập nghe ngóng cho đôi tai thật thính và khi xung trận phải thật dũng cảm. Khi chiến đấu cái cốt yếu là phải vô hiệu hóa chiếc mõm có hàm răng sắc nhọn của kẻ địch, làm tê liệt bốn chân của chúng, cào xước da thịt và cuối cùng là phải cắn vỡ yết hầu đối phương. Khi đã gặm được vào người chúng thì sẵn sàng chịu đau kiên quyết không rời để đồng đội tiêu diệt. Tất cả có đồng ý thế không?

Các cư dân Đầm Gâu sủa vang đồng ý rồi tản đi rất nhanh, bắt đầu vào từng phần việc đã phân công. Dưới bụi tầm xuân chỉ còn lại bác Vàng và chú Ki thì thầm nhỏ to bàn kế hoạch báo thù.

Năm.

Bữa ấy tên Tô dậy sớm như thường lệ. Hăn mò ra khu đầm định phóng uế bừa bãi lên bãi cỏ non còn đẫm sương thì bỗng nhìn thấy chị Lu đang

uống nước ở gần đó. Tên Tô liền sấn lại định chòng gheo. Chị Lu sủa vào mặt hăn mấy tiếng rồi bất thành linh đớp một cái vào đuôi hăn. Tên Tô tức giận định cắn chị Lu nhưng chị đã cong đuôi bỏ chạy. Hăn vội đuổi theo. Lúc này khu đầm còn vắng lắm. Xa xa từ xóm lao động nghèo sương khói quyện lấy nhau bay là là trên mặt đất. Thấy chị Lu chui tọt vào một bụi cây rậm rạp để trốn, tên Tô sục đầu vào tìm kiếm. Hăn thấy chị Lu quắp đuôi nằm sệt sệt ở trong đó. Người Tô quá to nên hăn không sao chui vào được. Đúng lúc cái đầu của hăn đang ngúc ngắc ở cái lỗ mà chị Lu vừa chui vào thì hăn thấy có cái gì đó siết mạnh ở cổ. Cùng lúc chị Lu lao bỏ ra đớp một miếng dữ dằn vào mõm hăn. Một tiếng sủa kinh hồn vang lên kéo theo sau cả ngàn tiếng sủa lớn nhỏ. Tô nhận ra xung quanh hăn có rất nhiều những cư dân Đầm Gâu mà mọi ngày hăn vẫn coi thường. Hai bên hăn hai chú chó lực lưỡng đang siết chặt chiếc dây bắt vòng vào cổ hăn. Tô cố gắng giãy giụa, giằng co để thoát ra khỏi sợi dây quái ác nhưng càng giãy sợi dây càng siết chặt. Bỗng hăn kêu thét lên đau đớn, một mảng da đùi của hăn đã bị rút tung ra khỏi cơ thể. Tiếp ngay đó một hàm răng sắc nhọn bập chặt vào bụng hăn. Tên Tô hiểu rằng hăn đã bị mắc lừa. Những cư dân Đầm Gâu đã bố trí sẵn cái lỗ ở bụi cây này, chỉ chờ hăn chui đầu vào là cái dây thắt vòng sẽ được kéo căng ra thít cổ hăn lại. Tô gầm lên, mắt vẫn những tia man rợ. Chị Lu hiền lành, sợ hãi là thế, bây giờ dững cảm lao đớp vào mõm hăn liên tục.. Trước tình thế nguy ngập đó, Tô liền dùng hai chân trước chống xuống đất, hai chân sau chuỗi ra lấy đà, giật mạnh. Sợi dây có chùng lại một chút nhưng ngay sau đó nó lại được kéo căng ra. Các cư dân Đầm Gâu lẫn xả vào dùng răng day nghiền bốn chiếc chân của tên Tô. Chú Ki dùng tiếng sủa của mình đôn đốc anh Mích, cậu Ngô, chú Cộc không ngừng tấn công những chỗ hiểm trên người Tô. Chị Vện, chị Lu và Cún “em” cũng háng hái nhảy tới cắn xé khắp nơi trên người hăn. Bác Vàng đứng ngoài quan sát thấy tên Tô hộc lên, đôi mắt dại đi, lưỡi thè ra từ chiếc mõm há hốc biết là hăn đã đuối sức, liền chỉ đạo cho hai bên siết chặt sợi dây, đồng thời lệnh cho chú Ki tấn công vào điểm xung yếu nhất của kẻ địch. Chú Ki chồm tới dùng chiếc mõm của mình đớp mạnh vào cổ họng Tô. Tiếp theo anh Ngô, chú Cộc cũng lao tới gặm vào cổ tên Tô, day

mạnh. Tên Tô tru lên một tiếng rồi cả tấm thân đồ sộ của hắn đổ nghiêng sang bên, đè cả lên chân chị Vện. Cổ họng hắn rách toác, chú Ki đã cắn vỡ yết hầu hắn làm máu tuôn ra xối xả. Tấm thân hắn dướn dướn trên mặt đất mấy cái rồi xẹp xuống, bất động. Hắn nằm vắt đầu trên sợi dây, chiếc mõm nông cuồng ngày nào bây giờ rách nát, đôi mắt mở trừng chuyển dần sang màu xám đục. Hắn đã chết một cách đau đớn, toàn thân tơi tả. Máu thấm đỏ xung quanh chỗ hắn nằm. Nhận được hiệu lệnh của bác Vàng, chú Ki liền sửa một tràng dài thu quân. Bác Vàng giao nhiệm vụ cho anh Mích, chú Cộc, cậu Ngô kéo xác tên Tô tới đặt trước cửa nhà hai tên Giôn và Mi Lô. Sau đó tất cả tập trung dưới bụi tầm xuân nghe bác Vàng huấn thị.

Chiến thắng ban đầu đem lại niềm hân hoan cho toàn thể cư dân Đầm Gâu.

Chương 11

Buổi sáng hôm ấy, Tịnh bảo với Minh Việt:

- Hôm nay tao với mày phải đến với em Hoài.

Minh Việt ngạc nhiên:

- Sao, lại nhậu à?

- Không, hôm nay là ngày giỗ của Tân Tây đen.

Minh Việt gật đầu, lẳng lặng thu xếp đồng giấy màu rồi theo Tịnh đến *Cô Hồn quán*. Minh Việt không lạ gì Tân. Nếu bố Cói là một người lính Pháp da trắng, thì bố Tân chắc chắn là một tên lính Angiêri hay Maroc gì đó. Tân đen như cột nhà cháy, bần thiêu, rách rưới và đói khát. Nếu đám trẻ phố Tứ Phủ ngày nào tạm được coi là có ăn có học nhất thị trấn An Lạc thì Tân và cậu Chột là một trong những đứa trẻ nghèo khổ và phải chịu nhiều thiệt thòi thời đó. Tân còn tội nghiệp hơn vì nó là con lai, hầu như không có ai chơi với nó. Cũng may nó là một đứa trẻ khỏe mạnh. Thiếu ăn nhưng nó vẫn lớn và chẳng bao lâu sau khi vào tuổi thanh niên, nó to cao lênh khênh. Mẹ Tân chết sớm, không có ai đỡ đầu, Tân tìm kiếm cuộc sống cho mình ở các cửa hàng mậu dịch và bến tàu, bến xe. Có vẻ như cuộc đời nó đã được ấn định là phải ở những chỗ đó. Nó là một thứ cây dại, người trồng rừng không để mắt đến, không nở chặt trụ nhưng cũng không tạo điều kiện cho phát triển xanh tươi như những thứ cây khác. Và cái cây dại ấy muốn tồn tại phải tự vươn ngọn đến chỗ có ánh mặt trời mà hít thở. Thiết chế xã hội nào cũng có những điều chưa hoàn thiện, pháp luật thời nào cũng có những kẽ hở. Dưới thời bao cấp, mọi thứ nhu cầu ngoài phân phối đều không được đáp ứng. Mà loài người thì vốn dĩ chẳng chịu bó hẹp trong những nhu cầu phân phối. Thế là có chỗ cho các con *phe* xuất hiện. Sau này các nhà từ điển học có lẽ sẽ còn phải tìm hiểu và giải nghĩa từ này. *Phe* là gì? Nó có gốc từ tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Bồ Đào Nha hay nó là rút gọn của cụm từ *phe phẩy*? Tại sao lại gọi là *con phe* chứ không gọi là anh phe, chú phe, bác phe, chị phe hay cô phe? Tại sao *phe* lại chỉ tồn tại dưới thời bao cấp

còn chuyển sang thời kinh tế thị trường thì thuật ngữ ấy không được nhắc đến nữa? Tóm lại *phe* là từ dùng để chỉ những người có thể cung cấp hoặc đáp ứng cho bạn một nhu cầu nào đó ngoài con đường phân phối chính thức của nhà nước. Như vậy thời nào cũng có phe. Thời nay phe vẫn tồn tại ở khắp nơi và nó được nhìn nhận dưới dạng *dịch vụ*. Chỉ có điều phe thời nay được xã hội thừa nhận, còn ngày trước nó là thứ vi trùng ghê lở có thể gây nguy hại cho nền kinh tế kế hoạch tập trung. Chị Vi Lay chính là một con *phe* cỡ bự của thị trấn An Lạc những năm trước đây. Còn Tân Tây đen chỉ là người giúp việc, người làm thuê cho những con phe mà thôi. Phe vé, phe vải, phe thuốc lá, phe diêm, phe xà phòng, phe gạo, phe thịt... mặt hàng nào cũng có phe. Tân theo đám phe ấy lâu ngày cũng thành tinh thành cáo. Nhưng Tân là đàn ông con trai, Tân không tỉ mỉ nhặt nhạnh từng đồng như đám đàn bà con gái được. Vì thế bước sang tuổi thanh niên, Tân ngày một trượt dần xuống đám lưu manh, trộm cắp, du thủ du thực. Tân trở thành đại ca ở bến xe An Lạc. Dưới tay Tân có hàng chục đứa chuyên móc túi, trộm vặt, ép giá khách đường dài. Cái nghề ấy không thể không va chạm, xô xát, đánh chém nhau, không thể không vào ra nhà tạm giam tạm giữ của công an, quá lên thì lĩnh án đi cải tạo, mặc áo số, ăn cơm tù. Trước khi gặp Hoài, Tân có đến ba tiền án, hai tiền sự. Tiền án cuối cùng gần như đã biến Tân thành con người khác. Tân gầy gò, rách dưới, đói khát, bệnh tật, vô gia cư, không nghề nghiệp, không đệ tử, không địa bàn hoạt động. Chính những ngày mới ra tù tưởng có thể phải chết gục bên một vũng nước nào đó hoặc co quắp dưới chân cầu Lăng Tiên chờ cho nước cuốn đi, thì Tân gặp Hoài.

- Họ nương tựa vào nhau để đi nốt phần đời này - Tịnh cảm hoài - Chỉ tiếc, Tân nó bỏ Hoài đi sớm quá.

- Sao nó lại phải lĩnh án nữa là thế nào? - Minh Việt hỏi.

- Chúng nó đã từng sống với nhau rất vất vả, sau này mới khá lên được một tí thì lại bị lôi kéo vào những chuyện không đâu của giới giang hồ. Mà giang hồ kiểu mới nó kinh khủng lắm mà ời. Không phải vài thứ trộm cắp vặt như ngày xưa đâu. Bọn trẻ bây giờ chúng nó tiêu đời vô cùng phí phạm. Nghiện hút, mại dâm, cờ bạc, đua xe, bảo kê, đâm chém... là

những nét chấm phá của bộ mặt giang hồ hôm nay. Thăng Tân không muốn nhưng đôi lúc vẫn phải đứng ra “chủ trì công đạo”. Và việc gì đến ắt phải đến. Trong một lần ra tay dàn xếp các hội nhóm, thăng Tân đã phạt đứt cánh tay một thằng oắt con từ bên Phòng sang. Thế là lại dính án. Tù mãi tận Thanh Hóa cơ. Sức khỏe thăng Tân cũng đang sa sút. Được mấy năm thì đi. Tao cùng Hoài vào tận nơi lo cho nó đâu vào đấy cả rồi. Tội nghiệp Hoài. Thăng Tân là đứa rất yêu vợ!

- Tại sao tao lại không biết Hoài nhỉ? Lần đầu tiên nhìn thấy nó, tao thực sự sửng sờ đấy. Đất An Lạc này làm gì có người đẹp đến thế?

- Rồi mày sẽ còn bất ngờ về Hoài.

Tịnh không chỉ nói cho qua chuyện. Ngay sau bữa giỗ Tân Tây đen, Tịnh đưa Minh Việt vào phòng riêng của Hoài. Tịnh bật điện lên và tiến đến chỗ đầu giường của Hoài kéo tấm rèm che tường. Một bức tranh hiện ra ngay trước mắt Minh Việt. Đó là một bức màu nước, vẽ hình một thiếu nữ nằm nghiêng trên cỏ. Thoạt nhìn Minh Việt tưởng đó là một bức khóa thân. Nhưng có vẻ như không phải thế. Một xác chết đang nằm trên cỏ thì đúng hơn. Một xác chết với da thịt trắng ngần trên nền đỏ nhức mắt của mây trời và cỏ. Bức tranh bỗng đánh động một điều gì đó trong thăm sâu ký ức Minh Việt. Định thần nhìn kỹ, Minh Việt kinh ngạc nhận ra một bầu vú của thiếu nữ trong tranh bị khuyết, thay vào đó là một đầu đạn và một vết máu rỉ ra từ bầu ngực trinh nữ. Chưa hết bàng hoàng, Tịnh lại tiến đến bức tường cuối giường, kéo tấm rèm che ra, chỉ cho Minh Việt xem tiếp bức tranh thứ hai. Lại một thiếu nữ nữa nằm úp xấp xuống một dòng nước xanh thẫm. Vẫn là tấm thân ngà ngọc trắng ngần nhưng trên một nền xanh u ám, xám dần theo chiều sâu của bức tranh. Một bên hông của thiếu nữ bị khuyết, thay vào đó là một nụ hồng bị sợi nơ xám buộc cánh lại không cho nở. Từ nụ hồng đó, một vết máu bầm đỏ đang ứa ra. Hai thiếu nữ với hai khuôn mặt khác nhau nhưng Minh Việt thấy quen quen như đã từng gặp ở đâu đó. “Hai cái chết ám ảnh nhất đời tao là cái chết của Cói và của Lý - Thăng Tịnh nói - Một cái chết bởi khát khao cái đẹp còn một cái chết bởi chiến tranh không đùa với sắc đẹp. Tao biết, mày đang rất xúc động. Nhưng thôi, ra ngoài kia uống tiếp đi”

- Tại sao mà lại treo hai bức này trong phòng ngủ của Hoài?

- Chuyện hơi dài dòng đấy. Trong lần triển lãm đầu tiên, Hoài vô tình ghé qua xem. Sau đó chồng cô ấy, thằng Tân Tây đen ấy, cứ nằng nặc đến đòi tao bán. Tao nhất định không bán. Nhưng tao bắt đầu chơi với vợ chồng nó từ bữa đó. Tao thực sự thương Hoài.

- Nghĩa là sao? Tao vẫn không hiểu.

- Tao cũng đã từng không hiểu như mày. Lúc đầu tao còn nghĩ, bọn thằng Tân thì họa cảm đến đâu mà dám đòi treo tranh của tao? Ngay cả khi nó trả tao hai mươi triệu một bức tao vẫn không tin là chúng nó có đủ khả năng cảm nhận được cái đẹp của tranh tao. Nhưng rồi trong một lần vào thăm thằng Tân ở trại, nó đã nói sự thực với tao. Và tao đã quyết định cho Hoài mượn hai bức tranh này để treo trong phòng riêng của mình.

- Sự thực gì hả mày?

- Hoài là người mất mát cả hai thứ tao vẽ trong tranh. Cô ấy cũng tham gia trận địa pháo cao xạ ở Xí nghiệp cơ khí *Hai Bảy tháng Bảy* sau khi trung đội của Cói bị trúng đạn. Những mảnh bom đã lấy đi của Hoài sự mất cân đối cơ thể. *Một bộ ngực khuyết một bên ngực, một bộ hông khuyết một bên hông*. Một người đàn bà mà như thế thì có phải là sự báng bổ tạo hóa không? Đau thương mà tao vẽ trong tranh là một đau thương quá vắng, ai ngờ nó lại hiện hữu ngay giữa cuộc đời này, thử hỏi còn lý do gì để tao từ chối không treo hai bức tranh đó trong phòng ngủ của Hoài?

Tịnh vừa nói vừa nốc rượu liên tục. Những điều Tịnh vừa tiết lộ quả thực đã khiến Minh Việt ngạc nhiên dù anh đã được khuyến cáo về vấn đề này. Hoài đã chinh trang cơ thể rất khéo, không ai có thể nhận ra đó là một người đàn bà có cơ thể khiếm khuyết. Hoài lại có một khuôn mặt rất đẹp. Cả thị trấn An Lạc này ai cũng nghĩ Hoài là một con mẹ “giang hồ có thể” chứ đâu biết Hoài có một quá khứ nhạy cảm đến thế? Hóa ra chú Đạo vẫn còn nông cạn lắm khi nhìn nhận cuộc đời này. Một khuôn mặt buồn thì nét nào chả ẩn chứa những điều u uẩn?

Cuộc rượu ở nhà Hoài chưa tan thì Đạo bỗng phóng xe đến tìm Minh Việt. “Anh lên đây em đèo về, con Ly bị làm sao đó, cô giáo nó vừa phải đưa đi viện rồi”. Minh Việt hốt hoảng leo lên xe cho cu Đạo chở đến bệnh

viện. “Vẫn là những biểu hiện của di chứng chất độc chiến tranh thôi anh ạ”, bác sĩ trưởng khoa nói với Minh Việt bằng một thứ giọng buồn buồn.

- Liệu... liệu cháu có bị sao không ạ?

- Chúng tôi cũng không thể lường hết được diễn tiến của bệnh. Rất có thể ngày xưa anh đã nhiễm phải chất điôxin tổng hợp. Anh cứ bình tĩnh. Thường thì những ca như thế này phải chữa trị rất lâu dài. Dùng thuốc đẩy lùi bệnh là một chuyện, cái khó là hồi phục chức năng cho cơ hoạt động trở lại. Nếu phức tạp quá chúng tôi sẽ chuyển cháu lên tuyến trên.

Minh Việt nghe bác sĩ trưởng khoa nói đến đâu mồ hôi vã ra đến đấy. Như thế có nghĩa là mọi thứ đã trở nên tuyệt vọng đối với con bé rồi. Theo cô giáo của con bé kể lại thì đang ngồi học bỗng con bé đánh rơi bút rồi không sao cầm lên được nữa. Cả lớp hết hoảng khi con bé như một khúc gỗ cứ ngọ nguậy đôi vai liên tục, nước mắt thì ứa ra mà không sao nhặt được chiếc bút lên để viết. Cuối cùng cô giáo phải cho lớp nghỉ học, báo ban giám hiệu xin đưa con Ly đi bệnh viện.

- Ba ơi con muốn viết. Con muốn viết nốt câu chuyện Đầm Gâu!

Suốt mấy ngày sau đó con bé không ngừng đòi viết. Minh Việt dẫu thế nào nó cũng không chịu. Nó đòi đọc cho chú Đạo viết thay. Chú Đạo thương con bé, bảo: “Được rồi, cháu đọc đi chú chép!”. Minh Việt lặng lẽ ngồi nhìn con gái đọc tiếp câu chuyện dở dang, còn cu Đạo thì kê tập vở lên đầu gối hí hoáy viết. Câu chuyện được tiếp tục như sau:

Sáu.

Sau cái chết của Tô, hai tên Giôn và Mi Lô không rời nhau nửa bước. Chúng biết rằng nếu đi lẻ một mình sẽ rất dễ gặp nguy hiểm. Mi Lô là tên đáng gờm nhất, hăn cao to như một con bê. Một cú đớp của hăn có thể làm lòi ruột hoặc vỡ hầu bất cứ cư dân Đầm Gâu nào. Hăn chạy rất nhanh. Một bước nhảy của hăn bằng ba bước nhảy của chú Ki. Để trả thù cho tên Tô, Mi Lô cùng Giôn sục sạo khắp mọi nơi trong đầm, hễ thấy bóng dáng cư dân Đầm Gâu nào là chúng nhảy bổ đến tiêu diệt cho bằng được. Đã có một vài nạn nhân đáng thương không may sa vào mồm chúng. Không khí ngột ngạt bao phủ khắp khu đầm. Những đêm trăng trở nên vắng lặng, mấy bụi tầm xuân xơ xác, hoa dã thảo ủ rũ chẳng buồn đón gió nô đùa. Khu

đầm rộng mênh mông bây giờ chỉ còn hai kẻ ngoại bang nghe ngẹn thả bóng bên những thảm cỏ non. Không lẽ cư dân Đầm Gâu đã bỏ đi hết? Không phải vậy! Đêm đêm, khi vạn vật đã ngủ yên, trên trời chỉ còn vài vì sao lác đác, lúc ấy các cư dân Đầm Gâu mới âm thầm tập luyện và bày trận để chuẩn bị nghênh chiến với kẻ thù.

Buổi sáng hôm ấy, khi những giọt sương còn đang ngủ yên trên nhánh cỏ đã thấy hai tên Giôn và Mi Lô xuất hiện. Chúng bỗng nhìn thấy một vài cư dân Đầm Gâu đang lấp ló ở khu nhà hoang tít sâu trong góc bãi. Lập tức chúng lao vun vút tới hy vọng sẽ nhai xương những kẻ đã dám giết bạn chúng. Mấy cư dân tội nghiệp đang thong thả dạo chơi bỗng co rúm người lại khi thấy hai tên sừng sừng lao đến. Song với bản tính dũng cảm, họ liền lùi lại một bước, chống hai chân trước xuống thủ thế, nhe răng ra sẵn sàng chiến đấu. Mi Lô hung hãn lao tới nhưng chiếc mõm có đầy răng của hắn chưa chạm được vào đối phương thì bỗng hẫng một cái, xung quanh chao đảo, đất dưới chân nứt ra, tụt xuống, kéo theo cả tấm thân lực lưỡng của hắn. Một tiếng “ùm” vang lên, nước xộc vào mũi hắn, que gậy chọc vào người hắn, đau nhói. Hắn chìm ngìm xuống dưới nước một lúc rồi mới chồi lên được, mõm hắn há ra, hóp hóp không khí. Trên đầu hắn là một khoảng không con con, sáng mờ, xa hút, chẳng còn đâu bầu trời xanh trong và những đám mây lững lờ trôi. Hắn gầm lên thảm thiết vì biết mình đã trúng kế độc. Các cư dân Đầm Gâu đã tận dụng cái giếng bỏ không của một ngôi nhà hoang để lừa hắn. Hắn cố lao lên nhưng nước dưới chân hắn rất sâu, không có vật để tạo đà cho hắn nhảy. Chiếc giếng lại rất hẹp, thành giếng trơn tuột, miệng giếng cao, mọi cố gắng của hắn đều vô hiệu. Quầy đạp một lúc nước bắt đầu ngấm qua lông thấm vào da làm hắn thấy lạnh. Ở trên kia hắn nghe thấy văng vẳng tiếng kêu của Giôn và rất nhiều tiếng sủa nhỏ to khác. Hình như Giôn đang phải chiến đấu ở trên đó. Nếu Giôn quật chết hết lũ mọi rợ ở Đầm Gâu này, nhất định Giôn sẽ nghĩ cách cứu hắn. Đang nghĩ vậy bỗng vật gì đó bay vèo vào mặt hắn. Mi Lô hộc lên vì đau, một hòn gạch đã rơi trúng mõm làm xước một mảnh da của hắn. Xung quanh hắn lúc này gạch đá rơi “tôm”, “tôm”. Hắn kinh hoàng nhận ra kẻ thù của mình đang thả gạch, đá từ trên miệng giếng xuống. Hắn cố

đạp hai chân sau vào thành giếng lấy đà nhảy lên nhưng ngay sau đó lại rơi tõm xuống. Phía trên, cứ hai cư dân Đầm Gâu ngậm một tảng đá to thả xuống đầu hẫ. Có hòn rơi trúng trán ấn cả đầu hẫ xuống nước. Bong bóng sùi ra hai bên mép hẫ. Mi Lô sủa nhưng âm không thoát được ra ngoài cứ “ăng ặc” ở trong cổ họng hẫ. Rác rưởi và một số que, cọc liên tiếp đâm vào da thịt hẫ. Gạch, đá làm từng mảng da đầu hẫ tớp ra, có cú đập mạnh làm hẫ choáng, ngất đi, bốn chân thõng xuống không còn bơi được nữa. Bụng hẫ đã căng nước, toàn thân hẫ tím tái vì lạnh, đầu óc hẫ quay cuồng, choáng váng vì những cú đập mạnh. Đôi mắt hẫ xám xanh kinh khiếp. Đúng lúc ấy khoảng sáng cuối cùng trong đời hẫ bỗng tối sầm lại. Một tảng đá to đã rơi trúng đầu hẫ, phá vỡ thành sọ, đẩy hẫ ngập sâu xuống nước.

Thế là tên Mi Lô đã phải trả giá cho những tội lỗi của hẫ bằng cái chết thê thảm ở dưới đáy giếng. Hẫ không biết rằng, ở trên kia, ngay sát thành giếng, Giôn cũng đang phải chống chọi một cách vô cùng khó khăn trước những cư dân Đầm Gâu dửng dưng. Trận chiến cuối cùng đang diễn ra khốc liệt...

Đạo chép tới đây thì bỗng có một thiếu phụ đột ngột xuất hiện trong phòng bệnh. Chị ta ôm chầm lấy bé Ly, khóc lóc thảm thiết rồi tự dấm ngực trách móc, xỉ vả mình thậm tệ. Chị ta gọi bé Ly bằng “con” và xưng “má”. Lúc đầu Đạo nghĩ có thể đây là một bệnh nhân tâm thần bị “lạc” vào khu điều trị này. Nhưng sau nghe giọng nói của chị ta, Đạo ngờ ngợ ra một điều gì đó nhưng chưa dám khẳng định. Đến khi Minh Việt đi mua cháo cho bé Ly về thì danh tính của người đàn bà ấy mới được xác định.

- Ủa, anh!... - Thiếu phụ thốt lên khi nhìn thấy Minh Việt.

Minh Việt còn kinh ngạc hơn, anh sững người ra một lúc rồi mới buông một từ ngắn ngủi:

- Phượng!

Phải, người thiếu phụ đó là Phượng, người vợ không chính thức của Minh Việt, mẹ của bé Ly.

Minh Việt là người tình của chị, là chồng của chị hay là ân nhân của chị, gọi bằng cách nào cũng đều được cả. Sau những năm tháng khổn khó

nhất, khi điều kiện cho phép, chị đã rời khỏi bố con Minh Việt, rời khỏi Việt Nam để đoàn tụ với chồng con chính thức của chị ở bên kia bờ đại dương. Sự ra đi của chị có làm cho Minh Việt hẫng hụt nhưng có vẻ như cái sự ấy đã được dự báo trước, Minh Việt cũng tiên cảm thấy điều đó và anh chấp nhận như chấp nhận sự ra đời đầy trở trêu của anh trên cõi đời này. Và bây giờ thì chị đã trở về. Phượng đã trở về. Cô gái bán hoa của vỉa hè đô thành Sài Gòn đã trở về dưới một cái lốt quý phái và trưởng giả. Người đàn bà gá ghép với anh trong những tháng ngày buồn thảm sau giải phóng đã trở về không chỉ với mùi nước hoa đắt tiền mà còn là vô vàn những hứa hẹn giàu sang. Người mẹ của đứa trẻ đang mắc bệnh hiểm nghèo đã trở về giữa lúc tình mẫu tử lúc này là vô cùng cần thiết đối với người bệnh. Việc làm đầu tiên của sự trở về ẩn chứa nhiều danh tính ấy là quyết định chuyển bé Ly lên bệnh viện tuyến trên. Phượng đã bỏ ra rất nhiều tiền để mong mỏi có thể cứu được mạng sống của bé Ly. Nhưng ông trời dường như thích chơi trò éo le, tỉ lệ nghịch với công sức của Phượng, sức khỏe của con bé, lạ thay, ngày một yếu đi. Nó không gọi “má Phượng” mà chỉ gọi “ba Việt” thôi. Sau khi teo cơ tay trái, các cơ còn lại của con bé tiếp tục teo nhanh. Con bé bị liệt tứ chi, khi chuyển lên viện tuyến trên thì liệt nửa người, rồi liệt cả người. Chỉ còn cái cổ ngúc ngắc và cái đầu là còn khá minh mẫn. Tuy nhiên, cứ nhìn vào ánh mắt của các bác sĩ, thì Phượng có thể hiểu sự ngúc ngắc và minh mẫn ấy cũng sẽ không kéo dài được bao lâu. Con bé liên tục đòi viết nốt câu chuyện dở dang. Phượng mua máy ghi âm hỗ trợ thêm cho Đạo. Phượng mong con bé gọi một tiếng “má” nhưng dường như trong mắt nó không có Phượng, hay nói đúng hơn, má nó không phải là Phượng, má nó đang hiện hữu ở một cõi nào đó xa xăm, đẹp đẽ lắm và không bao giờ còn trở về được nữa. Phượng khóc bên những dòng chữ chép vội của chú Đạo. Nước mắt Phượng rơi thánh thót cùng với giọng kể đang dần méo tiếng của con bé. Chỉ có Minh Việt là ngồi im lặng. Anh đang lắng nghe những tiếng nói cuối cùng của đứa con gái đáng lẽ không nên xuất hiện trên đời này làm gì. Kia! Tiếng nói của nó mỗi lúc một khó nghe hơn rồi...

Bảy.

Chính vào lúc Mi Lô tụt xuống giếng, các cư dân Đầm Gâu đổ ra vây chặt lấy Giôn. Biết bạn mình trúng kế, Giôn vội lao đến để cứu nhưng hãn bị các cư dân Đầm Gâu lăn xả vào cản xé. Hãn phải chống đỡ vô cùng khó khăn và không sao tiến được tới gần mép giếng. Hãn nghe thấy những tiếng hộc đầu đốn của Mi Lô từ dưới đó vọng lên. Nhưng xung quanh hãn lúc này rất nhiều kẻ thù đang nhe răng lao vào hãn. Giôn đã cắn vỡ đầu, lòi ruột một số đối phương nhưng quả thật hãn đã gặp phải những đối thủ vô cùng dũng cảm. Bốn chân hãn bị cản xé rách từng mảng da. Mồm và cổ hãn cũng bị tấn công liên tiếp. Đúng lúc ấy tiếng kêu thét tuyệt vọng của Mi Lô văng lên làm hãn hoang mang run sợ. Giôn bỗng nghĩ đến bài chuồn. Hãn quấy mạnh người, hất tung những đối thủ đang bám xung quanh ra để bỏ chạy. Nhưng bác Vàng đã nghĩ đến điều ấy. Từ ngôi nhà hoang chạy về đến nhà Giôn phải qua một khu đầm rộng mênh mông. Toàn bộ cư dân Đầm Gâu được dàn ra, chặn hết đường rút của hãn. Giôn cứ chạy được vài bước đã lại bị họ lao tới cản đường và cản xé dữ dội. Máu trên người hãn chảy ròng ròng. Một bên mắt của hãn bị móc rách. Mỗi lúc hãn một cảm thấy yếu đi, đầu óc quay cuồng, choáng váng. Hãn không còn quấy mạnh được nữa, hai chân sau của hãn đã bị liệt vì đau. Hãn cố lết về phía khu nhà cao tầng nhưng đúng lúc hãn đuối sức nhất lại là lúc cư dân Đầm Gâu xuất hiện nhiều nhất, chiến đấu gan lì dũng cảm nhất. Anh Mích lao tới đớp mạnh vào ức hãn rồi gặm chặt không chịu nhả ra. Cậu Ngô, chú Cộc cũng lao bổ tới cản tới tấp vào yết hầu của hãn. Giôn lê lết trên mặt đất chống trả. Hãn lăn lộn để tránh những hàm răng sắc nhọn của đối phương. Song đúng lúc hãn đang nằm ngửa để tránh đòn thì chú Ki lao đến như tên bắn cản mạnh vào mồm hãn, đồng thời dùng chân trước cào rách bên mắt còn lại của hãn. Giôn gào lên đau đớn lăn lộn, hai chân trước cào bới lung tung. Hãn đã hoàn toàn mất phương hướng. Anh Mích chớp thời cơ chồm tới đớp mạnh vào cổ họng hãn. Máu từ đó tuôn ra xối xả làm hãn giãy lên đành đạch rồi gục xuống chết giữa hàng chục chiếc mồm vây xung quanh. Chú Ki, chú Cộc, anh Mích, cậu Ngô và những cư dân khác cũng bị thương tích đầy mình. Họ kéo xác tên Giôn thả xuống giếng rồi quay ra cứu thương cho đồng đội. Trận kịch chiến đã kết thúc. Niềm vui lấp lánh

trong mắt những cư dân Đầm Gâu khiến họ quên cả đau đớn dù trên thân thể vết thương vẫn còn đang rỉ máu...

Đến đây bỗng con Ly dừng lại và kêu “Má! Má!”. Phượng ôm chặt lấy con bé, luôn miệng: “Má đây, má đây, má lúc nào cũng ở bên con, con cần gì, con muốn gì?”. Con Ly bỗng bảo: “Má chép cho con đi, má đi đâu sao lâu về thế, còn đoạn cuối này nữa má chép cho con!”.

Phượng khóc nức lên rồi cắn chặt lấy môi, cầm bút chép những lời cuối cùng của con gái. Nước mắt Phượng nhỏ ướt trang bản thảo:

Đoạn kết.

Đó là đêm trăng đầu tiên kể từ ngày hòa bình trở về với Đầm Gâu. Bác Vàng phủ phục bên mép nước, ngoe nguẩy chiếc đuôi mập mạp. Chị Vện thong thả dắt đàn con dạo chơi dưới bóng trăng. Chú Ki, chú Cộc nô đùa với nhau bằng những thế võ hiểm. Cún “em” tung tăng chạy nhảy, mơ ước một ngày kia sẽ trở thành cư dân có tiếng sủa âm vang nhất Đầm Gâu. Gió lại về nô giỡn trên những thảm cỏ non và dù đêm rất khuya, hoa dã thảo vẫn thao thức đưa hương thơm ngát. Đầm Gâu thanh bình, Đầm Gâu với những cư dân hiền lành lương thiện lại hồi sinh như chưa hề có một trận kịch chiến đẫm máu nào.

Đám tang bé Ly diễn ra vô cùng cảm động. Ngoài người lớn đưa tiễn còn có cô giáo và các bạn học sinh cùng lớp của Ly. Kịp về dự cuộc đưa tiễn đau xót này còn có cả chú Đức. Sau mười tám tháng cai nghiện tập trung, Đức trở về béo tốt, hồng hào, tràn trề sinh lực. Đức là người mau nước mắt. Ngày xưa vợ vẫn bảo: “Nhà này, mau nước mắt nhất là thằng Đức”. Hay mũi lòng, đa sầu đa cảm là thế nên cái phần ý chí trong Đức có lẽ không được như Đình và Đạo. Phải thế chẳng mà Đức cai nghiện tam lần tứ lượt vẫn chưa dứt được? Vợ bảo: “Gớm, vào tuổi thanh niên nó đẹp lắm. Da cứ đỏ hây hây, con gái nhiều đứa mê đến mụ cả người. Thế mà vào học hàng hải được một năm, dính vào hút xách, trở nên thân tàn ma dại như thế đấy. Cai tại nhà mấy lần không được, vợ bực quá làm đơn xin các anh ở phường cho đi trại. Đành phải vậy thôi chứ biết sao bây giờ? Còn bố còn mẹ thì thế này, chứ sau này bố mẹ chết mà cứ mang cái thân nghiện như thế thì sống được bao lâu?”. Đấy là số phận của đứa em trai áp út. Đấy cũng là

lý do Đức vắng mặt trong những ngày Minh Việt mới ở Miền Nam ra. Sau này Minh Việt có cùng với Đạo lên Vĩnh Phúc thăm Đức vài lần. Lần nào Đức cũng khóc. Đức bảo: “Em sợ lắm rồi anh Việt ạ. Nhưng cái ấy nó như ma ám, không sao bỏ được, nhiều lúc em muốn chết cho bố mẹ đỡ khổ nhưng lại không đủ can đảm mà chết”. Lần này về đưa ma cháu Ly, Đức cũng khóc. Minh Việt bảo: “Thôi, phận cháu có thế, chú khóc làm gì, chỉ đau lòng thêm”. Đức cố ghìm lại không khóc nữa nhưng mắt vẫn đỏ hoe:

- Em chưa một lần gặp mặt nó, nghe bà và chú Đạo khen con bé thông minh, giỏi giang lắm, em lại càng thương. Mà sao đời anh khổ thế hả anh Việt?

Sao đời anh lại khổ thế? Ừ, điều này thì anh cũng đã tự hỏi và không thể trả lời được. Sau ngày con Ly mất được một tháng, Minh Việt bảo Phượng:

- Thôi, em về bên ấy đi. Cái chết của con nhỏ không do lỗi của ai cả. Em đừng giày vò mình làm gì. Em còn cuộc sống của em ở bên kia. Còn anh, anh tự lo được.

Phượng ra đi mang theo cuốn băng ghi âm ghi lại những lời cuối cùng của con Ly và đôi thứ đồ kỷ niệm con bé để lại. Phượng đi rồi, Minh Việt thực sự thấy cô đơn. Cậu Chột thỉnh thoảng đến thăm Minh Việt, gieo rắc vào đầu anh một thứ tin ngưỡng dân gian đã từng bị bóp chết nay đang dần hồi sinh. Đó là đạo Tứ Phủ. Ngôi đền Tứ Phủ bây giờ đã được chỉnh trang, tu sửa lại, cậu Chột trở thành cô đồng cả của đất An Lạc, đóng “đại bản doanh” tại ngôi đền đó. Minh Việt đã quay trở lại Xóm Đáy ngay sau khi về sống ở An Lạc. Anh không thể tưởng tượng nổi khu xóm tồi tàn năm xưa lại có thể đổi thay nhanh đến thế. Phố Tứ Phủ vẫn là khu phố chính của thị trấn An Lạc nhưng đám dân giàu có nhất thị trấn *Nét Mặt Buồn* bây giờ lại là Xóm Đáy. Chẳng phải dân Xóm Đáy giỏi giang hay có nghề chính, nghề phụ gì, sự giàu có ấy là do chín mươi phần trăm số hộ ở đây có người nhà định cư ở nước ngoài gửi tiền về. Những năm đầu của thập kỷ *tám mươi* (1980), chính quyền An Lạc đau đầu vì số người “vượt biên” hàng năm luôn đứng hàng nhất nhì trong tỉnh. Mà thời ấy vượt biên có nghĩa là phản bội tổ quốc, là bỏ đất mẹ ra đi làm tay sai cho địch, là tiếp tay cho các thế

lực thù địch chống phá cách mạng trong nước. Dân Xóm Đáy chủ yếu sống bằng nghề sông nước. Sông Sầu Diện lại đổ ra biển Đông. Ra tới biển Đông, nếu thuận buồm xuôi gió thì chỉ hai ba ngày sau là cập cảng Hồng Kông. Tới Hồng Kông là được thừa nhận “tị nạn chính trị”, chỉ việc chờ đợi một nước thứ ba nào đó tiếp nhận. Đang là dân Xóm Đáy nghèo nàn, đói khát, lạc hậu bỗng chốc trở thành kiều dân của Úc, Pháp, Canada, Mỹ, Anh thì ai chả thích, chả muốn. Một vài người đi được thì dần dần rủ nhau cả trăm người đi, cả ngàn người đi, cả vạn người đi. Dòng người ra đi này không sao ngăn chặn được, một thời trở thành “cơn sốt di dân”. Chính cô em gái của Minh Việt, nhân vật chính trong truyện ngắn *Chi tôi* của Đạo cũng bị cuốn vào dòng người ra đi bất hợp pháp này. Chỉ có điều, Vân ra đi vào thời điểm các nước thứ ba không còn khả năng tiếp nhận những thuyền nhân luôn nhận mình là tị nạn chính trị nhưng thực chất lại chẳng có chút hiểu biết gì về chính trị. Thế nên những người ra đi sau này đều phải trở về hết, thiên đường không dành cho những kẻ lười nhác, sau gần chục năm sống trong hàng rào thép gai của trại tị nạn, hàng vạn người đã bị trả về, trong đó có Vân. Nhưng dân Xóm Đáy thì hầu hết lại ra đi trước *Mốc* (Thời điểm Liên Hiệp Quốc không nhận người tị nạn). Vì thế họ sang được nước thứ ba khá nhiều và những đồng ngoại tệ họ gửi về đã nhanh chóng thay đổi bộ mặt xóm dân nghèo thừa nào. Minh Việt đã ngỡ ngàng hàng tiếng đồng hồ mà không sao nhận ra được đâu là nhà của bà Quán. Tất cả đã đổi thay, từ con đường dẫn vào xóm cho đến mỗi mái nhà đang chìa ra màu mè, kiểu cách, từ hàng lan can xanh đỏ cho đến những khối kiến trúc trường giả, sao chép, học đòi. Minh Việt hỏi thăm một thanh niên đang đi ngược lại phía anh nhà cậu Chột ở đâu? Cậu ta trả lời:

- Chột *đồng bóng* chứ gì? Cái nhà hai tầng ở cuối xóm ấy. Mà sao các ông lăm tiền quá không biết tiêu gì hay sao cứ đưa cho cái thằng Chột ấy nó tiêu hộ thế? Đúng là cái bọn *đồng cô bóng cậu!* Thừa hơi rước thánh về nhà mà thờ!

Minh Việt cảm ơn cậu ta mà không hiểu là cậu ấy vừa xổ ra một tràng những đồng cô bóng cậu gì gì thế không biết? Mãi đến khi vào nhà cậu Chột rồi Minh Việt mới hiểu rằng thì ra cậu Chột bây giờ hành nghề đồng

bóng. Điện lớn điện bé, bát hương to bát hương nhỏ, tượng ngang tượng dọc, kệ trên kệ dưới, voi giầy ngựa mã, lọng vàng tán đỏ... cứ là hoa cả mắt. Đã thế cậu Chột lại cho ngay bài “Tứ Phủ nhập môn” làm Minh Việt ù đặc cả hai tai:

- Đạo này là đạo Mẫu, thờ chúa Liễu Hạnh. Ba bức tượng trên cùng kia là đệ nhất thượng thiên, đệ nhị thượng ngàn, đệ tam thoải phủ. Đạo này thờ trời, đất, nước và núi. Chúa Liễu Hạnh là một trong bốn *tứ bất tử* của Việt Nam. Thờ đạo Mẫu là có tinh thần dân tộc đấy Việt nhá. Đạo Phật ra đời ở Nê Pan, Ấn Độ, đạo Ki-tô ra đời ở I-ran, I-rắc, đạo Hồi ra đời ở Ả Rập, có đạo nào là của người mình đâu, chỉ có đạo Mẫu là của ông bà ta sáng tạo ra thôi, tại sao ta không thờ lại cứ đi thờ các ông thần bà thánh ở mãi đâu? Còn lên đồng chẳng qua chỉ là nghi lễ tôn giáo thôi. Tôn giáo nào chẳng có những nghi lễ mang tính dị đoan. Lên đồng của ta lại có hát văn phụ họa, hay ơ là hay, hát thánh ca ở nhà thờ hay lầm rầm đọc kinh lần tràng hạt làm sao hay bằng hát văn? Lên đồng có ba mươi sáu giá, mỗi giá là một vũ điệu thể hiện mọi hỉ nộ ái ố của cuộc đời, lại linh ứng, lại thiêng liêng, lại...

- Thôi, thôi, cậu để cháu nghe từ từ, cậu nói thế thì cháu hiểu làm sao được? - Minh Việt chọn đúng lúc cậu Chột đang suy nghĩ chọn từ để diễn đạt liền tìm cách ngắt bài “nhập môn” dài lê thê - Cậu cho cháu biết cuộc sống của cậu đạo này thế nào? Vợ con cậu ra sao? Kinh tế cậu có ổn không?

- Thì đấy! - Cậu Chột chỉ vào đứa nhỏ khoảng mười ba tuổi đang làm vàng mã ngoài sân - Đấy là đứa thứ hai. Còn thằng lớn đang ở bên Canada.

- Nó đi lâu chưa?

- Trước *Mốc* vài tháng. Có vợ rồi. Nhà này là nó gửi tiền về xây đấy. À này, mười chín tháng này Việt đến đây với mình nhá. Hôm ấy mình làm lễ vào hạ. Vui lắm! Con nhang đệ tử kéo về cứ là ngập cái nhà này, cả Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương cũng về, cả trí thức, văn nghệ sĩ, Tây, ta có hết. Hôm ấy Việt đến mà nghe hát văn. Mình mời ban văn ở mãi tận Phủ Giầy đấy. Và hôm ấy mình cũng hầu. Việt có xin Thánh điều gì không? Này, thiêng lắm đấy! Việt cứ thành tâm thì...

“Cháu sẽ thu xếp để đến xem cậu hầu đồng”. Minh Việt nói vậy rồi xin phép rút lui. Nếu ngòi thêm nữa chắc anh “tẩu hỏa nhập ma” mất. Thế nhưng mấy lần cậu Chột tổ chức hầu Mẫu, Minh Việt đều đến cả. Một phần vì tò mò, một phần vì muốn tìm hiểu chân xác con người cậu Chột là thế nào, và phần nữa, Minh Việt cũng muốn tin vào một điều gì đó, thần bí, để lý giải những nỗi buồn mà số phận anh phải đeo mang.

Đám tang con Ly, cậu Chột là người nhiệt tình lo phần tang chế, chọn ngày, giờ hạ huyệt, chọn hướng đất, thế nằm, rồi cúng bái rất cẩn thận. Mọi thứ có vẻ yên tâm và tin tưởng lắm. Minh Việt cũng thấy nhẹ mình, thanh thản. Nhưng anh ngày một trở nên trầm lặng. Và không hiểu sao, những giấc mơ của anh gần đây, hay xuất hiện hình ảnh Cói. Tịnh bảo: “Mày hãy đến với Hoài đi, cô ấy sẽ giúp mày thăng bằng trở lại. Hoài là một người đàn bà đích thực đấy. Cô ấy rất thích rắn và yêu tất cả những người đàn ông trên thế gian này”.

Minh Việt cười buồn bã. Những số phận quanh anh cũng nào có hơn gì anh đâu? Họ đều là những tiểu vũ trụ tả tơi, rách nát sau những sóng gió của cuộc đời đầy thôi!

Vĩ Thanh

Bỗng nhiên dạo này Tịnh lại đi vẽ nhiều hơn. Lần nào đi Tịnh cũng lôi Minh Việt đi theo. Địa điểm Tịnh thường chọn ngồi vẽ là một vạt cỏ bên lưng núi Cô Hồn. Trong lúc Tịnh ngồi vẽ thì Minh Việt pha trà, ngồi hút thuốc và đôi mắt nhìn vào xa xăm. Từ chỗ ngồi của họ, toàn cảnh thị trấn hiện lên trong tầm nhìn. Toàn bộ khu Trại pháo thủ cũ đã biến thành trường Đại học cộng đồng dành cho học sinh của các tỉnh miền duyên hải. Từ Xóm Đáy các nóc nhà chọc lên trời cao, lô nhô, đủ mọi kiểu dáng. Phố Tứ Phủ vẫn kéo một vệt dài sẫm uất, chạy dọc thị trấn với ngôi đền Tứ Phủ quanh năm khói hương tỏa lan, lãnh đãng. Từ ngôi đền đó đi vài bước chân là tới nhà Minh Việt. Bố đã già lắm rồi, tóc bạc phơ, lưng hơi gù, chiều chiều vẫn dạo bước trên mấy con phố, tiện thì ghé qua nhà bác Mộc chuyện trò đôi câu rồi lại về nhà bật đài lên nghe. Mợ vẫn trẻ và đẹp, duy có đôi mắt thì đã kém đi rất nhiều.

Vuông góc với phố Tứ Phủ là con đường dẫn lên Nhà thờ. Thánh đường uy nghi một thửa nay đang lấy lại cho mình dáng vẻ của nửa thế kỷ trước. Sau mấy chục năm bỏ không, mấy năm trở lại đây đã lại có cha đạo về quản lý giáo xứ. Chiều chiều tiếng chuông lại rung lên, ngân vang kêu gọi sự hồi sinh của những xóm đạo cũ. Nô-en vừa rồi Nhà thờ đông nghẹt, dòng người tắc nghẽn từ phố Tứ Phủ, Minh Việt được Tịnh kéo xênh xệch, cuối cùng cũng vào được đến khuôn viên nhà thờ, và tại đây, Minh Việt đã tận mắt nhìn thấy Đức giám mục Phơrăngxoa đơ Bêhiêng nói chuyện với giáo dân nhân chuyến ông cùng đoàn giáo giới quốc tế qua thăm Việt Nam. Ông nói rất ngắn và sau đó thì lên xe về Nhà thờ lớn bên Phòng ngay. Khi ông đi qua chỗ Minh Việt, anh ngửi thấy mùi nước hoa. Thứ hương này bỗng làm anh bủn rủn, cơ thể tan nhão ra như vô vàn những hạt nguyên tử đang nổ trong ký ức khiến từng tế bào anh biến dạng. Nhưng rồi lại như có một nguồn sinh lực mới chảy trong huyết quản anh, ào ạt, tràn trề, bùng lên mạnh mẽ và đầy khí thế. Lạ thật, mùi nước hoa luôn là một thứ chất kích

thích đối với Minh Việt. Khi cha Bêhiêng đi rồi, Minh Việt cũng rời nhà thờ, tìm đến *Cô Hồn quán*. Đã lâu lắm rồi anh mới thấy thèm khát một bộ ngực đàn bà. Đêm ấy, Chúa giáng sinh ở khắp mọi nơi, còn trong phòng ngủ của Hoài, Minh Việt chới với, khao khát, chung chiêng, nghiêng ngả với cái đẹp khiếm khuyết nhưng không hề mất đi phần gợi cảm sắc dục. Hôm sau, Minh Việt xin Tịnh giấy và chì. Anh cũng bắt đầu vẽ những nét đầu tiên bằng một cảm thức tự nhiên, đắm say, bay bổng thuần túy bản năng.

Còn Xí nghiệp *Hai Bảy tháng Bảy* kia giờ đã thành công ty giày của Hàn Quốc, chứa tới cả ngàn công nhân. Vừa mới hôm rồi ở đó có vụ ngược đãi người lao động. Chú Đạo xông xáo viết bài phản ánh, cũng có ích ít nhiều, hình như tên chủ người nước ngoài đã bị xử lý hành chính. Không biết như thế là nhẹ hay nặng?

Xóm Kơ-me vẫn ngang dọc những dãy nhà cấp bốn, chỉ có điều bây giờ ở đó không còn người *Kơ-me* nào cả. Chị Vi Lay đã rời khỏi đó từ lâu lắm rồi. Sau ngày giải phóng, khi Minh Việt trở về An Lạc lần thứ nhất đã nghe mợ nói chị đi rồi, đi rất lặng lẽ, có người bảo chị về nước, có người bảo chị lên làm việc ở đại sứ quán, lại có người bảo chị đã lấy chồng và sống ở đâu đó bên Phòng.

Núi Cô Hồn mấy năm trở lại đây do được chính quyền tăng cường quản lý nên cây cối mọc xanh tốt, không còn nạn chặt phá cây và khai thác đá tràn lan, dải núi trở thành lá phổi của cả tỉnh, là một trong những cảnh quan quý giá của người dân thị trấn. Theo quy hoạch thì núi Cô Hồn sẽ là một trong những điểm dừng chân du lịch của khách tham quan. Cách chỗ Tịnh và Minh Việt ngồi không xa mới mọc lên một ngôi chùa rất đẹp. Ngôi chùa này được dựng lên từ nền móng cũ, nghe bảo có từ cách đây mấy trăm năm. Trụ trì ở đây là một vị sư rất khó đoán tuổi. Một lần Tịnh dẫn Minh Việt vào đó nghỉ. Tịnh nắm vào tay Minh Việt, chỉ cho anh nhìn xuống bàn chân của sư trụ trì. Vị sư nọ đi dép da, có quai hậu, và Minh Việt nhận thấy bàn chân bên phải của ông ta chỉ còn bốn ngón. Ngay lúc ấy Minh Việt không hiểu gì cả. Sau Tịnh dẫn Minh Việt ra khuôn viên sau chùa. Ở đó có một ngôi mộ được xây bằng đá, trong vòm mộ có bia khắc ảnh một thiếu

niên với những nét rất khôi ngô. Nhìn kỹ Minh Việt chợt nhận ra đó là Sinh *hạt mít*. Bức ảnh này Minh Việt không thể nào quên được vì nó từng là nổi ám ảnh anh trong suốt nhiều năm. Minh Việt bỗng thốt lên:

- Thức *cụt*! Vị sư vừa rồi...?

- Phải, chính là Thức *cụt* đấy - Tịnh tiếp lời - Nhưng người ấy không muốn nhận chúng ta đâu. Thôi, người ta đã muốn quên thì cũng đừng bắt họ phải nhớ lại làm gì. Hãy cứ là khách bộ hành ghé thăm cửa chùa thôi. Đất An Lạc này là thế đấy. Đã là khuôn mặt buồn thì nét nào chả u uẩn?

Đã là khuôn mặt buồn thì nét nào chả u uẩn? Đứng từ núi Cô Hồn nhìn qua những con phố, những khu dân cư, thấy dòng Sầu Diện vẫn lững lờ buông mình vắt qua thị trấn đổ ra biển, lại nghe tiếng chuông nhà thờ đổ hồi mỗi chiều, liếc sang bức toan nhem nhuộm sắc màu của Tịnh, Minh Việt bỗng thấy lòng mình lao xao tiếng vọng về của ký ức xa xăm.

Trên khuôn mặt buồn của anh, bỗng ánh lên một nét cười phơ phất.

Bắt đầu viết ngày 01 tháng 6 năm 2002.

Viết xong lần 1 ngày 10 tháng 01 năm 2003.

Viết xong lần 2 ngày 10 tháng 3 năm 2006.

Nguyễn Đình Tú

Table of Contents

Vào Chuyện

PHẦN 1 Những tháng ngày xa

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

PHẦN 2 Những tháng ngày chưa xa

Chương 5

Chương 6

Chương 7

Chương 8

PHẦN 3 Hiện hữu

Chương 9

Chương 10

Chương 11

Vĩ Thanh